

TỪ TRÍ TUỆ ĐẾN TRỰC GIÁC

SÁCH CỦA TÁC GIẢ ALICE A. BAILEY

(* là bản dịch tiếng Việt; các quyển khác còn bản tiếng Anh)

Điểm Đạo trong Nhân loại và Thái Dương Hệ

Thư về Tham Thiền Huyền Môn

Tâm Thức của Hạt Nguyên Tử

Luận về Lửa Vũ Trụ

Ánh Sáng của Linh Hồn

Linh Hồn và Các Thể

*Từ Trí Tuệ đến Trực Giác **

Luận về Chánh Thuật

Từ Bethlehem đến Calvary

Đường Đạo trong Kỷ Nguyên Mới – Tập I

Đường Đạo trong Kỷ Nguyên Mới – Tập II

Những Vấn Đề Khó Khăn của Nhân Loại

Sự Tái Lâm của Đức Chương Giáo

Vận Mệnh của Các Quốc Gia

Ảo Cảm: Một Vấn Đề Khó Khăn của Thế Giới

Thần Giao Cách Cảm và Thể Di Thái

*Tự Truyện Chưa Hoàn Tất **

Nền Giáo Dục trong Kỷ Nguyên Mới

Sự Hiện Lộ của Đại Đoàn Chương Giáo

Luận về Bảy Cung:

Tập I – Tâm Lý Học Nội Môn

Tập II – Tâm Lý Học Nội Môn

Tập III – Chiêm Tinh Học Nội Môn

Tập IV – Khoa Trị Liệu Nội Môn

Tập V – Các Cung và Các Cuộc Điểm Đạo

TỪ TRÍ TUỆ ĐẾN TRỰC GIÁC

ALICE A. BAILEY

Biên dịch: TRẦN CHÂU



NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

Bản dịch Tiếng Việt 2009
BẢN QUYỀN NĂM 1988 © CỦA LUCIS TRUST

In lần thứ nhất, 2009

Bản tiếng Anh của sách này được xuất bản với sự tài trợ từ Quỹ Xuất bản Sách của Chân sư Tây Tạng, là ngân quỹ được lập ra để tiếp tục các giáo huấn của Chân sư Tây Tạng và Bà Alice A. Bailey.

Ngân quỹ này được điều hành bởi Lucis Trust, một công ty thuộc về giáo dục, tôn giáo, được miễn thuế.

Công ty Xuất bản Lucis là một tổ chức phi lợi nhuận do Lucis Trust sở hữu. Bản tiếng Việt do người dịch đài thọ và cũng được xuất bản trong tinh thần phi lợi nhuận. Không phải trả tác quyền cho sách này.

Sách này cũng có ấn bản bìa vải, tiếng Anh.

Sách đã được dịch sang tiếng Hà Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Ý, Bồ Đào Nha, và tiếng Việt. Đang tiến hành dịch sang các ngôn ngữ khác.

MỤC LỤC

Chương I. DẪN NHẬP	9
Tình trạng khủng hoảng trong thời gian hiện nay. Việc rèn luyện trí tuệ ở Đông và Tây phương. Hai nhóm nhà tư tưởng, khoa học và thần bí. Sự tổng hợp hai nhóm này.	
Chương II. MỤC ĐÍCH CỦA GIÁO DỤC	27
Sự bế tắc trong giáo dục. Giáo dục đào tạo cho đại chúng và phát triển cá nhân. Công tác giáo dục. Sự hiển lộ con người thật. Mỗi người đều có nguyên khí trực giác.	
Chương III. BẢN TÍNH CỦA LINH HỒN	55
Thế nào là Linh hồn? Tính chất của cơ cấu con người. Sự liên hệ của cơ cấu này với “Nguồn Sống thâm sâu hơn.”	
Chương IV. MỤC TIÊU TRONG THAM THIÊN	71
Đối chiếu tham thiên và cầu nguyện. Trí tuệ của con người là một khả năng. Công dụng của khả năng này trong quan hệ với trực giác. Bản năng, trí tuệ, trực giác, và khai ngộ.	
Chương V. CÁC GIAI ĐOẠN TRONG THAM THIÊN	97
Điều chỉnh trí tuệ và tình cảm. Năm giai đoạn từ trí tuệ đến trực giác: Tập trung, Tham thiên, Nhập định, Khai ngộ và Linh cảm. Công dụng của các biểu tượng và hình tượng.	

Chương VI. CÁC GIAI ĐOẠN TRONG THAM THIÊN (t.t.)	123
Khai mở nhận thức tĩnh thức. Ý thức thụ động và chủ động. Hai hoạt động của trí tuệ. Các giác quan và thực tại.	
Chương VII. TRỰC GIÁC VÀ KHAI NGỘ	151
Trí tuệ khai ngộ, nhận thức trực giác, và cuộc sống có nguồn cảm hứng tinh thần. Ý thức trí tuệ về “Nguồn Sống thâm sâu.” Định nghĩa trực giác. Phối hợp Linh hồn, trí tuệ và não bộ. Nhận thức về giới thứ năm trong thiên nhiên.	
Chương VIII. TÍNH PHỔ BIẾN CỦA THAM THIÊN	179
Bằng chứng qua các thời đại. Các nhà Thần bí và các Thức giả. Thống nhất hay “Hợp nhất” với “Nguồn Sống thâm sâu.” Kỹ thuật đồng nhất. Các phương pháp của Tây Tạng, Trung Hoa, Ấn giáo, giáo phái Sufi và Thiên Chúa giáo.	
Chương IX. THỰC HÀNH THAM THIÊN	201
Văn minh Tây phương và tham thiên. Các giác quan, các tuyến nội tiết, não bộ và trí tuệ. Một số qui luật khi hành thiên. Vài hình thức tham thiên.	
Chương X. CÂN THẬN TRỌNG KHI HÀNH THIÊN	237
Thế giới ý tưởng. Mối nguy do ảo cảm trong tham thiên, sự kích thích quá độ, việc ghi nhận hiện tượng một cách sai lầm. Thế giới ảo tưởng. Sự chế ngự đúng của “Nguồn Sống thâm sâu,” giao tiếp được qua trực giác.	
KẾT LUẬN	261

ĐẠI THỈNH NGUYỆN

**Từ nguồn Ánh sáng trong Trí Thượng Đế
Cầu xin Ánh sáng tuôn rải vào trí con người.
Cầu xin Ánh sáng giáng xuống Trần gian.**

**Từ nguồn Tình thương trong Tâm Thượng Đế
Cầu xin Tình thương tuôn rải vào tâm con người.
Cầu mong Đức Chưởng Giáo trở lại Trần gian.**

**Từ trung tâm biết được Ý chí Thượng Đế
Cầu xin Thiên ý hướng dẫn ý chí nhỏ bé của con người —
Thiên ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự.**

**Từ trung tâm chúng ta gọi là nhân loại
Cầu xin Thiên cơ Tình thương và Ánh sáng thực thi
Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác.**

**Cầu xin Ánh sáng và Tình thương và Quyền năng
phục hồi Thiên cơ trên Trần gian.**

“Lời Thỉnh nguyện hay Cầu nguyện trên đây không thuộc về bất cứ người nào hay đoàn nhóm nào, mà thuộc về toàn nhân loại. Về đẹp và sức mạnh của Đại Thỉnh nguyện nằm trong tính đơn giản, và do nó phát biểu một số chân lý trọng tâm mà tất cả mọi người bình thường đều chấp nhận một cách hồn nhiên:

- Chân lý nói rằng vốn có một Đức Thông tuệ nền tảng mà chúng ta gọi với danh xưng mơ hồ là Thượng Đế;

- Chân lý nói rằng ẩn trong toàn cuộc biểu hiện có quyền năng phát động vũ trụ, là Tình thương;

- Chân lý nói rằng có một Đấng Cao cả đã đến thế gian, mà người Thiên Chúa giáo gọi là Đức Christ, Ngài đã thể hiện tình thương đó để chúng ta có thể hiểu được;

- Chân lý nói rằng cả Tình thương và Thông tuệ đều là những hiệu quả của Ý chí Thượng Đế; và cuối cùng là

- Chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua chính *nhân loại* Thiên cơ mới có thể thực thi.”

ALICE A. BAILEY

THE GREAT INVOCATION

From the point of Light within the Mind of God
Let light stream forth into the minds of men.
Let Light descend on Earth.

From the point of Love within the Heart of God
Let love stream forth into the hearts of men.
May Christ return to Earth.

From the centre where the Will of God is known
Let purpose guide the little wills of men —
The purpose which the Masters know and serve.

From the centre which we call the race of men
Let the Plan of Love and Light work out
And may it seal the door where evil dwells.

Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.

CHƯƠNG MỘT DẪN NHẬP

“Vì thế, ngoài quan điểm hẹp hòi bất khả tri và thực dụng, chính phương pháp của khoa học cũng chưa hoàn chỉnh và không đầy đủ: để giao tiếp với thực tại, cần bổ sung thêm một số yếu tố siêu hình hoặc những yếu tố khác.”

JOSEPH MARÉCHAL, S.J.

CHƯƠNG MỘT

DẪN NHẬP

3 HIỆN nay, sự quan tâm sâu rộng về chủ đề Tham thiền là bằng chứng của một nhu cầu thế giới cần được mọi người hiểu rõ. Khi nhận thấy có xu thế phổ biến theo một chiều hướng nào đó, với tính cách liên tục nhắm đến mục đích rõ rệt, thì chúng ta có thể đúng khi suy định rằng từ trong xu thế đó sẽ phát sinh những gì mà nhân loại đang cần trên con đường tiến hóa. Quả thực có những người hiểu đại khái và cho rằng tham thiền chỉ là một “phương thức cầu nguyện.” Thế nhưng, có thể chúng ta thấy rằng khi hiểu đúng tiến trình tham thiền và làm cho tham thiền thích ứng với nhu cầu của nền văn minh hiện đại, chúng ta có thể tìm thấy giải pháp cho những bế tắc trong công tác giáo dục hiện nay, và có được phương pháp để xác định sự kiện thực tế về linh hồn – là thực thể hằng sống mà chúng ta gọi là “Linh hồn” vì chưa tìm được thuật ngữ nào thích hợp hơn.

Mục đích của sách này là bàn về tính chất và thực nghĩa của tham thiền, cũng như công dụng của tham thiền trên qui mô rộng lớn ở phương Tây. Sách cũng gợi ý rằng rốt cuộc tham thiền có thể thay thế cho những phương pháp rèn trí nhớ hiện nay, và có thể tỏ ra là một nhân tố hiệu quả trong qui trình giáo dục hiện đại. Từ bao nhiêu ngàn năm qua, tham thiền đã và đang là chủ đề cuốn hút sự quan tâm của các nhà

4 tư tưởng ở cả Đông và Tây, và điều quan trọng chính là sự đồng nhất trong mỗi quan tâm này. Chắc hẳn rằng những bước phát triển kế tiếp đưa nhân loại tiến lên trên đường khai mở tâm thức, phải đi theo chiều hướng tổng hợp này. Việc phát triển kiến thức của nhân loại phải được thực hiện bằng cách phối hợp các kỹ thuật rèn luyện trí tuệ của Đông phương và Tây phương. Điều này đã được tiến hành nhanh chóng và các nhà tư tưởng ở cả hai bán cầu đều nhận thấy rằng sự phối hợp vừa kể đang dẫn đến một sự nhận thức rất có ý nghĩa. Edward Carpenter nói :

“Đường như chúng ta đang đi đến một thời điểm mà, chung quanh những hiểu biết của mình về địa cầu, một sự tổng hợp rộng lớn toàn bộ tư tưởng của nhân loại . . . đang xảy ra một cách hoàn toàn tự nhiên và tất yếu . . . Từ điểm gặp gỡ của các yếu tố tư tưởng này, người ta đã và đang thấy những nét khái quát của một triết lý chắc chắn sẽ chi phối tư tưởng nhân loại trong thời gian dài.”¹

Đây là nguồn vinh quang và hy vọng của nhân loại và là thành tựu xuất sắc của khoa học. Nay chúng ta là nhân loại duy nhất. Di sản của bất cứ giống dân nào cũng đều mở ra cho giống dân khác thừa hưởng ; những tư tưởng tốt đẹp nhất qua nhiều thế kỷ nay được dành sẵn cho mọi người sử dụng ; và những kỹ thuật cổ xưa cùng các phương pháp hiện đại phải đạt đến những điểm chung và trao đổi, bổ túc cho nhau. Mỗi kỹ thuật sẽ phải được sửa đổi cách trình bày, và mỗi phương pháp sẽ phải cố gắng hiểu được cái tinh thần tiềm ẩn đã tạo nên các kết cấu ngôn từ và những hình tượng đặc thù của phương pháp khác. Tuy nhiên, khi có được những sự nhân nhượng này, chúng ta sẽ thấy một cấu trúc chân lý thể hiện

¹ Carpenter, Edward, *Nghệ thuật Sáng tạo*, tr. 7.

ting thần của Thời đại Mới. Các nhà tư tưởng thời nay đều nhận thức được điều này, và Ts. Overstreet đã nêu :

- 5 “Người ta cho rằng triết học Đông phương ít có ảnh hưởng đến tư tưởng phương Tây, chính yếu là do cách trình bày của nó. Thế nhưng, có đủ lý do để tin rằng khi ảnh hưởng của tư duy Tây phương – đặc biệt là tính thực tế, thực nghiệm của lối tư duy này – được cảm nhận ở Đông phương, thì một phong cách triết lý mới sẽ được đón nhận, và tính tinh thần sâu sắc của tư tưởng Đông phương sẽ được phát biểu theo những phương cách dễ chấp nhận hơn đối với trí tuệ Tây phương.”²

Từ trước đến nay, cả hai trường phái đều có khuynh hướng chống đối lẫn nhau, tuy nhiên, cuộc tìm kiếm chân lý đã vẫn là một. Mối quan tâm đến những gì đang hiện hữu, và những gì có thể xảy ra, vốn không phải là của riêng nhóm nào, và mỗi nhóm đều đã phải dùng cùng những yếu tố như nhau để làm việc. Dù trí tuệ của nhà tư tưởng Đông phương có thể hướng đến những hình tượng sáng tạo trong khi các trí giả ở Tây phương lại hướng về thành tựu khoa học sáng tạo, điều kỳ lạ là họ vẫn đi vào cùng một thế giới. Khí cụ tư tưởng họ cùng sử dụng được gọi là “trí tuệ” ở phương Tây, và gọi là “trí tuệ chất” (chitta) ở phương Đông. Cả hai đều sử dụng ngôn ngữ của khoa biểu tượng để phát biểu các kết luận của mình, và cả hai đều đạt đến mức mà bấy giờ không còn có thể dùng ngôn từ để thể hiện những khả năng họ cảm nhận được qua trực giác.

Ts. Jung, một trong những người tìm cách đưa các yếu tố vốn bất hòa nói trên đến chỗ gặp gỡ nhau, đã đề cập đến điều này trong đoạn sau đây trích từ thiên Luận giải của ông về một tác phẩm Trung Hoa cổ đại. Ông nói :

² Overstreet, H. A., *Cuộc Tìm kiếm Lâu dài*, tr. 271.

“Ý thức của Tây phương không phải là ý thức chung của mọi người, mà đúng ra là một nhân tố bị lịch sử qui định và chịu sự giới hạn của các điều kiện địa lý, tiêu biểu cho chỉ một phần của nhân loại. Không nên mở mang ý thức của chính mình mà lại gây phương hại cho những loại ý thức khác. Cần thực hiện sự mở mang này qua việc phát triển những yếu tố trong tâm hồn chúng ta tương đồng với những yếu tố có trong tâm hồn người khác, cũng như người Đông phương không thể thiếu kỹ thuật, khoa học và nền công nghiệp của chúng ta. Việc người Châu Âu xâm lăng các nước Á Đông đã là một hành động tàn bạo trên qui mô lớn, và do vậy mà lương tâm bắt buộc chúng ta phải thấu hiểu cách suy nghĩ của người Đông phương. Có lẽ đây là điều còn cần thiết hơn mức hiện nay chúng ta nhận thức được.”³

Ts. Hocking ở Đại học Harvard cũng nêu lên cùng ý tưởng này khi ông nói :

“Đường như chúng ta có đủ lý do để hy vọng có được tương lai tốt đẹp hơn về mặt thể chất cho nhân loại bằng cách thực hiện việc thanh lọc đúng đắn về phương diện trí tuệ. Đã qua rồi thời kỳ của những kẻ bất tài, lừa bịp ; tuy nhiên đến mức nào đó họ cũng cho thấy cái khả năng mỗi người có thể ngày càng tự chủ nhiều hơn, khi ý nghĩa tinh thần của giới luật như khoa Yoga được kết hợp với những yếu tố chuẩn mực của khoa tâm lý Tây phương và một hệ thống đạo đức tốt đẹp. Không cái nào trong số này có đầy đủ giá trị nếu không có những cái kia.”⁴

Những ai đã nghiên cứu trong cả hai trường phái này đều cho chúng ta biết rằng các hình tượng thần bí của Đông

³ Wilhelm, Richard, & Jung Dr. C. G., *Bí mật của Đóa hoa Vàng*, tr. 136.

⁴ Hocking, Wm. E., *Cái Tôi, Cơ thể và sự Tự do của Tôi*, tr. 75.

phương (cũng như của những nhà huyền học tiêu biểu ở Tây phương) vốn chỉ là bức màn che mà những người có nhận thức trực giác đều luôn luôn có thể thấu hiểu. Khoa học của phương Tây, dù chú trọng về bản chất của hình thể, cũng đã đưa chúng ta vào lĩnh vực trực giác, và chừng như hai phương cách này có thể phối hợp và – sau khi loại bỏ những điều không chính yếu – mỗi phương cách có thể đạt đến một cơ sở để hiểu biết lẫn nhau. Bằng cách này cả hai cùng đưa ra một

7 khảo hướng mới về sự bí nhiệm trong tâm hồn con người dựa trên những chân lý cổ xưa đã được chứng minh. Ts. Jung bàn thêm về vấn đề này như sau :

“Khoa học là công cụ tốt nhất của các trí giả phương Tây, và dùng công cụ này chúng ta có thể mở được nhiều cánh cửa hơn là khi không dùng nó. Thế nên, khoa học là một thành phần và một ngăn chứa sự thông hiểu của chúng ta và nó chỉ che án sự nhận thức của chúng ta khi khăng khăng cho rằng nó là độc nhất và là phương cách duy nhất để hiểu biết. Thế nhưng chính Đông phương đã dạy chúng ta một cách thấu hiểu khác, rộng lớn hơn, thâm sâu hơn, và cao siêu hơn, đó là sự thông hiểu xuyên qua cuộc sống. Chúng ta chỉ biết đến đường hướng này một cách mơ hồ, chỉ như một loại xúc cảm lờ mờ được góp nhặt từ các thuật ngữ tôn giáo, và vì thế mà chúng ta vui vẻ đặt từ ‘minh triết’ Đông phương trong hai dấu nháy, và đẩy nó vào lĩnh vực mờ mịt của tín ngưỡng và mê tín dị đoan. Bằng cách này, ‘nhận thức về thực tại’ của Đông phương cũng hoàn toàn bị hiểu lầm. Nó không bao gồm những trực thức mang tính xúc cảm, quá đổi thần bí đến mức bệnh hoạn và phát xuất từ những kẻ thích sống ẩn dật, lập dị và câu nệ. Nền minh triết phương Đông vốn đặt căn bản trên kiến thức thực hành . . . mà chúng ta không có chút lý do gì để đánh giá thấp.”⁵

⁵ Wilhelm, Richard, & Jung Dr. C. G., *Bí mật của Đóa hoa Vàng*, tr. 78.

Chính việc rèn luyện trí tuệ là điều cốt lõi của vấn đề. Rõ ràng trí tuệ của con người là một khí cụ mà chúng ta có thể sử dụng theo hai chiều hướng. Một là hướng ngoại. Trong phương thức hoạt động này, trí tuệ ghi nhận các giao tiếp của chúng ta với các thế giới vật chất và thế giới tư tưởng mà chúng ta đang sống trong đó, và nhận thức được những tình trạng của xúc cảm và giác quan. Trí tuệ ghi nhận và liên kết các cảm giác, các phản ứng của chúng ta, và tất cả những gì được chuyển đến nó qua năm giác quan và bộ não. Đây là lĩnh vực kiến thức đã được nghiên cứu rộng rãi, và các nhà tâm lý học đã đạt được nhiều tiến bộ trong cố gắng thấu hiểu các quá trình tâm lý. Ts. Jung cho chúng ta biết rằng “Tư duy là một trong bốn chức năng tâm lý cơ bản. Khi theo đúng các định luật của chính nó, chính chức năng tâm lý này giúp việc kết nối các khái niệm trong những điều đã được trình bày. Đây là cố gắng lý giải theo kinh nghiệm – cả chủ động và thụ động. Tư duy chủ động là một tác động của ý chí ; tư duy thụ động phụ thuộc vào một sự việc xảy ra.”⁶

Như chúng ta sẽ thấy ở phần sau, chính cái khí cụ tư tưởng này được sử dụng trong Tham thiền và nó phải được rèn luyện để bổ sung cho chức năng thứ nhất kể trên của trí tuệ cái khả năng chuyển vào một chiều hướng khác, để cũng ghi nhận được thế giới nội tại hay thế giới vô hình một cách dễ dàng. Khả năng tự chuyển hướng này sẽ giúp trí tuệ có thể ghi nhận được các thực tại ở nội giới, nhận thức trực giác và những ý tưởng trừu tượng. Đây là di sản cao cả của nhà huyền học, nhưng dường như người ở trình độ trung bình vẫn chưa thấu hiểu được.

Vấn đề mà gia đình nhân loại ngày nay đang phải giải quyết trong những lĩnh vực của cả khoa học và tôn giáo là do

⁶ Dibblee, George Binney, *Bản năng và Trực giác*, tr. 85.

kết quả của sự kiện thực tế rằng người đi theo cả hai trường phái này đều thấy mình đang đứng trước cánh cửa của thế giới siêu hình. Một chu kỳ phát triển đã kết thúc. Con người, với tính cách một thực thể có tư duy và xúc cảm, chùng như nay đã đến mức hiểu biết khá rõ về cái khí cụ mà họ phải dùng để làm 9 việc. Họ tự hỏi : Họ phải làm gì với khí cụ đó ? Trí tuệ, là cái mà họ dần dần học cách chế ngự, sẽ đưa họ về đâu ?

Tương lai sẽ dành cho con người những gì ? Chúng ta cảm thấy rằng đó sẽ là điều tốt đẹp và chắc chắn hơn rất nhiều so với những gì chúng ta đã biết từ trước đến nay. Có lẽ đó sẽ là việc mọi người cùng đạt đến những sự hiểu biết mà cá nhân nhà huyền học (nhà thần bí) đã có. Dù sự ồn ào náo nhiệt của nền văn minh tân thời khiến cho tai trở nên điếc, đôi khi chúng ta cũng đón nhận được những âm điệu cao siêu là bằng chứng của một thế giới không thuộc về vật chất. Khói bụi mờ mịt của quang cảnh chung quanh khiến cho mắt trở nên mù, thế nhưng vẫn có những tia chớp giúp tầm nhìn tỏ rõ và hé lộ một trạng thái tinh tế hơn của đời sống, xua tan u ám, nhường chỗ cho sự lưu nhập của “nguồn vinh quang chưa hề có trên thế gian.” Ts. Bennett, Đại học Yale, phát biểu các ý tưởng này bằng những lời thật tốt đẹp :

“Lớp màn che rơi xuống và mắt ta nhìn thấy thế giới trong ánh sáng mới. Các sự vật không còn tầm thường như trước. Bấy giờ chúng ta biết chắc chắn rằng đây chính là thế giới thực mà bấy lâu nay thực tính của nó đã bị sự mù lòa của con người che án.

Không phải các hệ thống vũ trụ đang luân chuyển bị tối tăm

Mà do quan niệm cứng nhắc chúng ta thường có ; □

Làm sao nghe được tiếng chuyển động nhẹ nhàng ,

Khi bao lớp cửa của chính mình bị đất bùn bịt kín .

*Các thiên thần vẫn chờ sẵn tự ngàn xưa ;
Chuyển khối đá thành kiến và cát cánh rồi ta sẽ thấy!
Chính bạn, chính sự thờ ơ của bạn
Đã bỏ lỡ biết bao điều tốt đẹp huy hoàng.*

*“Lúc đầu, kinh nghiệm này có tính cách trừu tượng và cảm
đổ. Người ta bảo nhau rằng có một thế giới mới, và tinh thần
con người háo hức lên đường tìm đến những bến bờ xa lạ. Họ
thấy phải bỏ lại sau lưng cái thế giới mà chúng ta đã quen
thuộc. Thế là cuộc phiêu lưu trọng đại của tôn giáo bắt đầu...*

10 *“Hẳn phải có một điểm xác tín ở đâu đó. Một vũ trụ đang
tăng trưởng có thể dẫn đến tương lai rộng mở, thế nhưng bất
cứ ai tuyên bố rằng vũ trụ đang tăng trưởng cũng đều khẳng
định một sự kiện thực tế không hề thay đổi về cơ cấu vũ trụ.
Bao giờ sự kiện này cũng là bảo đảm cho khả năng thí nghiệm
và giá trị của thí nghiệm. . . .*

*“Con người là chiếc cầu nối. Ngay cả bậc siêu nhân cũng
là cầu nối, khi chúng ta nhận thức được rằng vị này chỉ là
biểu tượng của lý tưởng tích cực. Điều duy nhất chúng ta có
thể biết chắc là những cánh cửa bước vào tương lai luôn luôn
rộng mở.”*

Có lẽ vấn đề của chúng ta là : những cánh cửa bước vào
tương lai dường như mở ra cho một thế giới không thuộc về
vật chất, một lĩnh vực vô hình, siêu hình, và cao hơn phạm
vi của giác quan. Chúng ta hầu như đã vấp cạn các nguồn lực
trong thế giới vật chất, thế nhưng chúng ta vẫn chưa học
được cách hoạt động trong thế giới phi vật chất. Thậm chí
có khi chúng ta còn phủ nhận sự tồn tại của thế giới đó là
đằng khác. Chúng ta phải đối diện với cái kinh nghiệm
không thể tránh khỏi, mà chúng ta gọi là sự chết, thế mà

⁷ Bernnett, Charles A., *Việc Nghiên cứu Triết lý của Nhà Huyền học*, tr. 23,
117, 130.

chúng ta không hề có những bước nào hợp lý để xác định xem thực sự có đời sống bên kia cửa tử hay không. Diễn trình tiến hóa đã tạo nên một nhân loại tuyệt vời, được trang bị khí cụ ứng đáp nhạy bén và trí tuệ biết suy luận. Chúng ta đang có được những mức phát triển phôi thai của quan năng mà chúng ta gọi là trực giác và, với trang bị này, chúng ta đứng trước những cánh cửa bước vào tương lai và đặt câu hỏi : “Chúng ta sẽ dùng cái cơ cấu đa hợp, phức hợp này, gọi là con người, cho mục đích gì?” Chúng ta đã đạt mức phát triển hoàn mãn chưa? Phải chăng có những tầm mức ý nghĩa của cuộc sống mà từ trước đến nay chúng ta chưa hề quan tâm đến, và phải chăng chúng còn ở ngoài tầm chú ý của chúng ta vì chúng ta có những năng lực và

11 khả năng ẩn tàng mà cho đến nay vẫn chưa được khai mở? Có thể đúng hay chẳng rằng hiện chúng ta chưa thể thấy được một thế giới rộng lớn của sự sống và mỹ lệ, với các định luật và những hiện tượng thích hợp của chính thế giới đó? Những nhà huyền học (thần bí), những nhà có nhãn thông, và những nhà tư tưởng qua các thời đại ở cả hai bán cầu đều đã nói rằng thế giới đó đang hiện hữu.

Với trang bị này, có thể gọi là phạm nhân, con người đang đứng với quá khứ ở sau lưng, trong một hiện tại đầy xáo trộn, và trước một tương lai chưa thể nhìn thấy. Họ không thể dừng bước. Họ phải tiến tới, và các tổ chức rộng lớn trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, triết học và tôn giáo đều đang cố gắng hết sức để cho họ biết nên đi theo con đường nào, và đưa ra giải pháp cho vấn đề khó khăn của họ.

Những gì tĩnh tại và đông cứng rồi cuộc đời phải tan vỡ, và khi sự tăng trưởng bị đình hoãn thì những điều bất bình thường sẽ xảy ra và có sự thoái hóa. Có người bảo rằng mối nguy mà chúng ta phải tránh là tình trạng của “nhân cách đang tan rã.” Nếu nhân loại không có tiềm năng, và nếu con người đã đạt

đến mức phát triển cực điểm và không thể tiến xa hơn nữa, thì bấy giờ họ nên công nhận sự kiện thực tế này và để cho sự suy tàn và băng hoại của mình xảy ra càng dễ dàng và càng tốt đẹp càng hay. Thật là điều đáng khích lệ khi chúng ta ghi nhận được bằng cách nào mà vào năm 1850 người ta đã thoáng thấy được những phác thảo sơ khởi của cánh cửa bước vào Kỷ nguyên Mới, và bấy giờ các nhà tư tưởng đã thiết tha mong mỏi rằng nhân loại cần học thuộc bài học của mình và tiến bước. Bạn hãy đọc những lời dưới đây của Carlyle và xét xem chúng thích hợp đến đâu với thời gian hiện nay.

12 *“Trong những ngày tháng mà chúng ta đang trải qua, ngay đến những người tâm thường nhất cũng bị buộc phải bần khổn, thối mắc về ý nghĩa của thời gian này. Ít có thể hệ nào mà con người đã thấy những ngày tháng ấn tượng hơn hiện nay. Những ngày tháng đầy tai biến, bạo loạn, trục trặc, xáo trộn tệ hại khiến mọi người hoang mang bối rối. . . . Chúng ta ít có hy vọng nào, vì rõ ràng là sự băng hoại đang xảy ra . . . ở khắp nơi. Nếu thế giới này muốn tiếp tục được tồn tại thì phải đổi mới. Hiện nay, không có lý do gì để người dân Châu Âu có thể quay về với những lối mòn cũ kỹ đáng tiếc và tiếp tục đi tới trong tình trạng đó. Những tháng ngày mà sự chết gieo rắc ở khắp nơi phải là những ngày tháng phục sinh của toàn thế giới, nếu chúng ta không muốn sự băng hoại này là hoàn toàn và chung cuộc. Đây là thời gian mà ngay cả người kém cỏi nhất cũng tự hỏi mình từ đâu đến và sẽ đi về đâu.”⁸*

Nhìn lại thời gian bảy mươi năm hoặc thời gian dài hơn đã trôi qua từ khi Carlyle viết những điều trên, chúng ta thấy rằng nhân loại đã không bỏ lỡ cơ hội tiến bộ. Thời đại

⁸ Jacks, L. P., *Những Điều Bần khổn, Thối mắc trong Tôn giáo*, tr. 46.

điện năng đã mở màn, và tất cả chúng ta đều biết đến những điều kỳ diệu trong các thành tựu khoa học vào thời gian hiện nay. Thế nên, đến thời điểm phải đối phó với cuộc khủng hoảng mới, chúng ta có thể tiến bước với lòng can đảm thực sự, vì nay chúng ta thấy được những cánh cửa đi vào Kỷ nguyên Mới rõ ràng hơn trước rất nhiều. Có lẽ cũng đúng rằng chỉ đến nay con người mới đạt điều kiện đại đa số và sắp tìm thấy di sản của mình cũng như khám phá nơi chính mình những quyền năng và năng lực, những khả năng và khuynh hướng, là đảm bảo cho nhân tính mạnh mẽ, hữu ích, và tồn tại vĩnh cửu. Chúng ta đang hoàn tất giai đoạn mà trong đó đã có chú trọng vào cơ cấu, vào tổng thể các tế bào hợp thành thân xác và não bộ cùng các phản ứng tự động của chúng đối với niềm vui, nỗi buồn và tư tưởng. Chúng ta đã hiểu biết nhiều về Con người, với tính cách một bộ máy. Chúng ta mang ơn rất nhiều đối với các nhà tâm lý học thuộc trường phái cơ giới, do những khám phá của họ về bộ máy mà mỗi người dùng để giao tiếp với môi trường chung quanh mình. Thế nhưng, trong chúng ta có *những con người*, những người không chỉ là những bộ máy. Chúng ta có quyền đo lường các năng lực tối hậu và tiềm năng vĩ đại của mình bằng các thành tựu của những nhân vật lỗi lạc nhất trong chúng ta. Các vĩ nhân này không phải là sản phẩm “kỳ lạ” do ngẫu hứng thất thường của các đấng thiêng liêng, hay là do sự thôi thúc mù quáng của lực tiến hóa, mà chính họ là bảo đảm cho sự thành đạt tối hậu của toàn nhân loại.

Irving Babbitt nhận xét rằng có một điều gì đó trong bản tính của con người “tách họ đơn thuần như là con người riêng biệt với các loài động vật khác, và điều đó được Cicero định nghĩa là ‘ý thức trật tự, lịch thiệp, chuẩn mực trong lời nói và hành động’.”⁹ Babbitt còn nói (và đây là điểm cần lưu ý) rằng

“thế giới chắc hẳn đã tốt đẹp hơn nếu có thêm nhiều người cố gắng sống xứng đáng là con người trước khi muốn trở thành một bậc siêu nhân.”¹⁰ Có lẽ có một giai đoạn trung gian mà trong đó chúng ta hoạt động với tính cách là con người, duy trì các quan hệ với những người khác, làm tròn các nghĩa vụ đúng đắn của mình, để bằng cách này hoàn thành vận mệnh của mình tạm thời trong giai đoạn đó. Câu hỏi đặt ra ở đây là phải chăng thậm chí cho đến nay giai đoạn nói trên vẫn có thể áp dụng chung cho nhiều người khi chúng ta nhớ rằng đang có muôn triệu người dốt nát trên hành tinh chúng ta vào thời gian hiện tại !

Thế nhưng, cùng với khuynh hướng nói trên nhắm đến việc thực hiện thuần nhân tính, và sự trôi dạt, xa lìa các chuẩn mực của mỗi cá nhân, có một nhóm người đang xuất hiện mà chúng ta gọi là các nhà thần bí. Họ làm chứng cho một thế giới khác của các kinh nghiệm và giao tiếp. Họ mang 14 bằng chứng về sự nhận thức cá nhân, về sự biểu lộ các hiện tượng và sự hài mãn mà người bình thường không hề biết. Như lời của Ts. Bennett “Chính các nhà thần bí đã mô tả mức thành đạt của họ là thấy được thâm nghĩa của vũ trụ, thấy được bằng cách nào mà muôn loài vạn vật thuộc về nhau. Họ đã tìm ra manh mối của vấn đề.”¹¹ Qua nhiều thời đại họ đã tiến tới và cùng nhau nói lên một điều : có một giới khác trong thiên nhiên. Giới này có những định luật riêng, những hiện tượng riêng, và những mối liên giao riêng rất mật thiết. Đó chính là cõi giới tinh thần. Chúng tôi đã tìm thấy cõi giới đó, và bạn cũng có thể xác định được tính chất của cõi giới đó. Các chứng nhân này gồm có hai nhóm. Nhóm người tìm kiếm có tính cách thuần xúc cảm và thần bí, họ thấy được các

⁹ Babbitt, Irving, *Khoa Nhân văn : Tiểu luận Định nghĩa*.

¹⁰ Như trên.

¹¹ Bennett, Charles A., *Nghiên cứu Triết lý của Huyền học*, tr. 81.

linh ảnh và rơi vào niềm vui sướng được khai ngộ trước sự mỹ lệ mà họ đã cảm nhận được. Nhóm thứ nhì là những thức giả, họ đã thêm vào niềm vui sướng xúc cảm này một mức thành tựu của trí tuệ (sự định hướng của trí tuệ) giúp họ có thể làm được nhiều điều hơn là chỉ cảm nhận và vui hưởng. Họ hiểu, họ biết, và đã trở nên đồng nhất với thế giới mới hằng sống mà nhà thần bí thuần túy tìm cách đạt đến. Có đường ranh giới rất tinh tế giữa những người biết được các sự vật thiêng liêng nói trên và những người chỉ cảm nhận linh ảnh.

Tuy nhiên, có một khoảng chuyển tiếp quan trọng giữa hai nhóm, một giai đoạn ngưng tụ kinh nghiệm và phát triển, biến đổi nhà thần bí viễn tưởng thành một thức giả thực hành. Có một tiến trình và kỹ thuật mà nhà thần bí có thể tự áp dụng để
 15 điều hợp và phát triển nơi chính mình một khí cụ tinh vi và mới mẻ, nhờ đó y không còn *thấy* linh ảnh về thực tại thiêng liêng mà *biết* mình chính là thực tại đó. Kỹ thuật tham thiền có liên quan đến tiến trình chuyển tiếp và việc giáo huấn nhà thần bí nói trên. Đây là vấn đề được bàn đến trong sách này.

Vấn đề giúp cho mỗi người thừa hưởng được di sản của chính mình, là chức năng của các nhà giáo dục và các nhà tâm lý học. Họ phải giúp mỗi người đi đến cửa thế giới thần bí. Dù nghe ra có vẻ nghịch lý, nhưng việc giúp mỗi người thừa hưởng được di sản của mình là công tác của tôn giáo và của khoa học. Ts. Pupin cho chúng ta biết rằng “Khoa học và tôn giáo bổ sung lẫn nhau. Đây là hai trụ cột của chiếc cửa mà qua đó linh hồn con người bước vào thế giới nơi thiên tính đang an ngự.”¹²

Chúng ta cần cho từ “tinh thần” một ý nghĩa rộng rãi ! Ở đây tôi không nói về các chân lý trong tôn giáo. Những điều luận giải của các nhà thần học và các chức sắc giáo hội trong các tổ chức tôn giáo lớn trên thế giới, cả ở Đông phương và Tây

¹² Pupin, Michael, *Cuộc Cải cách Mới mẻ*, tr. 217.

phương, đều có thể đúng hoặc không đúng. Chúng ta hãy dùng từ “tinh thần” để chỉ thế giới của ánh sáng và mỹ lệ, của trật tự và chủ đích đúng đắn, mà các Thánh kinh trên thế giới đều nói đến, vốn là mục tiêu nghiên cứu chuyên chú của các nhà khoa học, và những người tiên phong của gia đình nhân loại đã bước vào thế giới đó, và quay trở lại nói cho chúng ta biết những kinh nghiệm của họ. Chúng ta hãy xem toàn bộ những biểu hiện của cuộc sống là có tính tinh thần, để cho từ ngữ này ý nghĩa rộng rãi hơn bình thường, chỉ về các năng lượng và

16 những mãnh lực ẩn trong mọi hình thể trong thiên nhiên, khiến mỗi hình thể có các đặc trưng và những phẩm tính chính yếu riêng biệt. Qua bao nhiêu ngàn năm trên khắp hành tinh này, các nhà thần bí và các thức giả đã mang lại bằng chứng về những kinh nghiệm trong các cảnh giới tinh vi nơi đó họ đã giao tiếp được với những mãnh lực và hiện tượng không thuộc về cõi đời vật chất này. Họ nói về việc gặp gỡ hàng ngũ các thiên thần, và đề cập đến vô số chứng cứ. Họ diện kiến các bậc huynh trưởng của nhân loại đang làm việc trong những bề đo không gian khác và các Ngài biểu dương những quyền năng mà người bình thường không hề biết. Họ nói về ánh sáng và nguồn vinh quang, về việc hiểu biết chân lý một cách trực tiếp, và về thế giới của các hiện tượng vốn đồng nhất đối với tất cả các nhà thần bí trong mọi chủng tộc. Có thể đúng rằng phần lớn các bằng chứng nói trên khả dĩ bị loại bỏ vì bị xem chỉ là ảo giác. Cũng có thể đúng rằng nhiều vị thánh của thời xưa đã mắc phải những chứng bệnh tâm thần và bệnh thần kinh. Thế nhưng, vẫn còn lại những bằng chứng và có đủ con số những chứng nhân có uy tín, họ chứng minh các chứng cứ này khiến chúng ta phải tin vào thực tính trong đó. Các chứng nhân này của thế giới vô hình đã nói lên những lời mạnh mẽ và đưa ra những bức thông điệp nắn đúc tư tưởng của biết bao người, và điều dắt cuộc đời của muôn triệu người khác. Họ tuyên bố rằng

có một khoa học về tri thức tinh thần và một kỹ thuật phát triển để con người có thể đạt đến kinh nghiệm thần bí và nhờ đó họ có thể biết được Thượng Đế.

17 Đây chính là khoa học mà chúng ta sẽ nghiên cứu trong quyển sách này, và chúng ta sẽ tìm cách triển khai kỹ thuật vừa kể. Kỹ thuật này giúp chúng ta sử dụng đúng trí tuệ của mình, để thế giới của linh hồn tự hiển lộ và chúng ta tìm thấy và mở được cánh cửa bí mật, đưa chúng ta từ bóng tối bước vào ánh sáng, từ sự chết đến sự bất tử, và từ điều giả đến sự Chân thật.

Giải pháp tối hậu cho vấn đề khó khăn của thế giới nằm ở chỗ chúng ta đạt đến sự hiểu biết này – một sự hiểu biết không thuộc về Đông phương cũng không thuộc về Tây phương, nhưng cả hai bên đều biết. Khi chúng ta đã bắt tay với Đông phương và khi chúng ta đã kết hợp những tư tưởng tốt đẹp nhất của Đông phương với những tư tưởng tốt đẹp nhất của Tây phương, bấy giờ chúng ta sẽ có được một giáo huấn tổng hợp và cân đối, sẽ khai phóng các thế hệ tới. Điều đó phải bắt đầu trong lĩnh vực giáo dục và với giới trẻ.

Ở Tây phương, người ta đã chú ý đến những phương diện vật chất của đời sống, và toàn bộ năng lực trí tuệ của chúng ta đã được tập trung vào việc chế ngự và sử dụng những thứ vật chất, hoàn thiện các tiện nghi vật chất, và tích lũy những vật sở hữu. Ở Đông phương, nơi mà các thực tại tinh thần được hiểu một cách nhất quán hơn, người ta dùng năng lực trí tuệ để tập trung và tham thiền, và để khảo cứu sâu xa về những vấn đề triết lý, siêu hình. Thế nhưng, đại khối quần chúng thì không thể tham gia các hoạt động đó, và về phương diện đời sống vật chất họ đã bị bỏ mặc trong những tình trạng kinh khủng lạ thường đến mức báo động. Qua việc phối hợp các thành tựu của hai nền văn minh (hiện được tiến hành ngày càng nhanh chóng hơn) một điểm thăng bằng đang được

- 18 đạt đến, nhờ đó toàn nhân loại có thể biểu dương đầy đủ sức mạnh của mình. Cả Đông và Tây đều đang dần dần biết cách học hỏi lẫn nhau để cùng được lợi ích, và công tác trong lĩnh vực này là một trong những điều cần yếu và cơ bản của chu kỳ hiện tại.

CHƯƠNG HAI

MỤC ĐÍCH CỦA GIÁO DỤC

“ . . . nền giáo dục đang trải qua những thay đổi quan trọng. Từ một quá trình tương đối hời hợt ở bên ngoài nhằm nhồi nhét các sự kiện, giáo dục ngày càng trở thành một tiến trình khơi dậy những khả năng sâu xa hơn, có năng lực phát triển, và đang tiềm ẩn trong mỗi cá nhân.”

H. A. OVERSTREET

CHƯƠNG HAI

MỤC ĐÍCH CỦA GIÁO DỤC

21 Một trong nhiều yếu tố đã đưa loài người đến trình độ phát triển hiện nay đã là sự tăng tiến và hoàn thiện các phương pháp và hệ thống giáo dục của nhân loại. Lúc đầu, việc này nằm trong tay của các tôn giáo có tổ chức, nhưng nay thì thực tế là giáo dục không còn chịu sự kiểm soát của các đoàn thể tôn giáo mà thuộc quyền quản lý của nhà nước. Thời trước, giáo dục phần lớn bị nhuộm màu thần học, và các phương pháp giáo dục hoàn toàn do sự định đặt của các chức sắc giáo hội và giới tăng lữ. Nay thì con số đông đảo các giáo viên đều được nhà nước đào tạo. Người ta không còn bận tâm đến bất cứ thành kiến tôn giáo nào theo những đoàn thể tôn giáo đã phân hóa, và khuynh hướng giáo huấn hầu như hoàn toàn thuộc về khoa học và có tính xu phụng vật chất. Trong quá khứ, ở cả Đông và Tây đều có nền giáo dục dành cho các thành phần tiến hóa cao trong gia đình nhân loại. Chỉ đến ngày nay chúng ta mới có nền giáo dục dành cho đại chúng. Khi khảo cứu, tìm hiểu về nền giáo dục tương lai được cho là cao cấp hơn, chúng ta cần lưu ý hai sự kiện thực tế nói trên bởi vì khi tổng hợp được hai phương pháp này – giáo dục cá nhân và giáo dục đại chúng – tôn giáo và khoa học – chúng ta sẽ tìm thấy giải pháp cho vấn đề.

Giống như mọi điều khác trong thời kỳ chuyển tiếp này, các hệ thống giáo dục của chúng ta cũng đang trong tình

22 trạng đổi thay liên tục. Đâu đâu cũng có cái cảm nhận chung rằng người ta đã cố gắng nhiều trong việc nâng cao trình độ trí tuệ của nhân loại, trong khi đó lại có sự bất mãn ngấm ngầm về các kết quả giáo dục. Thậm chí người ta còn nghi vấn rằng liệu các hệ thống giáo dục hiện nay có *đang* thực hiện được những điều tốt đẹp rộng khắp hay không. Chúng ta đánh giá cao sự tiến bộ vượt bậc đã đạt trong hai trăm năm qua, nhưng vẫn tự hỏi rằng xét cho cùng liệu chúng ta có đang thu được từ cuộc sống nhiều đến mức có thể đạt được cho mọi người với hệ thống giáo dục, đào tạo hoàn bị hay không. Chúng ta đang hài lòng tự mãn về sự gia tăng kiến thức và tích lũy thông tin của mình, và việc chúng ta kiểm soát được các sức mạnh trong thiên nhiên, thế mà chúng ta vẫn tiếp tục tranh cãi với nhau về việc phải chăng chúng ta đang có một nền văn hóa đích thực. Chúng ta dạy trẻ con ghi nhớ một lượng sự kiện khổng lồ, và tiêu hóa vô số những chi tiết hết sức đa dạng, thế nhưng đôi khi chúng ta vẫn băn khoăn tự hỏi liệu chúng ta có dạy được các em sống cuộc đời đúng đắn, tốt đẹp hơn không. Chúng ta dùng bao nhiêu tỉ đô-la để xây dựng và đầu tư vào các trường đại học và cao đẳng, thế mà hầu hết những nhà giáo dục nhìn xa thấy rộng nhất đều hết sức quan ngại và cho rằng liệu nền giáo dục đã đi vào nề nếp này có thực sự đáp ứng được các nhu cầu của người công dân bình thường hay không. Chắc hẳn nền giáo dục hiện nay có vẻ không làm tròn được nhiệm vụ của mình đối với đứa trẻ có khả năng phi thường, và đối với những người nam hoặc nữ có nhiều năng khiếu. Chắc chắn là phương thức rèn luyện giới trẻ của chúng ta đang đứng trước sự phán xét. Chỉ có tương lai mới có thể xác định được liệu có phải tìm một phương cách, giải pháp nào khác hay không để có thể thực hiện việc trau luyện cá nhân song hành với công tác văn minh hóa đại chúng qua giáo dục.

Trong thời đại với những thành tựu khoa học và tổng hợp tư tưởng trong mọi lĩnh vực kiến thức của nhân loại, một nhà giáo dục là Ts. Rufus M. Jones có nói :

“Thế nhưng, điều đáng tiếc là không thành tựu nào trong số này khiến cho chúng ta trở thành những con người tốt hơn. Không có sự cân xứng giữa các tài khoản ngân hàng và sự lành thiện của tâm hồn. Kiến thức cũng không hề đồng nghĩa với minh triết hay là sự cao thượng của tinh thần. . . . Trước đây thế giới chưa bao giờ thấy một đội quân các nhà giáo dục đông đảo đến thế đang làm việc với lớp trẻ trên đất nước, và trong lịch sử thế giới cũng chưa hề có việc chi tiêu tiền bạc một cách rộng rãi đến thế cho giáo dục, cả ở cấp thấp và cấp cao. Tuy nhiên, toàn bộ kết quả lại gây thất vọng, và không đạt được điều cốt lõi, trọng tâm. Quả là các cơ sở giáo dục của chúng ta đã tạo ra được một số học giả tài năng, và mang khối lượng kiến thức khoa học đến cho rất nhiều người. Thế nhưng, có một sự thất bại thảm thương trong nhiệm vụ chính yếu của giáo dục, đó là, hay cần phải là việc hình thành nhân cách, việc trau dồi tinh thần, và việc kiến tạo tâm hồn.”¹

Mãi đến thế kỷ thứ mười tám, các cự lực địa là Châu Á và Châu Âu đã chỉ lo việc đào tạo và trau dồi cho cá nhân. Các tầng lớp gọi là thượng lưu được giáo dục đào tạo chuyên sâu, và những người tỏ ra có năng khiếu đặc biệt đều được trau luyện về mặt tinh thần. Theo hệ thống Bà-la-môn ở Đông phương, và trong các tu viện ở Tây phương, một nền văn hóa chuyên biệt đã được truyền đạt cho những người nào có thể ích dụng được nó. Vì thế, họ đào tạo được những nhân vật hiếm có mà cho đến nay đã để lại dấu ấn trong tư tưởng của nhân loại. Thế giới

¹ Jones, Rufus M., *Cần có Yếu tố Tinh thần trong Giáo dục*, Tạp chí Hợp nhất Thế giới, Tháng Mười, 1928.

Tây phương hiện tại đã thay thế điều này bằng nền giáo dục đại chúng. Lần đầu tiên trong lịch sử, muôn ngàn người được dạy cách sử dụng trí tuệ của mình. Họ đang bắt đầu thể hiện cá tính của chính mình và phát biểu những ý tưởng của riêng mình. Sự tự do của tư tưởng con người, và cố gắng vượt thoát ra khỏi sự khống chế của các khoa thần học (dù là thuộc về tôn giáo hay khoa học) là những đòi hỏi, tranh đấu trong hiện tại, và qua đó đã đạt được nhiều điều tốt đẹp. Đại khối quần chúng đang bắt đầu thực hiện những điều chính họ suy nghĩ. Thế nhưng, phần lớn đó chỉ là những suy nghĩ có tính cách đại chúng, và nay thì dư luận công chúng xảy ra ngẫu nhiên tình cờ đang nhồi nắn tư tưởng mọi người chẳng khác gì các khoa thần học trước đây đã làm. Giống như ngày xưa, những người tiên phong thời nay cũng gặp nhiều khó khăn khi muốn trình bày vấn đề của mình trong thế giới hiện tại vốn đang có sẵn biết bao tư tưởng và những nỗ lực khác nhau.

Có lẽ nhờ chiếc bánh xe vĩ đại của cuộc sống vẫn xoay, nay đã đến lúc chúng ta lại quay về với phương pháp của thời xưa dành việc huấn luyện chuyên sâu cho những cá nhân đặc biệt – một sự quay về nhưng không loại bỏ nền giáo dục dành cho đại chúng. Bằng cách này, rốt cuộc chúng ta có thể kết hợp được các phương pháp của thời xưa và của Đông phương với các phương pháp của thời nay và của Tây phương.

Trước khi xem xét hai phương pháp này, chúng ta hãy thử định nghĩa xem thế nào là giáo dục, nêu lên mục đích của giáo dục để làm sáng tỏ những mục tiêu mà toàn bộ cố gắng của chúng ta nhắm tới.

Đây không phải là điều dễ làm. Nhìn từ phương diện ít thú vị nhất, có thể định nghĩa vấn đề giáo dục là việc truyền thụ kiến thức cho học sinh, mà thường là đứa trẻ không có ý muốn học ; em nhận một khối lượng lớn các thông tin mà em không hề quan tâm. Em cảm thấy bài học khô khan và vô vị.

Định nghĩa này chính yếu là nói về việc rèn trí nhớ, việc truyền đạt những điều gọi là sự kiện thực tế, và dạy cho học 25 sinh một ít kiến thức về vô số vấn đề không liên quan với nhau. Tuy nhiên, thực nghĩa của từ giáo dục là “dẫn dắt ra khỏi một tình trạng nào đó,” hoặc “khai phóng” và đây là điều hết sức có ý nghĩa. Hàm ý là chúng ta cần phải khai phóng những bản năng và những tiềm năng cố hữu nơi đứa trẻ để hướng dẫn em ra khỏi một trạng thái tâm thức, và bước vào một trạng thái tâm thức khác rộng lớn hơn. Theo cách này, chúng ta dẫn dắt trẻ em, ví dụ như những em chỉ có ý thức là mình đang sống, vào trạng thái tự ý thức. Các em trở nên ý thức được chính mình và những mối quan hệ trong tập thể chung quanh mình. Các em được dạy phát triển khả năng và năng lực, nhất là qua việc đào tạo nghề nghiệp, để các em có thể tự lập về kinh tế, và do thế trở nên những thành viên trong xã hội có thể tự nuôi sống bản thân. Chúng ta khai thác bản năng tự bảo tồn của trẻ để giúp chúng tiến lên trên đường thu hoạch kiến thức. Có thể nói đúng hay chẳng là chúng ta bắt đầu bằng cách sử dụng yếu tố bản năng của trẻ em để giúp chúng tiến lên và phát triển trí năng? Có lẽ điều này là đúng, thế nhưng khi đã giúp các em tiến lên đến mức đó liệu chúng ta có tiếp tục hay chẳng công tác tốt đẹp này và dạy cho các em biết thực nghĩa của quá trình trí tuệ là rèn luyện để khai mở trực giác. Chúng ta dạy các em sử dụng bản năng và trí năng như một phần của phương tiện tự bảo tồn trong các hoạt động của nhân loại ở ngoại giới. Tuy nhiên, việc sử dụng thuần lý trí và làm cho trực giác rất cuộc kiểm soát được trí tuệ trong cố gắng tự bảo tồn, và đạt sự liên tục tâm thức trong các cảnh giới nội tại và thực tại, thì cho đến nay vẫn là kiến thức dành riêng cho chỉ một số người tiên phong.

26 Nếu định nghĩa về trực giác của Giáo sư H. Wildon Carr

là đúng, thì các phương pháp giáo dục của chúng ta hiện nay không nhắm đến việc phát triển trực giác. Ông định nghĩa trực giác là “việc trí tuệ trực tiếp thấu hiểu thực tại đúng như thực, chứ không dưới dạng nhận thức hay khái niệm, hoặc như một ý tưởng hay đối tượng của suy luận, bởi vì trái với trực giác tất cả những điều đó chỉ là cái hiểu của trí năng.”²

Chúng ta xem khoa học trí tuệ hoặc những biến đổi của nguyên khí tư duy (theo lối nói của người Ấn giáo) là riêng của nhân loại, và xếp các phản ứng theo bản năng của con người vào những đặc tính mà con người có chung với loài vật. Có thể hay chẳng một ngày nào đó người ta thấy được giá trị cao siêu của khoa học trực giác, là nghệ thuật tri kiến một cách tổng hợp và sáng tỏ, so với trí tuệ cũng giống như giá trị của trí tuệ so với đặc tính bản năng vậy.

Ts. Dibblee, Đại học Oxford, có những nhận xét thú vị sau đây về bản năng và trực giác, liên quan đến yêu cầu trong sách này nhằm nhận thức được một kỹ thuật giáo dục dẫn đến sự phát triển khả năng ý thức cao siêu. Ông nói :

“ . . . nói theo lối hình tượng thì cả bản năng và trực giác đều thuộc những phạm vi ở ngoài ý thức của chúng ta, và đều cùng xuất lộ một cách bất ngờ vào ánh sáng của tâm thức trong cuộc sống hằng ngày. . . . Những thôi thúc của bản năng và những lời nhắc nhở của trực giác đều phát ra một cách hoàn toàn bí mật. Một khi xuất lộ, chúng hầu như trợn vện và đi vào tâm thức của chúng ta một cách bất ngờ.”³

27 Ngoài ra, ông còn nói thêm rằng trực giác và bản năng ở hai bên đối nhau của lý trí. Vì thế, chúng ta có bộ ba đáng lưu ý là bản năng, trí tuệ và trực giác. Trong đó, có thể nói rằng

² Carr, H. Wildon, *Triết lý của sự Thay đổi*, tr. 21.

³ Dibblee George Binney, *Trí tuệ và Trực giác*, tr. 128.

bản năng ở dưới ngưỡng của tâm thức, trí tuệ thuộc về nhân tính, chiếm vị trí hàng đầu trong nhận thức của con người, và trực giác thì cao hơn cả hai yếu tố này, chỉ đôi khi xuất lộ trong những phút giây khai ngộ bất ngờ và thấu hiểu chân lý, vốn là năng khiếu của những nhà tư tưởng lỗi lạc nhất của chúng ta.

Chắc hẳn trong tiến trình giáo dục phải có một điều gì đó còn hơn cả cố gắng chỉ giúp cho mỗi người thích ứng và bắt kịp với những sự việc ở bên ngoài và với môi trường sống thường xuyên thay đổi của họ ? Nhân loại phải được hướng dẫn để vượt ra ngoài giới hạn đó và đi vào tương lai rộng lớn hơn với nhận thức sâu sắc hơn. Nhân loại phải được trang bị để có thể đáp ứng và xử lý bất cứ điều gì khả dĩ xảy ra, nhằm đạt được những kết quả cao nhất và tốt nhất. Cần khai mở năng lực của con người với những biểu lộ có tính cách xây dựng và viên mãn nhất. Không nên đưa ra mức giới hạn thành đạt nào đã chuẩn hóa. Sự thành đạt như thế sẽ khiến cho người ta cảm thấy hài lòng, tự mãn và vì thế mà trở nên tĩnh tại. Luôn luôn mỗi người phải tiến từ mức nhận thức thấp lên mức nhận thức cao hơn, và khả năng ý thức phải được mở rộng liên tục. Mở mang và tăng trưởng là định luật của đời sống, và trong khi đại chúng phải được nâng cao nhờ hệ thống giáo dục, giúp họ thích ứng với việc mang lại lợi ích lớn nhất cho tuyệt đại đa số, thì mỗi cá nhân phải được thừa hưởng đầy đủ những di sản của mình, và được trau dồi, rèn luyện đặc biệt thích hợp. Điều này sẽ bồi dưỡng và tăng cường những gì tinh tế nhất và tốt đẹp nhất trong chúng ta, với triển vọng sẽ đạt được trong Thời đại Mới. Những người 28 thấp kém và trẻ bước cũng phải được đào tạo, tập rèn đặc biệt thích hợp để họ có thể tiến lên đến tiêu chuẩn cao mà các nhà giáo dục đã đề ra. Thế nhưng, điều thậm chí còn quan trọng hơn nữa là không người nào với năng khiếu và khả

năng đặc biệt sẽ bị giữ dậm chân một chỗ ở mức bình thường của cấp giáo dục đại chúng.

Tất nhiên là thật khó mà định nghĩa giáo dục, và người ta đang thắc mắc thế nào là chủ đích và mục tiêu thực sự của giáo dục. Vì nhận thức được điều đó nên trong bài viết của ông Ts. Randall đã nói :

“Tôi đề nghị định nghĩa giáo dục là một cuộc rèn luyện có thể đưa ra để mỗi cá nhân tự suy ngẫm. Mỗi người cần tự hỏi ‘giáo dục’ có ý nghĩa thế nào đối với chính mình, và nếu ngẫm nghĩ câu hỏi này một cách sâu xa họ sẽ khám phá ra rằng muốn giải đáp được nó họ phải thấu hiểu được ý nghĩa sâu kín nhất của chính cuộc sống. Khi suy tư một cách nghiêm chỉnh về ý nghĩa của giáo dục, nhất thiết chúng ta phải đối diện với những câu hỏi cơ bản về cuộc sống mà từ trước đến nay chúng ta chưa hề nghi vấn. . . . Có phải mục đích của giáo dục là thu đạt kiến thức ? Chắc chắn là có, nhưng thu đạt kiến thức để làm gì ? Có phải mục tiêu của nó là quyền lực ? Vãn đúng, thế nhưng quyền lực nhắm đến mục đích gì ? Có phải mục tiêu của nó là chinh đốn xã hội ? Người của thời đại hiện nay trả lời một cách quả quyết rằng có, thế nhưng sẽ chinh đốn như thế nào và với những lý tưởng như thế nào ? Nói rằng giáo dục không chỉ nhắm đến việc thu đạt kiến thức hoặc thu đạt một loại quyền lực nào đó, mà nhắm đến kiến thức và quyền lực với những công dụng đúng đắn, là điều rõ ràng đang được sự thừa nhận của những người có tư tưởng giáo dục tiến bộ nhất, dù chưa được sự thừa nhận chung của mọi người. . . .

“Thế nên, nền giáo dục mới có mục đích cao cả là rèn luyện và phát triển mỗi cá nhân để giúp ích cho các mục tiêu xã hội, có nghĩa là để phụng sự tốt đẹp nhất cho con người. . . .

“Chúng ta thường phân loại giáo dục theo ba cấp – tiểu học, trung học và đại học. Tôi thấy cần thêm vào ba cấp này

29 *một cấp thứ tư, là cấp cao nhất. Cấp giáo dục cao nhất là tôn giáo, thế nhưng tôn giáo đó cũng chính là giáo dục.*"⁴

Điều thú vị là chính những ý tưởng này cũng được Bhagavàn Dàs phát biểu tại Hội nghị Giáo dục Toàn Châu Á Lần Thứ nhất. Ông nói :

*"Những qui luật của Tôn giáo, tức là của Khoa học sâu rộng hơn, giúp chúng ta có thể . . . trả sạch những món nợ này và làm tròn các nhiệm vụ nặng nề hơn. Người ta đã mô tả tôn giáo là mệnh lệnh của Thượng Đế hay Thiên khải. Nói cách khác, điều này chỉ có nghĩa là các định luật Thiên nhiên của Thượng Đế, được hiển lộ qua những nỗ lực khó nhọc về mặt trí tuệ, trực giác, với những hứng khởi tinh thần của các nhà thông nhân và các nhà khoa học trong tất cả các tôn giáo và tất cả các quốc gia. . . . Chúng ta đã nghe nói nhiều về ba điều trên. Điều thứ tư này, là Tôn giáo đích thực, vốn có tầm quan trọng hơn hết. . . . Thế nhưng, trước hết chúng ta phải thận trọng khám phá và suy ngẫm kỹ về tôn giáo. Công việc này cần sự trợ giúp của các nhà giáo dục thành tâm thiện chí bằng cách áp dụng phương pháp khoa học là xác định những điểm tương đồng trong những điều khác biệt."*⁵

Dường như cả Đông và Tây đều cảm thấy rằng một hệ thống giáo dục tốt cuộc không đưa mỗi người vượt ra ngoài thế giới của các hoạt động nhân loại để đi vào tâm thức rộng lớn hơn về những vấn đề tinh thần, là đã không làm tròn nhiệm vụ và không đáp ứng được yêu cầu bức thiết của linh

⁴ Randall, John Herman, *Giáo dục và Tôn giáo*, Tạp chí Hợp nhất Thế giới, Tháng Mười 1928.

⁵ Dàs, Bhagavàn, *Sự Hợp nhất Tư tưởng của Tất cả các Tôn giáo ở Á Châu*, tr. 12.

hồn con người. Một sự rèn luyện sẽ thiếu sót rất nhiều nếu dừng lại ở mức trí tuệ, mà bỏ qua khả năng trực nhận chân lý vốn có nơi những trí giả uyên thâm. Nếu sự rèn luyện đó khiến cho học viên có trí tuệ đóng kín và tĩnh tại, tức là làm cho họ thiếu các trang bị để chạm đến “bốn phần năm của đời sống,” những gì vô hình và tinh tế nhất mà Ts. Wiggam cho chúng ta biết là hoàn toàn ở ngoài lĩnh vực đào tạo của khoa học.⁶ Cánh cửa phải mở ra cho những ai có thể đi xa hơn sự rèn luyện trí tuệ về mặt học thuật liên quan đến đời sống trên cảnh giới hồng trần.

Sự thành công của nhân loại trong tương lai sẽ gắn bó với thành công của những cá nhân có khả năng đạt được những điều lớn lao hơn, vì có tính tinh thần hơn. Chúng ta phải khám phá ra những phần tử này trong gia đình nhân loại và khuyến khích họ tiến tới để đi vào lĩnh vực vô hình. Họ phải được trau luyện và thụ hưởng một nền giáo dục với những điều chỉnh sao cho thích hợp với những gì cao đẹp nhất trong họ. Một nền giáo dục như thế cần có sự nhận thức thích đáng về mức phát triển và tình trạng của mỗi cá nhân, và hiểu đúng được đâu là bước kế tiếp cần có cho trường hợp đó. Về phần người thầy cần có sự hiểu biết sâu sắc, sự cảm thông và trí thông tuệ.

Các nhà giáo dục ngày càng nhận thức được nhu cầu nâng lên những quá trình giáo dục tiên tiến hơn, nhằm giúp cho những người được rèn luyện trong đó vượt ra ngoài lĩnh vực trí tuệ có tính thuần phân tích và phê phán, để đi vào lĩnh vực thuần lý và nhận thức trực giác. Bertrand Russell nói rằng “Giáo dục không nên chỉ nhắm đến cái biết thụ động về những sự kiện cứng nhắc, mà phải có hoạt động hướng về thế giới trong đó chúng ta có những nỗ lực sáng tạo.” Thế nhưng, cần lưu ý rằng công tác sáng tạo đòi hỏi người sáng tạo phải

⁶ Wiggam, Albert Edward, *Mười Điều răn Mới của Khoa học*.

năng động và tích cực, hành động có chủ đích và vận dụng trí tưởng tượng sáng tạo của mình. Phải chăng đó là kết quả của các hệ thống giáo dục hiện đại của chúng ta ? Có đúng hay không khi nói rằng trí tuệ bị chuẩn hóa và đè nặng bởi hệ thống công kênh và phương pháp nhồi nhét vào trí nhớ những sự kiện chỉ được tiêu hóa dở dang ? Nếu Herbart đúng khi cho rằng “công việc chính yếu của giáo dục là làm hiển lộ phương diện đạo lý của vũ trụ” thì có lẽ Ts. Moran cũng đúng khi ông nêu ra rằng “một trong những nguyên nhân tiềm ẩn, có lẽ là nguyên nhân lớn nhất, đã tạo nên thời đại xu phụng vật chất hiện nay là vì nền giáo dục chính qui của chúng ta thiếu vắng yếu tố tinh thần.”

Một số người trong chúng ta cũng cảm thấy rằng vốn có một mục tiêu thậm chí còn lớn hơn là làm hiển lộ phương diện đạo lý. Họ cảm thấy rằng có thể nhân loại đang nắm giữ một nguồn vinh quang và huy hoàng chỉ được nhận thức đầy đủ khi đại khối quần chúng đạt đến một phần trình độ giác ngộ cao cả của những Nhân vật lỗi lạc trên thế giới ngày xưa. Khi nói rằng mục tiêu đích thực của giáo dục là *đưa loài người ra khỏi giới thứ tư hay giới nhân loại để đi vào lĩnh vực tinh thần* nơi mà những người tiên phong gọi là các Nhà thần bí, và những Nhân vật đặt tiêu chuẩn cao cho nhân loại đang sống và hoạt động, thì phải chăng điều đó không đúng theo chiều hướng phát triển trên con đường tiến hóa ? Thế nên, nhân loại sẽ được giúp cho vượt ra khỏi ngoại giới của đời sống vật chất để đi vào lĩnh vực tinh thần, nơi có những giá trị chân thực, và ở đó mỗi người có thể tìm thấy Chân ngã cao cả nơi chính mình mà đời sống phàm nhân của họ chỉ để làm hiển lộ ra. Keyserling gợi ý về điều này như sau :

“Chúng ta biết những giới hạn của lý trí con người; chúng ta hiểu nỗ lực phấn đấu của mình có ý nghĩa gì; chúng ta là

chủ của thiên nhiên. Chúng ta có thể đồng thời quan sát được cả nội giới và ngoại giới. Vì chúng ta có thể xác định về mặt khoa học đâu là những chủ đích chân thực của mình, nên nhất thiết chúng ta không còn để cho lâm vào tình trạng làm
 32 môi cho sự lừa gạt của chính mình. . . . Từ nay trở đi, khả năng này phải trở thành động cơ hữu thức của đời sống. Từ trước đến giờ, nó chưa có thể tác động được. Thế nhưng thực sự động cơ này rất quan trọng vì trung tâm của ý thức chính là khởi điểm của mỗi người. Khi người này chuyển trọng tâm chú ý của mình đến đâu thì ý thức của y thực sự trụ ở đó; và toàn bộ cuộc sống của y được tái tổ chức theo điểm trụ này Thế nên, cần có một nền giáo dục tổng hợp cả tri và hành để mỗi người có được nhận thức sâu xa hơn trong cuộc sống.

“Toàn bộ nền giáo dục ở Đông phương đều hoàn toàn hướng về sự thấu hiểu Nguyên nghĩa của vạn vật, . . . vốn là phương cách duy nhất chứng tỏ có thể nâng cao tinh hoa của sự Sống Điều cốt yếu không phải là thông tin hay kiến thức mà là sự thông hiểu, và chỉ có thể đạt được sự thông hiểu bằng cách ứng dụng sáng tạo của mỗi cá nhân. . . . Luôn luôn việc nhận thức được Nguyên nghĩa tức là tìm thấy ý nghĩa của mỗi sự vật. Bề đo của Ý nghĩa theo chiều hướng từ trong ra ngoài. Thế nên, kiến thức (tức là thông tin) và sự thông hiểu thực tế là có cùng mối quan hệ với nhau như thiên nhiên ở bên ngoài và Tinh thần bên trong. Thông tin được thu thập từ ngoài vào trong; và thông hiểu là tiến trình sáng tạo theo chiều hướng ngược lại. Trong những trường hợp này, không có con đường nào trực tiếp từ mục tiêu này đưa đến mục tiêu kia. Người ta có thể biết mọi thứ thế mà vẫn không thực hiểu được điều nào cả. Và đây rõ ràng là tình trạng mà nền giáo dục của chúng ta, vốn nhắm đến việc nhồi nhét kiến thức, đã đưa phần đông mọi người đến đó.”⁷

⁷ Keyserling, Count Hermann, *Sự Thông hiểu Sáng tạo*, tr. 257, 216, 217.

Sách này bàn về phương pháp được dùng để phát triển khả năng hoạt động trong phạm vi tâm thức rộng lớn hơn, và để mỗi người có thể tái tổ chức cuộc Sống của mình hướng về những vấn đề cao rộng hơn. Đây chính là kỹ thuật mà mọi cá nhân có thể dùng để áp dụng sự rèn luyện chuyên 33 biệt và tự phát triển khi họ muốn tiến đến mục tiêu cao đẹp này. Nếu ý muốn đó có thể hình thành một cách sáng tỏ và hợp lý trong trí mỗi người và được họ đánh giá là mục tiêu hoàn toàn chính đáng, có thể thành đạt, thì họ sẽ hết lòng theo đuổi. Nếu xã hội tạo phương tiện và cơ hội cho bước tiến vừa kể, thì nhiều người sẽ hân hoan tìm đường đi tới. Phương pháp được đề nghị là kỹ thuật cá nhân giúp cho người học viên, sau khi đã hưởng được lợi ích của nền giáo dục học thuật thông thường và các kinh nghiệm sống, có thể mở rộng tâm thức cho đến khi dần dần vượt lên những giới hạn hiện tại, và chuyển hướng trí tuệ vào những nhận thức rộng lớn hơn. Họ sẽ khám phá ra linh hồn là Thực tại trọng đại, và nhờ thế mà có kinh nghiệm trực tiếp về những sự vật tinh thần.

Everett Dean Martin định nghĩa giáo dục là “việc đánh giá lại cuộc sống nhân loại về mặt tinh thần. Nhiệm vụ của giáo dục là *tái định hướng* mỗi cá nhân để giúp họ có thể nhìn thấy những gì có ý nghĩa sâu xa hơn và phong phú hơn trong các kinh nghiệm của mình, và giúp họ vượt cao hơn chứ không bị giam nhốt trong hệ thống gồm những niềm tin và lý tưởng của chính mình.”⁸ Tất nhiên định nghĩa này sẽ dẫn đến nhiều tranh cãi, vì mỗi người trong chúng ta đều sống trong một môi trường khác nhau; mỗi người đều có những vấn đề khó khăn và những đặc điểm riêng, do di truyền, do điều kiện thể chất và nhiều yếu tố khác. Do đó các tiêu chuẩn giá trị sẽ phải được sửa đổi cho mỗi cá nhân, cho mỗi thế hệ,

⁸ Martin, Everett Dean, *Ý nghĩa của Nền Giáo dục Tự do*, tr. viii, Lời nói đầu.

quốc gia và chủng tộc. Có thể đúng khi nói rằng giáo dục là nhằm để chuẩn bị cho chúng ta có được “cuộc sống hoàn mãn” (như Herbert Spencer đã nói), thế nhưng mỗi người có phạm vi và khả năng khác nhau. Mức thành đạt thấp nhất và cao nhất của mọi người thật vô cùng khác nhau và, hơn thế nữa, một người được trang bị để hoạt động trong một lĩnh vực nào đó lại có thể tỏ ra thiếu khả năng đến mức gây ngạc nhiên trong một lĩnh vực khác. Vì thế mà cần phải đưa ra một tiêu chuẩn nào đó về “cuộc sống hoàn mãn” để định nghĩa này trở nên hữu ích. Muốn thế, chúng ta phải xác định thế nào là người phát triển viên mãn và hoàn thiện, và toàn bộ phạm vi giao tiếp của người đó rộng đến đâu. Dường như chúng ta chưa có thể khảo xét đến mức rớt ráo về các khả năng của bộ máy ứng đáp của con người, hoặc môi trường mà trong đó nó có thể giúp họ giao tiếp được. Đâu là những giới hạn mà trong đó con người có thể hoạt động? Nếu có những trạng thái ý thức khác nhau từ mức của người thấp kém nhất cho đến trình độ của giới trí thức, các bậc thiên tài và những người lỗi lạc nhất trong mọi ngành hoạt động của nhân loại, thì những gì đã tạo nên sự khác biệt giữa họ như thế? Tại sao những lĩnh vực nhận thức của họ lại quá đối khác nhau? Người thì cho rằng đó là do sự phát triển của chủng tộc; người khác thì nêu lý do là sự ổn định hoặc không ổn định của các hạch tuyến; và những nhóm nhà tư tưởng khác thì đưa ra nguyên nhân là có những điều kiện giáo dục thuận lợi hay không, đầy đủ hay thiếu thốn, hoặc do những dị biệt trong môi trường sống và đặc tính di truyền.

Tuy nhiên, từ trong các ý kiến khác biệt này lại nổi rõ sự kiện thực tế về những trạng thái ý thức rất dị biệt giữa mọi người, sự thán phục trong nhận thức rằng nhân loại đã tạo nên biết bao điều kỳ diệu với khả năng thông hiểu toàn diện, với sự thanh khiết trong cách phát biểu và ảnh hưởng sâu rộng trên

35 khắp thế giới mà chúng nhân là Đức Christ, Đức Phật, Plato và nhiều vị khác, tư tưởng và giáo huấn của các Ngài đã để lại dấu ấn trong trí tuệ con người bao nhiêu ngàn năm qua. Điều gì đã giúp các Ngài đạt đến trình độ đó ? Có phải chăng các Ngài là những phép lạ, xuất lộ từ trong tâm của Nguồn Sống Vô cùng, và vì thế mà không ai sánh kịp ? Có phải chăng các Ngài là sản phẩm của diễn trình tiến hóa và do thế đã trở nên mạnh mẽ qua kinh nghiệm rộng lớn và sự khai mở thâm sâu ? Hoặc có phải các Ngài là tinh hoa của nhân loại, đã được nhân loại bổ sung một sự trau dồi chuyên biệt vào trang bị và việc rèn luyện, để các Ngài có thể đi vào thế giới tinh thần vẫn còn đóng kín với đại đa số nhân loại, và hoạt động trong một bề đo của không gian mà ngay cả những nhà tư tưởng tiên tiến nhất cũng còn chưa biết được ? Có phải chăng các hệ thống giáo dục hiện nay của chúng ta đã đưa toàn nhân loại đến trình độ mà nhiều ngàn người đang sẵn sàng thực hiện sự trau dồi chuyên biệt này, và vì thế chúng ta đang đứng trước một khúc quanh quan trọng trong ngành giáo dục, vốn bắt nguồn từ một sự thành công mà nếu cứ tiếp tục tiến hành theo những đường hướng như trước thì sẽ trở nên điều bất lợi thay vì giúp ích, – bởi vì con người đang sẵn sàng cho một điều gì đó mới mẻ hơn ? Một số người trong chúng ta tin rằng điều này có thể xảy ra, và tin rằng đã đến lúc các nhà giáo dục cần bắt đầu chuẩn bị mọi người cho kinh nghiệm mới mẻ và thiêng liêng, và cho cuộc thực nghiệm tuyệt vời giúp mọi người ở mọi nơi sở hữu được điều mà từ trước đến nay chỉ là đặc quyền chọn lựa của các nhà thần bí và các thức giả của nhân loại. Các thức giả này đã làm chúng cho một thế giới rộng lớn hơn thế giới mà chúng ta đã biết qua hệ thần kinh, và qua việc khảo cứu của nhà hóa học, nhà vật lý, nhà sinh vật học, và nhà nhân chủng học. Họ đã nói với những từ ngữ không chút gì mơ hồ về một lĩnh vực giao tiếp

36 và ý thức mà trong đó các giác quan bình thường trở nên vô

dụng. Họ khẳng định là đã sống và hoạt động trong các lĩnh vực tinh vi tế nhị này, và sự kiên trì nhẫn nại của các nhà thần bí trong việc tìm kiếm thực tại cùng sự tương đồng trong các chứng cứ của họ qua các thời đại khiến người ta tin rằng khả dĩ có thể giới vô hình nói trên và mỗi người có một bộ máy ứng đáp để có thể giao tiếp với thế giới đó. Hàng ngũ của những nhà thần bí gọi là “bị nhầm lẫn” và những nhà tư tưởng có khả năng trực giác này lên đến hàng muôn ngàn người gồm những người có trí tuệ cao trong nhân loại. Họ nói với chúng ta qua lời của Walt Whitman : “Tôi và những người như tôi không thuyết phục bằng lý lẽ, mà thuyết phục bằng sự hiện diện của chúng tôi.”⁹

Cũng có định nghĩa giáo dục là “việc mạo hiểm tìm kiếm ý nghĩa của cuộc sống, gồm cả khả năng suy xét thấu đáo các sự vật.” Tôi không nhớ là ai đã nói câu này, nhưng đối với tôi nó có vẻ là cách mô tả hay nhất về con đường của nhà thần bí và kỹ thuật tham thiền để nhờ đó mà nhà thần bí trở thành một thức giả hoàn toàn hiểu biết. Dù có ai tìm cách giải thích lệch lạc như thế nào, sự thực là con người vẫn tiếp tục tìm kiếm qua các thời đại, và nỗ lực tìm kiếm này giúp họ vào sâu hơn những biểu hiện cụ thể ở bề ngoài của thế giới mà họ đang sống. Ts. Overstreet khiến chúng ta chú ý đến điều này bằng những lời nhắn gửi thực sự thần bí, như sau :

“Chính yếu chúng ta là những sinh vật có thể thấy được ‘các sự vật’. Chúng ta thấy cái trước mắt và thường không nhìn xa hơn những gì chúng ta đang thấy. Thử nghiệm thế giới như chỉ là thế giới của các sự vật thì rõ ràng là đã đánh mất một điều gì đó có ý nghĩa. Kinh nghiệm về các sự vật chắc chắn là tốt ở tầm mức đó. Nó giúp chúng ta có thể hoạt động trong đời, và vận dụng các yếu tố trong đời sống với một

⁹ Whitman, Walt, *Những Lá Cỏ*.

mức độ thành công ít hoặc nhiều. . . . Tuy nhiên, chúng ta có thể có ‘cảm nhận’ khác về thế giới này, nếu phát triển được một thói quen khác của trí tuệ. Nói vắn gọn đó là thói quen nhìn thấy cái vô hình vô ảnh trong thực tại hữu hình; đó là thói quen nhìn xuyên qua cái bề ngoài, là nhìn xuyên suốt các sự vật để thấu đến nguồn phát khởi ra chúng.”¹⁰

Hiện nay, có lẽ mọi người sẵn sàng đi sâu hơn những gì họ thấy ở bề ngoài và tìm kiếm bên trong cái ngoại dạng của thiên nhiên để thấu đến nguyên nhân của nó. Có lẽ chúng ta thường nhầm lẫn tinh thần tôn giáo với cuộc tìm kiếm thần bí. Tất cả những tư duy sáng tỏ về cuộc sống và về các đại luật của thiên nhiên, nếu được tiến hành một cách kiên trì và liên tục, rốt cuộc sẽ dẫn đến thế giới thần bí, và những nhà khoa học tiên tiến nhất ngày nay đang bắt đầu nhận thức được thế giới này. Tôn giáo bắt đầu bằng việc chấp nhận giả thuyết về những điều chưa thấy được và có tính thần bí. Trong khi đó khoa học cũng đạt đến mức này bằng cách làm việc từ cái hữu hình đến những điều vô hình và từ khách thể đến chủ thể. Vì thế, như đã nêu trên, qua quá trình khảo cứu và đi sâu vào nội tâm từ hình thể này đến hình thể khác, rốt cuộc nhà thần bí đạt đến nguồn vinh quang của Chân ngã hiển lộ. Đường như hoàn toàn đúng rằng mọi con đường đều về với Thượng Đế – nếu ta xem Thượng Đế là mục tiêu tối hậu, là biểu tượng cho cuộc tìm kiếm Thực tại của con người. Sẽ không còn là dấu hiệu mê tín khi ta tin rằng có một bề đo cao hơn và tin rằng có một thế giới khác vẫn đang hiện hữu. Ngay đến từ “siêu nhiên” cũng có ý nghĩa sâu xa và đáng trân trọng, và dường như khả dĩ một ngày nào đó các hệ thống giáo dục của chúng ta có thể xem việc mỗi cá nhân chuẩn bị để vượt cao hơn các giới hạn tự nhiên của họ, là một phần hoàn toàn đúng đắn trong các hoạt động giáo dục.

¹⁰Overstreet, H. A., *Cuộc Tìm kiếm Lâu dài*, tr. 114.

Về từ “siêu nhiên”, trong các bài diễn thuyết của ông tại Gifford năm 1923, Ts. C. Lloyd Morgan đã nói một cách thú vị như sau:

*“Một điều dễ hiểu có thể nêu ra ở đây là trong các giai đoạn tiến bộ theo những đẳng cấp từ thấp lên cao, được xem như những biểu hiện của Chủ đích Thiêng liêng, lần lượt mỗi giai đoạn cao hơn đều là siêu nhiên đối với giai đoạn trước đó. Theo ý nghĩa này, sự sống là siêu nhiên đối với cấp vô cơ ; sự thấu hiểu quán xét trong tư tưởng là siêu nhiên so với nhận thức chất phác thiếu quán xét ; và thái độ tôn giáo thừa nhận Chủ đích Thiêng liêng là siêu nhiên so với thái độ đạo đức trong hoạt động xã hội. Đối với những người cho rằng họ đã đạt đến giai đoạn cao nhất thì thái độ tôn giáo là mẫu mực tối cao của cái siêu nhiên. Đó là đặc điểm của con người tinh thần.”*¹¹

Liên quan đến vấn đề chúng ta đang bàn, ông nói thêm thật hay và thật thích đáng rằng “Chúng ta cần chú trọng vào thái độ mới, vì tôi nghĩ rằng chính thái độ này là điều đang xuất lộ. Thế nên chúng ta có thể nói đến một ‘tâm nhìn’ mới, và ‘tâm hồn’ mới, có thể đón nhận niềm vui cao đẹp hơn và phong phú hơn.”¹²

Trong quyển sách nổi tiếng của ông “*Bản tính của Con người và việc Chuyển hóa Nhân tính*”, Ts. Hocking nói rằng giáo dục có hai chức năng. Trước hết giáo dục phải đưa ra cái kiểu mẫu, rồi tạo điều kiện để tăng trưởng vượt cao hơn kiểu mẫu đó. Giáo dục có chủ đích giúp con người thành người thực sự ; giáo dục phải giúp cho nhân tính nảy nở tròn đầy và
39 hoàn hảo, để làm hiển lộ và khả dĩ thực hiện được những tiềm năng ẩn tàng mà toàn nhân loại đang cố gắng phát triển. Tiếp theo quá trình phát triển tự nhiên, phải có việc

¹¹ Morgan, C. Lloyd, *Sự Sống, Trí tuệ và Tinh thần*, tr. X, Lời nói đầu.

¹² Như trên.

khơi dậy ý-chí-hiểu-biết, và sau đó là ý-chí-thực-hiện-bản-tính-tinh-thần. Đây chính là phương diện mà tham thiền được xem là một phần của kỹ thuật giáo dục đại học sẽ phát triển trong Thời đại Mới. Người ta sẽ thấy tham thiền là phương tiện để mỗi người, khi đã đến mức phát triển đầy đủ, có thể tiến cao hơn nữa và đi vào một cõi giới mới trong thiên nhiên. Chính yếu tham thiền là một tiến trình giáo dục mà mỗi cá nhân tự phát khởi, khơi dậy toàn bộ năng lực ý chí của mình. Tiến trình này dựa vào chính những trang bị hiện tại của hành giả, nhưng cuối cùng tạo ra một mẫu người mới, theo kiểu mẫu của linh hồn, với cơ chế nội tại sẵn có, và trong chính nó có sẵn hạt giống cho cuộc khai mở còn rộng lớn hơn nữa.

Từ vị thế là những gì áp đặt từ bên ngoài, tiến trình giáo dục mới tạo sự tăng trưởng viên mãn từ bên trong, và trở thành kỹ luật trí tuệ mà mỗi cá nhân tự áp dụng, được mô tả bằng những từ bị hiểu lầm – là tập trung, tham thiền, và nhập định. Từ chỗ là một quá trình rèn trí nhớ, phát triển khả năng xử lý nhanh của bộ máy ứng đáp để giao tiếp với ngoại giới, kỹ thuật giáo dục trở thành một hệ thống vận hành trí tuệ, rút cuộc mang lại ý thức nội tại về một trạng thái mới của đời sống. Rốt cuộc, kỹ thuật này tạo được sự phản ứng và đáp ứng mau lẹ với một thế giới vô hình và không thể thấy bằng mắt thường, và một loạt các nhận thức mới có tính bản năng bắt nguồn từ một bộ máy ứng đáp tinh tế hơn. Bấy giờ, kiểu mẫu của linh hồn chế ngự nhân tính, cũng như nhân tính đã chế ngự thú tính vậy. Giống như nhân tính là sản phẩm của bản năng và nền giáo dục đại chúng, và đã được khai mở đến mức cao qua các hệ thống giáo dục hiện đại, kiểu mẫu linh hồn cũng là sản phẩm của một phương pháp mới trong việc rèn luyện trí tuệ, do linh hồn của mỗi người áp dụng cho chính họ, được khơi dậy qua nỗ lực tìm

kiếm khẩn thiết và tác động ý chí của hành giả. Linh hồn luôn luôn ẩn tàng trong hình hài con người, nhưng được đưa vào hoạt động và biểu lộ qua thực hành tham thiền.

Hai phương pháp kể trên gồm việc giúp mỗi người phát triển đầy đủ cũng như nâng họ lên đến tiêu chuẩn chung, và việc làm xuất lộ kiểu mẫu mới hay linh hồn, là nét khác biệt chính yếu giữa các phương pháp giáo dục của Tây phương và Đông phương.

Khi đối chiếu hai đường lối phát triển này, chúng ta sẽ thấy được nhiều điều. Ở Đông phương có việc trau dồi cá nhân một cách chu đáo, nhưng đại chúng bị bỏ bê đến mức thực tế là không được giáo dục. Trái lại, ở Tây phương có nền giáo dục đại chúng, nhưng cá nhân bị bỏ quên, và nói chung là không có sự trau dồi đặc biệt nào cả. Hai hệ thống lớn và khác biệt này mỗi hệ thống đã tạo nên một nền văn minh, với những tính chất và cách biểu hiện đặc thù, nhưng cũng có những khiếm khuyết rõ rệt. Những tiền đề cơ bản của các hệ thống này rất khác biệt nhau, nhưng rất đáng cho chúng ta xem xét, vì khi thấu hiểu chúng và rút cuộc kết hợp được cả hai chúng ta sẽ có thể tìm thấy lối thoát cho nhân loại mới trong Thời đại Mới.

Thứ nhất : Trong hệ thống của Đông phương, người ta cho
 41 rằng bên trong mỗi hình hài con người có ẩn nự một thực thể, một sinh linh, gọi là cái ngã hay là linh hồn. Thứ hai : Cái ngã này sử dụng hình hài con người làm khí cụ hay là phương tiện để phát biểu, và rút cuộc tự biểu hiện qua các trạng thái trí tuệ và tình cảm, sử dụng thân xác làm bộ máy hoạt động ở cõi trần. Cuối cùng, cái ngã chế ngự được các phương tiện phát biểu này theo Luật Tái sinh hay Luân hồi. Nhờ diễn trình tiến hóa (qua nhiều kiếp sống trong thể xác) cái ngã dần dần kiến tạo được khí cụ thích hợp dùng để biểu hiện, và học cách làm chủ khí cụ đó. Bằng cách này cái ngã

hay linh hồn trở nên thực sự sáng tạo và hữu thức theo ý nghĩa cao nhất, trở nên năng động trong môi trường của mình, và biểu hiện chân tính của mình một cách hoàn hảo. Rốt cuộc, linh hồn được hoàn toàn giải thoát ra khỏi hình thể, thoát khỏi tình trạng nô lệ cho dục vọng, và sự thống trị của trí năng. Sự khai phóng cuối cùng này và sau đó là việc chuyển tâm điểm của ý thức từ giới nhân loại đến giới tinh thần, được đẩy nhanh và bồi dưỡng bằng phương pháp giáo dục chuyên sâu, gọi là tiến trình tham thiên, đặt căn bản trên trí tuệ đã được trau dồi ngày càng uyên bác.

Kết quả của việc rèn luyện cá nhân và chuyên sâu nói trên đã đạt đến mức hết sức ngoạn mục. Phương pháp này của Đông phương là phương pháp duy nhất đã sản sinh được những Vị sáng lập tất cả các tôn giáo trên thế giới, vì tất cả đều có nguồn gốc Châu Á. Cũng chính phương pháp này đã tạo ra các Thánh kinh mang nguồn cảm hứng cao siêu của thế giới, đã nắn đúc tư tưởng của biết bao người, và giúp sản sinh 42 tất cả các bậc Cứu thế – như Đức Phật, Zoroaster, Shri Krishna, Đức Christ, và những vị khác. Thế nên, nhờ kỹ thuật đặc biệt của phương Đông, tất cả những Đấng Cao cả đã ra đời, mỗi vị gióng lên âm điệu thời đại của mình, trao truyền giáo huấn cần thiết cho sự khai mở Ý tưởng Thiêng liêng trong trí tuệ mọi người, để đưa nhân loại tiến tới trên đường nhận thức tinh thần. Chúng ta cũng thấy kết quả bên ngoài của cuộc đời các Ngài trong các tôn giáo lớn có tổ chức qui củ.

Tuy nhiên, bên cạnh việc huấn luyện những cá nhân đã phát triển cao, đại chúng trên khắp Châu Á đã bị bỏ bê, và hậu quả là (theo quan điểm phát triển chủng tộc) hệ thống này bỏ qua nhiều điều cần phải làm. Khuyết điểm của hệ thống này là phát triển những khuynh hướng thiếu thực tế và huyền hoặc. Nhà thần bí thường không thể thích ứng với môi trường sống chung quanh, và khi người ta hoàn toàn chú trọng vào phương

diện chủ quan của đời sống, thì phúc lợi về mặt thể chất của cá nhân và nòi giống không được quan tâm và bị bỏ qua. Đại chúng bị bỏ mặc cho vùng vẫy trong vũng bùn của dốt nát, bệnh tật và dơ bẩn, và do thế chúng ta thấy tình trạng đáng thương ở khắp phương Đông bên cạnh sự sáng suốt tinh thần cao tột của một thiểu số người được đặc ân.

Ở phương Tây, có sự chú trọng hoàn toàn ngược lại. Người ta không chú ý đến đời sống nội tâm, xem đó chỉ là giả thuyết, và việc trau dồi cho mọi người đều dựa vào các tiền đề sau đây : Thứ nhất, có một thực thể được gọi là con người ; con người có trí tuệ, cùng những loại tình cảm, xúc cảm khác nhau, và một bộ máy ứng đáp để qua đó mỗi người tiếp xúc 43 với môi trường chung quanh mình. Thứ hai, tùy theo tính chất của bộ máy này, tùy theo tình trạng trí tuệ, và tùy theo những trường hợp trong môi trường sống chung quanh, mà tâm tính và thiên hướng của người đó cũng giống như thế. Mục tiêu của tiến trình giáo dục, áp dụng trên qui mô lớn và không phân biệt, là nhằm giúp cho mỗi người mạnh khỏe về thể chất, trí tuệ linh lợi, có trí nhớ tốt, với những phản ứng có kiểm soát, và tâm tính tốt khiến người đó hữu ích cho xã hội và có thể đóng góp vào nền kinh tế. Trí tuệ của học sinh được xem là kho chứa các sự kiện được truyền đạt, và em được đào tạo để nhằm trở nên một thành viên hữu ích cho xã hội, có thể tự sinh sống và tính tình tử tế. Sản phẩm của các tiền đề này là điều ngược lại đối với Đông phương. Tây phương không có lối trau dồi thuộc loại đặc thù để tạo nên những nhân vật vang danh khắp thế giới như Châu Á đã làm, nhưng lại phát triển hệ thống giáo dục đại chúng, và những nhóm nhà tư tưởng. Vì thế mà có các trường đại học, cao đẳng, trường công lập và tư thục. Những cơ sở này đã lưu dấu ấn trên muôn ngàn người, chuẩn hóa và đào tạo họ, biến họ thành một loại sản phẩm người, có một số kiến thức đồng

nhất, một kho chứa các sự kiện rập khuôn và hiểu biết nông cạn. Điều này có nghĩa là không có sự dốt nát đáng tiếc như ở phương Đông, mà có trình độ kiến thức phổ thông khá cao. Tất cả đã tạo nên những gì được gọi là nền văn minh, với nguồn sách vở phong phú, và nhiều ngành khoa học. Vì thế mà có việc khảo cứu khoa học về con người, và (trên đỉnh cao tiến hóa của nhân loại) có những Đoàn nhóm lớn tương phản
44 với các Đấng cao cả của Đông phương. Những điểm đối chiếu khái quát có thể tóm lược như sau :

<i>TÂY PHƯƠNG</i>	<i>ĐÔNG PHƯƠNG</i>
<i>Các Tập thể</i>	<i>Các cá nhân</i>
<i>Sách vở, tài liệu</i>	<i>Các thánh kinh</i>
<i>Kiến thức</i>	<i>Minh triết</i>
<i>Nền văn minh ở ngoại giới ...</i>	<i>Nền văn hóa ở nội giới</i>
<i>Phát triển cơ khí.....</i>	<i>Phát triển thần bí</i>
<i>Chuẩn hóa</i>	<i>Tính cách độc nhất</i>
<i>Giáo dục đại chúng.....</i>	<i>Giáo dục chuyên sâu</i>
<i>Khoa học</i>	<i>Tôn giáo</i>
<i>Rèn trí nhớ</i>	<i>Tham thiền</i>
<i>Khảo cứu</i>	<i>Quán tưởng</i>

Thế nhưng cơ bản chỉ có một nguyên nhân – là do phương pháp giáo dục. Trong nền tảng, cả hai phương pháp đều đúng, nhưng cả hai cần bổ sung và bổ túc lẫn nhau. Nền giáo dục đại chúng khi được phát triển ở Đông phương sẽ giúp khắc phục những vấn đề khó khăn của họ ở cõi trần, đang hết sức cần có giải pháp. Một hệ thống giáo dục phổ cập rộng rãi phục vụ cho các tầng lớp đại chúng thất học tại Châu Á là nhu cầu khẩn thiết. Việc trau dồi cá nhân ở Tây phương và việc kết hợp kỹ thuật Bồi dưỡng Linh hồn đã được trao truyền ở Đông phương với vốn kiến thức mà người đó đã thụ hưởng,

sẽ nâng cao và cứu vớt được nền văn minh của chúng ta, đang băng hoại nhanh chóng. Phương Đông cần được truyền đạt thêm kiến thức và thông tin. Trong khi đó phương Tây cần minh triết và kỹ thuật tham thiên.

Hệ thống văn hóa và khoa học này, khi được áp dụng cho những người có trình độ học vấn cao, sẽ tạo nên những người
45 đóng vai trò cầu nối, họ sẽ thống nhất các thành tựu của cả hai bán cầu, và kết nối các lĩnh vực chủ quan và khách quan. Họ sẽ là những người tiên phong của Thời đại Mới. Bấy giờ mọi người sẽ có những hoạt động thực tế, trụ vững vào cõi trần, nhưng đồng thời cũng là những nhà thần bí và có nhãn thông, cũng sống trong thế giới tinh thần và mang lại nguồn cảm hứng và sự khai ngộ cho cuộc sống đời thường.

Để mang lại những điều kiện nói trên và tạo được tập thể đông đảo các nhà thần bí thực tiễn tốt cuộc sẽ cứu giúp thế giới, cần có hai điều : – trí tuệ được rèn luyện đến mức cao với nền tảng là vốn kiến thức phổ thông rộng rãi (hệ thống Tây phương có thể cung cấp), cùng với ý thức tinh thần về thiên tính hay phật tính nội tại, tức là linh hồn, đạt được qua hệ thống tham thiên một cách khoa học của Đông phương. Sở dĩ có nhu cầu khẩn thiết này ở Tây phương là do người ta không thừa nhận Linh hồn và khả năng của trực giác, mà chính trực giác lại đưa đến sự khai ngộ. Cố Giáo sư Luzzatti, Thủ tướng của Ý, trong Lời nói đầu quyển sách uyên bác và rất có giá trị của ông “*Thượng Đế và Tự do*”, đã nói “Ở bất cứ nơi nào chúng ta cũng nhận thấy rằng việc mỗi cá nhân tăng cường chế ngự chính mình không theo kịp việc con người tăng cường chế ngự thiên nhiên.”¹³ Điều thiết yếu là thế giới Tây phương cần hoàn thiện các hệ thống giáo dục của họ bằng cách nào để thực hiện việc tự chinh phục và chế ngự bản thân.

¹³ Luzzatti, Luigi, *Thượng Đế và Tự do*.

CHƯƠNG BA

BẢN TÍNH CỦA LINH HỒN

“Các triết gia nói rằng Linh hồn có hai mặt, mặt trên luôn luôn chiêm ngưỡng Thượng Đế và mặt dưới hơi nhìn xuống, trụ vào các giác quan. Mặt trên là tột đỉnh của Linh hồn, vốn sống trong vĩnh cửu và không vướng bận với thời gian : không hề biết đến thời gian hoặc hình hài.”

MEISTER ECKHART

CHƯƠNG BA

BẢN TÍNH CỦA LINH HỒN

49 KHI BÀN CHI TIẾT về kỹ thuật mà khả dĩ nhờ đó người trí thức với trình độ học vấn cao có thể trở thành một thức giả có khả năng trực giác, thiết tưởng cần nêu lên một số thuyết cơ bản về khoa học tham thiền. Trong tiến trình tham thiền, hành giả phải nhận biết những phương diện khác nhau (trong phạm tính, hoặc phẩm tính thiêng liêng, tinh thần, tùy theo phương diện nào được chú ý nhiều hơn) mà y đang phát biểu. Thế nhưng chúng ta đừng bao giờ quên sự liên kết cơ bản giữa các phương diện này, khiến cho mỗi người toàn vẹn như một đơn vị tích hợp và duy nhất. Con người là một sự sống tích hợp ; tuy nhiên, đời sống có nhiều ý nghĩa đối với một số người hơn những người khác. Với một số người, đời sống chỉ thuần là sự tồn tại của thú tính. Với nhiều người nó có nghĩa là toàn bộ những kinh nghiệm thuộc về cảm xúc và giác quan. Với những người khác, nó bao gồm tất cả những kinh nghiệm đó, cùng với ý thức ở cấp trí tuệ, khiến cho cuộc sống hết sức phong phú và sâu sắc. Với một số ít người (là những tinh hoa của gia đình nhân loại) sự Sống là nhận thức được khả năng ghi nhận những giao tiếp có tính cách phổ quát và chủ quan, cũng như có tính cá nhân và khách quan. Keyserling nói :

“Khi nói về sự Sống của một người, phân biệt với khả năng của y, tức là chúng ta nói đến linh hồn sinh động của người đó. Nói rằng sự Sống này quyết định, có nghĩa là tất cả

những gì người đó bày tỏ đều thấm nhuần sự sống của cá nhân y, và mỗi điều y phát biểu đều tỏa ra cá tính và do cá nhân y chịu trách nhiệm sau cùng.”¹

Có thể nói rõ ở đây điều kiện thiết yếu là chỉ những ai biết suy tư với tinh thần trách nhiệm mới sẵn sàng để áp dụng những qui tắc và hướng dẫn giúp họ thực hiện sự chuyển tiếp và khai mở tâm thức, vốn là dấu hiệu tiêu biểu của nhà thần bí đã được khai ngộ và các thức giả có khả năng trực giác. Những dòng thi vị sau đây trong tác phẩm *Illuminanda* của Ts. Winslow Hall chỉ về mục tiêu này :

“Trong tất cả mọi người đều có ẩn tàng Ánh sáng;
 nhưng ít có ai
 Làm cho Nó chói rạng đến mức tròn đầy,
 Như ngọn đèn chiếu sáng từ bên trong thân xác,
 Ngọn lửa thiêng bùng lên khi ta đến gần với linh hồn !
 Quá ít người phát lộ nguồn vinh quang của Thượng Đế!
 Vì chúng ta
 Cứ mãi bị phủ che trong công việc và những cơn nóng
 giận thường ngày,
 Quá thảo nhiên ta làm lụi tàn và chận nghẹt
 Tia sáng Thiêng liêng lấp lánh trong tâm mỗi trẻ thơ.
 Thực chất mọi trẻ thơ đều là điểm linh quang của
 Thượng Đế;
 Nếu các em được tự do, Ngài sẽ
 Tự khai mở và tăng trưởng trong tâm các em,
 Điểm tô và uốn nắn cho đến khi các em bùng nở
 Như những đóa hoa hoàn toàn xinh đẹp, đáng yêu.”²

¹ Keyserling, Count Hermann, *Thông hiểu Sáng tạo*, tr. 180.

² Hall, W. Winslow, M.D., *Illuminanda*, tr. 218.

Đây là mục tiêu của tiến trình tham thiên – giúp mọi người thấy được Ánh sáng nội tâm của chính mình, và nhờ ánh sáng đó họ thấy được Ánh sáng cao siêu. Việc hiển lộ này vốn dựa vào một số luận thuyết xác định sự cấu tạo và bản chất của con người. Hiện nay, với sự tiến hóa và hoàn thiện khả năng trí tuệ con người, cùng với sự sắc bén và khả năng tập trung của nó, Tây phương có cơ hội tốt để trải nghiệm các thuyết này. Đương nhiên là nay có thể tiến hành cuộc thực nghiệm này một cách thông minh. Keyserling nói “Sự tổng hợp mới của trí tuệ và linh hồn phải phát khởi từ trí tuệ, ở đỉnh cao nhất của trí năng, để cho điều mang tính cách quyết định có thể xảy ra.”³

Tuy nhiên, muốn thực hiện được điều này, hành giả phải hiểu rõ ba điểm cơ bản của Đông phương về vấn đề, mà nếu thực sự được hiểu rõ sẽ làm sáng tỏ luận điểm của người môn sinh hành thiền theo phương pháp của Đông phương. Tuy nhiên, chúng ta cần nhớ câu tục ngữ Trung Hoa “Phương tiện dù tốt, trong tay người kém vẫn bị lạm dụng.” Ba tiền đề này là :

Thứ nhất : Mọi hình hài con người đều có linh hồn, và linh hồn sử dụng các phương diện thấp của y chỉ như những vận cụ để phát biểu. Mục tiêu của diễn trình tiến hóa là tăng cường và kiện toàn sự kiểm soát của linh hồn đối với các khí cụ nói trên. Khi sự kiểm soát này hoàn tất, đời người trở thành một sự biểu hiện thiêng liêng.

Thứ hai : Tổng thể của các phương diện thấp vừa kể, khi đã phát triển và điều hợp, được gọi là Phàm nhân. Phàm nhân bao gồm các trạng thái sinh hoạt trí tuệ và tình cảm, năng lượng sống và bộ máy ứng đáp của thân xác, và các phương diện này “tạo diện mạo” hay là che giấu linh hồn. Theo triết lý Đông phương, các phương diện này phát triển tuần tự và tăng tiến, và chỉ khi đã khai mở đến mức tương đối cao hành giả

³ Keyserling, Count Hermann, *Thông hiểu Sáng tạo*, tr. 125.

52 mới có thể điều hợp chúng và sau đó thống nhất chúng về mặt tâm thức với linh hồn ẩn ngự bên trong. Về sau có sự chế ngự của linh hồn, và bản tính của linh hồn được phát biểu ngày một nhiều hơn. Đôi khi điều này được nói theo lối hình tượng là ánh sáng trong bóng đèn. Lúc đầu đèn không phát ra chút ánh sáng nào, nhưng dần dần mỗi người cảm nhận được ánh sáng, cho đến khi hiểu rõ được ý nghĩa những lời của Đức Christ. Ngài nói “Ta là ánh sáng của thế gian,” và dạy các đệ tử “Hãy để ánh sáng của người chói rạng cho người khác có thể thấy.”

Thứ ba : Khi sự sống của linh hồn, tác động theo Luật Tái sinh, đã đưa phạm nhân đến mức trở thành một đơn vị tích hợp và điều hợp, bấy giờ giữa hai bên có sự tương tác mạnh mẽ hơn. Sự tương tác này là kết quả của các quá trình nghiêm trì giới luật bản thân, của ý chí tích cực hướng về sự Sống tinh thần, phụng sự vô kỷ (vì đây chính là phương cách biểu hiện của linh hồn với ý thức tập thể) và tham thiền. Tột đỉnh của cố gắng này là nhận thức rõ sự hòa hợp – tức là sự hợp nhất, nói theo từ ngữ Thiên Chúa giáo.

Cần chấp nhận ba thuyết này đến mức nào đó, để thử nghiệm, nếu hành giả muốn thực hiện tiến trình giáo dục này một cách hiệu quả qua tham thiền. Trong Tự điển Webster, linh hồn được định nghĩa theo các thuyết này, như sau :

53 *“Một thực thể được xem là tinh hoa, thực chất, hay là nguyên nhân phát động cuộc sống cá nhân, nhất là trong các hoạt động tâm linh ; phương tiện hiện hữu của cá nhân, có tính chất khác biệt với thân xác và thường được cho là có thể tồn tại riêng biệt.”⁴*

Webster còn có nhận xét thêm sau đây rất thích hợp với chủ đề của chúng ta : “Một số quan niệm như của Fechner,

⁴ Webster's New International Dictionary, Ấn bản 1923.

cho rằng linh hồn là quá trình tinh thần như một đơn vị toàn vẹn, kèm theo quá trình của thân xác cũng với tính cách một đơn vị toàn vẹn, có vẻ ở vị trí trung gian giữa các quan điểm duy tâm và duy vật.”⁵ Ts. Radhakrishnan, Đại học Calcutta, đưa ra quan điểm hoàn toàn thuộc về Đông phương như sau :

“Tất cả các hình thái sống hữu cơ đều có một nguyên khí tự quyết định, thường được gọi là ‘linh hồn’. Theo thực nghĩa, từ ‘linh hồn’ chỉ về mọi sinh vật có sự sống, và dù khác nhau những linh hồn đều có bản tính đồng nhất trong nền tảng. Sở dĩ có những khác biệt là do các cơ cấu, tổ chức thể chất che án ở bên ngoài và ngăn trở sự phát biểu tự do của sự sống linh hồn. Tính chất của các thể mà linh hồn trú ngụ trong đó là lý do tạo ra những mức độ che án khác nhau. . . . Cái tôi (chân nhân) là sự hợp nhất tâm lý của một chuỗi các thể nghiệm có ý thức, tạo nên những gì được gọi là sự sống nội tại của cái ngã đang trải nghiệm.

“Cái ngã trải nghiệm là sự phối hợp của tinh thần tự do và cơ thể, tức là của purusa và prakriti. . . . Bên trong thể vật chất thô kệch sẽ tan rã sau khi chết, mỗi chân nhân sở hữu một thể tinh vi tạo bởi bộ máy tâm linh, gồm cả các giác quan.”⁶

Người ta nói rằng linh hồn là một phần của Đại hồn vũ trụ, là một tia lửa của Ngọn Lửa duy nhất, chịu giam nhốt trong cơ thể. Chính khía cạnh sống này cho mỗi người sự
54 sống, hay là đời sống và tâm thức – cũng như cho tất cả các hình thể khác đang biểu hiện. Đó chính là yếu tố sống, là sự cố kết, tích hợp giúp cho con người (có bản tính phức hợp nhưng thống nhất) trở thành một thực thể biết suy nghĩ, xúc cảm và ước vọng. Trí tuệ trong mỗi người là yếu tố hay đặc

⁵ Như trên.

⁶ Radhakrishnan, S., *Triết học Ấn Độ*, Tập II, tr. 279, 283, 285.

tính ý thức của linh hồn, giúp người đó hướng về môi trường sống chung quanh trong các giai đoạn mà phạm nhân của người ấy đang phát triển. Thế nhưng về sau, qua tiến trình tham thiền thích hợp, chính yếu tố này lại giúp người đó hướng về linh hồn, vốn tách biệt với cơ thể, và vì thế mà hướng đến một trạng thái ý thức mới trong đời sống.

Mối liên hệ của linh hồn mỗi người với Đại hồn là mối liên hệ của bộ phận với Toàn thể. Chính mối quan hệ này và sự nhận thức do nó mang lại giúp hành giả phát triển cảm thức rằng mình là một với tất cả chúng sinh và là một với Thực tại tối cao mà các nhà thần bí đã luôn luôn chứng thực. Sự liên hệ của linh hồn với phạm nhân là mối quan hệ của thực thể hữu thức với phương tiện được nó dùng để phát biểu ; của thực thể tư duy với khí cụ của tư tưởng ; của người ghi nhận các cảm xúc với trường kinh nghiệm giác quan, và của chủ thể hành động với thân xác – là phương tiện duy nhất để tiếp xúc với trường hoạt động cụ thể, tức là thế giới của đời sống thể chất. Linh hồn tự phát biểu qua hai dạng năng lượng, được gọi là nguyên khí sống, dòng sống hay trạng thái sống, và năng lượng thuần lý trí. Trong kiếp sống, các năng lượng này được hội tụ vào thân xác. Dòng sống tập trung vào tim, sử dụng dòng máu, các động mạch và tĩnh mạch, và làm 55 sinh động mọi bộ phận trong cơ thể. Dòng kia là năng lượng trí tuệ tập trung trong bộ não, và sử dụng hệ thần kinh làm trung gian phát biểu. Thế nên, tim là điểm trụ của nguyên khí sống, và bên trong đầu có điểm trụ của cái trí suy luận và ý thức tinh thần, đạt được trong giai đoạn sau nhờ sử dụng trí tuệ đúng đắn. Về từ “linh hồn”, Ts. C. Lloyd Morgan nói :

“Trong bất cứ trường hợp nào những gì hiện nay được hiểu là ‘thuyết linh hồn’ đều bắt nguồn từ tính nhị nguyên. Và khi nói đến ‘khoa tâm lý không có linh hồn’ tức là nói đến

khoa tâm lý không có tính nhị nguyên. . . . Tuy nhiên, khi được định nghĩa thích hợp chúng ta có thể nói đến linh hồn với đặc tính là cấp phát triển trí tuệ, ở đó khái niệm về Tinh thần được đem ra quán xét.”⁷

Ở phần đầu của cùng tác phẩm trên, ông viết :

“Mỗi người trong chúng ta đều có sự sống, trí tuệ, và Tinh thần – ví dụ như đời sống là sự phát biểu kế hoạch của thế giới theo một cách, trí tuệ biểu lộ kế hoạch đó theo cách khác, và Tinh thần là Bản chất của kế hoạch đó được tiết lộ bên trong chúng ta. Kế hoạch thế giới nói chung từ mức biểu lộ thấp nhất đến mức cao nhất, chính là sự biểu hiện của Thượng Đế. Trong bạn và tôi – mỗi người trong chúng ta – Thượng Đế là Tinh thần được hiển lộ một phần.”⁸

Chính sự hiển lộ này của Thượng Đế là mục tiêu của nỗ lực thần bí và là đối tượng cho hai khía cạnh hoạt động của trí tuệ – Thượng Đế là sự sống trong Thiên nhiên, Thượng Đế là tình thương nội tại, là kế hoạch và là chủ đích thiêng liêng. Đó chính là điều được hé lộ khi hành giả đạt được sự
56 thống nhất qua tham thiền. Qua kỹ thuật có trình tự của tham thiền, hành giả khám phá được sự hợp nhất nơi chính mình. Cũng qua kỹ thuật này, về sau y khám phá ra mối liên hệ của mình với vũ trụ. Y thấy rằng thể xác và các năng lượng sống của mình là một thành phần của chính Thiên nhiên, và quả thực Thiên nhiên là bộ áo khoác của Thượng Đế. Y nhận thấy rằng khả năng yêu thương và cảm nhận nơi mình giúp y biết được tình thương đang linh động trong tâm của muôn loài vạn vật. Y cũng khám phá rằng nhờ vận dụng

⁷ Morgan, C., Lloyd, *Sự Sống, Trí tuệ và Tinh thần*, tr. 35.

⁸ Như trên, tr. 32.

trí tuệ y tìm thấy chìa khóa mở được cánh cửa thông hiểu, để y có thể thấu đáo được các mục đích và kế hoạch hướng dẫn Thiên trí. Thực sự, y đã về với Thượng Đế và tìm thấy Ngài là Sự Thật ở trung tâm. Biết mình là thiêng liêng, y nhận thấy toàn bộ cuộc sáng tạo cũng đều thiêng liêng. Trong một bài rất hay của ông, Ts. F. Kirtley Mahter, Đại học Harvard, đã viết :

“Không thể phủ nhận được sự thật là có một guồng máy quản trị Vũ trụ. Một điều gì đó đã quyết định và tiếp tục quyết định sự vận hành của định luật trong thiên nhiên, sự chuyển hóa có trình tự của vật chất và năng lượng. Đó có thể là ‘đường cong vũ trụ’, hoặc ‘sự ngẫu nhiên mù quáng’, hay là ‘năng lượng vũ trụ’, hoặc ‘một vũ trụ thiếu vắng Jehovah’, hay là ‘Tinh thần thẩm nhuần tất cả’, thế nhưng nhất định phải có một điều gì đó. Theo một quan điểm, thì câu hỏi : ‘Có Thượng Đế hay không ?’ sẽ có ngay câu trả lời khẳng định.”

Thế là, qua việc tìm hiểu bản thân và thấu đáo được bản tính của mình, hành giả đạt đến tâm điểm nơi chính mình, vốn là một với tất cả chúng sinh. Y thấy mình được trang bị một bộ máy giúp y có thể tiếp xúc với những biểu hiện biến phân mà Thượng Đế tìm cách biểu lộ xuyên qua đó. Y có một thể sinh lực, có thể ứng đáp với năng lượng vũ trụ, và có khí cụ cho hai dạng năng lượng của linh hồn như đã nói trên. Vấn đề thể sinh lực, mối liên hệ của thể này với năng lượng vũ trụ, và bảy tiếp điểm của nó với thể xác, được bàn đến trong quyển sách của tôi, *Linh hồn và các Thể*, nên không được bàn rộng thêm ở đây, ngoài việc trích dẫn một đoạn.

“Ẩn bên trong thân xác là một thể nội tại làm bằng chất di thái, và tác động như một vật dẫn truyền nguyên khí năng

lượng sống, hay là prana. Nguyên khí sống này là phương diện mãnh lực của linh hồn, và qua trung gian của thể dĩ thái linh hồn làm sinh động ngoại thể, cho ngoại thể những phẩm tính và thuộc tính đặc thù của linh hồn, khiến nó thực hiện những điều linh hồn mong muốn, và rút cuộc điều khiển nó qua hoạt động của trí tuệ. Qua trung gian của não bộ linh hồn làm cho thân xác hoạt động hữu thức (có điều khiển), và qua trung gian của tim tất cả các bộ phận trong cơ thể đều được thấm nhuần sự sống.”⁹

Cũng có một “thể” khác gồm toàn bộ các trạng thái tình cảm, tính khí và xúc cảm. Thể này phản ứng với môi trường vật chất chung quanh mỗi người để đáp lại các thông tin mà não bộ đã nhận được qua trung gian của năm giác quan, và chuyển đến nó qua thể sinh lực. Bằng cách đó nó được đưa vào hoạt động thuần vị kỷ và có tính cá nhân. Cũng có thể đào luyện thể tình cảm cho nó phản ứng chính yếu với trí tuệ, xem như trí tuệ là trung gian diễn giải của chân ngã tinh thần, hay là linh hồn – điều này ít khi xảy ra. Thể tình cảm có đặc trưng là những xúc cảm và ham muốn, và trong hầu hết các trường hợp chính nó có tác động mạnh nhất đối với
58 thể xác. Trong khi đó, nhà huyền bí học xem thể xác chỉ là một người máy, do bản tính cảm dục làm cho hoạt động, và được thể sinh lực tiếp cho năng lượng.

Khi nhân loại tiến tới, một “thể” khác là thể trí đi vào hoạt động, và dần dần nắm quyền kiểm soát đương nhiên và chủ động. Giống như thể xác và thể tình cảm, lúc đầu thể trí hoàn toàn hướng ngoại và hoạt động do những tác động đến với nó từ ngoại giới, qua các giác quan. Ngày càng trở nên tích cực, thể trí bắt đầu chế ngự các khía cạnh hiện tượng kia của hành giả, một cách chậm chạp nhưng chắc chắn, cho đến

⁹ Bailey, Alice A., *Linh hồn và các Thể*, tr. 62.

khi phạm nhân với cả bốn phương diện trở nên hoàn chỉnh như một thực thể hoạt động thống nhất ở cõi trần. Khi điều này xảy ra, hành giả tiến đến một bước ngoặt và có thể thực hiện những khai mở và phát triển mới.

Trong suốt thời gian này, hai năng lượng của linh hồn, là sự sống và trí tuệ, đã và đang tác động qua các thể, mà cá nhân không hề biết được nguồn hay mục đích của chúng. Nhờ tác động của các năng lượng này, nay y trở thành một người có trình độ cao, thông minh và năng động. Thế nhưng, như Browning đã nói : “Người đã phát triển hoàn chỉnh bắt đầu có một khuynh hướng mới hướng về Thượng Đế,”¹⁰ và y chịu một sự ray rứt, thôi thúc có tính cách thiêng liêng, muốn biết rõ linh hồn và muốn được giao tiếp hữu thức với linh hồn – cái yếu tố vô hình vô ảnh mà y cảm nhận được nhưng vẫn chưa hiểu biết trực tiếp. Đến mức này, hành giả bắt đầu tiến trình tự giáo huấn và khảo cứu sâu xa chân tính của chính mình. Phạm nhân của y, vốn đã hướng ra thế giới sinh hoạt thể chất, tình cảm và trí tuệ, và tập trung chú ý vào ngoại cảnh, thì nay bắt đầu chuyển hướng, quay vào nội tâm, hướng về Chân ngã. Phạm nhân bắt đầu hướng sự chú ý vào nội tâm và nhắm mục đích làm xuất lộ “Sự Sống Thâm sâu” mà Keyserling đã nói đến. Hành giả tìm cách hợp nhất hữu thức với linh hồn, và sự hợp nhất này không chỉ từ phương diện tình cảm và giác quan của người sùng tín và nhà thần bí, mà là kinh nghiệm trực tiếp. Mục tiêu của toàn bộ cố gắng là biết được Chân ngã thiêng liêng, và trí tuệ biết chắc rằng thực sự có người Con của Thượng Đế đang ngự trong tâm chúng ta. Đây không phải là phương pháp của người sùng tín thần bí, tìm kiếm Thượng Đế qua sức thôi thúc yêu thương thuộc bản tính tình cảm. Đây chính là phương pháp với khảo

¹⁰ Browning, Robert, *Paracelsus*.

hướng trí tuệ, đem toàn bộ phạm nhân phục vụ cho bước tiến tới hướng về các thực tại tinh thần. Tất cả những mẫu người thuần trí tuệ và tất cả những phạm nhân đã thực sự điều hợp đều cơ bản là những nhà thần bí, và đã qua giai đoạn thần bí vào một thời gian *trong một kiếp sống nào đó*. Khi trí năng chế ngự và trí tuệ phát triển, ý thức thần bí này có thể tạm thời mờ nhạt, và bị đưa vào lĩnh vực tiềm thức một thời gian. Nhưng rốt cuộc tất nhiên ý muốn hiểu biết sẽ trở nên mạnh mẽ, và sự sống nội tâm (không còn hài lòng với những khía cạnh biểu hiện bề ngoài ở ngoại cảnh) bắt đầu thôi thúc tìm cách biết được linh hồn, và sử dụng trí tuệ để tìm hiểu các chân lý tinh thần.

Đầu óc và tâm hồn kết hợp trong cùng một cố gắng. Trí tuệ và lý trí thuần khiết hòa hợp với tình thương và lòng
60 sùng tín khi phạm nhân hoàn toàn được tái điều chỉnh, hướng về một lĩnh vực ý thức mới. Hành giả ghi nhận được những trạng thái tâm thức mới, dần dần nhận biết một thế giới hiện tượng mới, và bắt đầu thấy có thể hoàn toàn nâng cao điểm tập trung sự sống và tâm thức của mình ra khỏi tất cả những trường hoạt động trong thời gian trước. Y thấy mình có thể đồng hành cùng Thượng Đế, an trụ trong cảnh giới thiêng liêng, và biết được một thế giới mới ẩn trong những ngoại thể mà y đã quen thuộc. Y bắt đầu xem mình là một cư dân hữu thức của một giới khác trong thiên nhiên, tức là giới tinh thần. Giới này cũng có thật và sống động, có trật tự và có tính hiện tượng như bất cứ điều gì hiện nay chúng ta biết. Dần dần y có thái độ của linh hồn đối với khí cụ của mình, là thân xác con người. Y thấy mình không còn là một người bị các xúc cảm chi phối, bị năng lượng thôi thúc, và bị cái trí điều khiển, mà biết mình chính là Chân ngã, suy nghĩ qua thể trí, cảm nhận qua các tình cảm, và hành động một cách hữu thức. Khi tâm thức này ổn cố và trở nên thường xuyên, nỗ lực

tiến hóa của y đạt đến đỉnh cao, thực hiện được sự hợp nhất quan trọng, là sự kết hợp giữa Chân ngã và các thể mà Chân ngã dùng để biểu lộ. Thế là một người Con thiêng liêng của Thượng Đế đã nhập thể với đầy đủ ý thức.

61 Qua công tác thực hiện trong tất cả các ngành giáo dục, việc điều hợp phạm nhân đã được tiến hành hết sức nhanh chóng. Trí năng của nhân loại đang liên tục vươn lên những bước tiến cao hơn. Qua các đoàn nhóm đông đảo gồm những người học vấn cao và có trí tuệ tập trung, nhân loại đang sẵn sàng tự quyết định và đi theo sự hướng dẫn của linh hồn. Nay được truyền dạy trong hệ thống của Đông phương. Trong nền giáo dục đại chúng phải có phần đào tạo và tái định hướng cho những người tiến hóa cao. Đây là lý do và mục tiêu của tác giả khi viết ra quyển sách này. Làm thế nào một người có thể tìm thấy linh hồn của chính mình, hoặc xác định được sự kiện là linh hồn có thật ? Làm thế nào người đó có thể tái điều chỉnh bản thân cho thích ứng với các điều kiện của cuộc sống linh hồn, và bắt đầu hoạt động một cách hữu thức và đồng thời với tư cách một linh hồn và là một con người ? Hành giả phải làm gì để mang lại sự hợp nhất thiết yếu giữa linh hồn và các khí cụ của linh hồn nếu y muốn đáp lại sức thôi thúc tiến tới trong bản tính của chính mình ? Làm thế nào y có thể biết rõ, chứ không chỉ có tin tưởng, hy vọng và ước vọng ?

Tiếng nói với bề dày kinh nghiệm của minh triết Đông phương bảo cho chúng ta biết chỉ có một điều : – Hãy hành thiền. Đương nhiên người ta sẽ hỏi : “Tất cả chỉ có thế sao ?” và được trả lời : “Đúng vậy.” Nếu hành giả tham thiền đúng đắn, và bền lòng thực hiện trong đời, thì sự giao tiếp với linh hồn sẽ ngày càng được thiết lập vững vàng. Kết quả của sự giao tiếp này thể hiện thành kỷ luật tự giác, sự thanh hóa, và

một cuộc đời đầy nguyện vọng tinh thần và phụng sự. Chúng ta sẽ thấy rằng, hiểu theo nghĩa của Đông phương, tham thiền là một tiến trình trí tuệ, đưa đến sự hiểu biết và khai ngộ của linh hồn. Đó là sự kiện thực tế trong thiên nhiên “Mỗi người sẽ trở thành chính điều mình suy nghĩ.”

CHƯƠNG BỐN
MỤC TIÊU TRONG THAM THIỀN

“Hành giả đạt được sự hợp nhất qua việc chế ngự tính xúc cảm, và kiểm soát thể trí. Khi thực hiện được điều này, nhà Yogi biết được thực tính của chính mình.”

PATANJALI

CHƯƠNG BỐN

MỤC TIÊU TRONG THAM THIỀN

65 NẾU CHO RẰNG những luận thuyết được đề cập trong các chương trước là đúng, thì chúng ta cần nêu rõ đâu là mục tiêu xác định mà người có học vấn cao nhắm đến khi đi vào con đường tham thiền, và tham thiền khác như thế nào với cố gắng mà người Thiên Chúa giáo gọi là cầu nguyện. Nhất thiết cần phải suy tư rõ ràng về cả hai điểm này, nếu chúng ta muốn tiến bộ thực sự, vì công việc trước mắt nhà khảo cứu thật rất khó khăn. Hành giả cần nhiều điều hơn là chỉ có nhiệt tình thoáng qua và nỗ lực nhất thời, nếu y muốn thấu đáo khoa học này và trở nên thành thạo kỹ thuật tham thiền. Trước hết chúng ta hãy xét đến điểm thứ nhì, và so sánh hai phương pháp cầu nguyện và tham thiền. Có lẽ sự cầu nguyện được diễn tả thật đúng trong mấy dòng sau đây của J. Montgomery mà tất cả chúng ta đều biết.

*Cầu nguyện là ý muốn chân thành của linh hồn
Dù đã thốt ra hay chưa phát biểu,
Là chuyển động của ngọn lửa ẩn tàng,
Đang rung lên trong tâm người cầu nguyện.*

Tư tưởng mà người ấy đang có là ý muốn, là sự thỉnh cầu; và ý muốn ấy bắt nguồn từ cái tâm. Nhưng chúng ta cần lưu ý rằng tâm hồn có thể muốn thu đạt những thứ sở hữu mà

66 phàm nhân ham muốn, hoặc những gì siêu việt và siêu phàm mà linh hồn đang khao khát. Dù đó là gì, cái ý tưởng cơ bản vẫn là yêu cầu điều mình muốn, cùng với dự kiến về điều đó; cũng như điều tốt cuộc đạt được nếu người thỉnh cầu có đức tin đủ mạnh.

Tham thiền khác với cầu nguyện ở chỗ chính yếu đó là sự định hướng của trí tuệ, mang lại những điều nhận thức và nhận biết được, rồi những điều đó trở thành sự hiểu biết rõ ràng, chính xác. Nhiều người rất dễ nhầm lẫn trong sự phân biệt này, và Bianco of Siena đã thực sự đề cập đến tham thiền khi ông nói “Đó là cầu nguyện nhưng trí tuệ hướng thượng trực tiếp về với Thượng Đế.”

Vì tập trung vào tính ham muốn của mình, và chủ yếu có khuynh hướng thần bí, đại chúng cầu xin những gì họ cần ; họ nỗ lực nguyện cầu để đạt được những đức hạnh mà họ thiết tha muốn có ; họ cầu xin Đấng Thượng Đế đang lắng nghe để Ngài xoa dịu nỗi khổ đau của họ ; họ cầu xin giúp cho những người thân cận với họ ; họ nài xin Đấng Chí tôn cho họ những thứ sở hữu – vật chất hay tinh thần – mà họ cảm thấy là thiết yếu để có hạnh phúc. Họ ước ao và khao khát có được những đức tính, những hoàn cảnh hoặc những yếu tố ảnh hưởng thế nào khiến cho cuộc sống của họ dễ dàng hơn, hoặc được giải thoát để có những gì mà họ tin là tự do sống cuộc đời hữu ích hơn. Họ đau đớn cầu xin để được bệnh tình thuyên giảm, và mong được Thượng Đế đáp lại lời họ kêu cầu sự mặc khải thiêng liêng. Thế nhưng, các đặc trưng chính yếu của 67 cầu nguyện là sự kêu cầu, yêu cầu, và mong đợi, với ý muốn nổi rõ, và cái tâm tham gia. Chính bản tính tình cảm và xúc cảm của người cầu nguyện tìm cách đạt được những gì cần có, và các nhu cầu này thực sự là rất nhiều. Đây là cách tiếp cận của cái tâm.

Có bốn cấp cầu nguyện :

1. Cầu nguyện để được những lợi ích và trợ giúp về mặt vật chất.
2. Cầu nguyện để được đức hạnh và được ban bố phẩm tính tốt.
3. Cầu nguyện cho tha nhân, cầu nguyện hộ cho người khác.
4. Cầu nguyện để được khai ngộ và có được nhận thức tinh thần.

Khi xem xét bốn loại cầu nguyện này chúng ta thấy rằng tất cả đều bắt nguồn từ ý muốn, và loại thứ tư đưa người chí nguyện đến mức mà sự cầu nguyện có thể chấm dứt và tham thiền bắt đầu. Seneca hẳn đã nhận thức được điều này khi ông nói “Không điều cầu nguyện nào là cần thiết, trừ việc cầu cho có trạng thái trí tuệ minh mẫn và sự lành mạnh (toàn vẹn) của linh hồn.”

Tham thiền đưa hành giả tiến vào lĩnh vực trí tuệ ; lòng ham muốn nhường chỗ cho việc thực tế là chuẩn bị để đón nhận kiến thức thiêng liêng. Từ lâu kinh nghiệm sống cơ bản của y là lòng ham muốn, và y đã tiến đến giai đoạn tôn sùng Thực tại thiêng liêng mà y chỉ thấy một cách lơ mờ. Nay y ra khỏi thế giới thần bí và bước vào lĩnh vực của trí tuệ, của lý trí, và sau rốt là nhận thức. Nhà thần bí là kết quả của cầu nguyện, cùng với tâm vô kỷ trong giới luật. Trong khi đó, nỗ lực hành thiền, và phụng sự có tổ chức và giới luật, tạo nên Thức giả (Người hiểu biết). Như đã nêu trên, nhà thần bí cảm nhận các thực tại thiêng liêng, tiếp xúc với các linh ảnh thần bí (khi nguyện vọng tinh thần dâng cao), và thiết tha mong
68 muốn liên tục lặp lại trạng thái xuất thần mà sự cầu nguyện, tôn sùng và sùng kính đã nâng y lên đến mức đó. Y thường hầu như không thể lặp lại được kinh nghiệm xuất thần này như ý muốn. Linh mục Poulain trong tác phẩm *Ân huệ của Sự Cầu nguyện* có nói rằng một trạng thái chỉ được gọi là

thần bí khi hành giả thấy được nó nhưng không thể tự mình tạo ra nó. Trái lại, trong tham thiền, nhờ kiến thức và thông hiểu, người đã được khai ngộ có thể đi vào cõi giới của linh hồn tùy ý muốn, và có thể tham dự vào sinh hoạt và các trạng thái tâm thức của linh hồn một cách thông minh. Phương pháp cầu nguyện bao gồm bản tính tình cảm và dựa trên niềm tin vào Thượng Đế và cho rằng Ngài có thể ban ơn. Trong khi đó phương pháp tham thiền sử dụng trí năng cùng với cơ bản là niềm tin vào chân tính thiêng liêng sẵn có nơi chính hành giả, dù không phủ nhận những tiền đề thần bí của nhóm người cầu nguyện.

Tuy nhiên, độc giả sẽ nhận thấy rằng các từ thần bí và nhà thần bí hiện được dùng với ý nghĩa khá lỏng lẻo, và không chỉ bao gồm nhà thần bí thuần túy, với các linh ảnh và những phản ứng thuộc về cảm quan, mà cũng bao gồm những người đang chuyển vào lĩnh vực thuần kiến thức và xác tín. Các từ này bao gồm những trạng thái bất ngờ và vô hình, hoàn toàn dựa vào nguyện vọng tinh thần và lòng tôn sùng, và cũng bao gồm những người đã biết phương pháp tiếp cận Thực tại một cách thông minh và đúng trình tự. Sự tiếp cận đó có thể lặp lại theo các luật mà người thức giả đã học được. Bertrand Russell nói về hai nhóm này một cách thật thú vị, dù ông chỉ dùng một thuật ngữ duy nhất là Nhà thần bí cho cả hai trường hợp. Những lời của ông là phần mở đầu rất hay cho chủ đề của chúng ta.

69 *“Qua mọi thời đại và ở khắp nơi trên thế giới, triết lý thần bí có đặc trưng là một số niềm tin được nêu rõ trong các giáo lý mà chúng ta đã và đang khảo xét.*

“Trước hết, có niềm tin vào sự thấu hiểu tinh thần, trái với kiến thức do phân tích và biện luận ; niềm tin vào con đường mình triết, có tính bất ngờ, xuyên suốt, mạnh mẽ, tương phản với

việc nghiên cứu cái ngoại hình một cách chậm chạp và dễ nhầm lẫn, bằng một khoa học hoàn toàn dựa vào các giác quan. . . .

“Sự thấu hiểu của nhà thần bí bắt đầu bằng ý thức về một điều bí nhiệm đã được hé lộ, về nguồn minh triết ẩn tàng nay bỗng nhiên trở thành xác định không còn có thể nghi ngờ. Ý thức xác tín và mặc khải đến sớm hơn bất cứ niềm tin xác định nào khác. Những sự xác tín mà nhà thần bí đạt đến là kết quả của việc suy ngẫm cái kinh nghiệm khó có thể diễn đạt mà hành giả thu được trong phút giây thấu ngộ này. . . .

“Thành quả đầu tiên và trực tiếp nhất của giây phút khai ngộ là niềm tin vào khả năng có con đường hiểu biết, có thể gọi là mặc khải, thấu ngộ hoặc trực giác, tương phản với giác quan, lý tính, và phân tích, vốn bị xem là những sự hướng dẫn mù quáng đưa đến chạm bẫy của ảo tưởng. Kết hợp chặt chẽ với niềm tin này là nhận thức về Thực tại ẩn trong thế giới sắc tướng và hoàn toàn khác với sắc tướng. Thực tại này được chiêm ngưỡng với lòng thán phục thường dâng cao đến mức tôn sùng. Người ta cảm thấy rằng Thực tại này hằng hằng hiện diện ở khắp mọi nơi, ở ngay trong tay chúng ta, bị bao phủ một lớp màng mỏng của các biểu lộ giác quan, và đối với trí tuệ thụ cảm thì nguồn vinh quang của nó dễ dàng chói rạng, dù cho bề ngoài con người có vẻ điên rồ và độc ác đến đâu. Nhà thi sĩ, nhà nghệ sĩ, và người biết yêu thương là những người tìm kiếm nguồn vinh quang đó : vẻ mỹ lệ huy hoàng mà họ theo đuổi là phản ánh mờ nhạt của ngôi mặt trời chân thực. Thế nhưng nhà thần bí thì sống trong ánh sáng viên mãn của linh ảnh : y biết được điều mà những người khác tìm kiếm một cách mơ hồ, cùng với sự hiểu biết mà thiếu nó thì những điều hiểu biết khác chỉ là vô minh.

“Đặc trưng thứ hai của khoa thần bí là niềm tin vào tính duy nhất, và không hề thừa nhận sự đối lập hay phân chia ở bất cứ đâu. . . .

70 “Đặc điểm thứ ba của hầu như tất cả các khoa siêu hình thân bí là phủ nhận thực tính của thời gian. Đây là hệ quả của việc phủ nhận sự phân chia : nếu tất cả là một, thì sự phân biệt giữa quá khứ và tương lai hẳn phải là ảo tưởng. . . .

“Điều sau cùng cần xét về các giáo thuyết của khoa thân bí là niềm tin rằng toàn bộ những điều tà vạy đều chỉ là biểu kiến của ngoại hình, và là ảo tưởng do những sự phân chia và chống đối của trí phân tích tạo ra. Khoa thân bí không cho rằng những điều kể trên, ví dụ như hành động tàn ác, là tốt, nhưng phủ nhận việc cho rằng những điều đó là ác thực sự : có thể nói, chúng thuộc về cõi giới thấp kém của những bóng ma mà chúng ta cần phải tự mình thoát ra khỏi bằng sự thấu suốt của thị kiến tinh thần. . . .”¹

Tuy nhiên, con đường thân bí là nhằm để chuẩn bị cho con đường hiểu biết, và khi nhà thân bí ngưng việc tôn sùng linh ảnh và việc khát khao theo đuổi Đối tượng mình yêu thương, thì bấy giờ y trở thành người tìm kiếm sự hiểu biết đích thực và tiếp tục đi tới. Ts. Bennett của Đại học Yale có nói ở phần kết quyển sách về Khoa Thần bí của ông rằng “Đến cuối sự cố gắng chuẩn bị của mình, nhà thân bí chỉ việc chờ đợi sự xuất hiện một sự kiện mà y thậm trọng không xác định quá cụ thể. Y đang chờ đợi và cũng ý thức rõ rằng nỗ lực của chính y giờ đây đã đưa y tiến xa đến mức tối đa, và cần được hoàn tất bằng một sự điểm hóa nào đó từ bên ngoài.”² Tư tưởng này giới hạn toàn bộ ý niệm trong phạm vi nhận thức giác quan, thế nhưng có một điều gì đó còn hơn thế nữa. Vốn có sự hiểu biết trực tiếp, và hành giả có thể thấu hiểu các định luật chi phối lĩnh vực sinh hoạt mới mẻ này. Cần theo đúng một qui trình mới, với những bước và ‘mật khẩu’ để

¹ Russell, Bertrand, *Khoa Thần bí và Khoa Luận lý*, tr. 8, 9, 10, 11.

² Bennett, Charles A., *Nghiên cứu Triết lý về Khoa Thần bí*, tr. 192.

đi đến cửa và làm cho nó mở ra. Chính đây là vai trò thực
 71 hiện của tham thiên, và trí tuệ vào cuộc để hoàn thành chức
 năng mới của nó trong sự mặc khải. Qua tham thiên, sự hợp
 nhất mà nhà thần bí thiết tha muốn có, đã cảm nhận được và
 trải nghiệm được một cách ngắn ngủi, thoáng qua, nay trở
 thành xác định; hành giả biết được nó, không còn gì nghi ngờ,
 và có thể tái hiện tùy ý muốn. Linh mục Joseph Maréchal đã
 nêu trong quyển sách nổi tiếng của ông :

“ . . . biểu tượng tan biến, các hình tượng phai mờ, không
 gian thô biểu hiện, cái thiên hình vạn trạng giảm dần, lý lẽ
 suy luận im tiếng, cảm nhận mở rộng tự thu lại rồi tan vỡ ;
hoạt động trí tuệ hoàn toàn tập trung chuyên chú; với cái biết
 chắc chắn của trực giác không qua trung gian nào cả, trí tuệ
 thấu hiểu được Sự Sống, Thượng Đế. . . .

“Bấy giờ trí phàm trở thành *tính năng tìm kiếm của trực
 giác* – tức là tự đồng hóa với Sự Sống, Sự Sống thuần khiết
 và giản dị, Sự Sống duy nhất đang ngự trị, không hạn chế,
 không hề phân biệt cái tinh túy và cái hiện tồn, điều khả dĩ
 và điều hiện thực.”³ (Chữ viết nghiêng do A. A. B.)

Nay nhà thần bí đã có sự xác tín và đặt mục tiêu là sử
 dụng trí tuệ và uốn nắn cho nó thích ứng với vai trò làm hiển
 lộ bản tính thiêng liêng. Để thực hiện được điều này một
 cách thành công và hạnh phúc, y cần thấy rõ mục tiêu của
 mình và cần hiểu rõ những kết quả tốt cuộc sẽ được biểu lộ. Y
 cần xác định thật rõ những vốn liếng mình đang có để cố
 gắng sử dụng, và cũng cần đánh giá thật đúng những thiếu
 sót và khiếm khuyết của bản thân. Y cần có cái nhìn thật
 thẳng băng về mình và hoàn cảnh sống của mình. Tuy nhiên,

³ Maréchal, Joseph, S.J., *Nghiên cứu Trạng thái Tâm lý của Nhà Thần bí*, tr.
 32, 101.

72 đồng thời y cũng cần có cái nhìn thẳng bằng về mục tiêu và thấu hiểu sự kỳ diệu của những nhận thức và năng khiếu sẽ có được khi y chuyển tâm thức ra khỏi những điều hiện đang làm cho y bận tâm, cũng như những xúc cảm, để tập trung vào các tiêu chuẩn, giá trị thâm sâu hơn.

Chúng ta đã bàn về điểm tham thiền là một quá trình để chuyển trí tuệ hướng về Thực tại và được sử dụng đúng. Bây giờ hành giả có thể đi vào một giới khác trong thiên nhiên, vào một trạng thái khác của tâm thức và Sự Sống, và vào một bề đo khác. Mục tiêu cần thành đạt đã chuyển vào những lĩnh vực tư tưởng và nhận thức cao siêu hơn. Vậy, đâu là kết quả xác thực của sự chuyển hướng này ?

73 Trước hết, có thể nói rằng tham thiền là khoa học giúp chúng ta thể nghiệm trực tiếp về Thượng Đế. Nguồn cội mà trong đó chúng ta đang sống, vận chuyển và tồn tại, giờ đây đối với chúng ta không còn là mục tiêu ước vọng, hay là biểu tượng của một điều thiêng liêng khả dĩ có. Chúng ta hiểu Thượng Đế là Nguyên nhân Vĩnh cửu, và là nguồn cội của muôn loài, gồm cả chúng ta. Chúng ta nhận thức được Cái Toàn thể. Chúng ta trở nên là một với Thượng Đế bằng cách hợp nhất với linh hồn bất tử của chính mình. Khi điều trọng đại này xảy ra, chúng ta thấy rằng tâm thức của linh hồn mỗi cá nhân là tâm thức của toàn thể, và thấy rằng tính chia rẽ, phân chia, kỳ thị, và những khái niệm về tôi và tha nhân, về Thượng Đế và một đứa con của Thượng Đế, đã phai mờ dần trong sự hiểu biết và nhận thức về tính duy nhất. Nhị nguyên đã nhường chỗ cho nhất nguyên, và đây là Con đường Hợp nhất. Hành giả đã vượt cao hơn phạm nhân tích hợp, qua tiến trình có thứ tự để khai mở linh hồn, và đã có sự nhất quán hữu thức giữa cái ngã thấp hay phạm ngã và cái ngã cao hay là chân ngã thiêng liêng. Trước hết, hành giả phải nhận thức được tính nhị nguyên này, rồi về sau vượt lên khỏi nó. Bây giờ, trong tâm thức của y Chân ngã trở

thành Cái Ta cao siêu. Chúng ta được biết rằng qua nhiều thời đại lâu dài hai thành phần này trong con người không hề liên hệ với nhau – đó là linh hồn tinh thần và bản tính hình thể – nhưng mãi mãi chúng vẫn được kết hợp với nhau nhờ nguyên khí trí tuệ (đây chính là giải pháp cho vấn đề khó khăn của mỗi người). Trong *Chi tôn ca*, một cổ thư của Ấn giáo, có những lời lẽ thâm sâu như sau :

“Khi Chân ngã nơi hành giả đã chinh phục được phàm ngã thì cả hai là bạn ; nếu y chưa đạt đến Chân ngã thì phàm ngã chống đối với Chân ngã như kẻ thù.”⁴

và thực tế là Thánh Paul cũng nói lên chính điều đó khi kêu lên trong tuyệt vọng :

“Vì tôi biết rằng trong tôi (tức là trong thân xác tôi) không có điều gì tốt cả ; vì dù tôi muốn, nhưng tôi không biết cách nào để thực hiện những điều tốt. . . . Vì tôi vui mừng theo luật của Thiên Chúa và theo con người thật ở nội tâm : Nhưng tôi thấy có luật khác của các hạ thể, chống lại luật của trí tôi và giam nhốt tôi theo luật của tội lỗi trong các hạ thể của tôi. Ôi, tôi thật là khốn khổ ! Ai sẽ giúp tôi (là Chân ngã) thoát khỏi thân xác chết chóc này ?”⁵

Chân ngã chính là Thượng Đế – vị Thượng Đế chiến thắng khải hoàn, vị Thượng Đế là Đấng Sáng tạo, vị Thượng Đế là Đấng cứu rỗi con người. Theo lời của Thánh Paul thì Ngài chính là “Đấng Christ trong chúng ta, nguồn hy vọng vinh quang.” Điều này trở thành hiện thực trong tâm thức chúng ta chứ không phải là điều chỉ có trên lý thuyết mà chúng ta thiết tha hy vọng.

⁴ *Bhagavad Gita*, VI, 6.

⁵ *Romans*, VII, 18, 22, 23, 24.

74 Tham thiền biến niềm tin của chúng ta thành những sự kiện xác định, và khiến cho lý thuyết trở thành kinh nghiệm thực tế. Lời phát biểu của Thánh Paul vẫn chỉ là một khái niệm và là điều khả dĩ có mãi cho đến khi, qua tham thiền, sự Sống Christ được khơi dậy và trở thành yếu tố chế ngự trong đời sống hằng ngày. Chúng ta nói về bản tính thiêng liêng của mình với tư cách là con của Thượng Đế. Chúng ta biết có những người đã bộc lộ thiên tính nơi mình cho thế gian hiểu, và những người đứng trên tuyến đầu thành tựu của nhân loại, chúng tỏ rằng có những khả năng còn rộng lớn hơn những gì mà hiện nay chúng ta có thể thành đạt. Chúng ta ý thức được bên trong chính mình những phần dấu, thôi thúc chúng ta tìm kiếm sự hiểu biết, và những điều nhắc nhở nội tâm, thúc đẩy nhân loại vượt lên trên thang tiến hóa đến tình trạng hiện nay của những người có trình độ học vấn cao. Sức thôi thúc thiêng liêng này đã giúp chúng ta tiến tới từ giai đoạn của những người ở trong hang động đến cuộc sống văn minh, tân tiến hiện nay. Trên hết mọi sự, chúng ta biết được những người đang có, hoặc khẳng định là có được linh thị về những điều cao siêu mà chúng ta cũng tha thiết muốn biết, và họ chúng tỏ rằng có con đường trực tiếp đưa đến trung tâm của Thực tại thiêng liêng, và mong chúng ta cũng đi vào. Chúng ta được biết là khả dĩ có kinh nghiệm trực tiếp, và theo ngôn từ của thời nay chúng ta có thể nói “Mỗi người cần tiến từ việc tin theo thẩm quyền của người khác đến việc tự mình thể nghiệm.” Làm sao chúng ta có thể biết được ? Làm thế nào có được kinh nghiệm trực tiếp này mà khỏi phải qua trung gian nào cả ? Câu đáp là vốn có một phương pháp đã được muôn ngàn người thực hành, và một tiến trình khoa học được minh giải và thực hiện bởi những nhà tư tưởng trong mọi thời đại, và nhờ thế mà họ trở thành các thức giả.

75 Có lẽ, quá trình giáo dục đã làm công tác chính yếu trong

việc chuẩn bị cho trí tuệ sẵn sàng được sử dụng trong tham thiên. Chúng ta biết mình có một bộ máy và biết được một số phương cách sử dụng nó. Các nhà tâm lý học đã nói rất nhiều điều về các phản ứng trí tuệ, và những thói quen theo bản năng của chúng ta. Giờ đây mỗi người phải làm chủ cái khí cụ của mình một cách có ý thức, và cần vượt qua những giai đoạn đầu của quá trình giáo dục, để bước vào lớp học và phòng thí nghiệm nội tại ở đó hành giả có thể thực hiện mục tiêu của toàn bộ công tác giáo dục là chính mình có thể xác định được Thượng Đế. Ai đã nói rằng thế giới này không phải là một nhà tù mà là một vườn trẻ tinh thần, khi muôn ngàn trẻ con hoang mang bối rối đang cố gắng niệm danh khẩn cầu Thượng Đế ? Cái trí khiến chúng ta đi đó đi đây lo công tác truyền giảng chân lý, cho đến ngày nào đó, khi đã kiệt sức, chúng ta quay vào nội tâm chính mình và rồi tìm thấy Thượng Đế. Đúng như lời của Ts. Overstreet “Bấy giờ toàn bộ những băn khoăn, thắc mắc của chúng ta từ bấy lâu nay đều được giải đáp và bộc lộ ý nghĩa. Đó chính là Thượng Đế đang hoạt động bên trong chúng ta. Bấy giờ, khi chúng ta khám phá ra những giá trị lâu bền hơn, hoặc khi chúng ta tạo ra những giá trị đó, tức là chúng ta hành động như Thượng Đế trong đời sống của chính mình.”⁶

Chúng ta cũng có thể định nghĩa tham thiên là phương pháp giúp hành giả đạt đến nguồn vinh quang của chân ngã được hiển lộ, bằng cách lần lượt loại bỏ hết hình thể này đến hình thể khác. Giáo dục không chỉ có trong các trường trung học và đại học của chúng ta. Trường học vĩ đại nhất chính là trường kinh nghiệm sống, và những bài học trong đó là những điều chúng ta tự thể nghiệm bằng cách tự đồng hóa với một chuỗi các hình thể – những hình thức lạc thú, hình thể của

⁶ Overstreet, H. A., *Cuộc Tìm kiếm Lâu dài*, tr. 265.

76 những điều chúng ta yêu thích, các dạng ham muốn và kiến thức – nhiều không kể xiết ! Bởi vì hình thức là gì nếu không phải là những điều thay thế mà chúng ta tạo ra rồi sau đó đặt làm đối tượng để tôn thờ, hoặc những ý niệm về hạnh phúc và chân lý mà những người khác đã tạo ra và được chúng ta mãi mãi theo đuổi, rốt cuộc chỉ để thấy chúng phai mờ dần vào trong đám sương mù trước cái nhìn mệt mỏi của chúng ta. Chúng ta tìm kiếm sự hài lòng thỏa mãn trong đủ loại hiện tượng, chỉ để rồi thấy chúng biến thành tro bụi, cho đến khi chúng ta đạt đến điều – vô hình nhưng vô cùng chân thật – mang lại sự sống cho tất cả các hiện tượng đó. Người nào thấy được tất cả các hình tướng như những biểu tượng của thực tại tức là đang trên đường tiến đến giao tiếp với Chân ngã được hiển lộ. Thế nhưng, cần phải có khả năng linh hội của trí tuệ và trực giác đã định hướng để thực hiện điều này. Phải chăng Sir James Jeans đã thoáng thấy được điều này khi ông nói :

*“Các hiện tượng đến với chúng ta, được che đậy trong khung thời gian và không gian của chúng. Đó là những thông điệp mà chúng ta không hề hiểu được ý nghĩa rất ráo nếu chưa biết cách giải mã để chúng không còn bị những lớp màn không gian [thời gian che án.”*⁷

Con người là một điểm sáng thiêng liêng, ẩn trong một số lớp áo bao bọc, như một ngọn đèn bên trong một chiếc đèn lồng. Chiếc đèn lồng này có thể bị bung bit và mờ tối, hoặc được mở ra và chói rạng. Nó có thể là một ngọn đèn sáng chói trước tầm mắt của mọi người, hoặc bị che giấu và vì thế mà không giúp ích cho ai cả. Trong giáo trình cơ bản về tham thiền, quyển *Yoga Điển tắc của Patanjali*, với một phiên bản tiếng Anh và luận giải được đưa vào quyển sách *Ánh sáng của*

⁷ Jeans, Sir James, *Vũ trụ Chung quanh Ta*, tr. 339.

Linh hồn do tôi viết, chúng ta được đoan chắc rằng qua giới luật và tham thiền đúng đắn “những gì che án ánh sáng sẽ dần dần bị loại bỏ,” và chắc chắn rằng “khi sự thông tuệ tinh thần . . . tự phản ánh trong trí tuệ chất, bấy giờ hành giả biết được Chân ngã.”⁸ Vào một thời điểm nào đó trong lịch sử của mỗi cá nhân, sẽ xảy đến một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng khiến người đó phải tìm cách cảm nhận được ánh sáng, qua việc sử dụng trí thông tuệ một cách đúng đắn, để tiếp xúc với nguồn sống Thiên liêng. Patanjali nhấn mạnh điều này khi ông nói : “Việc chuyển tâm thức từ một thể thấp vào một thể cao hơn là một phần trong diễn trình tiến hóa và sáng tạo.”⁹ Dần dần và một cách chậm chạp, hành giả từ từ có khả năng hiểu biết trực tiếp, và có thể làm cho hiển lộ nguồn vinh quang ẩn tàng trong mọi hình thể. Bí quyết là biết được khi nào thời điểm đó đã đến và nắm lấy phút giây cơ hội. Meister Eckhart nói :

“Nếu tháo bỏ tất cả những lớp áo bên ngoài, linh hồn sẽ thấy và đón nhận được Thượng Đế một cách toàn vẹn và đúng thực. Nếu còn chưa loại bỏ tất cả những lớp màn che, dù mỏng đến đâu, thì linh hồn vẫn chưa có thể thấy được Ngài.”¹⁰

Thế là cả Đông và Tây đều truyền đạt cùng một ý niệm và trong cùng một cách sử dụng biểu tượng.

Vì thế, tham thiền là tiến trình có thứ tự qua đó hành giả tìm thấy Thượng Đế. Tham thiền là một hệ thống đã được thử nghiệm kỹ và được sử dụng rất nhiều, bao giờ cũng giúp hiển lộ nguồn sống thiên liêng. Điều cần lưu ý ở đây là “tiến trình có thứ tự.” Có một số qui luật cần được theo đúng, có
78 một số bước xác định cần thực hiện, và một số giai đoạn khai

⁸ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, II., 52.

⁹ Như trên, IV., 2.

¹⁰ Pfeiffer, Franz, *Meister Eckhart*, tr. 114.

mở cần được thực nghiệm, trước khi hành giả có thể gặt hái được những thành quả của tham thiền. Như chúng ta đã thấy, tham thiền là một thành phần trong diễn trình tiến hóa, và giống như tất cả những điều khác trong thiên nhiên, tham thiền cũng chậm chạp nhưng chắc chắn, với những kết quả không hề sai chạy. Người tự ý tuân thủ các qui luật và làm việc với hệ thống đào luyện này không hề bị thất vọng. Tham thiền đòi hỏi hành giả phải tự chủ trong mọi việc, và chỉ đạt được mục tiêu trong tham thiền khi đáp ứng được những yêu cầu khác nữa theo “tiến trình có thứ tự” kể trên (như tự chủ và tích cực phụng sự), nhưng không cần có tính cuồng tín. Điều này được giải rõ trong *Chí tôn Ca* :

“Người ăn quá ít hoặc ăn quá nhiều, hoặc người có thói quen ngủ quá nhiều hay quá ít đều không thể tham thiền. Chỉ đối với người biết điều độ trong ăn uống và việc làm, cũng như ngủ và thức có điều độ, tham thiền mới trở thành phương tiện tiêu trừ mọi đau khổ.”¹¹

Có thể xem tham thiền đúng là một phần của tiến trình tự nhiên mà cho đến nay đã đưa con người đi tới trên con đường tiến hóa, từ giai đoạn không mấy khác loài thú, cho đến vị thế hiện tại với những thành đạt trí tuệ, thành tựu khoa học và nổi niềm bần khổ, thắc mắc theo sức thô thức thiêng liêng. Trung tâm ý thức của con người đã liên tục chuyển dịch, với sự quan tâm, chú ý liên tục tập trung vào một phạm vi các giao tiếp ngày càng rộng mở. Con người đã tiến lên từ trạng thái đời sống thuần thú tính và hoàn toàn thuộc về thể chất, đi vào trạng thái ý thức mạnh mẽ thuộc xúc cảm và cảm quan, mà hiện nay hàng muôn triệu người

79 vẫn còn ở trong tình trạng này. Thế nhưng, muôn triệu người

¹¹ *Bhagavad Gita*, VI, 16-17.

khác đang vượt lên để đi vào một trạng thái ý thức khác cao hơn của trí tuệ. Còn có một nhóm khác nữa, dù chỉ là thiểu số, nhưng họ đang tiến vào lĩnh vực có thể thực hiện những cấp giao tiếp phổ quát đại đồng. Chúng ta gọi đây là các Thức giả của nhân loại. Chủ đích thiêng liêng giống như sợi chỉ vàng xuyên suốt tất cả các phương pháp được sử dụng, và tham thiên là phương cách để thực hiện việc chuyển tâm thức phàm nhân vào sự nhận thức và ý thức của linh hồn.

Tiến trình này nhằm hiển lộ Chân ngã qua việc phủ nhận sự chế ngự bởi phương diện hình thể của đời sống, và rốt cuộc những lớp áo khác nhau không còn có thể che án được Chân ngã. Tiến trình này có thể được gọi là việc siêu hóa hoặc chuyển hóa tâm thức.

Siêu hóa là biến đổi và chuyển hướng các năng lượng của trí tuệ, các xúc cảm và bản chất của thân xác do đó chúng có thể giúp làm hiển lộ Chân ngã, chứ không đơn thuần là để biểu lộ bản tính của các hạ thể mà thôi.

Ví dụ như chúng ta được biết mình có năm bản năng chính giống như tất cả các loài vật. Khi bị lạm dụng cho những mục tiêu cá nhân, ích kỷ, các bản năng này tăng cường sự sống thân xác, củng cố bản tính của thể chất hay sắc tướng, và vì thế mà ngày càng che án con người tinh thần hay Chân ngã. Các bản năng này cần được siêu hóa để nhập vào những phân đối ứng của chúng ở cấp cao, bởi vì mọi đặc trưng thú tính đều có nguyên mẫu tinh thần của chúng. Bản năng tự bảo tồn rốt cuộc phải được thay thế bằng nhận thức về tính bất tử, và khi “mãi mãi sống trong Vĩnh cửu” hành giả sẽ hoạt động trong đời và hoàn thành vận mệnh của mình. Bản năng thúc đẩy phàm ngã tiến tới và cố gắng hưởng thụ, rốt cuộc sẽ được chuyển hóa thành sự thống ngự của Chân ngã tinh thần hay là Cái Ta cao siêu. Sự khăng định phàm ngã hay cái tôi bé nhỏ sẽ nhường chỗ cho sự khăng định

Chân ngã. Giới tính vốn là một bản năng thú tính đang mạnh mẽ chi phối tất cả các hình hài động vật, sẽ được thay thế bằng sự hấp dẫn ở cấp cao, và trong những phương diện cao thượng nhất sẽ mang lại sự hấp dẫn và kết hợp hữu thức giữa linh hồn và hạ thể. Trong khi đó bản năng sống theo bầy, đàn sẽ được chuyển hóa thành tâm thức tập thể. Bản năng thứ năm, là sức thôi thúc tìm biết và tìm hiểu, vốn là đặc trưng của tất cả những người đã phát triển trí tuệ ở mức thấp hoặc cao, sẽ nhường chỗ cho nhận thức và thông hiểu trực giác. Thế là công việc trọng đại sẽ hoàn tất, và con người tinh thần sẽ thống ngự phàm nhân, vốn là sản phẩm mà y đã tạo nên, và nâng cao mọi phương diện và thuộc tính của phàm nhân lên đến mức siêu thoát thiêng liêng.

Qua tham thiền, trí thức tinh thần tăng trưởng trong trí tuệ, và từ cơ sở của kiến thức thông thường chúng ta liên tục thấu hiểu ngày càng sâu rộng, cho đến khi kiến thức hoà nhập vào nguồn minh triết. Đây là sự hiểu biết Thượng Đế một cách trực tiếp qua khả năng trí tuệ, nhờ thế chúng ta thực hiện được chân tính của mình, và có thể biểu hiện bản tính thiêng liêng. Trong một tác phẩm của ông, Tagore định nghĩa tham thiền là “nhập vào một chân lý chính đại cho đến khi chúng ta thấm nhuần chân lý đó,” và chân lý và Thượng Đế là hai từ đồng nghĩa. Người ta nói rằng trí tuệ biết được hai đối tượng – biết được ngoại giới qua trung gian của năm giác quan, và biết được 81 linh hồn và thế giới của linh hồn qua việc có thể gọi là sử dụng trí tuệ hướng nội và cho nó chuyên chú vào một lĩnh vực giao tiếp mới lạ khác thường. Bấy giờ “hạ trí phản ánh cả chủ thể hiểu biết (là Chân ngã) và điều có thể được hiểu biết, và trở nên thấu suốt mọi sự . . . nó trở thành khí cụ của Chân ngã và đóng vai trò thống nhất.”¹² Mọi sự sẽ được hiển lộ đối với người

¹² Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, IV., 22-24.

tham thiên đích thực. Y sẽ hiểu được những điều ẩn tàng trong thiên nhiên, và những bí mật của đời sống tinh thần. Y cũng biết *cách* nào giúp y hiểu được.

Thế nên, tham thiên mang lại sự hợp nhất hay nhất quán.

Nhà thần bí Tây phương có thể nói đến sự Nhất quán, trong khi đó người huynh đệ của y ở Đông phương có thể nói về Yoga Thống hợp, hoặc sự Hợp nhất và giải thoát, tuy nhiên ý nghĩa của những điều họ nói vẫn là một. Họ muốn nói đến việc trí tuệ và linh hồn (là tâm thức Christ ở bên trong chúng ta hay là Chân ngã) hoạt động như một đơn vị, như một toàn thể phối hợp để biểu lộ ý chí của Đấng Thượng Đế nội tại một cách hoàn hảo. Trong quyển sách của ông tựa đề *Con người và Mục tiêu Thành đạt*, René Guénon có những nhận xét rất thú vị về từ “hợp nhất” như sau.

*“Yoga giúp thực hiện được sự đồng nhất này, tức là sự hợp nhất mật thiết và chính yếu của sự sống với Nguồn cội Thiên liêng, hoặc cũng có thể nói là với Nguồn sống Đại đồng. Ý nghĩa thích hợp của từ Yoga thực sự là ‘hợp nhất’ chứ không là gì khác. . . Cần lưu ý rằng nhất thiết không nên xem nhận thức này là một sự ‘thành tựu,’ hoặc là ‘tạo ra một kết quả không có sẵn từ trước,’ nói theo lời của Shankarâchârya, vì sự hợp nhất nói trên, dù chưa thực sự được nhận thức theo ý nghĩa mà chúng ta muốn nói ở đây, vẫn tồn tại với tiềm năng không kém phần mạnh mẽ, hay nói đúng ra là hầu như có sẵn. Điều có liên quan ở đây chỉ là việc cá nhân hành giả thực sự đạt được . . . ý thức về những gì vốn có từ vô thủy.”*¹³

Qua các giai đoạn có trình tự của tiến trình tham thiên, mối quan hệ giữa linh hồn và các khí cụ của linh hồn được thiết

¹³ Guénon, René, *Con người và Mục tiêu Thành đạt*, tr. 37.

lập một cách tuần tự và liên tục cho đến lúc cả hai bên thực sự trở thành một. Bấy giờ những lớp áo chỉ còn được dùng để làm hiển lộ ánh sáng của Người Con Thượng Đế đang ngự trị bên trong. Thân xác ở dưới sự kiểm soát trực tiếp của linh hồn, vì trí tuệ đã khai ngộ truyền đạt sự hiểu biết của linh hồn đến bộ não vật chất (như về sau chúng ta sẽ thấy). Tính xúc cảm được thanh lọc và chỉ còn phản ánh bản tính yêu thương của linh hồn, cũng giống như trí tuệ phản ánh các mục tiêu của Thượng Đế vậy. Bằng cách này, những phương diện từ trước đến giờ còn riêng rẽ và chưa được tổ chức trong phạm nhân thì nay được thống nhất và tổng hợp trong quan hệ hài hoà với nhau và với linh hồn, là vị sáng tạo ra chúng, là nguồn năng lượng của chúng, và là năng lực đưa chúng đi vào hoạt động.

Khoa học hợp nhất này bao gồm cuộc sống có giới luật, và một hệ thống để thực nghiệm sự điều hợp. Phương pháp là tập trung chú ý, kiểm soát trí tuệ, hay nói cách khác là tham thiền, và là một phương thức phát triển để thực hiện sự hợp nhất với linh hồn, và biết được những trạng thái tâm thức nội tại. Browning tổng kết điều này trong những lời lẽ sau đây :

83

*“Dù bạn tin như thế nào, chân lý vẫn ở trong ta
 Chỉ không phát xuất từ ngoại vật.
 Mỗi người đều có một tâm điểm thâm sâu
 Nơi chân lý tròn đầy đang ngự trị.
 Chung quanh đó, bao lớp tường thành và nhục thân
 che phủ.
 . . . Ai muốn biết
 Cần phải mở ra một lối
 Để chân lý bị phủ che có thể chói rạng huy hoàng,
 Hơn là hoài công cứ mãi chiếu rọi vào
 Bằng ánh sáng mà chúng ta tin là từ ngoại vật.”¹⁴*

¹⁴ Browning, Robert, *Paracelsus*.

Vì thế, toàn bộ vấn đề của khoa học tham thiên là giúp mỗi người có thể biểu lộ chân tính nội tâm của mình một cách hoàn mãn ra bên ngoài, giúp hành giả đồng nhất với phương diện linh hồn nơi mình chứ không chỉ với các đặc tính hạ cấp. Đây là một tiến trình nhanh chóng khai mở ý thức suy luận, nhưng trong trường hợp này hành giả phải tự phát khởi và áp dụng. Qua tham thiên, trí tuệ được dùng làm khí cụ để quan sát những trạng thái vĩnh cửu, và theo thời gian trở thành một khí cụ cho sự khai ngộ, qua đó linh hồn hay Chân ngã truyền sự hiểu biết đến não bộ của xác thân.

Cuối cùng, tham thiên mang lại sự khai ngộ. Meister Eckhart trong quyển sách *Những Bài Thuyết giảng* ông viết vào thế kỷ mười bốn, có nói :

“Có ba hạng người thấy Thượng Đế. Hạng thứ nhất thấy Ngài qua đức tin ; họ không biết được Ngài nhiều hơn những gì họ có thể phỏng đoán được qua một bức vách ngăn. Hạng thứ nhì nhìn thấy Ngài qua những ân huệ chỉ để đáp lại những gì họ thiết tha mong ước, hoặc cho họ lòng tử tế, dịu dàng, lòng sùng kính, hướng nội, và những điều khác nữa. . . . Hạng thứ ba thấy Ngài trong ánh sáng thiêng liêng.”¹⁵

84 Đây chính là ánh sáng được hiển lộ trong tiến trình tham thiên, và chúng ta học cách sử dụng để làm việc.

Trung tâm của thế giới vốn là ánh sáng, và trong ánh sáng đó chúng ta thấy được Thượng Đế. Trong ánh sáng đó chúng ta tìm thấy chính mình, và trong ánh sáng đó mọi sự đều được phơi bày. Patanjali nói rằng “khi kiên trì liên tục thực hành các phương tiện hợp nhất và đã lọc sạch những gì không tinh khiết, hành giả được khai ngộ để tiến đến sự giác ngộ hoàn toàn.” “Bấy giờ trí tuệ ngày càng giác ngộ được thực tính của Chân ngã.”¹⁶

¹⁵ Pfeiffer, Franz, *Meister Eckhart*, tr. 191.

¹⁶ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, II., 27-28, IV., 26.

Do kết quả của tham thiền, ánh sáng nội tâm trở nên chói rạng. “Sự khai ngộ này diễn ra tuần tự, và phát triển qua từng giai đoạn.”¹⁷

Chúng ta sẽ bàn đến điều này chi tiết hơn ở phần sau.

Do hệ quả của tất cả những yếu tố đã có, qua tham thiền những quyền năng của linh hồn được khai mở. Mỗi hạ thể mà linh hồn tự biểu lộ xuyên qua đó đều có ẩn tàng trong chính nó những mãnh lực sẵn có. Tuy nhiên, vì vốn là nguồn cội của tất cả các thể này, nên linh hồn có những mãnh lực đó dưới dạng thuần khiết nhất và tinh tế nhất. Ví dụ như con mắt của thể xác là cơ quan thị giác ở cõi trần. Thần nhãn cũng chính là năng lực này nhưng biểu lộ trong thế giới được gọi là tâm thông – tức là thế giới của ảo tưởng, xúc cảm và tình cảm. Thế nhưng, ở linh hồn thì chính quyền năng này lại là nhận thức thuần khiết và tầm nhìn tinh thần không nhầm lẫn. Những năng lực trong thể xác và năng lực tâm thông cấp 85 thấp đều được đưa vào hoạt động đúng chức năng qua tham thiền, và do vậy mà những biểu lộ thấp kém của chúng được thay thế.

Những quyền năng này khai mở một cách bình thường và tự nhiên. Chúng khai mở không do hành giả mong muốn và hữu thức phát triển, mà chỉ vì khi vị Thượng Đế nội tâm nắm quyền kiểm soát và thống ngự các hạ thể, thì các quyền năng của Ngài trở nên lộ rõ ở cõi trần và bấy giờ những tiềm năng phát lộ thành những điều thực tế mà mọi người đều biết.

Nhà thần bí đích thực không hề bận tâm đến các quyền năng và khả năng, mà chỉ chú tâm vào vị Chủ nhân của các quyền năng đó. Y tập trung vào Chân ngã chứ không tập trung vào các mãnh lực của Chân ngã. Khi hành giả ngày càng hòa nhập vào Thực tại nội tâm tức là chính y, thì các

¹⁷ Như trên, III, 5-6.

quyền năng của linh hồn sẽ bắt đầu biểu lộ một cách bình thường, an toàn và hữu ích. Quá trình này được Meister Eckhart tóm lược như sau :

“Những quyền năng thấp của linh hồn cần phục tùng các quyền năng cao, và các quyền năng cao của linh hồn tuân phục Thượng Đế. Các giác quan hướng ngoại của linh hồn phục tùng các giác quan hướng nội và các giác quan hướng nội phục tùng lý trí ; tư tưởng phục tùng trực giác ; trực giác phục tùng ý chí và tất cả đều tuân phục sự sống duy nhất. . . .”¹⁸

Những lời của Ts. Charles Whitby, người dịch quyển sách *Con người và Mục tiêu Thành đạt* của René Guénon, rất thích hợp với chương này về mục tiêu của tiến trình tham thiền. Ông đề cập đến

86 *“ . . . bằng chứng rất thuyết phục về sự phù hợp cùng xác nhận lẫn nhau trên tất cả những điểm chính yếu, trong các truyền thống nội môn của Tây phương, Ấn giáo, Hồi giáo, và ở Viễn Đông. Chân lý mà chúng ta vội cho là không thể đạt vẫn đang chờ sẵn chúng ta với sự hùng vĩ và cao cả không bị thay đổi và không hề thay đổi, thực sự là chỉ bị che kín đối với những người có thái độ vội vàng và khinh thường, nhưng bao giờ cũng ngày càng tỏ rõ với những người thành tâm, thiết tha tìm kiếm và không thiên kiến. Theo Plotinus, tư duy sâu sắc là điều chính yếu trong cuộc đời của mọi cá nhân và của toàn nhân loại, cứ nâng cao dần trong diễn tiến tự nhiên và tất yếu, từ Bản tính bình thường đến Linh hồn, từ Linh hồn đến Trí tuệ thuần khiết rồi từ Trí tuệ đến ‘Cái Duy nhất’ tối cao. Nếu điều này là đúng thì mối quan tâm hiện nay về những*

¹⁸ Pfeiffer, Franz, *Meister Eckhart*, tr. 40.

vấn đề tâm linh hoặc được xem như là tâm linh của các đại diện tiên tiến cho tư tưởng và khoa học Tây phương, có thể, hoặc nói đúng hơn là sớm muộn gì cũng được nối tiếp bởi sự chú tâm cũng thật nghiêm túc vào những vấn đề có tầm quan trọng cao hơn, thậm chí là cao nhất.”¹⁹

Thế nên, chúng ta thấy rằng những điều khẳng định về tham thiền đều rất cao, và sức thuyết phục trong các bằng chứng của các nhà thần bí và điểm đạo đồ qua mọi thời đại có thể được dùng để chứng thực cho những điều khẳng định đó. Sự kiện thực tế là những người khác đã thành đạt có thể khích lệ và khiến chúng ta quan tâm hơn, nhưng tất cả cũng chỉ có thể nếu chính chúng ta không thực hiện hành động nào xác định. Nói rằng có một kỹ thuật và khoa học về sự hợp nhất, dựa vào việc vận dụng và sử dụng thể trí đúng đắn và đúng cách, thì có thể là hết sức đúng, thế nhưng sự hiểu biết này cũng không ích gì nếu mỗi người có khả năng suy tư và được thụ huấn không tự mình đối diện với vấn đề. Y phải tự nhận định về các giá trị có liên quan, và tự cố gắng biểu dương sự kiện thực tế về trí tuệ, về quan hệ của trí tuệ theo hai hướng (một mặt là với linh hồn và mặt khác là với môi trường sống ở bên ngoài), và cuối cùng là chứng tỏ khả năng có thể tùy ý sử dụng trí tuệ cho bất cứ mục đích nào y chọn. Điều này bao gồm việc phát triển trí tuệ thành một quan năng tổng hợp, hay là lương tri, và kiểm soát, sử dụng nó

87 trong cuộc sống hàng ngày ở thế gian, để vận dụng tình cảm và tư tưởng. Điều này cũng bao gồm việc tùy ý hướng trí tuệ về thế giới linh hồn, và sử dụng khả năng trí tuệ làm trung gian giữa linh hồn và bộ não trong thể xác. Hướng quan hệ thứ nhất được phát triển và bồi dưỡng qua những phương

¹⁹ Guénon, René, *Con người và Mục tiêu Thành đạt*, tr. X.

pháp tốt đẹp của công tác giáo dục và đào tạo ở bên ngoài. Hướng quan hệ thứ hai được thực hiện qua tham thiền, là một hình thức cao hơn trong tiến trình giáo dục.

CHƯƠNG NĂM
CÁC GIAI ĐOẠN TRONG THAM THIỀN

*“Hỡi Linh hồn, Người Anh cao cả,
Bạn đang làm gì ở trong tôi ?
Những cánh cửa chấn song khiến không ai nhìn biết :
Rằng chúng ta vẫn còn có thể cảm thấy cô đơn
(Cô đơn ! dù đang đối diện
Ở nơi có ngọn lửa chiếu sáng rạng ngời !)
Khi lần đầu chúng ta giao tiếp
Với bao lời trao đổi cảm thông.”*

EVELYN UNDERHILL

CHƯƠNG NĂM

CÁC GIAI ĐOẠN TRONG THAM THIÊN

91 CHÚNG TA ĐÃ nghiên cứu vấn đề các mục tiêu tự đặt cho chính mình khi tìm cách hướng trí tuệ đến linh hồn và, qua sự hợp nhất đã thực hiện, có thể thông đạt với thế giới của Sự Sống cao siêu hơn. Chúng ta đang tìm cách sử dụng các trang cụ mà những thực nghiệm và thể nghiệm qua một loạt các kiếp sống lâu dài đã giúp chúng ta có được ; và dù chúng ta tiến hành công việc theo quan điểm của người sùng tín thần bí hoặc người chí nguyện có trí tuệ cao, vẫn cần phải đáp ứng một số yêu cầu cơ bản trước khi thực hành những bài tập xác định. Linh mục R. J. Campbell nêu lên vấn đề và công việc của chúng ta một cách rõ ràng và cô đọng khi ông nói :

“Với mục đích nhận thức được bản tính của Chân ngã, chúng ta đã phải rời gia hương vĩnh cửu của mình trong lòng Thượng Đế và ra đi để có thể phấn đấu và đau khổ giữa những ảo tưởng của thời gian và các giác quan. Chúng ta phải vượt lên và khắc phục khó khăn trước khi có thể đạt đến chân lý vĩnh cửu thâm sâu hơn tất cả những gì biểu kiến ở bề ngoài. Trong cố gắng khắc phục này, chúng ta phải làm chủ thân xác và tăng cường sức mạnh tinh thần, xem thường cuộc sống trần gian để tinh thần được cứu rỗi, và từ bỏ đời sống riêng tư để tìm thấy đời sống tinh thần.”

Giờ đây chúng ta hãy xét đến vị thế và những tiến trình mà chính mình phải theo đúng nếu muốn đạt đến mục tiêu. Chỉ cần lưu ý đến các yêu cầu sơ đẳng, vì chúng được thừa nhận ở khắp nơi, và mọi người sơ cơ đều phải đáp ứng một phần các yêu cầu vừa kể, nếu không họ không thể nào đi vào giai đoạn đặc biệt này trên con đường lâu dài siêu cầu chân lý. Chúng ta ý thức về lương tâm nguyên nơi chính mình, và tình trạng xung đột giữa hai phương diện trong bản thể của mình. Chúng ta cảm thấy một sự bất mãn sâu xa với toàn bộ cuộc sống hồng trần, và với việc mình thiếu khả năng thấu hiểu Thực tại tinh thần mà chúng ta hy vọng là đang hiện hữu. Thế nhưng, đối với chúng ta, Thực tại này vẫn chỉ là một niềm tin, chưa phải là sự hiểu biết chắc chắn mà chúng ta muốn có. Cuộc sống giác quan chùng như không giúp chúng ta đi xa trên con đường tiến đến mục tiêu. Đó là một cuộc sống nhiều thay đổi, đôi khi với những ước vọng cao đẹp đưa chúng ta đến một đỉnh cao kỳ diệu mà chúng ta có thể duy trì đủ lâu để thoáng thấy sự mỹ lệ, rồi lại rơi vào vực thẳm của môi trường sống hàng ngày, của thú tính, và thế giới đầy xáo trộn mà vận mệnh đặt để chúng ta vào đó. Chúng ta cảm thấy có một điều gì đó chắc chắn nhưng cứ mãi ở ngoài tầm tay của mình. Chúng ta nỗ lực hướng đến một mục tiêu chùng như ở bên ngoài chúng ta mà dù đã cố gắng rất nhiều chúng ta vẫn chưa đạt được. Chúng ta phấn đấu, chiến đấu và trải qua bao khó khăn gian khổ nhằm đạt đến sự nhận thức mà các vị thánh đã chứng tỏ và các Thức giả của nhân loại đã liên tục là những chứng nhân. Nếu có đủ ý chí mạnh mẽ, và quyết tâm bền lòng tiến tới liên tục không hề nao núng, và nếu thấu đáo được các qui luật và công thức cổ xưa, hành giả có thể giải quyết vấn đề của mình theo một phương diện mới mẻ và sử dụng khí cụ trí tuệ của mình thay vì những xúc cảm và nhiệt vọng sôi nổi nhất thời.

Hoạt động của cái tâm có vai trò nhất định ; tuy nhiên,

93 trong tác phẩm *Cách ngôn* của ông vốn đã giúp hướng dẫn thực hành cho rất nhiều Thúc giả, Patanjali có nói :

“Những cách thực hành để hợp nhất với linh hồn là trước hết phải có nhiệt vọng bùng cháy, kế đến là sự thấu hiểu tinh thần, và sau cùng là tuân phục vị Thầy ở nội tâm.”¹

Theo Tự điển Webster, từ “aspiration” (nguyện vọng) có gốc La-tinh là “ad” = (đến), và “spirare” = (thở, thở hướng về). Từ “spirit” (tinh thần) cũng có cùng ngữ căn này. Nguyện vọng phải phát khởi trước khi có sự lưu nhập của nguồn cảm hứng tinh thần. Phàm ngã phải thở ra trước khi có sự thở vào của Chân ngã cao siêu. Theo quan điểm của khoa thần bí Đông phương, nguyện vọng có ẩn ý là lửa. Nó hàm ngụ ước vọng bùng cháy, và quyết tâm nồng nhiệt, rốt cuộc mang lại ba điều cho người chí nguyện. Nó chiếu rọi ánh sáng thấu suốt vào những vấn đề khó khăn của y và là lò lửa tinh luyện mà phàm ngã phải đi qua để mọi thứ cặn bã đều được thiêu sạch, cũng như tiêu hủy tất cả những chướng ngại ngăn trở bước tiến của y. Cũng chính ý niệm về lửa này xuyên suốt toàn bộ các kinh sách về khoa thần bí Thiên Chúa giáo, và hẳn chúng ta cũng còn nhớ nhiều đoạn có tính chất tương tự trong Kinh Thánh. Sẵn sàng “vác thập tự giá,” “đi vào hỏa ngục,” và “chịu chết mỗi ngày,” (dù biểu tượng nào được dùng cũng không quan trọng), là đặc điểm của người chí nguyện chân thực. Thế nên, trước khi đi vào con đường tham thiên, và dần bước theo dấu của vô vàn những người con của Thượng Đế đã đi trước, chúng ta cần phải đo lường mức cao sâu của
94 vấn đề và chuẩn bị sẵn sàng cho việc leo núi khó khăn, vất vả và những nỗ lực cam go. Chúng ta phải nói như J. C. Earle :

¹ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, II., 1, 2.

*“Tôi vượt qua thung lũng. Tôi leo lên dốc núi.
 Tôi vác thập tự giá : thập tự giá vác tôi.
 Ánh sáng dẫn đường tiến vào nguồn sáng.
 Tôi khóc vì mừng khi thấy điều tôi kỳ vọng
 Khi đã leo lên đỉnh núi sau bao nỗi nhọc nhằn,
 Vì mỗi bước đốn đau tôi đã trải,
 Đất tôi qua bao thế giới quang minh
 Là một bước tiến sâu hơn vào lòng Thượng Đế.”*²

Chúng ta khởi đầu bằng nhận thức xúc cảm về mục tiêu của mình, rồi từ đó, qua ngọn lửa của giới luật, vượt lên những đỉnh cao hiểu biết xác thực của trí tuệ. Điều này được minh họa một cách đẹp đẽ trong Kinh Thánh qua câu chuyện của Shadrach, Meschach và Abednego. Chúng ta đọc thấy rằng họ bị ném vào giữa lò lửa đang bùng cháy. Thế nhưng, kết quả của tình trạng có vẻ bi kịch này là sự xuất hiện giữa họ một Nhân vật thứ tư, có hình dạng giống như Người con của Thượng Đế. Ba người bạn này là biểu tượng của ba hạ thể phạm nhân. Tên *Meschach* có nghĩa là “linh lợi,” một khả năng của trí phân biện, hay là hạ trí. *Shadrach* có nghĩa là “hoan hỉ trên Đường Đạo” và cho thấy sự siêu hóa thể tình cảm, chuyển đổi dục vọng thành Đường Đạo. *Abednego* có nghĩa là “tôi tớ của Mặt trời,” và nhấn mạnh sự kiện thực tế rằng chức năng duy nhất của thân xác là làm tôi tớ cho Con của Thượng Đế (Mặt trời), tức là chân nhân hay là linh hồn (xem Daniel III, 23-24). Hành giả không thể tránh khỏi việc phải trải qua lò lửa tinh luyện, nhưng phần thưởng tương xứng với sự thử thách.

Hành giả cũng phải thấu đáo ý nghĩa của yêu cầu thứ nhì là đọc hiểu về mặt tinh thần. Từ “*read*” (đọc, hiểu) có nguồn gốc rất sâu xa, và dường như các nhà ngữ văn cho rằng có hai

² Earle, John Charles, *Trên đường Hướng thượng* (Thơ Thần bí Anh Quốc, NXB. Oxford), tr. 508.

từ liên quan đến nó. Một là từ La-tinh “*reri*,” suy nghĩ, và từ kia là tiếng Bắc Phạn “*radh*,” có nghĩa là thành công. Có lẽ cả hai ý này đều có thể áp dụng, vì chắc hẳn đúng rằng người nào có thể suy nghĩ thật hiệu quả, có thể kiểm soát và sử dụng khí cụ tư duy của mình, đều có thể dễ dàng nắm vững kỹ thuật tham thiền.

Mọi người đều có thể cầu nguyện. Trong khi đó, chỉ những ai đã có trí tuệ phân cực, và định hướng mới có thể tham thiền. Đây là điểm cần được nhấn mạnh, nhưng khi nói ra lại thường bị phản đối. Những người tự nguyện tuân hành giới luật và chuyển hóa tình cảm thành lòng tôn sùng tinh thần đều có thể là những vị thánh, và nhiều người sẵn lòng làm điều đó. Thế nhưng, *không phải tất cả mọi người đều có thể là những thức giả*, bởi vì một thức giả bao gồm tất cả những gì vị thánh đã đạt được, cùng với việc sử dụng trí tuệ và năng lực tư duy thấu suốt kiến thức và thông hiểu. Người thành công là người có thể suy nghĩ, có thể sử dụng giác quan thứ sáu là trí tuệ để tạo nên một số kết quả cụ thể. Những nguồn gốc khác được đề nghị cho từ này liên quan đến hàm nghĩa đón nhận lời khuyên hay tư vấn. Thế nên, chúng ta có ba ý cơ bản:

96 – thành công nhờ vận dụng trí tuệ ; đạt được sự hoàn hảo ; đón nhận lời khuyên và sử dụng mọi kênh thông tin để thu thập kiến thức.

Đây cơ bản là ý nghĩa mà Patanjali muốn nói khi ông dùng cụm từ được chuyển dịch là “sự thấu hiểu tinh thần.” Thực sự nó có nghĩa là đọc hiểu với nhãn quan của linh hồn, với nội nhãn linh mẫn để phát hiện những gì chúng ta tìm kiếm. Chúng ta nhận thức được rằng tất cả các hình hài, sắc tướng đều chỉ là biểu tượng của thực tại tinh thần ẩn bên trong, và sự thấu hiểu tinh thần bao gồm việc phát triển khả năng “đọc hiểu” hay là thấy được phương diện sự sống mà ngoại hình che án và che giấu. Điều này đúng với hình

hài của con người cũng như với mọi hình thể khác trong thiên nhiên. Tất cả mọi sắc tướng đều ẩn chứa một tư tưởng, ý tưởng hay chân lý thiêng liêng và là sự xuất lộ hữu hình của một ý niệm thiêng liêng. Khi biết được điều này, hành giả bắt đầu đọc hiểu về mặt tinh thần, thấy sâu hơn cái bề ngoài, và nhờ thế mà tiếp xúc với cái ý tưởng đã sản sinh ra hình thể. Dần dần, khi thực hành và thực tập điều này nhiều hơn, y thấu hiểu được Chân lý và không còn bị chi phối bởi những khía cạnh hảo huyền của hình thể. Trong ứng dụng thực tế nhất, điều này sẽ giúp hành giả, ví dụ như, hóa giải được khía cạnh hình thể mà người huynh đệ của y có thể đang bám chặt, và làm việc với họ dựa vào thực tại thiêng liêng tiềm ẩn ở bên trong. Đây không phải là điều dễ làm, nhưng có thể thực hiện qua việc rèn luyện đọc hiểu tinh thần.

97 Yêu cầu thứ ba là tuân phục vị Thầy ở nội tâm. Đây không phải là sự chú tâm lệ thuộc vào mệnh lệnh của một vị Huấn sư, hay Chân sư mà quá nhiều trường phái huyền bí học cho là đang ẩn danh và hoạt động bí mật ở hậu trường. Yêu cầu này rất đơn giản. Vị Thầy thực sự cần chúng ta chú ý và tuân phục, chính là vị Thầy ở trong tâm mỗi người, là Linh hồn, là Sự Sống Christ nội tại hay Bô-đề tâm. Trước hết vị Thầy này khiến cho chúng ta cảm biết được sự hiện diện của Ngài qua “tiếng nói hãy còn yếu ớt” của lương tâm, nhắc nhở chúng ta sống cuộc đời cao đẹp hơn và ít vị kỷ hơn, và mau lẹ đưa ra khuyến cáo khi có gì lệch lạc khỏi con đường chân chánh. Về sau, hành giả hiểu tiếng nói này là Tiếng nói của Im lặng, vốn xuất phát từ “Ngôi Lời hiện thể” là chính chúng ta. Mỗi người trong chúng ta đều là một Ngôi Lời ẩn trong thân xác. Trong những giai đoạn sau, chúng ta gọi đó là trực giác được khai mở. Người môn sinh hành thiền học cách phân biệt chính xác giữa ba tiếng nói kể trên. Thế nên, yêu cầu

này đòi hỏi người chí nguyện phải tuyệt đối vâng theo sức thôi thúc cao thượng nhất mà y ghi nhận được, luôn luôn một cách mau lẹ và bằng bất cứ giá nào. Sự nhanh chóng tuân hành khiến cho ánh sáng và sự hiểu biết tuôn đổ xuống từ linh hồn, và Đức Christ nêu lên điều này khi Ngài nói : “Người nào tuân theo ý chí của chính mình, sẽ hiểu biết . . .” (John 7, 17).

Ba yếu tố kể trên – sự tuân phục, sự tìm kiếm chân lý trong mọi hình thể, và lòng thiết tha muốn giải thoát – là ba thành phần trong giai đoạn phát triển nguyện vọng tinh thần, phải có trước khi tham thiền. Không nhất thiết phải phát biểu các yếu tố này một cách viên mãn, nhưng phải kết hợp chúng vào đời sống như những qui luật hạnh đức được áp dụng thường xuyên. Chúng mang lại hạnh từ bỏ, một phẩm tính được chú trọng ở cả Đông phương và Tây phương. Đây là việc giải thoát linh hồn ra khỏi tình trạng nô lệ cuộc sống 98 hình thể, và khiến cho phàm nhân phục tùng các động lực cao siêu. Ts. Maréchal phát biểu khái niệm của Thiên Chúa giáo theo những đường hướng này như sau :

“Khái niệm ‘từ bỏ cái ngã’ có nghĩa là gì ?

“Trước hết, nói rõ ra đó là sự từ bỏ cái ngã thấp và cái tôi xúc cảm – là thói quen làm cho thân xác từng phục quan điểm tinh thần, là sự điều phối cái vô số ở cấp thấp theo cái đơn nhất ở cấp cao.

“Đây cũng là sự từ bỏ ‘cái ngã dương dương tự đắc,’ cái ngã phân tán và thất thường, là món đồ chơi của những hoàn cảnh ở ngoại giới, là nô lệ của những ý kiến thường thay đổi. Sự liên tục của nguồn sống ở nội tâm không hề chấp nhận một sự kết hợp quá biến động như thế.

“Trên hết mọi sự, đó là từ bỏ cái tôi ‘tự hào, kiêu hãnh’. Chúng ta phải hiểu đúng điều này, vì tính khiêm tốn được

*xem là một trong những đặc điểm rõ nét nhất của nhà ẩn tu và khoa thần bí Thiên Chúa giáo.*³

Ở đây cần phải khuấy phục cuộc sống thể chất, tình cảm và sinh hoạt trí tuệ để đạt sự hợp nhất, vì bộ máy xúc cảm vốn có tính khí thất thường, và trí tuệ dễ phát sinh lòng kiêu căng, tự đắc.

Quá trình tham thiền được chia thành năm phần, mỗi phần theo đúng trình tự dẫn đến phần kế tiếp. Chúng ta sẽ nghiên cứu riêng từng giai đoạn trong các giai đoạn khác nhau này, vì khi thấu đáo được chúng con người tinh thần hữu thức ở nội tâm sẽ liên tục vượt lên khỏi phạm vi xúc cảm, vào lĩnh vực hiểu biết, rồi được khai ngộ qua trực giác. Có thể kể ra các giai đoạn này một cách vắn tắt như sau :

- 99
1. *Tập trung.* Đây là việc tập trung trí tuệ, học cách hội tụ và sử dụng nó.
 2. *Tham thiền.* Tập trung chú ý kéo dài theo một chiều hướng nào đó, và giữ trí tuệ liên tục trên một ý tưởng cần khảo xét.
 3. *Chiêm ngưỡng hay nhập định.* Hoạt động của linh hồn, tách rời khỏi trí tuệ; bấy giờ trí tuệ được giữ trong trạng thái yên lặng.
 4. *Soi sáng hay khai ngộ.* Đây là kết quả của ba quá trình trước, và gồm việc đưa sự hiểu biết đã đạt được xuống đến và nhập vào ý thức não bộ.
 5. *Cảm hứng hay linh cảm.* Kết quả của sự khai ngộ, biểu lộ trong cuộc sống phụng sự.

Khi theo đúng năm giai đoạn này, hành giả hợp nhất với linh hồn và hiểu biết trực tiếp được Thiên tính hay là Chân

³ Maréchal, Joseph, S. J., *Nghiên cứu Triết lý của các nhà Thần bí*, tr.166.

như Phật tính nơi chính mình. Với đa số những người bắt đầu học tham thiền, giai đoạn mà họ cần chú ý thực tập trong thời gian dài – thực tế chưa kể đến các giai đoạn kia – là giai đoạn tập trung, và kiểm soát các tiến trình trong trí tuệ. Xem như hành giả đã có nguyện vọng tinh thần đến mức nào đó, nếu không y sẽ không có ý muốn tham thiền. Tuy nhiên, cần nêu rõ rằng chỉ có nguyện vọng thì vẫn chưa đủ ; nguyện vọng phải được sự hỗ trợ của ý chí mạnh mẽ, khả năng cố gắng liên tục và sự bền chí nhẫn nại.

I. Giai đoạn Tập trung.

Trong tất cả các trường phái thần bí cấp cao hay thiền về trí tuệ, bước đầu tiên và cần thiết là đạt được sự kiểm soát trí tuệ. Ngay từ thế kỷ mười bốn, Meister Eckhart cũng đã viết và nêu lên điều đó !

“Thánh Paul nhắc nhở chúng ta rằng khi chú tâm vào việc thể hiện thiên tính, chúng ta có thể đạt đến một tầm nhìn cao siêu hơn và chân thực hơn. Để được như thế, Thánh Dionysius cho biết chúng ta cần thực hiện ba điều. Một là làm chủ trí tuệ của mình. Hai là trí tuệ phải được tự do. Ba là trí tuệ có khả năng tri kiến. Làm thế nào chúng ta có được thể trí với khả năng tư duy này ? Bằng thói quen tập trung trí tuệ.”⁴

Đây là việc tuân thủ hết sức nghiêm ngặt theo phương pháp của Đông phương. Phương pháp này trước hết nhắm đến việc giúp hành giả kiểm soát được thể trí của mình, để có thể sử dụng nó tùy ý muốn, chứ không như trường hợp (quá thường khi) y là nạn nhân của thể trí của mình, bị thống

⁴ Pfeiffer, Franz, *Meister Eckhart*, tr. 196-197.

trị bởi những tư tưởng và ý tưởng mà y không kiểm soát được và cũng không thể loại bỏ, dù y có ý muốn làm điều đó thật mạnh mẽ đến đâu.

Chúng ta cũng có thể tìm thấy cùng những ý tưởng mà Meister Eckhart đã phát biểu, trong cổ thư của Ấn Độ là *Chí tôn Ca* :

“Hỡi Đấng Krishna, thể trí xao động, náo loạn, nông nổi và quá mạnh mẽ; con thấy nó khó chế ngự như cơn gió vậy.

“Quả thực . . . thể trí xao động và rất khó điều khiển ; nhưng nhờ chuyên cần tập luyện . . . con có thể hoàn toàn chế ngự nó.

“Khi linh hồn con vượt qua khu rừng ảo tưởng, con sẽ không còn bận tâm đến những gì sẽ được truyền dạy hoặc những gì đã được truyền dạy.

“Khi vượt ra khỏi giáo huấn theo truyền thống, linh hồn con sẽ đứng vững vàng, kiên định trong tâm mắt của linh hồn, bấy giờ con sẽ hợp nhất với linh hồn .”⁵

Thế nên, bước đầu tiên là kiểm soát thể trí. Đây có nghĩa là năng lực khiến cho thể trí làm những điều bạn muốn, suy nghĩ điều bạn chọn, và phát biểu rõ ràng các ý tưởng và những trình tự tư tưởng đúng theo định hướng. Trong đa số các trường hợp, trước hết chức năng của trí tuệ là nhận các thông tin đến từ ngoại giới, qua năm giác quan, và do bộ óc chuyển đến. Ông Hume nói rằng “thể trí là một loại sân khấu, ở đó nhiều sự nhận thức kế tiếp nhau xuất hiện.” Thể trí là điểm trụ của các chức năng trí tuệ, và là một trung tâm quan trọng để ghi nhận tất cả các loại ấn tượng, dựa vào đó chúng ta hành động, hoặc nếu không thích thì chúng ta từ chối, không nhận. Thể trí có khuynh hướng chấp nhận những gì được trình bày cho nó. Các

⁵ *Chí tôn Ca*, VI., 34-35, ll., 52-53.

nhà tâm lý học và khoa học có quá nhiều ý tưởng về bản tính của trí tuệ nên không đủ chỗ để đề cập ở đây. Một số người xem trí tuệ là một thực thể riêng biệt ; những người khác xem nó là một cơ cấu, trong đó bộ óc và hệ thần kinh là những thành phần. Một trường phái khác xem nó là “một loại cấu trúc cấp cao, không thuộc về vật thể . . . có thể nghiên cứu rất ráo về mặt khoa học và là nguyên nhân dẫn đến những rối loạn của chính nó.” Một số người cho rằng nó có sự sống riêng và là một dạng của cái ngã ; hoặc là một cơ cấu phòng vệ được xây dựng qua các thời đại ; hay là một bộ máy ứng đáp qua đó chúng ta tiếp xúc được với những phương diện của vũ trụ không thể giao tiếp được bằng cách nào khác. Với một số người, thể trí chỉ đơn thuần là một thuật ngữ mơ hồ có nghĩa là một phương tiện chúng ta dùng để ghi nhận tư tưởng hoặc ứng đáp với các rung động, như những gì có trong công luận và những sách vở đã viết qua các thời đại. Đối với nhà huyền bí học, thể trí chỉ đơn thuần là từ tiêu biểu cho một phương diện của con người có khả năng đáp ứng theo một chiều hướng – với ngoại giới gồm các tư tưởng và các sự vụ trong đời – nhưng cũng có thể đáp ứng theo một hướng khác – với thế giới của các năng lượng tinh vi và sự sống tinh thần. Đây là khái niệm mà chúng ta sẽ ghi nhớ khi nghiên cứu kỹ thuật tham thiên. Ts. Lloyd Morgan tóm lược điều này theo cách bao gồm tất cả những định nghĩa phụ thuộc khác. Ông nói :

“ . . . từ ‘trí tuệ’ có thể được dùng theo ba nghĩa ; một là *Tuệ trí* hay *Tinh thần liên quan đến trạng thái Hoạt động*, vì chúng ta là *Thượng Đế* ; hai là *một phẩm tính xuất lộ ở cấp cao của diễn trình tiến hóa* ; và ba là *một thuộc tính tâm linh thấm nhuần toàn bộ các sự kiện trong thiên nhiên, trong mối tương quan đại đồng*. ”⁶

⁶ Morgan, C. Lloyd, *Cuộc Tiến hóa đang Xuất lộ*, tr. 37.

Ở đây chúng ta có ý niệm về chủ đích thiêng liêng, trí tuệ đại đồng, về trí năng của nhân loại phân biệt con người trên thang tiến hóa với loài vật, cũng như về ý thức tâm linh đại đồng thấm nhuần những loài có sự sống và những loài bị xem là không có sự sống. Chính trí tuệ này là phẩm tính xuất lộ ở giai đoạn tiến hóa cấp cao mà những người như chúng ta đang có. Đối với chúng ta trí tuệ là một phương thức hay phương tiện giao tiếp, nhận thông tin từ những nguồn khác nhau, bằng những phương tiện khác nhau. Thông tin được chuyển vào qua năm giác quan, nhờ đó hành giả ý thức được thế giới các hiện tượng hồng trần và sinh hoạt tâm linh mà y đang chìm đắm trong đó. Không chỉ có thế, thể trí còn ghi nhận các ấn tượng phát ra từ những thể trí khác, và tư tưởng của nhiều người (cả thời xưa và thời nay) được truyền đến y qua sách vở hay lời nói, kịch nghệ, tranh ảnh và âm nhạc. Hầu hết những điều đó chỉ được ghi nhận và lưu lại, và về sau được phát biểu như là ký ức hay dự kiến. Những tâm trạng, phản ứng tình cảm, xúc cảm và ham muốn dù ở cấp thấp hay cấp cao cũng được thể trí ghi nhận, nhưng với người trình độ trung bình thì tất cả chỉ có vậy. Sau việc ghi nhận thông tin, rất ít khi có suy nghĩ thực sự, và họ chưa có khả năng trình bày tư tưởng một cách rõ ràng, chính xác. Việc gói ghém các ý tưởng trong những lời nói để phát biểu chúng một cách rõ ràng là một trong những chức năng của trí tuệ, thế nhưng hãy còn quá ít người có ý tưởng hoặc phát khởi được những tư tưởng thực sự thông minh ! Dù trí tuệ của họ ứng đáp với những gì được truyền đến từ ngoại giới, nhưng không có những hoạt động của chính họ hoặc do họ tự phát khởi.

Thế nên, tiến trình hiện đang chi phối một người bình thường vốn từ ngoại giới đi vào, qua các giác quan, đến não bộ. Bấy giờ não bộ “gửi điện” các thông tin đã ghi được đến

thể trí, và đến lượt thể trí ghi nhận thông tin. Thường thì sự việc đến đó là kết thúc.

104 Thế nhưng, trong trường hợp của người thực sự biết suy tưởng thì tiến trình này kéo dài thêm. Sau khi ghi nhận, thể trí phân tích sự việc hay thông tin này, sự tương quan của nó với các sự việc khác, và suy cứu nguyên nhân và hậu quả. “Hạ trí” (theo cách gọi của Đông phương) bắt đầu hoạt động, tạo ra các hình tư tưởng và kiến tạo những hình ảnh trong trí, liên quan đến ý tưởng đang có. Bây giờ, nếu muốn, người đó có thể đem những suy tư sáng tỏ của mình vào não bộ, và bắt đầu hoạt động phản hồi. Tuy nhiên, với nhà thần bí và người đang bắt đầu tham thiên, còn có những điều phát hiện khác nữa. Ý nhận thấy rằng khi được chủ trị và đưa vào kỷ luật thích hợp, thể trí có thể ứng đáp một cách sâu rộng hơn. Nó có thể trở nên ý thức được những ý tưởng và các khái niệm phát xuất từ một linh vực tinh thần sâu sắc, do linh hồn truyền đạt. Thay vì đến từ cuộc sống thường ngày ở ngoại giới qua sự ghi nhận bén nhạy của thể trí, các ấn tượng có thể đến từ những cõi giới của linh hồn, do hoạt động của linh hồn hành giả, hoặc do những linh hồn khác mà linh hồn của y có thể giao tiếp.

Thế là trí tuệ bắt đầu phát huy khả năng hữu ích mới mẻ, với phạm vi giao tiếp không những bao gồm giới nhân loại và còn gồm cả thế giới linh hồn. Bây giờ trí tuệ có chức năng làm trung gian giữa linh hồn và não bộ, và truyền đến não bộ những điều hành giả đã biết được với tính cách một linh hồn. Có thể thực hiện được điều này khi hành giả thay thế hoạt động trí tuệ đã và đang có với hoạt động cao hơn, và khi y làm cho thể trí tạm thời không nhạy cảm với tất cả những gì ở bên ngoài kêu gọi sự chú ý của nó. Tuy nhiên, không được thực hiện điều này bằng những phương pháp làm cho thể trí trở nên thụ động và thụ cảm, hoặc bằng cách làm cho thể trí “trống không”, hoặc gây choáng để đưa nó vào tình trạng tiêu cực, hay những

hình thức khác của việc tự thôi miên. Điều này có được do sức thôi thúc của sự quan tâm mới mạnh hơn, và sự chuyên tâm tập chú các năng lực trí tuệ vào một thế giới với các hiện tượng và mãnh lực mới. Đây là kỹ thuật tập trung, bước đầu tiên và khó khăn nhất trên đường đi đến sự giác ngộ trong cuộc sống.

Từ “concentration” (tập trung) có nguồn gốc là các từ Latinh “con” = “cùng nhau” và “centrare” = “đặt vào tâm điểm.” Nó có nghĩa là “gom lại với nhau hoặc là đưa vào một tâm
105 điểm hay tiêu điểm chung.” Nó cũng có hàm ý gom lại các tư tưởng và ý tưởng vắn vơ, và giữ thể trí hội tụ hay tập trung một cách vững vàng, liên tục vào đối tượng của sự chú ý tham thiền, mà không bị chia trí hay xao lãng. Nó loại bỏ tất cả những điều gì khác không liên quan đến vấn đề đang được khảo sát. Patanjali định nghĩa : “Định trí hay tập trung là buộc cái ý thức đang nhận biết vào một phạm vi nhất định.”⁷

Nhất thiết phải có sự phân biệt giữa Chủ thể suy tưởng, bộ máy suy tưởng, và điều đang được Chủ thể này xem xét. Thế nên, chúng ta cần phân biệt giữa chính mình là người đang suy tưởng và cái khí cụ mà chúng ta dùng để suy tưởng, tức là thể trí. Rồi đến yếu tố thứ ba là điều được suy tưởng.

Ngay từ bước đầu tham thiền, các môn sinh rất cần học cách phân biệt được những điều cơ bản này, và tạo thói quen mỗi ngày đều phân biệt được như thế. Họ phải luôn luôn phân biệt giữa :

1. Chủ thể suy tưởng, Chân ngã, hay Linh hồn.
2. Thể trí, hay là bộ máy mà Chủ thể này tìm cách sử dụng.
3. Tiến trình tư tưởng, hay là công việc của Chủ thể trong khi tạo ấn tượng lên thể trí (đang trong trạng thái thăng bằng) về những gì mà Chủ thể suy nghĩ.

⁷ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, III., 1.

4. *Não bộ, đến lượt nó được thể trí tạo ấn tượng (trong khi phục vụ cho Chủ thể), để truyền những cảm tưởng và thông tin.*

106 Vì thế, tập trung là năng lực gom tâm thức vào một vấn đề cần khảo xét và giữ tâm thức ở đó trong thời gian cần thiết. Đây là phương pháp nhận thức chính xác, và năng lực hình dung đúng đắn, là đặc tính giúp Chủ thể suy tưởng nhận thức được và biết được lĩnh vực cần nhận thức. Cũng có thể hiểu tập trung là chú ý, tức là sự chú tâm chuyên nhất. Linh mục Maréchal nói đến vấn đề này một cách thú vị. Ông nêu rõ rằng “chú tâm là *con đường trực tiếp* để có được nhận thức đầy đủ, hoặc đưa đến ảo giác, hoặc đưa đến đức tin trong những trường hợp thông thường hơn. . . . Nó mang lại một sự *thống nhất* trí tuệ ít nhất cũng tạm thời do ưu thế của một nhóm ý tưởng trong thể trí.

. . . Thế nhưng ‘sự thống nhất trí tuệ’ này, được thực hiện đến mức nào đó trong hiện tượng chú tâm, cũng là điều kiện chủ quan duy nhất mà, như chúng ta đã thấy, luôn luôn đi kèm theo sự nhận thức đúng hay sai về sự thật.”⁸

Câu hỏi đặt ra là, cách nào dễ nhất để mỗi người tự thực hành tập trung ? Chúng ta có thể dùng câu tục ngữ Pháp để trả lời : “Cách hay nhất để loại trừ là thay thế;” và một cách là sử dụng “sức thôi thúc của một điều mới lạ mà chúng ta yêu thích.” Sự quan tâm sâu sắc đến một điều mới mẻ và thú vị, và sự chú tâm vào một vấn đề mới lạ và quan trọng sẽ tự động có khuynh hướng khiến cho trí tuệ trở nên chuyên nhất.

107 Câu đáp thứ hai có thể là : Hãy tập trung vào những điều bạn làm suốt ngày và trong mọi ngày. Khả năng tập trung sẽ phát triển mau lẹ nếu chúng ta vun bồi thói quen chính xác khi làm tất cả các công việc trong đời. Để có lời nói đúng đắn

⁸ Maréchal, Joseph, S. J., *Nghiên cứu Tâm lý Nhà Thần bí*, tr. 90.

và chính xác, chúng ta phải hoàn toàn chú tâm vào những điều mình đang nói, đang đọc hay đang nghe ; muốn được như thế chúng ta cần phải tập trung và nhờ đó mà phát triển khả năng này. Nói cho cùng, tham thiền là một thái độ trong trí tuệ, và sẽ phát triển từ một tâm thái tập trung.

Thế nên, toàn bộ cố gắng của chúng ta có mục tiêu rèn luyện trí tuệ để nó trở thành tôi tớ chứ không làm chủ chúng ta, và vun bồi năng lực tập trung, chuẩn bị cho việc tham thiền đích thực. Do đó, người môn sinh có nhiệt tình sẽ cố gắng hoàn toàn chú tâm vào các công việc trong đời sống hằng ngày, và nhờ đó mà học cách vận dụng trí tuệ của mình làm một khí cụ để suy tưởng.

Ở đây tôi xin nhấn mạnh vào sự cần thiết phải có thái độ tập trung liên tục vào cuộc sống. Có thể nói lên bí quyết thành công một cách đơn giản là : Hãy chú tâm. Khi nói chuyện với người khác, khi đọc sách, khi viết thư, chúng ta hãy liên tục tập trung tư tưởng của mình vào những gì chúng ta đang làm, và nhờ đó mà dần dần phát triển năng lực tập trung.

Khi đã vun bồi được thái độ này, chúng ta còn phải có thêm những bài tập xác định để thực hành tập trung mỗi ngày, một cách bền chí, nhẫn nại. Bài tập này gồm việc định trí vào một đối tượng cụ thể, hoặc một đề tài đã chọn để suy tưởng. Kế đó là một tiến trình liên tục và yên lặng học cách
108 rút tâm thức khỏi ngoại giới và những điều kiện ở bên ngoài, và tùy ý tập trung vào một vấn đề.

Cố gắng tập trung hằng ngày một cách đều đặn, liên tục, dần dần sẽ khắc phục sự khó khăn trong việc chế ngự thể trí và mang lại những kết quả có thể kể ra như sau :

1. *Thể trí được tái tổ chức.*
2. *Hành giả định hướng và phân cực tâm thức trong thể trí, thay vì thể tình cảm.*

3. Hành giả rút sự chú ý ra khỏi các nhận thức của giác quan, và học cách tập trung tâm thức trong não bộ. Nhiều người còn sử dụng từng thái dương (đơn điền), giống như loài vật.

4. Phát triển khả năng lập tức tập trung để bắt đầu tham thiền.

5. Năng lực tập trung chuyên chú vào một tư tưởng gốc đã chọn.

II. Giai đoạn Tham thiền.

Patanjali định nghĩa tập trung là giữ cái ý thức đang nhận biết trong một phạm vi nhất định, và tham thiền cũng là giữ cái ý thức đang nhận biết trong một phạm vi nhất định nhưng với thời gian kéo dài. Điều này hàm ý chỉ có sự khác biệt trong yếu tố thời gian, và cho thấy rằng cả hai giai đoạn đều là sự kiểm soát thể trí một cách thành công. Qua việc thực hành tập trung, người môn sinh cần có đủ khả năng kiểm soát để không còn bị phiền phức khi phải nhiều lần gom tư tưởng trở lại cho đúng mục tiêu. Vì thế, việc tập trung kéo dài giúp thể trí có thể tác động trên bất cứ đối tượng nào bên trong phạm vi của lĩnh vực đã chọn. Việc chọn một từ hay một nhóm từ để làm chủ đề tham thiền tạo nên phạm vi hạn định này, và nếu tham thiền được tiến hành đúng đắn thì thể trí không bao giờ từ bỏ việc xem xét mục tiêu đã chọn. Thể trí vẫn tập trung và tiếp tục tích cực trong toàn thời gian tham thiền. Ngoài ra, thể trí không được phép làm gì tùy ý với đối tượng hoặc là tư tưởng gốc. Trong tập trung, hành giả cần tỉnh thức trong suốt thời gian sử dụng trí tuệ của mình. Trong tham thiền, hành giả không còn bận tâm về việc mình đang sử dụng thể trí, mà vẫn không hề bị những hoang tưởng hão huyền, hoặc những ý tưởng tình cờ xen vào, liên quan đến đối tượng của tư tưởng. Tư tưởng gốc đã được chọn cho

một mục đích – hoặc để tạo ảnh hưởng đối với hành giả, hay để phục vụ một người khác, hoặc liên quan đến một công tác tinh thần, hoặc trong giai đoạn tìm kiếm sự minh triết. Nếu tiến trình tham thiền thành công, nó chỉ khơi dậy rất ít hoặc không gợi lên phản ứng nào nơi hành giả, dù là vui thích hoặc không vui thích. Hành giả vượt cao hơn các phản ứng tình cảm và vì thế thể trí được tự do hoạt động đúng với chức năng và khả năng của nó. Kết quả là sự sáng tỏ trong tư tưởng mà trước đó y chưa bao giờ đạt được, vì trong hoạt động bình thường thể trí luôn luôn kết hợp với và chịu ảnh hưởng của sự ham muốn theo lối nào đó. Trong trạng thái tâm thức vừa kể, hành giả vượt lên khỏi dục vọng, cũng như y vượt cao hơn tư tưởng trong giai đoạn sau là nhập định. Khi thể trí bị làm cho choáng váng và bất động do ức chế hoặc bằng cách lặp đi lặp lại liên tục, thì hành giả không thể vượt lên khỏi nó trong nhập định, hoặc sử dụng nó trong tham thiền. Lối thực hành làm cho thể trí trống không, thì không những là đại đột mà còn là điều thực sự nguy hiểm.

110 Trong *Yoga Điển tắc của Patanjali* có những lời sau đây :
 “Việc dần dần chế ngự cái khuynh hướng của thể trí liên tục chuyển từ đối tượng này đến đối tượng khác, và khả năng chuyên nhất, giúp phát triển giai đoạn nhập định,”⁹

Tham thiền là kết quả của kinh nghiệm, là sự đạt được một thái độ tức thời trong trí tuệ do hậu quả của cố gắng thực hành lâu dài. *Chí Tôn Ca* có nêu rõ rằng trong mọi hành động đều có bao gồm các yếu tố sau đây :

- “1. Khí cụ vật chất não bộ
2. Người hành động Chân ngã
3. Cơ quan thể trí

⁹ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, III., II.

4. *Lực thúc đẩy*..... *năng lượng*

5. *Vận mệnh* *Nghiệp quả*¹⁰

Tham thiên là một loại hoạt động rất tích cực và cũng bao gồm cả năm yếu tố này. Khí cụ vật chất mà chúng ta phải sử dụng trong tham thiên là não bộ trong thể xác. Nhiều người nghĩ rằng họ phải vượt khỏi não bộ, lên đến mức rất cao và trụ ở một đỉnh cao của tư tưởng cho đến khi một điều cao siêu nào đó xảy ra, và bấy giờ họ có thể bảo rằng họ biết được Thượng Đế. Điều thực sự cần thiết là chúng ta cần kiểm soát được các tiến trình trong trí tuệ và não bộ, để bộ não trở thành một khí cụ bén nhạy tiếp nhận các tư tưởng và ý muốn của linh hồn, hay là Chân ngã, khi Chân ngã truyền đạt những điều đó qua trung gian của trí tuệ. Thể trí được xem như có tính chất của giác quan thứ sáu, và bộ não được xem là khí cụ tiếp nhận. Chúng ta đã và đang sử dụng năm giác quan như những con đường để nhận thức, và chúng liên tục chuyển các thông tin đến cho não bộ. Qua trung gian của ngũ quan, mỗi người có thể nắm bắt được các thông tin về năm lĩnh vực rộng lớn của tri thức, hay là năm phạm vi rung động. Thể trí cũng cần phục vụ cho một mục đích tương tự. Điều này được Meister Eckhart tóm lược, và cho thấy cái vị thế của tất cả các nhà thần bí trên cả hai bán cầu :

“Trước hết, hãy kiểm soát các giác quan hướng ngoại của bạn đến mức thích hợp. . . . Rồi quay vào các giác quan hướng nội hay là các năng lực cao thượng của linh hồn, ở cấp thấp và cao. Trước hết là các năng lực thấp. Đây là trung gian giữa các năng lực cao và các giác quan hướng ngoại. Chúng chịu sự kích thích của các giác quan hướng ngoại, và lập tức phát

¹⁰ *Chí Tôn Ca*, XVIII, 13-14.

sinh ý muốn đối với những gì tai nghe, mắt thấy được. Thường thì ý muốn này cũng chịu sự chi phối của năng lực thứ nhì, gọi là trí phán đoán, xem xét nó và tiếp chuyển nó đến năng lực thứ ba, là sự cân nhắc, đánh giá hay lý trí. . . .

“Hơn nữa, hành giả phải có trí tuệ cởi mở . . . , nên cho thân xác ngơi nghỉ sau khi làm việc nặng nhọc, không chỉ do sử dụng lời nói mà còn do vận dụng các giác quan. Linh hồn trở nên sáng tỏ nhất trong khi yên lặng, nhưng khi thể xác quá mệt mỏi thì linh hồn thường bị trở ngại do sự trì trệ này. Bấy giờ phải cố gắng rất nhiều chúng ta mới làm việc được với tình thương thiêng liêng để có được tâm nhìn trí tuệ, mãi cho đến khi đã tìm được đường đi qua các giác quan tập trung, chúng ta vượt cao hơn trí tuệ để đi vào nguồn minh triết tuyệt vời của Thượng Đế Khi lên đến đỉnh chót trí tuệ của chính mình, hành giả trở thành vị Thượng Đế cao cả.”¹¹

Qua vai trò của thể trí với tính cách một khí cụ được điều khiển, linh hồn có thể vận dụng các xung động hay các hình tư tưởng. Những mãnh lực này đi vào phạm vi kinh nghiệm của Chủ thể suy tưởng, và y phải học cách leo lái chúng một cách hữu thức và làm việc với chúng, để mang lại kết quả như mong muốn.

Yếu tố thứ năm nhắc chúng ta nhớ rằng hành giả phải đạt đến một giai đoạn phát triển tiến hoá nhất định trước khi có thể thực sự tham thiền. Phải thực hiện được một số việc, và phải tinh luyện các vận cụ (tức là các thể) đến mức nào đó, trước khi hành giả có thể tham thiền một cách khôn ngoan và an toàn. Không phải tất cả mọi người đều được trang bị đầy đủ để tham thiền với hy vọng hoàn toàn thành công. Điều này không hề làm nản lòng bất cứ người môn sinh nào cả. Luôn luôn hành giả có thể thực hiện được bước đầu và

¹¹ Pfeiffer, Franz, *Meister Eckhart*, tr. 279, 47.

đặt nền móng vững chắc. Có thể bắt đầu kiểm soát các tiến trình trí tuệ để đạt đến mức cao, giúp linh hồn có được một bộ máy tư tưởng sẵn sàng cho linh hồn sử dụng. Trong phản ứng với ba thành phần của tham thiền, nhưng phản ứng một cách thống nhất, bản tính của thể xác hay hình thể đã được nghiên cứu, đặc tính làm sinh động hình thể, và động lực hay nguyên nhân biểu hiện của hình thể cũng đã được xem xét. Đồng thời có sự tập trung ngày càng sâu hơn và việc tham thiền ngày càng chuyên chú hơn. Sự chú tâm ngày càng sâu hơn và những sự vật bên ngoài mờ dần. Điều này không được thực hiện qua thái độ thụ động, mà với sự chú tâm chuyên nhất và sinh động. Phương pháp hành thiền bao giờ cũng tích cực, không hề đưa đến tình trạng tiêu cực hay xuất thần. Thể trí luôn luôn bận rộn, nhưng bận rộn theo một chiều hướng.

Cuối cùng, đến giai đoạn gọi là chân phúc, hay đồng nhất.

113 Tâm thức không còn tập trung vào trí tuệ mà trở nên đồng nhất với mục tiêu của việc tham thiền. Điều này chúng ta sẽ xét sau.

Thế nên, chúng ta có bốn giai đoạn được tóm tắt sau đây, gọi là “tham thiền hữu chủng” (tham thiền với tư tưởng gốc) :

1. Tham thiền về bản chất của một hình thể.
2. Tham thiền về phẩm tính của một hình thể.
3. Tham thiền về mục đích của một hình thể.
4. Tham thiền về sự sống làm sinh động một hình thể.

Tất cả các hình hài, sắc tướng đều là biểu tượng của một sự sống nội tại, và chính nhờ tham thiền hữu chủng mà chúng ta đạt đến phương diện này của sự sống.

Trong *Luận về Lửa Vũ trụ* có những lời sau đây :

“Người môn sinh khôn ngoan nên xem tất cả những hình thức phát biểu đều có tính biểu tượng. Một biểu

tượng có ba cách lý giải. Chính nó là sự phát biểu của một ý tưởng, và ẩn trong chính ý tưởng đó là một mục đích hay là sức thôi thúc mà chúng ta vẫn còn chưa hiểu được. Có thể nêu ba cách lý giải biểu tượng như sau :

“1. *Giải thích theo bề ngoài* của biểu tượng hầu như dựa vào tính hữu dụng của nó ở bên ngoài, và dựa vào tính chất của hình thể. Cái bề ngoài và thực chất có hai mục đích :

114

“a. Đưa ra một số chỉ dẫn mờ nhạt của ý tưởng và khái niệm. Điều này liên kết biểu tượng . . . với cảnh giới trí tuệ, nhưng không giúp nó thoát ra khỏi ba cảnh giới của các giá trị nhân loại.

“b. Giới hạn, hạn chế và giam hãm ý tưởng để làm cho nó thích ứng với trình độ tiến hoá của mỗi người. Thực tính của ý tưởng tiềm ẩn thì bao giờ cũng mạnh mẽ và hoàn chỉnh hơn hình thể hay biểu tượng mà nó tìm cách biểu lộ xuyên qua đó. Vật chất là biểu tượng của năng lượng ở trung tâm. Tất cả các loại hình thể của tất cả các giới trong thiên nhiên, và toàn bộ những lớp áo biểu hiện theo ý nghĩa rộng nhất đều chỉ là những biểu tượng của sự sống – ý nghĩa của chính Sự Sống cho đến nay vẫn còn là một điều bí nhiệm.

“2. *Giải thích ẩn ý* hay ý nghĩa cho thấy ý tưởng ẩn trong cái biểu hiện ở bề ngoài. Ý tưởng này chính nó thì vô hình vô ảnh, nhưng ở ngoại giới lại trở thành cụ thể. . . . Những ý tưởng vừa kể trở nên rõ ràng đối với người môn sinh đã nhập thiền, trong khi đó chỉ hình thể bên ngoài của biểu tượng là tất cả những gì mà người sơ cơ thấy được. Ngay khi hành giả bắt đầu hữu ý sử dụng khí cụ trí tuệ của mình và đã có được sự giao tiếp dù là gián ngụi với linh hồn thì có ba điều xảy ra:

“a. Y vượt xa hơn hình thể và tìm cách giải thích nó.

115

“b. Đúng lúc y đạt đến linh hồn mà ngoại thể che giấu, và y thực hiện được điều này nhờ hiểu được linh hồn của chính mình.

“c. Bấy giờ y bắt đầu phát biểu các ý tưởng và sáng tạo, và biểu lộ năng lượng của linh hồn hay chất liệu mà y thấy mình có thể vận dụng được.

“Hương dẫn học viên làm việc với trí tuệ chất tức là rèn luyện họ biết cách sáng tạo. Dạy học viên hiểu được bản tính của linh hồn tức là giúp họ hữu ý tiếp xúc với phương diện nội tại của cuộc biểu hiện và trao vào tay họ khả năng làm việc với năng lượng của linh hồn. Giúp học viên có thể khai mở các uy lực của phương diện linh hồn tức là giúp họ *tiếp xúc* với các mãnh lực và năng lượng ẩn trong tất cả các giới tiến hoá của Thiên nhiên.

“Bấy giờ, khi sự giao tiếp với linh hồn và nhận thức nội tâm của hành giả được tăng cường và phát triển, y trở thành một vị sáng tạo hữu thức, hợp tác với thiên cơ tiến hoá của Thượng Đế. Khi hành giả đi qua những giai đoạn khác nhau, y gia tăng khả năng có thể làm việc với các giai đoạn đó cũng như tăng cường năng lực thấu đến cái ý tưởng ẩn trong tất cả các biểu tượng và hình tượng. Y không còn chấp vào cái ngoại dạng mà biết đó là hình thể hão huyền đang che giấu, cầm giữ và ẩn chứa một tư tưởng nào đó.

116

“3. *Ý nghĩa tinh thần* là những gì ẩn bên trong ý nghĩa nội tại và bị ý tưởng hay tư tưởng che án, giống như ý tưởng bị che án bởi hình thể mà nó khoác vào khi biểu hiện ở bên ngoài. Ý nghĩa nói trên được xem là cái mục đích thôi thúc ý tưởng đó và giúp nó biểu hiện vào thế giới của hình tượng. Đây là năng lượng động lực trung tâm, là nguồn phát sinh các hoạt động ở nội tâm. . . .”¹²

¹² Bailey, Alice A., *Luận về Lửa Vũ trụ*, tr. 1233 và tiếp theo.

Kết quả của tham thiền hữu chủng là tiến trình này nhằm đạt đến thực tại ẩn trong mỗi và mọi hình thể, bao gồm nhận thức về ba trạng thái của Sự Sống thiêng liêng. Vì thế mà có lời khuyên môn sinh hãy dùng một vài từ cụ thể hoặc một câu lấy từ một quyển thánh kinh để tham thiền. Bằng cách này, họ tự rèn luyện khả năng vào sâu hơn hình thức của ngôn từ để thấu đến thực nghĩa.

Chúng ta đã đi vào thế giới của các nguyên nhân. Chúng ta đã tìm cách hiểu được Thiên cơ đang có sẵn trong trí Thượng Đế, và tự biểu lộ qua tình thương phát xuất từ tâm Thượng Đế. Vậy có thể nào trí tuệ con người tiến xa hơn tình thương và ý chí của Thượng Đế hay không? Ngay ở mức này, hành giả tiếp xúc với thiên tính. Trí tuệ ngưng hoạt động, và người môn sinh hành thiền chân thực lướt vào trạng thái đồng nhất có ý thức với thực tại tinh thần mà chúng ta gọi là Sự Sống Christ ở nội tâm, hay là linh hồn thiêng liêng. Đến mức này, hành giả hoà nhập vào Thượng Đế.

CHƯƠNG SÁU
CÁC GIAI ĐOẠN TRONG THAM THIÊN
(Tiếp theo)

Milarepa là người rút cuộc đã tự mình loại trừ được Bóng tối Lương tính và vượt lên Linh vực Tinh thần, cho đến khi đạt được Mục tiêu, nơi mà tất cả mọi giáo lý hợp làm một. . .

Khi hòa nhập tất cả các ý tưởng và ý niệm của mình vào Nguyên nhân Khởi thủy, ông xóa tan Ảo tưởng của Nhị nguyên.

RECHUNG
(theo Chân sư Tây Tạng)

CHƯƠNG SÁU

CÁC GIAI ĐOẠN TRONG THAM THIỀN (Tiếp theo)

119 CHÚNG TA ĐÃ xúc tiến công tác tham thiền với những phương cách có thể gọi là theo những đường hướng thông thường vì nó bao gồm việc sử dụng thể trí, và dù chủ đề của tiến trình tham thiền đã được xem như có tính cách thuộc về tôn giáo, thế nhưng người ta cũng có thể đạt được cùng những kết quả như thế với một chủ đề hoàn toàn thuộc về thế gian như một “đối tượng” hay “tư tưởng gốc.” Mục tiêu bao giờ cũng là huấn luyện cho thể trí tự tập trung chú ý vào một ý tưởng đã chọn. Vì thế, chúng ta đã và đang bàn về những gì có thể được hợp pháp gọi là một thành phần của tiến trình giáo dục.

Chính ở điểm này mà các phương pháp của Đông và Tây trở nên khác biệt rõ rệt. Một trường phái dạy các môn sinh chế ngự cái khí cụ của tư tưởng trước khi thực hành bất cứ điều gì khác. Họ khám phá ra sự hiện hữu của khí cụ này qua thất bại ở bước đầu khi cố gắng chế ngự nó. Về sau, nhờ tập trung và tham thiền, họ ngày càng dễ dàng đưa cái trí vào trạng thái chuyên nhất theo một chiều hướng nào đó. Trường phái kia thừa nhận rằng mỗi người đều có cái gọi là thể trí, và dùng nó để lưu trữ các kiến thức, thông tin, và rèn trí nhớ thật tốt, để người học viên có thể dễ dàng sử dụng những gì đang có trong trí nhớ của mình. Từ giai đoạn này trở đi,
120 tương đối ít người tiếp tục đi tới để thực sự sử dụng trí tuệ của mình bằng cách quan tâm sâu sắc đến một khoa học hay

một lối sống nào đó, trong khi đa số những người khác thì vẫn chưa hề kiểm soát được thể trí của mình. Các phương pháp giáo dục như chúng ta đang có hiện nay không dạy cho các học viên kỹ thuật sơ đẳng này. Vì thế mà người ta thường nhầm lẫn về bản tính của trí tuệ và không phân biệt được giữa thể trí và não bộ.

Nếu tất cả chỉ có bộ não và các tế bào não, thì quan điểm của nhà tư tưởng thiên về vật chất, cho rằng tư tưởng hoàn toàn tùy thuộc vào phẩm chất của các tế bào não, là hợp lý và đúng đắn. Vai trò của não bộ trong quá trình này được giải thích thật rõ ràng trong quyển sách *Cấu trúc của Tư tưởng* của tác giả Ludwig Fischer, như sau :

“Sự hoàn hảo của các tiến trình nhận hiểu tùy thuộc phần lớn vào cấu trúc và hoạt động của một cơ quan tiếp nhận và kết nối những ấn tượng khác nhau của các giác quan, và ngoài ra còn giữ lại một phần những dấu vết của các ấn tượng trước đó, cho chúng tác động một cách gián tiếp. Cơ quan này là não bộ gồm các chi nhánh và các cơ quan phụ thuộc của nó. Sự hoàn hảo trong kết cấu và hoạt động của não bộ quyết định mức hoàn hảo mà chúng ta có thể đạt khi chú tâm cố gắng trình bày những cảm nhận phức hợp của Toàn cơ thể, bằng cách sử dụng những lối nhận thức đặc thù của các giác quan trong khả năng mình. . . .

“Bộ não giúp chúng ta có thể trực thức và nhận biết về mặt trí tuệ cái thế giới phức hợp này. Chúng ta có được nhận thức này cách nào là tùy theo cái cơ cấu cực kỳ phức tạp bên trong bộ não, và phụ thuộc vào mối quan hệ hỗ tương của não bộ với các cơ phận khác trong Toàn cơ thể, một mối quan hệ có nhiều cấp độ.”¹

¹ Fischer, Ludwig, *Cấu trúc của Tư tưởng*, tr. 135.

121 Nếu sự nhận thức và cảm nhận qua giác quan, với hậu quả là các cân nhắc suy lý và việc phát khởi tiến trình trí tuệ sau đó, vốn bắt nguồn từ bộ não, thì Ts. Sellars nói đúng trong quyển sách của ông, *Tiến hóa Tự nhiên Luận*, khi ông bảo rằng có thể xem trí tuệ là một “phạm trù có tính vật chất” và “chúng ta nên dừng từ trí tuệ để chỉ các quá trình thần kinh được phát biểu trong cách ứng xử thông minh.”²

Thế nhưng, ý tưởng này không làm hài lòng đa số các nhà tư tưởng khác, hầu hết họ thuộc về các trường phái không hoàn toàn thiên về vật chất, xem trí tuệ không phải là vật chất, và xem trí tuệ là khác với não bộ. Họ đưa ra giả thuyết rằng trí tuệ là một thực tại ở nội tâm, có thể dùng não bộ làm điểm cuối để phát biểu, và có thể tạo ấn tượng lên não bộ để phát biểu các khái niệm và những nhận thức trực giác mà mỗi người có thể sử dụng một cách hữu thức. Trí tuệ mà chúng ta đang xét đến ở đây không phải là một khả năng gì phi thường, hoặc là một năng khiếu gì chuyên biệt chỉ có trong một số ít người tài năng. Tất cả những người có học vấn đều có thể sử dụng trí tuệ, và đến khi kết thúc quá trình giáo dục (được thực hiện trong những năm hình thành nhân cách) mỗi người đều cần có được khả năng này mà họ có thể hiểu và sử dụng tùy ý muốn. Ts. McDougall có viết trong quyển sách *Tâm lý học, Khoa học Ứng xử*, rằng hoạt động trí tuệ của chúng ta (mà thường khi mỗi người không ý thức được) có thể ở mức bất bình thường, bình thường, hoặc phi thường.³ Trường hợp đầu là của người khờ khạo hay trí năng kém cỏi. Trường hợp thứ hai là người có mức thông minh trung bình, 122 thể trí của họ là một sân khấu hay nói đúng hơn là một máy quay phim, ghi nhận bất cứ điều gì tình cờ xảy đến. Và trường hợp cuối là những linh hồn hiếm có, với tâm thức đã khai ngộ

² Sellars, Ts. Roy Wood, *Tiến hóa Tự nhiên luận*, tr. 300.

³ McDougall, William, *Tâm lý học, Khoa học Ứng xử*.

và trí tuệ có thể ghi nhận được những gì còn ẩn tàng đối với phần đông những người khác. Chúng ta không có gì phải bàn đến lớp người sau cùng này. Họ là sản phẩm của những giai đoạn cuối trong việc hành thiền – tức là nhập định và khai ngộ. Tập trung và tham thiền rõ ràng là dành cho đại chúng và những người bình thường.

Ở Đông phương và đối với nhiều người ở Tây phương, thể trí được xem là riêng biệt và khác với não bộ. Ts. C. Lloyd Morgan trong quyển *Cuộc Tiến hóa Trỗi dậy* có trích lời của triết gia Descartes nói rằng “quả thực có (1) loại chất liệu hữu hình (*res extensa*), và (2) trí tuệ chất hay chất liệu để suy tư (*res cogitans*); thế nhưng, chúng cần có sự trợ giúp của Thượng Đế mới có thể tồn tại. . . . Ngoài việc cùng phụ thuộc vào Thượng Đế, chúng không hề phụ thuộc vào nhau.”⁴ Ông tóm tắt quan điểm của mình trong một quyển sách khác, *Sự Sống, Trí tuệ, và Tinh thần*, như sau :

“Tinh thần tuyệt nhiên không thể tách rời khỏi sự sống và trí tuệ, và chúng cũng không thể tách rời khỏi tinh thần. Điều đáng cho chúng ta suy ngẫm sâu xa là có một kế hoạch trên thế giới chi phối các sự kiện trong thiên nhiên. Tôi cho rằng kế hoạch thế giới này là sự biểu hiện của Chủ đích Thiên thiêng liêng . . . Chúng ta cũng là những biểu hiện của Tinh thần đang được ‘khải thị’ bên trong chúng ta. Mỗi người trong chúng ta là một đơn vị của sự sống, trí tuệ, và Tinh thần – là một trường hợp của đời sống phát biểu kế hoạch thế giới theo một cách, là một trường hợp của trí tuệ phát biểu kế hoạch thế giới theo cách khác, và là một trường hợp của Tinh thần giúp cho Bản chất của kế hoạch thế giới hiển lộ bên trong chúng ta đến mức nào đó. . . . Sự hiển lộ này chỉ là một phần vì mỗi

⁴ Morgan, C. Lloyd, *Cuộc Tiến hóa Trỗi dậy*, tr. 291.

123 người trong chúng ta chỉ là một trường hợp cá nhân của điều có tính cách đại đồng khi được biểu hiện đầy đủ.”⁵

Thượng Đế hiển lộ mục đích của Ngài qua hoạt động của hình thể. Ngài làm điều đó qua hoạt động của trí tuệ, và đến lượt trí tuệ tạo ấn tượng lên não bộ khi não bộ được đưa vào trạng thái thụ cảm. Về sau, thể trí lại trở nên có thể ứng đáp với một sự khai ngộ, phát xuất từ phương diện Tinh thần, và đây là điều chúng ta sắp xem xét. Những khảo hướng này rất gần với quan điểm của Đông phương, nói đến một loại “trí tuệ chất” bị đưa vào hoạt động bởi sức thôi thúc từ ngoại giới của sinh hoạt nhân loại, qua trung gian của các giác quan, do các loại tình cảm và do những thể trí khác. Cần phải dứt khoát chỉnh đốn hoạt động sôi nổi này của trí tuệ chất qua tập trung và tham thiền, nếu chúng ta muốn đưa thể trí vào một tình trạng trong đó nó có thể được tái tập trung và tái định hướng đến một lĩnh vực nhận thức khác và một phạm vi các ý tưởng khác. Vì thế, đối với nhà huyền bí học, mục tiêu của tham thiền (được nhắc đến trong các giai đoạn sau) là thể trí cần ngưng ghi nhận bất cứ hoạt động nào của hình thể, dù hoạt động đó ở cấp cao đến đâu. Thay vào đó thể trí cần bắt đầu ghi nhận các ấn tượng phát ra từ cái Yếu tố biểu hiện liên tục mà chúng ta gọi là Trí tuệ của Thượng Đế, hay là Trí tuệ Vũ trụ (vì chưa có từ nào thích hợp hơn). Trí tuệ này có đặc trưng là ý thức về Tính Toàn thể, và ý thức tổng hợp.

Chúng ta có thể xem xét toàn bộ lịch sử của nhân loại đang tiến hóa theo khái niệm về Kế hoạch nói trên. Chúng ta cũng có thể ghi nhận cái tiêu điểm chú ý trong tâm thức luôn tăng trưởng của con người về Vũ trụ đang hiển lộ Nguồn

⁵ Morgan, C. Lloyd, *Sự Sống, Trí tuệ, và Tinh thần*, tr. 32.

124 Sống và Thượng Đế, và trong Cái Toàn thể Vĩ đại này nhân loại đang làm phận sự của mình. Ludwig Fischer khiến chúng ta chú ý đến sự kiện thực tế rằng tất cả những khả năng của chúng ta “đều dựa vào một điều gì đó huyền nhiệm mà chúng ta chưa ý thức được, nó chi phối toàn bộ sinh hoạt trí tuệ của chúng ta,” và nêu lên sự cần thiết của yếu tố phi lý trí để giải đáp những vấn đề phức tạp xảy ra hằng ngày. Lời kết luận của ông về cái tình huống cơ bản mà mỗi người phải đối diện trong tư tưởng và khi tiến vào những lĩnh vực cao hơn và phi lý trí, đều đúng đắn và rất thuyết phục. Ông nói :

“Khả dĩ chỉ có một phương cách duy nhất để tiến tới. Nó được hướng dẫn bởi trực giác của những người có trí tuệ với độ nhạy cảm cao hơn mức trung bình thuộc về bản năng. Kể đến là lý trí phân tích, nó giúp cho những người khác trong nhân loại có thể tiến tới một cách vững vàng. Việc đi vào lĩnh vực chúng ta chưa hiểu biết, bắt đầu bằng một giả thuyết, và giả thuyết vốn chẳng là gì khác hơn một cấu trúc ít nhiều ở cấp phi lý trí, nhận được qua trực giác. Khi được đưa ra, toàn bộ hàm nghĩa của giả thuyết được đối chiếu với kinh nghiệm để, nếu có thể, giả thuyết này được đem ra thử nghiệm và hợp lý hóa.”⁶

Chúng ta đã đến giai đoạn trong cuộc nghiên cứu quá trình kiểm soát thể trí, khi chúng ta phải tiến hành dựa vào giả thuyết. Tuy nhiên, điều đó sẽ chỉ là giả thuyết đối với những người có ý nghĩ thiên về vật chất, bởi vì những kết luận đã đạt được và lĩnh vực hiểu biết mà người ta đã đi vào đều được ghi lại như là chân lý và được chứng minh bởi hàng bao nhiêu ngàn người qua các thời đại.

Chúng ta đã phác họa một phương pháp, tuy cổ xưa nhưng đã qua nhiều thử nghiệm, mà người ta cho rằng nhờ đó hành

⁶ Fischer, Ludwig, *Cấu trúc của Tư tưởng*, tr. 361.

giả có thể chế ngự được thể trí và sử dụng nó tùy ý muốn.

125 Chúng ta cũng đã nêu lên một phương cách khiến cho thể trí không còn hướng về những gì mà từ trước đến nay đã thu hút sự quan tâm của nó, để có thể tập trung vào một lĩnh vực mới của ý thức. Trước khi tiếp tục bàn thêm, chúng ta nên xác định về giả thuyết mà giờ đây chúng ta sẽ đề cập đến. Có thể phát biểu giả thuyết này như sau :

Có cõi giới của linh hồn, thường được gọi là Thiên giới, mà thực tế là giới thứ năm hay là một giới khác nữa trong thiên nhiên. Việc nhập vào giới này là một quá trình tự nhiên cũng như việc mà sự sống tiến hóa từ trước đến nay đã chuyển từ một giới của thiên nhiên đến một giới khác trong diễn trình tiến hóa. Khi tất cả các giác quan và tất cả những gì chúng truyền đạt, đều được tập trung vào “giác quan chung (hay là lương tri),” là từ mà các nhà thần bí như Meister Eckhart dùng để gọi thể trí, thì chúng làm cho thể trí thêm phong phú và mở ra cho nó nhiều trạng thái ý thức. Khi không chú ý đến các hoạt động vừa kể, thể trí phong phú và nhạy bén này tự nó có thể tái tập trung và trở nên một khí cụ bén nhạy (còn được gọi là giác quan thứ sáu) có thể ghi nhận “những sự việc của Thiên giới.” Khi hành giả chuyên tâm thiền định, nó cũng mở ra những trạng thái tâm thức và những phạm vi hiểu biết mà từ trước đến nay vẫn còn bí ẩn đối với y. Tuy nhiên, những điều đó vẫn là thành phần của Toàn thể và của thế giới như bất cứ lĩnh vực nào khác đang được khảo xét. Đây là giả thuyết của chúng ta và dựa vào đó chúng ta sẽ tiến hành nghiên cứu. Ý thức của bản năng đã nhường chỗ cho hiểu biết thuộc về trí năng trong mỗi người. Vậy có thể nào sự nhận thức của trí tuệ này đến lượt nó được thay thế bởi ý thức trực giác ưu việt hơn không ?

126 Đến đây có lẽ cần một số định đề có thể hữu ích để giải rõ chủ đề của quyển sách này. Đó là ba định đề sau :

Thứ nhất : Trong cuộc tiến hóa lâu dài đã đưa con người từ giai đoạn loài thú đến giai đoạn nhân loại, chúng ta thấy rằng nay chúng ta đã đến giai đoạn mà mỗi người đều có ý thức về bản thân, và quy mọi sự về bản thân. Ý đứng ở trung tâm thế giới của chính mình, và cả vũ trụ xoay quanh y. Tất cả những gì xảy ra y đều quy về mình và những việc của mình, và về ảnh hưởng của cuộc sống và hoàn cảnh đối với chính mình mà y xem là điều quan trọng.

Thứ hai : Khi y ngày càng có thêm hiểu biết và ý thức về mặt trí tuệ, bộ não và thể trí trở nên phối hợp với nhau. Bấy giờ não bộ trở thành chỉ là công cụ hay khí cụ của các bản năng đã được rèn luyện thuần thục, và của thể trí đã được kiểm soát. Thể trí dựa vào cái gọi là “nội dung của tiềm thức,” dựa vào ký ức hay bộ nhớ mà nó đang sử dụng, và dựa vào môi trường chung quanh để có những gì cần cho việc xúc tiến quá trình sống trong cõi đời với nhiều nhu cầu khẩn trương cấp bách này. Bấy giờ y trở thành một người làm việc hiệu quả và hữu ích, và giữ vị trí như một tế bào có ý thức trong cơ thể của nhân loại. Y bắt đầu nhận thức được đôi điều về những mối quan hệ tập thể. Tuy nhiên, còn những điều khác nữa cần phải làm.

Thứ ba : Từ thời khởi thủy của cuộc sống nhân loại cho đến giai đoạn của người hoạt động với mức điều hợp cao, luôn luôn có ý thức về một Điều Khác, một yếu tố ở ngoài phạm vi kinh nghiệm mà con người đã biết, về một mục tiêu hay một điều cần tìm hiểu hoặc về một vị Thượng Đế nào đó. Cái ý thức tinh tế và
127 không thể xác định được này tất nhiên phải xuất lộ và khiến cho mỗi người tiếp tục dần bước đi tới, và tìm kiếm những gì mà dường như trí tuệ (ở mức hiện nay y biết) hoặc hoàn cảnh và môi trường sống chung quanh đều không thể mang lại cho y. Có thể gọi đây là việc tìm kiếm sự xác tín, một cố gắng theo đuổi cái kinh nghiệm thần bí, hoặc theo sức thôi thúc tôn giáo. Tuy nhiên, dù tên gọi thế nào ý thức đó vẫn có thực.

Ba định đề kể trên phác họa một cách khái quát con đường mà mỗi người đã đi trong tâm thức của mình. Chúng cho thấy tại sao có tình trạng như hiện nay khi chúng ta thường gặp rất nhiều người – làm việc hiệu quả, có trí thức, kiến thức rộng, có tinh thần trách nhiệm, nhưng đồng thời họ không thấy thỏa mãn. Họ nhìn về tương lai với những nghi vấn và thắc mắc, hoặc đối diện với sự chết mà họ nghĩ là điều không thể tránh khỏi. Họ băn khoăn muốn tiến tới một ý thức rộng lớn hơn, và làm thế nào để biết chắc về những sự vật tinh thần và về Thực tại tối hậu. Hiện nay, sức thôi thúc muốn thấu đáo và hiểu biết sâu rộng hơn như vừa kể, đang phát biểu trên qui mô lớn, và trình tự phát triển tiến hóa, đã ổn cố, rõ ràng là vẫn tiếp diễn và phải tiếp diễn nếu một giới hay là trạng thái tâm thức khác cần được thêm vào những gì đã thành tựu.

Chính ở mức phát triển này tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới mang lại cho con người một phương cách để hiểu biết và một tiến trình khai mở, có thể và thực sự có thể giúp họ phát triển nhanh hơn. Trong quyển *Ý niệm về Sự Linh thánh*, Ts. Otto nói rằng mỗi người “phải được chỉ dẫn và hướng dẫn đi tới bằng cách xem xét và bàn thảo vấn đề theo những phương cách trí tuệ của chính mình, cho đến khi đạt được 128 trình độ khiến ‘những gì thiêng liêng bí ẩn’ trong y trởi dậy, trở nên sống động và đi vào ý thức.”⁷

Chúng ta biết rằng từ “numinous” (thiên liêng bí ẩn) có gốc La-tinh là *numen* có nghĩa là quyền năng thiên liêng siêu nhiên. Từ này tiêu biểu cho “sự nhận thức cụ thể phi lý trí của tôn giáo và đối tượng của nó, ở mọi cấp độ, từ sự trởi dậy mờ nhạt đầu tiên khi hầu như chưa thể nói rằng có tôn giáo, cho đến kinh nghiệm tinh thần với những hình thức cao cả nhất.”⁸

⁷ Otto, Rudolf, *Ý niệm về Sự Linh thánh*, tr. 7.

⁸ Otto, Rudolf, *Như trên*, tr. XVII Lời nói đầu của Dịch giả.

Người dịch sách của ông, Ts. Harvey, Giáo sư Triết học tại Đại học Armstrong, nói thêm rằng trong mỗi người đều có phát triển “một ý thức đang tăng trưởng về một đối tượng, về Thượng Đế . . . có thể nói là sự ứng đáp với ‘những gì thiêng liêng’ đang tác động vào trí tuệ của con người, khi những điều đó tự hiển lộ một cách lơ mờ hay rõ ràng. Sự kiện thực tế chính yếu là trí tuệ con người đối diện với Một Điều Gì Đó, với đặc tính mà y chỉ có thể học được dần dần, nhưng ngay từ đầu y đã cảm thấy là một sự hiện diện siêu việt, là ‘cái cao xa’, cho dù nó cũng được cảm nhận là con người ‘ở nội tâm’.”⁹

Qua sự chú tâm đến mục đích của cuộc sống, qua cố gắng tập trung vào công việc trong đời, qua sự quan tâm sâu sắc vào các khoa học được sự chú ý của những bậc trí tuệ lỗi lạc trong chúng ta, và qua tham thiền như được thực hành bởi một số ít người trong tôn giáo, nhiều người đã tiến đến trình độ có hai điều xảy ra. Một là ý niệm về điều linh thánh, về Sự Sống thiêng liêng và mối quan hệ với Sự Sống đó thâm nhập vào cõi đời như những yếu tố chế ngự. Hai là thể trí bắt đầu có một hoạt động mới. Thay vì ghi nhận và lưu trữ trong ký ức những sự giao tiếp mà các giác quan đã truyền đạt, và hấp thụ những thông tin, kiến thức vốn là di sản chung hiện nay qua sách vở và qua những lời thuyết giảng, trí tuệ tự chuyển hướng đến những điều hiểu biết mới và bắt đầu chạm đến những nguồn thông tin mới. Bản năng và trí năng đã làm xong phần việc của chúng ; và nay bắt đầu đến vai trò của trực giác.

Đây chính là trình độ hành giả tiến đến qua việc hành thiền mà chúng ta đã bàn cho đến nay. Đây cũng chính là trình độ mà nền giáo dục rèn trí nhớ, và việc liệt kê, phân loại các kiến thức trong đời đã là giai đoạn chuẩn bị cho

⁹ Như trên, tr. XV Lời nói đầu của Dịch giả.

chúng ta. Trước đây những việc đó đã đóng vai trò quan trọng. Vì thế mà ngày nay đối với nhiều ngàn người hiện có một cố gắng mới thích hợp cho họ. Có phải chăng đối với những linh hồn hiện đang nhập thế, thì nền giáo dục cũ kỹ với việc rèn trí nhớ, với những sách vở và những bài thuyết giảng, với việc thủ đắc cái gọi là những sự kiện thực tế, đã trở nên không còn đủ đáp ứng nhu cầu? Chúng ta phải hoặc là đưa ra một phương pháp mới cho họ, hoặc sửa đổi kỹ thuật hiện nay để dành thời gian cho tiến trình chuyển hướng trí tuệ, giúp mỗi người có thể ý thức thêm những lĩnh vực hiểu biết hơn là những gì hiện nay họ tiếp xúc được. Bằng cách này chúng ta có thể chứng minh chân lý qua những lời của Chaplin trong quyển sách nhỏ rất có giá trị của ông với tựa đề là *Linh hồn* “. . . chính thông qua Linh hồn mà các quá trình của thân xác mới có được ý nghĩa.”¹⁰

Hiện nay con người bắt đầu thoáng thấy được khả năng chinh phục cõi giới của linh hồn. Sắp đến ngày mà từ *Tâm lý học* được đưa trở về ý nghĩa nguyên thủy của nó. Bấy giờ giáo dục sẽ có hai chức năng. Nó sẽ giúp mỗi người có đủ điều kiện thích hợp để xử lý những giao tiếp trong đời với mức hiệu quả cao nhất, và sử dụng một cách thông minh cái khí cụ của các ứng xử, hành vi mà những người theo thuyết này đã cố gắng rất nhiều để giải thích. Giáo dục cũng sẽ đưa y vào lĩnh vực mà những nhà thần bí đã luôn luôn trưng ra bằng chứng, và trí tuệ – khi được sử dụng đúng – có nắm giữ chìa khóa để đi vào đó.

Trong chương trước, chúng ta đã bàn đến phương pháp mà qua đó một người có thể bắt đầu làm chủ cái khí cụ của mình là thể trí, và học cách tập trung tư tưởng của mình trên một chủ đề hay ý tưởng đã chọn, đến mức y có thể

¹⁰ Chaplin, F.K., *Linh hồn*, tr. 63.

ngăn được tất cả những ý niệm ngoại lai và hoàn toàn đóng kín cánh cửa của thế giới hiện tượng. Chúng ta sẽ xét xem bằng cách nào y có thể nâng tư tưởng đã tập trung của mình lên ngày càng cao (theo lối nói của nhà thần bí), cho đến khi chính thể trí cũng không thể lên cao hơn, và y thấy mình đang ở trên đỉnh chót của tư tưởng, từ đó y có thể thoáng thấy được một thế giới mới. Trong tiến trình tham thiền mãi cho đến giai đoạn này đã có hoạt động mạnh mẽ, và không hề có tình trạng yên lặng, tiêu cực, hoặc cảm nhận thụ động. Hành giả không còn bận tâm đến thể xác, và giữ não bộ trong trạng thái thụ cảm tích cực, sẵn sàng để được thể trí đưa vào hoạt động, khi một lần nữa thể trí quay sự chú ý của nó xuống dưới. Chúng ta cần nên lưu ý rằng khi sử dụng tất cả những từ như “lên” và “xuống,” “cao” và “thấp,” tức là chúng ta đang nói với tính cách tượng trưng. Một trong những điều đầu tiên mà nhà thần bí học được là trong tâm thức không hề có bề đo, và “bên trong” và “bên ngoài,”
 131 “cao” và “thấp,” đều chỉ là những hình tượng của ngôn từ, được dùng để chuyển đạt một số ý tưởng về những tình trạng mà ý thức nhận biết.

Trình độ mà hiện nay chúng ta đã đạt đưa chúng ta đến gần những gì siêu việt. Chúng ta tiến hành dựa trên giả thuyết. Chúng ta tạm thời quên đi và không còn chú ý đến cái hữu hình và khách quan hoặc nhắm đến bất cứ hình thức nào của cảm giác. Bấy giờ, phải ngưng mọi lối xúc cảm, những điều phiền phức nhỏ nhặt và những điều khác tương tự, cùng sự buồn rầu cũng như vui thích, vì chúng ta không tìm kiếm “sự an ủi của tôn giáo.” Sự chú ý được tập trung vào trí tuệ và chỉ những phản ứng nào thuộc về trí tuệ mới được ghi nhận. Tư tưởng đã chi phối tâm thức trong giai đoạn “tham thiền hữu chủng” hay là tham thiền với một đối tượng, thế nhưng giờ đây ngay cả điều này cũng bị loại bỏ. Như một văn sĩ thần

bí đã viết : “Làm sao tôi có thể đặt cái trí ra ngoài chính nó ? Vì khi mục tiêu của tôi không còn là cảm giác hay xúc cảm thì nó cũng không còn là tư tưởng. Đây chính là trở ngại lớn nhất đối với trực giác và trạng thái khai ngộ. Không còn có cố gắng giữ một điều gì trong thể trí và kéo dài, hoặc có điều gì cần suy ngẫm. Phải để sự suy lý qua một bên, và cần phải thực hành một khả năng cao hơn mà có lẽ từ trước đến nay hành giả chưa hề sử dụng. Tư tưởng gốc đã thu hút sự chú ý của chúng ta và khơi dậy sự quan tâm, và điều này được duy trì trong giai đoạn tập trung. Nó cũng kéo dài trong giai đoạn nhập định với kết quả là khai ngộ. Toàn bộ quá trình được tóm lược là Sự hấp dẫn, Quan tâm, Chú ý tập trung, và Quán tưởng chuyên nhất kéo dài hay là Tham thiền.

Vậy cho đến mức này quá trình tham thiền đã mang lại những kết quả gì ? Chúng ta có thể kể ra như sau :

1. Tái tổ chức thể trí và tái định hướng thể trí.
2. Tập trung sự chú ý của hành giả vào thế giới của tư tưởng, thay vì thế giới của xúc cảm, và do thế mà rút tiêu điểm của sự hấp dẫn ra khỏi các giác quan.
3. Phát triển khả năng tập trung ngay lập tức như là bước đầu để tham thiền, và khả năng tập trung chuyên chú thể trí vào một chủ đề đã chọn. Evelyn Underhill giải rõ khả năng này như sau :

“Việc hoàn toàn tập trung, chuyên chú của cái ngã vào một điểm, khi được áp dụng trong ‘sự kết hợp của tinh thần và lòng tha thiết yêu mến’ những điều chân thật và siêu việt, theo lối nói thần bí được gọi là trạng thái tham thiền hay hồi tưởng, và . . . là phần mở đầu cần thiết cho giai đoạn thuần nhập định.”¹¹

¹¹ Underhill, Evelyn, *Huyền học*, tr. 58.

III. Giai đoạn Nhập định

Giờ đây chúng ta đang đi vào một lĩnh vực nhận thức bị nhiều trở ngại do hai điều : việc sử dụng ngôn từ, vốn chỉ làm hạn chế và lệch lạc ; những tác phẩm của các nhà thần bí – trong khi chứa đầy chân lý và những điều kỳ diệu – lại bị nhuộm màu bởi khoa biểu tượng của chủng tộc và thời đại của họ, cũng như do tính chất xúc cảm và tình cảm của họ. Nói chung, các nhà thần bí thường dao động giữa những giây phút tri kiến tinh thần và giác ngộ cao, và “những điều tầm thường, mờ mịt” của những xúc cảm và ước muốn mạnh mẽ. Hoặc là họ trải qua sự hoan hỉ và ngây ngất với sự nhận thức chỉ kéo dài trong phút giây ngắn ngủi, hoặc họ đau khổ vì mong cho kinh nghiệm đó được tiếp diễn. Trong đa số các trường hợp, dường như họ không hề cảm thấy có sự bảo đảm hoặc chắc chắn rằng kinh nghiệm đó có thể tái diễn, mà chỉ có lòng thiết tha muốn đạt trạng thái thánh thiện đó, để tình trạng đó xảy ra liên tục. Theo kỹ thuật của thời xưa và phương pháp tham thiền có trình tự mà trong thời gian vừa qua Đông phương đã truyền lại cho chúng ta, khi hiểu biết phương cách và thấu đáo được tiến trình thì chừng như hành giả có thể vượt cao hơn chính cái kinh nghiệm thần bí kể trên, và có thể tùy ý biết được những điều thiêng liêng và đồng nhất với vị Thượng Đế ở nội tâm. Nhân loại nay đã được trang bị trí tuệ cần thiết và có thể cộng thêm cái trí năng hữu thức vào phương cách của nhà thần bí.

Thế nhưng, giữa giai đoạn tập trung kéo dài, được gọi là tham thiền, và giai đoạn nhập định, vốn thuộc loại hoàn toàn khác, có một giai đoạn chuyển tiếp mà người môn sinh Đông phương gọi là “tham thiền vô chủng” hay là “tham thiền không đối tượng.” Giai đoạn này không phải là nhập định. Nó cũng không phải là một quá trình tư tưởng. Quá trình đó đã qua,

trong khi giai đoạn sau chưa đạt được. Nó là một khoảng thời gian thể trí đứng vững vàng, và chờ đợi. Fr. Nouet mô tả giai đoạn này, có lẽ cũng giống như những tác giả khác, bằng những lời sau đây :

- 134 *“Khi người cầu nguyện đã có nhiều tiến bộ trong suy ngẫm, ý không còn xúc cảm và chuyển sang cầu nguyện một cách hiệu quả. Sự cầu nguyện này là khoảng trung gian giữa suy ngẫm và chiêm ngưỡng, giống như bình minh là thời gian ở giữa đêm tối và ban ngày, và bao gồm một phần của mỗi bên. Lúc đầu có nhiều suy ngẫm hơn vì còn sử dụng suy luận ; . . . khi đã đạt được nhiều ánh sáng qua xem xét và suy luận kéo dài, ý thức liền nhập vào chủ đề, và thấy được tất cả những phát triển của chủ đề không mấy khó khăn. . . . Vì thế mà sau khi trở nên hoàn hảo nó loại bỏ các suy luận. . . .”¹²*

Như chúng ta đã thấy, nhờ tham thiền kéo dài hành giả có thể mang lại tình trạng ổn định cho trí tuệ chất vốn có tính hay thay đổi do khả năng ứng đáp nhạy bén và di chuyển nhanh chóng. Sự ổn định này tạo được một trạng thái trong trí tuệ khiến chủ thể tư tưởng không còn ứng đáp với những rung động và giao tiếp đến từ ngoại giới hiện tượng và từ cõi giới tình cảm. Sự ổn định này cũng khiến cho bộ máy giác quan, não bộ, và mạng lưới liên động là hệ thần kinh, đều trở nên thụ động. Hành giả không còn bận tâm đến thế giới hoạt động đời thường, đồng thời duy trì một sự chú ý mạnh mẽ trong trí tuệ và định hướng chuyên nhất về thế giới mới với những thực thể gọi là linh hồn đang sống và hoạt động trong đó. Người môn sinh hành thiền chân thực học cách hoàn toàn tĩnh thức trong trí tuệ, có ý thức rõ rệt về các hiện tượng,

¹² Nouet, Fr., *Phương pháp Thực hành của Người Cầu nguyện*, Quyển IV, Chương 1.

những rung động và các trạng thái của sự sống. Y tích cực, năng động, và tự nương tựa vào chính mình, với não bộ và thể trí tập trung được phối hợp chặt chẽ với nhau. Y không phải
 135 là người mộng tưởng thiếu thực tế, nhưng tạm thời (trong tham thiền) y không bận tâm đến ngoại giới với những vấn đề thực tiễn ở cấp hồng trần.

Nếu môn sinh không phải là người có trí tuệ tích cực bẩm sinh thì y cần dự cuộc rèn luyện trí tuệ (được thiết đặt để tạo tính nhanh nhạy, hoạt bát và sự phân cực tâm thức trong trí tuệ) một cách nghiêm chỉnh và bền bỉ, song song với việc hành thiền. Nếu không, tiến trình tham thiền sẽ thoái hóa thành cơn mộng tưởng tình cảm, hoặc một sự trống rỗng tiêu cực. Cả hai tình trạng này đều có ẩn chứa những nguy hiểm, và nếu kéo dài sẽ dễ khiến cho hành giả trở thành một người thiếu thực tế, yếu đuối và làm việc kém hiệu quả trong đời sống hằng ngày. Cuộc đời của y sẽ trở nên ngày càng kém hữu ích cho bản thân hoặc cho người khác. Y sẽ thấy mình ngày càng rơi vào những sự tưởng tượng phi lý không thể kiểm soát, và những những tình cảm biến đổi thất thường. Trên mảnh đất như thế tính ích kỷ dễ dàng nảy nở, và các loại thần thông thấp kém dễ phát sinh.

Thế nên, khi ở trong trạng thái tích cực, linh mẫn và được hoàn toàn kiểm soát, trí tuệ được mang đi trên đôi cánh của tư tưởng rồi được giữ vững ở mức cao nhất mà nó có thể đạt đến. Bấy giờ trong thể trí xảy ra tình trạng tương tự như tình trạng đã có trong não bộ. Nó được giữ vững với thái độ chờ đợi, trong khi tâm thức của chủ thể tư tưởng chuyển vào một trạng thái ý thức mới, và y trở nên đồng nhất với con người tinh thần đích thực ở nội tâm. Cái “tâm thức nhận biết” (gọi theo từ kỹ thuật) đang chờ đợi.

Hai giai đoạn tham thiền này, một giai đoạn là hoạt động tích cực và giai đoạn kia là chờ đợi tích cực, đã được gọi là các

trạng thái Martha và Mary, và theo lối nói ẩn dụ này, ý tưởng vừa kể trở nên rõ ràng hơn. Đây là một khoảng thời gian yên lặng trong khi một điều gì đó đang xảy ra ở nội tâm, và đây có lẽ là phần khó nhất trong kỹ thuật cần thực hiện. 136 Thật rất dễ dàng rơi trở lại vào hoạt động trí tuệ của tham thiền bình thường, đối với người chưa học được cách nhập định hay chiêm ngưỡng. Ts. Bennett mô tả giai đoạn này trong một số nhận xét về Ruysbroeck, như sau :

“Ở đây Ruysbroeck phân biệt hai dấu hiệu của tình trạng thụ động ‘thực sự’ : thứ nhất, nó được ‘tích cực thực hiện,’ tức là cần có một cố gắng nhất định để duy trì nó. Thứ hai, nó khác với mọi lối khuấy khuấy tự nhiên hay tự động ở chỗ phải có sự chuẩn bị trước về mặt đạo đức. . . . Sự chờ đợi mà hành giả tự duy trì, và tính thụ cảm tự áp dụng này, vốn là dấu hiệu xác định giai đoạn chiêm ngưỡng hay nhập định, không phải là chấm dứt sự cố gắng của nhà thần bí. Nó chỉ kết thúc các nỗ lực của y, nghĩa là y không thể làm gì thêm, mà dùng nó để mở đường cho giai đoạn xuất thân khi các vấn đề được đưa ra ngoài tầm tay của cá nhân hành giả và y trở thành phương tiện để biểu lộ quyền năng lớn hơn chính y. ‘Hãy tự mình đứng vững cho đến khi bạn được đưa ra ngoài chính mình không do bất cứ hành động nào của bạn.’”¹³

Ở phần sau của cùng chương nói về sự chuyên chú rất ráo này, ông nói đến sự chờ đợi khó đạt và khó giữ vững để được thiên khải. Vị thánh thời cổ ở Ấn Độ là Patanjali cũng nói lên điều này, trong câu “khi hạ trí trở nên chuyên chú vào những gì vốn là thực tại (hay là cái ý tưởng ẩn bên trong hình thể) và không còn biết đến sự chia rẽ hay là tư ngã,” thì cố

¹³ Bennett, Charles A., *Nghiên cứu Triết lý về Huyền học*, tr. 62.

gắng này đưa y đến giai đoạn nhập định và y nhập vào tâm thức của linh hồn. Y khám phá ra rằng chính tâm thức đó đã mãi hấp dẫn y tiếp tục tiến tới để hợp nhất với linh hồn. Bằng cách nào? Một huấn sư khác của Ấn giáo cho chúng ta
 137 biết rằng “linh hồn có một phương tiện, đó là tư duy (suy ngẫm). Khi tư duy hoàn thành nhiệm vụ khai phóng, bấy giờ nó đã làm xong những gì cần phải làm, và ngừng lại.”¹⁴

Trong nhập định, có sự tham gia của một yếu tố cao hơn. *Chính Linh hồn đi vào nhập định.* Tâm thức của phàm nhân ngưng hoạt động và hành giả trở thành thực tính của chính mình – là một linh hồn, là một thành phần của thiên tính, ý thức được rằng trong tinh túy mình là một với Thượng Đế. Chân ngã trở nên chủ động, và cái ngã thấp hay phàm ngã hoàn toàn yên tĩnh và yên lặng, trong khi đó con người tinh thần đích thực đi vào cõi giới của chính mình và ghi nhận những sự giao tiếp phát xuất từ lĩnh vực các hiện tượng tinh thần.

Hành giả thấy được thế giới của linh hồn là thực tại, và biết rằng những điều siêu việt là những sự kiện thực tế trong thiên nhiên. Y nhận thức rằng việc hợp nhất với Thượng Đế là một sự kiện có thực trong diễn trình tự nhiên cũng giống như sự hợp nhất giữa sự sống bên trong thân xác với chính thân xác vậy.

Vì thế, tâm thức của hành giả không còn tập trung vào thể trí đang chờ đợi, mà đã vượt qua vùng ranh giới để đi vào lĩnh vực tinh thần và trở nên thực sự là linh hồn. Y là linh hồn đang hoạt động trong cảnh giới của chính mình, nhận thức được “những sự vật của Thiên giới,” có thể xác định được chân lý trực tiếp, nguyên vẹn, và trong ý thức hoàn toàn tỉnh táo y biết được bản tính, các đặc quyền và những định luật của chính mình. Trong khi con người tinh

¹⁴ Kinh Vishnu Purana, VI., 7, 90.

thần đang hoạt động như thế trong bản tính của chính mình và trong cảnh giới của chính mình, thể trí và não bộ được giữ vững vàng và tích cực, hướng về linh hồn, và cả hai có thể ghi nhận được những điều nhận thức của linh hồn nhiều
 138 đến đâu là tùy theo mức dễ dàng thực hiện sự giữ vững, tích cực và định hướng này.

Trong tham thiên, chúng ta cố gắng nhận các ấn tượng từ Chân ngã tức là vị Thượng Đế ở nội tâm, trực tiếp đến não bộ, qua thể trí. Trong nhập định, hành giả đi vào một giai đoạn còn cao hơn nữa và cố gắng nhận vào bộ não của xác thân những gì *chính linh hồn nhận thức được* khi linh hồn nhìn ra những lĩnh vực nhận thức mới mẻ này.

Ở người bình thường, linh hồn (với tính cách Chủ thể nhận thức) bận tâm đến ba cảnh giới hoạt động nhân loại, và vì thế mà nhìn vào các trạng thái sống trong thể xác, tình cảm, và trí tuệ. Qua nhiều thời đại linh hồn tự đồng hóa với những hình thể mà qua đó nó phải giao tiếp với các trạng thái thấp của tâm thức mà linh hồn cần biết. Về sau, khi hành giả đã chủ trị được thể trí và có thể dùng thể trí cho linh hồn như một tác nhân truyền đạt, thì bấy giờ một phạm vi nhận thức tinh thần rộng lớn có thể tự khai mở. Bấy giờ chính linh hồn lại trở thành tác nhân truyền đạt, và có thể tiếp chuyển, qua thể trí đến não bộ hồng trần, một số nhận thức và khái niệm về phương diện tinh thần. Các môn sinh nên nhớ những lời sau đây trong *Giáo lý Bí nhiệm*.

“Vật chất là phương tiện để Linh hồn biểu hiện trong cõi đời này, và Linh hồn là phương tiện ở cõi cao cho Tinh thần biểu hiện. Cả ba là Tam vị Nhất thể được Sự Sống thấm nhuần và tổng hợp.”¹⁵

¹⁵ Blavatsky, H. P., *Giáo lý Bí nhiệm*, Quyển I, tr. 80.

Điều trên đây là nhận thức của nhà thần bí, nói theo ngôn ngữ huyền bí học. Đức Hồng y Richelieu gọi chiêm
 139 ngưỡng là trạng thái mà “trong đó hành giả thấy và biết được Thượng Đế mà không dùng trí tưởng tượng và suy luận lan man,” và Tauler phát biểu điều đó như sau :

“Thượng Đế trú ngụ trong các khả năng cao – là ký ức, trí tuệ, và ý chí, và hoạt động qua những khả năng này một cách thiêng liêng. Đây là nơi trú ngụ thực sự của Ngài, là trường hoạt động của Ngài, và chính các khả năng này là hình ảnh của Ngài. Chính ở đó chúng ta phải tìm Ngài, nếu chúng ta muốn tìm thấy Ngài bằng con đường ngắn nhất. Bấy giờ tinh thần được đưa lên cao hơn tất cả các khả năng này, đi vào khoảng không tĩnh lặng mênh mông mà con người trong vòng sinh tử không đủ lời để diễn tả. . . . Sau đó, khi những người này trở về ý thức bình thường, họ thấy mình có được sự hiểu biết minh bạch về các sự vật, sáng tỏ hơn và hoàn hảo hơn sự hiểu biết của những người khác,”¹⁶

Nhập định hay chiêm ngưỡng được gọi là lối vào tâm hồn, đưa từ trạng thái tâm thức này đến trạng thái tâm thức khác. Jeremy Taylor gọi đó là “sự chuyển tiếp từ việc suy ngẫm chuyên chú đến sự chiêm ngưỡng để đạt được linh ảnh về những điều kỳ diệu của Thượng Đế, khi linh hồn mỗi người đi vào lĩnh vực ánh sáng thiêng liêng.”¹⁷ Francois Malaval, sống và viết sách vào thế kỷ 17, có bàn rất hay về vấn đề này, như sau :

“Chiêm ngưỡng (hay nhập định) cũng hoàn hảo hơn suy luận, vì trong suy luận linh hồn nói lên tri kiến của mình,

¹⁶ Trích dẫn của Poulain, R. P., S. J., *Ân huệ của Lời Cầu nguyện ở Nội tâm*, tr. 272.

¹⁷ Puglisi, Mario, *Cầu nguyện*, tr. 181.

trong khi đó với nhập định linh hồn thường thức được điều kỳ diệu. Suy luận . . . thuyết phục linh hồn với các nguyên lý, nhưng trong nhập định linh hồn được khai ngộ hơn là được thuyết phục, thấy hơn là khảo sát. Suy luận chú ý đến việc xem xét một từ ngữ, một định đề, hoặc một bài giảng. Thế nhưng, cái nhìn đơn giản này về Thượng Đế, xem tất cả những
 140 *điều suy luận như những gì đã qua và đã biết, và chiêm ngưỡng mục tiêu của nó trong chính Thượng Đế. . . .*¹⁸

Hành giả đi qua cửa ngõ thị kiến tinh thần này và thấy mình chính là linh hồn. Từ vị thế thuận lợi của linh hồn, y nhận biết mình chính là Chủ thể nhận thức, có khả năng nhận thức được cả thế giới của các thực tại tinh thần và thế giới của kinh nghiệm đời thường. Nếu muốn, y có thể nhìn theo một trong hai hướng này.

Vấn đề khó khăn là làm thế nào để nhận thức được trên các cấp tinh thần cũng dễ dàng như chúng ta đã học được ở nhiều mức độ trong đời. Và một trong những điểm quan trọng cần lưu ý là trong cả hai trường hợp này bộ ba gồm linh hồn, trí tuệ, và não bộ đều phải cùng hoạt động, nhưng với định hướng và chú ý khác nhau. Đây chỉ là vấn đề khác tiêu điểm tập trung. Bộ não chủ động thực sự về mặt tiềm thức đối với các bản năng và thói quen hướng dẫn cuộc sống và những thèm khát của chúng ta ở cõi trần. Qua công tác giáo dục đúng đắn, bộ não học được cách trở nên thụ cảm đối với các ấn tượng phát ra từ thể trí. Bấy giờ, thay vì chỉ là bộ phận ghi chép hay ghi nhận cho giác quan, nó học cách ứng đáp với những ấn tượng của tư tưởng. Chính thể trí cũng có khuynh hướng theo bản năng là ghi lại tất cả các thông tin đến từ bên

¹⁸ Malaval, F., *Phương pháp Đơn giản để Nâng Linh hồn Lên Mức Chiêm ngưỡng*, tr. 102.

ngoài. Thế nhưng, chúng ta có thể rèn luyện cho nó thụ cảm đối với linh hồn, và ghi nhận những thông tin, hiểu biết từ nguồn cao siêu này. Qua thời gian cố gắng, chúng ta sẽ có khả năng thực hành dễ dàng sử dụng não bộ hoặc thể trí một cách chủ động hay thụ động, và rốt cuộc có thể mang lại sự tương tác hoàn hảo giữa chúng, và cuối cùng là giữa linh hồn, trí tuệ và bộ não. Chúng ta có thể tổng kết tất cả những gì đã xảy ra trong ba giai đoạn mà chúng ta đã xem xét, bằng những lời sau đây của Patanjali –

“Việc dần dần chế ngự cái khuynh hướng của thể trí cứ mãi di chuyển từ đối tượng này đến đối tượng khác (tức là tập trung), và năng lực chuyên nhất (tức là tham thiền) giúp phát triển khả năng nhập định.”¹⁹

và khi cả ba giai đoạn kể trên hoạt động đồng thời chúng ta được biết thêm rằng “năng lực gồm ba phương diện tập trung chú ý, tham thiền và nhập định này có tính cách nội tại hơn là phương tiện phát triển đã được mô tả ở phần trước.” Điều thú vị là Malaval trong phần Khảo luận thứ nhì của ông là Đối thoại III, cũng nêu lên cùng điểm này, kết hợp đức tin, suy ngẫm, và chiêm ngưỡng với nhau thành một hành động tổng hợp. Thế là các thức giả ở cả Đông và Tây đều suy nghĩ giống nhau.

Trong quyển sách rất hữu ích của bà có tựa đề *Huyền học*, Evelyn Underhill cũng đã định nghĩa chiêm ngưỡng là “thời gian chuyển tiếp giữa hai hoạt động.” Trong thời gian chuyển tiếp này có một phương pháp mới để hiểu biết và tồn tại. Đây có lẽ là một trong những cách đơn giản nhất và thực tiễn nhất để hiểu thế nào là chiêm ngưỡng hay nhập định. Nó là

¹⁹ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, III., 11.

giai đoạn chuyển tiếp mà trong đó linh hồn hoạt động tích cực. Hoạt động này của linh hồn xảy ra trước điều mà chúng ta có thể gọi là nỗ lực hướng thượng. Bộ não của thân xác đã được giữ yên lặng và vững vàng. Bộ máy cảm xúc hay cảm giác cũng đã được giữ yên và không còn được phép ghi nhận những thông tin từ lĩnh vực ý thức bình thường của chúng. Thể trí đã được tập trung và được giữ trong trạng thái thụ cảm tích cực trong ánh sáng tuôn xuống từ cõi giới của linh hồn. Chúng ta không để cho bất cứ thông tin nào chuyển đến từ thế giới hiện tượng trong đời thường, bằng cách tập trung và tham thiền đúng đắn. Khi thực hiện được, hành giả đến một giai đoạn chuyển tiếp trong đó y tự biết mình là linh hồn, sống trong vĩnh cửu, không hề bị những giới hạn của hình thể. Lúc đầu, giai đoạn chuyển tiếp này tất nhiên là ngắn, nhưng khi hành giả ngày càng tự chủ hơn, giai đoạn này sẽ dài hơn. Điều then chốt của toàn bộ quá trình này là thể trí tập trung và chú ý một cách vững vàng “trong khi linh hồn là con người tinh thần, là sự sống đang nhận thức, ở trong trạng thái nhập định.”

Trong một quyển sách khác, tôi có bàn đầy đủ hơn về công dụng này của thể trí như một khí cụ của linh hồn, và xin lặp lại một đoạn ở đây :

“Tuy nhiên, cần phải nêu rõ rằng chủ thể nhận thức ở trên cảnh giới của chính mình vốn đã luôn luôn ý thức về những điều mà giờ đây hành giả mới nhận ra. Sở dĩ có sự khác biệt là vì chỉ đến nay hành giả mới chế ngự được cái khí cụ của mình là thể trí. Nhờ thế, chủ thể suy tưởng có thể tạo ấn tượng trên não bộ về những gì đã nhận thức được, thông qua thể trí đã được chủ trị. Bất giờ phạm nhân ở cõi trần đồng thời cũng nhận thức được, và lần đầu tiên hành giả có thể thực sự tham thiền và nhập định. Lúc đầu, điều

này chỉ kéo dài trong phút giây ngắn ngủi. Chỉ một tia chớp của nhận thức trực giác, chỉ một thoáng khai ngộ và tâm nhìn tinh thần, rồi sau đó tất cả đều tan biến. Một lần nữa, thể trí tự chuyển hướng và lao vào hoạt động, viễn ảnh tinh thần không còn nữa, thời gian tâm thức nâng cao đã trôi qua, và cánh cửa đi vào lĩnh vực của linh hồn dường như bỗng nhiên đóng lại. Thế nhưng, hành giả đã có được sự hiểu biết chắc chắn, đã thoáng thấy được thực tại và ghi vào não bộ, và nhận biết được rằng bảo đảm y sẽ đạt được trong tương lai.”²⁰

143 Hoạt động thứ nhì liên quan đến công tác có hai phương diện được thể trí thực hiện. Khi đã được giữ vững trong ánh sáng, giờ đây nó có thể ghi nhận và ghi lại được các ý tưởng, ấn tượng và những khái niệm mà linh hồn trong trạng thái nhập định đã truyền đạt cho nó. Rồi những điều đó được thể trí phô diễn thành những hình thức ngôn từ, dùng chúng để tạo nên những hình tư tưởng và những hình ảnh rõ rệt trong trí tuệ. Vì thế, điều hiển nhiên là hành giả cần có khí cụ trí tuệ tốt. Thể trí đã được rèn luyện cùng với ký ức tích lũy phong phú và trí năng trau dồi đầy đủ sẽ tạo điều kiện hết sức dễ dàng trợ giúp linh hồn bằng cách ghi nhận đúng đắn và ghi lại chính xác những điều linh hồn hiểu biết. Bây giờ, tiếp theo hoạt động trí tuệ này là tiến trình truyền những thông tin đã thu được đến não bộ đang chờ đợi trong yên lặng.

Khi linh hồn đã học được cách vận dụng các khí cụ của mình, qua trung gian của trí tuệ và não bộ thì sự trực tiếp và tương tác giữa hai bên trở nên ngày càng dễ dàng thực hiện và liên tục hơn. Do đó hành giả có thể tùy ý tập trung trí tuệ

²⁰ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, III., 9.

của mình vào những sự việc trong đời, và làm một thành viên hữu hiệu của xã hội, hoặc có thể tập trung vào những điều thiêng liêng, tinh thần và hoạt động với thực chất của mình là một người con của Thượng Đế. Đến trình độ này, linh hồn sử dụng trí tuệ làm trung gian truyền đạt, và não bộ trong thể xác cũng được rèn luyện để đáp ứng dễ dàng với những điều truyền xuống từ trí tuệ. Người đích thực là con của Thượng Đế có thể sống đồng thời trong cả hai thế giới. Y là công dân của thế giới này và cũng là công dân của Thiên quốc. Tôi xin kết thúc chương này bằng những lời tốt đẹp sau đây của Evelyn Underhill :

144 *“Tâm thức tinh thần viên mãn của nhà thần bí đích thực được phát triển không chỉ trong một chiều hướng mà theo hai chiều hướng có vẻ trái ngược nhau nhưng thực ra là bổ sung lẫn nhau. . . . Một mặt y biết rất rõ, và thấy mình là một với thế giới đang hoạt động, không ngừng thay đổi và trở thành. . . Thế nên, dù y đã mãi mãi vượt ra khỏi sự ràng buộc của các giác quan, y vẫn nhận thức được trong mọi sự biểu hiện của đời sống một ý nghĩa giống như thánh lễ, vẻ đáng yêu, kỳ diệu, nghĩa lý sâu xa ẩn trong tâm hồn những người khác. . . . Ngoài ra, tâm thức viên mãn của nhà thần bí cũng đạt được những gì mà tôi nghĩ là phẩm tính thực sự đặc trưng của nó. Tâm thức này phát triển năng lực thấu hiểu Cái Tuyệt đối, Sự Sống Thuần khiết, Cái Siêu việt hoàn toàn. . . . Sự mở mang tâm thức viên mãn này với năng lực hiểu biết trong hai phương diện bằng cách đồng cảm với cái tạm thời và cái vĩnh cửu, những phương diện nội tại và siêu việt của thực tại. . . chính là biểu hiệu đặc trưng, là dấu ấn rõ ràng của nhà thần bí cao cả. . . .”²¹*

²¹ Underhill, Evelyn, *Huyền học (Thần bí học)*, tr. 42-43.

Ở phần kế tiếp, chúng ta sẽ xem xét đến hoạt động lưỡng nguyên này và mức độ dễ dàng trong tương tác. Trực giác bắt đầu hoạt động. Hành giả được khai ngộ, và chúng ta cần nghiên cứu cuộc sống hừng khởi tinh thần với nhiều điểm đặc trưng. Đây là điều sẽ được bàn đến ở chương sau.

CHƯƠNG BẢY
TRỰC GIÁC VÀ KHAI NGỘ

*“Rồi Thượng Đế phán :
Hãy có ánh sáng !
Và ánh sáng xuất hiện.”*

KINH THÁNH

CHƯƠNG BẢY

TRỰC GIÁC VÀ KHAI NGỘ

147 CHÚNG TA ĐÃ đưa ra tiền đề chung là các phương pháp giáo dục hiện nay ở Tây phương làm cho mọi người quen thuộc với cái ý tưởng rằng họ có một thể trí. Các phương pháp đó đã khiến họ đánh giá trí tuệ quá cao, đến mức mà đối với nhiều người sự thành tựu của trí năng là tuyệt đích của cuộc tiến hóa này. Chúng ta đã gợi ý thêm rằng khi kỹ thuật tham thiền của Đông phương (với các giai đoạn tập trung, tham thiền và nhập định) được áp dụng cho những người trí thức phương Tây, thì các tiến trình trí tuệ có thể được rèn luyện để đạt đến trình độ phát triển cao nhất và sau đó được thay thế bởi một khả năng còn cao hơn nữa, tức là quan năng trực giác. Ở Tây phương chúng ta cũng thấy rằng những người có trí tuệ giỏi giang nhất trong chúng ta, qua sự quan tâm sâu sắc và ứng dụng hiệu quả, cũng đến được cùng tiêu chuẩn thành đạt hiểu biết mà tham thiền giúp cho người chí nguyện ở Đông phương đạt đến. Tuy nhiên, đến mức này sự song hành kể trên không còn nữa. Nền giáo dục ở Tây phương không thể đưa những người tiêu biểu của nó tiếp tục đi vào lĩnh vực trực giác hay khai ngộ. Thực ra, thậm chí chúng ta còn mỉm cười đối với cái ý tưởng về tâm thức khai ngộ, và cho rằng phần lớn những bằng chứng có được là những ảo giác của nhà thần bí bị kích thích quá độ, hoặc là những ca rời

148 loạn nhân cách mà các nhà tâm lý học của chúng ta đang phải liên tục điều trị.

Thế nhưng, tôi tin có thể chứng minh rằng sự nhận thức tinh thần đã phát triển cao và trí tuệ được khai ngộ có thể là một thành phần trang bị của nhà khoa học hay thương nhân có trí tuệ lành mạnh thăng bằng, và không nhất thiết là dấu hiệu cho thấy sự thiếu thăng bằng của tâm hồn, hoặc mất ổn định trong tình cảm. Ánh sáng khai ngộ và nguồn hứng khởi tinh thần hoàn toàn có thể tương thích với việc theo đuổi các hoạt động nghề nghiệp hay chức nghiệp của mỗi người trong đời sống hằng ngày. Trong một giáo huấn của Trung Hoa cổ đại vào thế kỷ thứ tám, có nói về điều này như sau :

“Thầy Lü Tzũ nói : Khi dần dần tạo được sự lưu hành của ánh sáng, hành giả không nên từ bỏ việc làm tròn nhiệm vụ hằng ngày. Cổ nhân đã nói : Khi có những nghĩa vụ cần làm, chúng ta phải chấp nhận. Khi có sự việc gì đến, chúng ta cần hiểu rõ chúng từ trong căn bản. Khi các chức nghiệp, nhiệm vụ được điều hành với tư tưởng đúng, thì Ánh sáng tinh thần không bị ngoại vật làm cho phân tán, mà lưu hành đúng theo Thiên luật.”¹

Những đặc điểm kể trên của ánh sáng khai ngộ và các kết quả khai ngộ được thể hiện trong tâm thức của người đã tiến qua các giai đoạn nói trên, và là chủ đề của chương này. Khai ngộ là một giai đoạn trong tiến trình tham thiền, vì nó đòi hỏi phải thận trọng kiểm soát được thể trí và tiếp cận vấn đề một cách khoa học. Nó là kết quả của trạng thái chiêm ngưỡng hay nhập định đích thực cũng như sự giao tiếp

¹ Whihelm, Richard, và Jung, C. G., *Bí ẩn của Đóa hoa Vàng*, tr. 57.

với linh hồn, và cho thấy việc thực hiện hoạt động thứ nhì
 149 của trí tuệ với những hiệu quả có trình tự, như đã bàn trong
 các trang trước.

Theo những người tiên phong trong lĩnh vực của linh hồn, trạng thái khai ngộ xảy ra ngay trên giai đoạn nhập định. Có thể nói chính nó tạo nên ba hiệu quả : Trí tuệ được khai sáng, nhận thức trực giác và nguồn cảm hứng tinh thần trong cuộc sống ở cõi trần. Tình trạng này đã được sự công nhận của tất cả các nhà thần bí và những văn sĩ viết về chủ đề khai thị thần bí. Người ta đã quá thường nêu lên cái ý tưởng về Ánh sáng lưu nhập và soi tỏ con đường đạo, biểu tượng về ánh sáng bùng chiếu và sự phóng quang chói rạng kèm theo giai đoạn giao tiếp thiêng liêng. Vì thế mà chúng ta đã quen xem đó chỉ là những điều nói theo lối thần bí, tương đối là không có ý nghĩa gì hơn việc người tìm đạo viễn tưởng cố gắng dùng lời nói để diễn tả những điều kỳ diệu mà họ đã cảm nhận.

Tuy nhiên, khi xem xét kỹ, chúng ta thấy dường như có rất nhiều ý nghĩa trong các thuật ngữ chuyên môn và những lối nói theo biểu tượng này. Sự đồng nhất của ngôn ngữ diễn đạt, bằng chứng của nhiều ngàn chứng nhân có uy tín và sự giống nhau của những sự việc đã có, dường như cho thấy phần nào bản chất của những hiện tượng đã thực sự xảy ra. Ts. Overstreet trong quyển *Cuộc Tìm kiếm Lâu dài* có nêu tên một số đông những cá nhân nổi tiếng mà ông cho là họ đã được khai ngộ, và nói rằng “những người này không suy lý để tìm đường đi đến kết luận, dù rằng lý trí – trong việc tìm
 150 kiếm chân lý – rõ ràng là đã góp phần vào việc chuẩn bị cho họ đạt đến sự thấu hiểu cuối cùng.” Ông nói thêm “Trong mỗi trường hợp, họ đều đã thể nghiệm được điều tạm gọi là ‘khai ngộ,’ vì chưa có từ nào chính xác hơn.” Ông cũng khuyến cáo “cần thận trọng, vì chúng ta có thể gạt bỏ các kinh nghiệm này và xem chúng như những điều lầm lạc. . .” Thế nhưng, ông

nói “những người này không hành động theo cách của những người bị chứng thác loạn hay lầm lẫn. Họ đã đưa ra phần lớn nguồn minh triết tinh thần cho nhân loại. Đương nhiên họ ở trong số những người đã giác ngộ của nhân loại. Nếu (theo lời trong Kinh Thánh) ‘bởi trái của họ người sẽ biết được họ,’ thì những người này cho đến ngày nay đã cho thấy những thành quả cao hơn mức bình thường rất nhiều, khiến họ trở thành những nhà lãnh đạo tinh thần của nhân loại.”²

Với nhà thần bí trình độ trung bình, thường có vấn đề khó khăn là họ không có khả năng xác định hay giải rõ trạng thái khai ngộ này, dù không có vấn đề khó khăn này đối với những nhân vật lỗi lạc mà Ts. Overstreet đã nêu. Các Bài giảng ở Bampton năm 1930 có nói : “Nhà thần bí không thể giải thích, nhưng y biết mình đã biết, chứ không chỉ cảm nhận mà thôi, và thường thì y vẫn giữ lại được sự hiểu biết đó mãi mà không sự chỉ trích nào có thể lay chuyển nổi . . . dù nhà thần bí dường như không thể chuyển đạt được cho những người khác bất cứ phần nào của chân lý mà những kinh nghiệm và suy luận thông thường không thể đạt đến. Tuy nhiên, sự thấu hiểu đặc biệt và sâu xa của họ về thực tại khả dĩ có thể giúp cho vấn đề khó khăn cơ bản của chúng ta trở nên sáng tỏ hơn, giống như những trường hợp cực hạn được dùng để thử mức độ đúng thực của định lý hình học thông thường.”³

151 Chính ở điểm này phương Đông vào cuộc, cho thấy có một hệ thống nhờ đó chúng ta có thể được khai ngộ, và đưa ra để chúng ta xem xét một tiến trình và phương pháp có thứ tự, đưa mỗi người đến trạng thái đồng nhất với linh hồn. Do kết quả của sự đồng nhất vừa kể và những hiệu quả sau đó, Đông phương thừa nhận việc hành giả đạt đến nhận thức

² Overstreet, H. A., *Cuộc Tìm kiếm Lâu dài*, tr. 238, 239, 240.

³ Grensted, Linh mục L. W., *Tâm lý học và Thượng Đế*, tr. 203-204.

được khai sáng và thấu hiểu trực giác về Chân lý. Các Thánh kinh Đông phương cho chúng ta biết rằng chính trí tuệ phản chiếu ánh sáng và sự hiểu biết của linh hồn toàn tri, và sau đó đến lượt não bộ được soi sáng. Điều này chỉ có thể xảy ra khi sự tương tác giữa ba yếu tố linh hồn, trí tuệ và não bộ đã hoàn chỉnh. Trong bộ *Yoga Diển tặc* của ông, Patanjali nói :

“Vị Chúa của trí tuệ là chủ thể nhận thức, bao giờ cũng biết trí tuệ chất đang hoạt động liên tục.

“Vì có thể được chủ thể nhận biết và thấy, nên rõ ràng thể trí không phải là nguồn khai ngộ.

“Khi sự thông tuệ tinh thần vốn độc lập và không bị chi phối bởi các đối tượng, tự phản ánh trong trí tuệ chất, bấy giờ hành giả ý thức được Chân ngã.

“Bấy giờ, khi phản ánh cả chủ thể hiểu biết và điều được hiểu biết, trí tuệ chất trở nên toàn tri.

“Bấy giờ thể trí gia tăng khả năng phân biệt và được soi sáng nhiều hơn.

“Khi các phương tiện hợp nhất đã được thực hành liên tục, và khi đã lọc sạch những điều như bọt, hành giả được khai ngộ và tiến đến sự giác ngộ hoàn toàn.

“Sự hiểu biết (hay giác ngộ) đã đạt vốn thất phân, và đạt được với mức độ tăng dần.”⁴

152 Rồi Patanjali tiếp tục nói rằng, sau khi hành giả tập trung, tham thiền và nhập định một cách thích hợp, “những gì che án ánh sáng dần dần tan biến,” và ông cho biết thêm :

“Khi những gì che án ánh sáng bị xóa tan, hành giả đi vào trạng thái sống được gọi là thoát trần (hay là thoát xác), và

⁴ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, tr. 408, 409, 415, 416, 422, 178, 172.

vượt ra ngoài những biến đổi của nguyên khí suy tư. Đây là trạng thái giác ngộ.”⁵

Vì thế, khi Đức Christ dạy các môn đồ của Ngài hãy “làm cho ánh sáng của họ chói rạng,” rất có thể Ngài hoàn toàn không nói theo lối biểu tượng, mà giúp họ thấy sự cần thiết phải đạt đến trạng thái tự do đối với ý thức của thân xác để ánh sáng của linh hồn có thể chiếu rọi qua thể trí, rồi soi sáng não bộ, và mang lại sự khai ngộ khiến cho mỗi người có thể nói : “Trong Ánh sáng đó chúng ta sẽ thấy được mọi sự.”

Giáo hội Thiên Chúa luôn luôn hiểu được con đường đi đến sự tự do nói trên và gọi đó là “Con đường Thanh luyện.” Con đường này gồm việc lọc sạch và tinh luyện bản chất của hạ thể, cũng như xóa tan lớp màn vật chất đang che án ánh sáng trong mỗi người. Phải loại bỏ lớp màn che này và có nhiều cách để thực hiện. Ts. Winslow Hall trong quyển *Illuminanda*⁶ có nêu lên ba cách, – con đường của Mỹ lệ, con đường của Trí tuệ, và con đường của Linh hồn. Qua sự mỹ lệ và việc tìm kiếm thực tại đã tạo nên sự mỹ lệ đó, nhà thần bí cố gắng tìm kiếm những gì ẩn trong ngoại thể và tìm thấy điều lành thiện và điều kỳ diệu. Ts. Otto⁷ bàn về điều này khi ông giải thích khả năng “thấy được những điều thiêng liêng,” tức là năng lực nhận biết cái tinh túy thánh thiện và mỹ lệ ẩn trong mọi hình thể, với sự kính trọng và thán phục. Chương sách này của ông rất đáng cho chúng ta đọc và nghiền ngẫm kỹ. Thế nên, (qua bản tính thiêng liêng nơi chính mình) nhà thần bí “nhận thấy được những gì thiêng liêng” của thực tại ẩn trong lớp màn vật chất. Đây là con đường của các giác quan. Rồi đến con đường của trí tuệ, của cái trí tập trung cao độ vào một vấn đề và phương diện hình thể để thấu hiểu nguyên nhân sự tồn tại của nó. Bằng

⁵ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, tr. 118, 240.

⁶ Hall, W. Winslow, M.D., *Illuminanda*, tr. 93.

⁷ Otto, Rudolf, *Ý niệm về sự Thánh thiện*.

cách này, nhà khoa học đạt được nhiều tiến bộ và thâm nhập rất sâu vào bên trong qua khỏi lớp màn che, thấu đến điều mà họ gọi là “năng lượng”. Ts. W. Winslow Hall nêu rõ con đường thứ ba, như sau:

“Con đường của linh hồn thực sự là con đường cổ xưa nhất và rộng lớn nhất trong ba con đường . . . bởi vì không những linh hồn có thể xuyên thấu lớp màn vật chất mà còn tự đồng nhất cả với lớp màn này và Thực tại ẩn trong đó. Vì thế mà cả linh hồn và lớp màn che và Thực tại đều được cảm nhận là một .”⁸

Thế là chúng ta trở về cái ý niệm về Tính Toàn thể và sự Đồng nhất với Vũ trụ, mà chúng ta đã bàn trước đây. Ts. Hall còn nói thêm rằng “Tôi có thể định nghĩa sự giác ngộ là cảm thức hoàn toàn đồng nhất với Cái Toàn thể.”⁹

Đến mức này, chúng ta hãy thử nói lên một cách thật đơn giản những gì mà chúng ta đã kết luận được, để xem điều gì đã xảy ra cho người đã được giáo dục từ giai đoạn rèn trí nhớ và thu thập các kiến thức, thông tin, đến giai đoạn hữu ý sử dụng trí tuệ, và từ đó tiếp tục tiến vào lĩnh vực của người hiểu biết một cách tỉnh thức.

Qua tập trung và tham thiên, y đã có thể chế ngự thể trí đến mức khá tốt và học cách “giữ trí tuệ vững vàng trong ánh sáng.” Bấy giờ tâm thức vượt ra ngoài phạm ngã (ra khỏi phạm vi ý thức của não bộ và hạ trí) và nhà thần bí đi vào trạng thái nhập định hay chiêm ngưỡng, trong đó y hoạt động như linh hồn và nhận thức được chính mình là Chủ thể hiểu biết. Bản tính của linh hồn là hiểu biết và ánh sáng, và linh hồn tồn tại trong Thiên giới. Trong suốt thời gian tiếp

⁸ Hall, W. Winslow, M.D., *Illuminanda*, tr. 94.

⁹ Như trên, tr. 21.

tục đồng nhất với linh hồn, thể trí được giữ vững và không hề ứng đáp với những giao tiếp phát xuất từ các trạng thái ý thức khác, như những ảnh hưởng đến từ cõi trần và cõi tình cảm. Chuyên chú vào sự hợp nhất với Thượng Đế, được đưa vào “Cõi Trời Thứ ba” (theo cách nói của Thánh Paul) và chiêm ngưỡng hình ảnh chí phúc của Thực tại, hành giả không còn biết, thấy, nghe điều gì khác hơn là những hiện tượng thích hợp với thế giới mà y đang sống trong đó. Thế nhưng, y nghe, thấy, và biết trong thế giới đó. Y biết được Chân lý, không hề bị che án và không còn bị vướng ảo cảm do lớp màn vật chất phủ che. Y lắng nghe nguồn Minh triết chứa trong linh hồn sâu thẳm của chính mình và trở thành chính nguồn Minh triết đó, vì đối với y không còn có chủ thể và khách thể : y là cả hai và biết điều đó. Y nhập vào Trí tuệ của Thượng Đế – là kho tàng hiểu biết của vũ trụ, mà cánh cửa kho tàng này bao giờ cũng rộng mở cho những ai có trí tuệ điềm tĩnh và được
 155 kiểm soát đúng mức để có thể thấy được cánh cửa và đi qua. Và trong suốt cả quá trình siêu việt này, thể trí được giữ vững vàng trong Ánh sáng.

Dù vậy, nay trạng thái nhập định hay chiêm ngưỡng nói trên cũng chấm dứt và trí tuệ đi vào một hoạt động mới, do phản ứng của nó với ánh sáng và nhờ năng lực có thể ghi nhận và ghi lại những thông tin được linh hồn truyền đạt. Năng lượng của linh hồn đã và đang hướng ra thế giới thực tại thiêng liêng. Giờ đây tiêu điểm chú ý thay đổi, và vị Thượng Đế nội tâm hướng tâm mắt về cái khí cụ đang chờ đợi và tạo ấn tượng lên nó với nguồn Minh triết và Hiểu biết của Ngài nhiều đến mức nó có thể tiếp nhận và thấu hiểu.

Các tác giả viết về huyền học, quan tâm đến con đường hoàn toàn thần bí, nhưng chưa nghiên cứu đầy đủ về kỹ thuật của Đông phương, thường có khuynh hướng nhầm lẫn sự khai ngộ với xúc cảm. Ví dụ như Evelyn Underhill nói “. . . Trạng

thái khai ngộ bao gồm linh ảnh về Cái Tuyệt đối : cảm nhận về sự Hiện thể Thiêng liêng : nhưng chưa thực sự hợp nhất với Hiện thể đó.” Bà cho rằng “Đó là một trạng thái hạnh phúc.”¹⁰

Giác ngộ trí tuệ với sự hiểu biết và nhận thức về sự hợp nhất với Thượng Đế, và thấu hiểu được những định luật chi phối linh vực tinh thần có thể cuối cùng tạo nên hạnh phúc, nhưng hạnh phúc đó là một hiệu quả chứ không phải là thành phần của trạng thái giác ngộ. Sự giác ngộ đích thực liên quan đến trí tuệ, và ở mức thuần khiết nhất sẽ hoàn toàn không liên hệ gì đến xúc cảm. Đó là một điều kiện của hiểu biết, là một trạng thái mà trong đó trí tuệ được liên hệ với Thượng Đế. Khi trạng thái này được giữ càng lâu trong điều kiện không phản ứng xúc cảm, thì sự liên giao giữa linh hồn và hạ thể càng trực tiếp hơn, và các chân lý được truyền đạt càng có phẩm chất cao hơn.

Ở đây nên có sự so sánh giữa con đường của Thúc giả và con đường của nhà thần bí. Nhà thần bí, nhất là ở Tây phương, có được tia chớp thông hiểu, thấy được Đấng mà y mến thương, và đạt đến những độ cao của ý thức. Thế nhưng, trong đa số các trường hợp y đã theo khảo hướng của *cái tâm*, bao gồm cảm xúc, cảm nhận của giác quan, và tình cảm. Kết quả là trạng thái ngây ngất, xuất thần. Kỹ thuật của y là tôn sùng, giới luật, nỗ lực tiến tới bằng sức mạnh của tình cảm, “nâng cao tâm hồn lên đến Thượng Đế, “linh ảnh về Đấng y mến thương,” và “cuộc hôn phối trong cõi Thiêng liêng,” tuôn đổ tình thương dưới chân của Đấng y mến thương, và sau đó là trạng thái ngây ngất, xuất thần. Nếu chúng ta tin vào những bài viết của chính các nhà thần bí, thì sau đó là một thời gian tái điều chỉnh để quay về cuộc sống hằng ngày, và thường là cảm nhận buồn nản và thất vọng vì phút giây cao đẹp đó đã trôi qua, cùng với việc

¹⁰ Underhill, Evelyn, *Huyền học*, tr. 206.

không có khả năng nói rõ được những gì mà y đã thể nghiệm. Thế là y bắt đầu một chu kỳ mới với lòng tôn sùng và giới luật, cho đến khi y lại thấy được linh ảnh, và lại giao tiếp được với Đấng y mến thương. Trong một vài phương diện, chúng ta có thể thấy tính tập trung vào cái ngã của nhà thần bí Tây phương, và điều rất rõ ràng là y không thể sử dụng được trí tuệ của
 157 mình. Tuy nhiên, chúng ta phải ngoại trừ những nhà thần bí như Boehme, Ruysbroeck, hoặc Meister Eckhart, vì trong các tác phẩm của họ yếu tố trí tuệ được nhấn mạnh, và phẩm chất hiểu biết biểu lộ rất rõ ràng. Chúng ta hãy xem những lời sau đây của chính Meister Eckhart :

“Trong linh hồn có năng lực trí tuệ, hết sức quan trọng để giúp linh hồn ý thức được Thượng Đế và tìm kiếm Thượng Đế . . . Những lý lẽ vững chắc nhất đều nói lên sự thực rằng điều cốt yếu của sự sống vĩnh cửu vốn ở trong sự hiểu biết hơn là tình thương. . . Linh hồn không phụ thuộc vào những sự vật tạm thời, mà nâng cao trí tuệ để thông đạt với những điều cao cả thiêng liêng.”¹¹

Người Thức giả có phương pháp khác với phương pháp của nhà thần bí. Y hướng trí tuệ đến đối tượng mà trí tuệ tìm kiếm. Y chọn con đường của trí tuệ, kiểm soát và đưa nó vào kỷ luật. Y giữ thể trí vững vàng, ngăn chặn tình trạng thể trí ưa thay đổi và giữ cho nó tập trung. Y tìm Thượng Đế ; y tách mình khỏi các xúc cảm và không quan tâm đến sự thoả mãn của chính cá nhân mình, bởi vì trí tuệ là “lương tri” và khi được sử dụng ở mức cao nhất, nó được phú cho khả năng tổng hợp, với ý thức Toàn thể. Như Ts. Müller-Freienfels có nói, “y không còn đề cập đến linh hồn ‘của mình’, mà nói về đại hồn

¹¹ Pfeiffer, Franz, *Meister Eckhart*, tr. 114, 83, 288.

tự biểu hiện qua y, và tự khai mở trong y cũng như trong tất cả các chúng sinh khác, và sẽ tồn tại mãi cho dù cái ảo tưởng này về cá tính có hư hoại. . . . Y sống cuộc đời ‘sống thực’, có nghĩa là tự nhận thức và tự hoàn chỉnh, với ý thức không chỉ về chính cái ngã của mình đang được nhận thức và hoàn thiện, mà còn về vũ trụ, về Thượng Đế, trong Ngài cái ngã biểu kiến này là một thành phần.”¹²

Người chí nguyện chế ngự xúc cảm cá nhân, làm chủ thể trí, giữ nó vững vàng trong ánh sáng, rồi thấy và biết. Kế đến là giai đoạn KHAI NGỘ. Meister Eckhart tóm tắt sự khác biệt giữa hai con đường này như sau:

“Sự hiểu biết nâng linh hồn lên đến tầm mức của Thượng Đế. Tình thương kết hợp linh hồn với Thượng Đế. Vận dụng cả sự hiểu biết và tình thương khiến cho linh hồn hoàn thiện giống như Thượng Đế. Ba điều này đưa linh hồn vượt ra ngoài thời gian để vào cuộc sống vĩnh cửu.”¹³

Chúng ta cần thận trọng lưu ý những điều phân biệt kể trên. Đối với nhiều người hiện nay, có được sự hiểu biết về Thượng Đế là điều quan trọng hơn yêu thương Thượng Đế. Tình thương ấy họ đã có, và là nền tảng cho nỗ lực của họ nhưng không phải là mục tiêu và kỷ luật của họ hiện nay. Đối với đại đa số những người chưa có khả năng suy tư, có lẽ con đường thần bí của tình thương và tôn sùng thực sự là mục tiêu của họ. Thế nhưng, với những nhà tư tưởng trên thế giới mục tiêu cố gắng của họ là đạt được sự giác ngộ.

Người thực sự đã giác ngộ là sự kết hợp hiếm thấy của nhà thần bí và thức giả. Đây là thành quả của các phương

¹² Müller-Freienfels, Richard, *Những Bí nhiệm của Linh hồn*, tr. 336.

¹³ Pfeiffer, Franz, *Meister Eckhart*, tr. 286.

pháp thần bí của Đông và Tây, là sự phối hợp của đầu óc với tâm hồn, của tình thương và trí tuệ. Điều này tạo nên nhà Yogi (người hiểu biết sự hợp nhất) theo cách gọi ở Đông phương. Ở Tây phương y được gọi là nhà thần bí thực tiễn – là từ không mấy thích đáng để gọi nhà thần bí đã kết hợp trí 159 tuệ với bản tính xúc cảm, và vì thế mà trở nên một người đã điều hợp – có não bộ, trí tuệ và linh hồn hoạt động như một đơn vị tổng hợp và hoàn hảo nhất.

Thế là linh hồn giúp trí tuệ khai ngộ, và tuôn đổ vào “trí tuệ chất” đang chờ đợi và chăm chú nguồn hiểu biết và minh triết vốn là quyền đặc hữu của linh hồn. Những điều này tạo ra nơi người đã thực sự thống nhất và điều hợp những kết quả khác nhau, tùy theo cái khí cụ được dùng trong giao tiếp. Ở phần sau, chúng ta sẽ xem xét đến vấn đề Hợp nhất và việc phát triển những quyền năng siêu việt. Giờ đây chúng ta chỉ bàn về những hiệu quả trực tiếp của giác ngộ. Có thể tóm tắt những kết quả này một cách rõ ràng dễ hiểu như sau:

Một hiệu quả đối với trí tuệ là sự trực tiếp linh hội chân lý và trực tiếp thấu hiểu được nguồn kiến thức hết sức rộng lớn và có tính tổng hợp đến nỗi chúng ta chỉ có thể gọi bằng từ mơ hồ là Trí tuệ Vũ trụ. Loại hiểu biết này cũng được gọi là Trực giác và là một trong những đặc trưng chính yếu của sự giác ngộ. Hiệu quả thứ hai nơi trí tuệ là khả năng ứng đáp với liên lạc thần giao cách cảm, và là sự nhạy cảm đối với những thể trí khác đã có khả năng hoạt động trên các cấp độ linh hồn. Ở đây tôi không đề cập đến cái gọi là liên lạc thần giao cách cảm thuộc về các tầm mức tâm thông, hoặc quan hệ viển cảm giữa não bộ của người này và não bộ của người khác trong cuộc sống hằng ngày, mà tất cả chúng ta đều thường thấy. Tôi nói đến sự tương tác có thể xảy ra giữa các linh hồn, được hòa hợp một cách thiêng liêng. Vào thời quá khứ, sự tương tác này đã giúp truyền đạt những giáo huấn đầy cảm

160 hững tinh thần trên thế giới, trong các Thánh kinh cho thế gian, và trong những khả thị thiêng liêng từ một số những Người Con cao cả của Thượng Đế, như Đức Christ và Đức Phật. Thế nên, trực giác và thần giao cách cảm dưới dạng thuần khiết nhất là hai kết quả của sự giác ngộ trong trí tuệ.

Đối với bản tính tình cảm, hoặc theo lối nói của nhà huyền bí học là trong thể dục vọng hay xúc cảm, ta có niềm hoan hỉ, hạnh phúc, và sự ngây ngất, xuất thần. Có một cảm nhận hoàn mãn, hài mãn và sự mong đợi hân hoan, khiến hành giả nhìn đời với ánh sáng mới, và các trường hợp, hoàn cảnh cũng nhuộm màu hạnh phúc hơn.

*“Bầu trời xanh cao trong sáng hơn,
Mặt đất xanh tươi xinh xắn hơn,
Mọi vật sống trong màu sắc mới
Với tâm Bồ[đề] thế giới bừng lên.”*

Trong thể xác có một số phản ứng rất thú vị. Những phản ứng này có hai nhóm : Một là sức kích thích hoạt động mạnh mẽ, với hiệu ứng rõ rệt trong hệ thần kinh, và hai là thường xuất hiện ánh sáng bên trong đầu, có thể thấy được ngay cả trong khi nhắm mắt hoặc trong bóng tối.

Trong quyển sách của ông về sự giác ngộ, Ts. W. Winslow Hall bàn về phương diện này của ánh sáng, và trong một đoạn có nói ông muốn chứng minh rằng “Giác ngộ không chỉ là một trạng thái tâm lý, mà cũng là một sự kiện có thực về sinh lý.”¹⁴

161 Những kết quả này trong ba hạ thể – thể trí, thể cảm dục và thể xác – mà chúng ta gọi là con người, chỉ là những biểu hiện của cùng một loại năng lượng cơ bản, khi nó được chuyển từ thể này đến thể khác. Cũng cùng một tâm thức thiêng

¹⁴ Hall, W. Winslow, M.D., *Illuminanda*, tr. 19.

liêng tự biểu hiện trong những lĩnh vực ý thức và ứng xử khác nhau của con người.

Trước hết chúng ta hãy bàn về phản ứng trong trí tuệ. Thế nào là điều bí ẩn này mà chúng ta gọi là trực giác ? Điều thú vị là từ này hoàn toàn bị lờ đi trong một số sách viết về tâm lý học, và thường là những quyển của các tác giả giỏi nhất trong ngành. Trực giác không được họ công nhận. Chúng ta có thể định nghĩa trực giác là thấu hiểu trực tiếp được sự thực, mà không phải dùng khả năng suy luận hoặc qua một quá trình vận dụng trí năng. Trực giác là sự xuất lộ trong tâm thức một chân lý hay về mỹ lệ mà trước đó chúng ta chưa hề cảm nhận được. Nó không xuất lộ từ tiềm thức, hoặc từ ký ức lưu trữ, của chủng tộc hay cá nhân, mà trực tiếp đi vào trí tuệ từ siêu thức, hoặc từ linh hồn toàn tri. Bấy giờ nó được nhận biết ngay là đúng thực không thể nhầm lẫn và không gọi lên sự nghi ngờ, thắc mắc nào cả. Tất cả những giải pháp bất ngờ cho những vấn đề có vẻ không thể giải quyết hay khó hiểu, và một số phát minh, sáng chế có tính cách mạng, đều đến theo lối này. Evelyn Underhill nói về điều này bằng những thuật ngữ sau đây :

162 “ . . . sự linh hội sáng suốt về các sự vật, và việc tẩy sạch những cánh cửa nhận thức, chắc hẳn là điều chúng ta mong xảy ra khi hành giả tiến lên những trung tâm ý thức cao hơn. Trí thông minh hời hợt của y không còn bị sự chế ngự của giác quan, ngày càng được thấm nhuần cái ta cao siêu, là ‘Con người Mới’, thực chất là cư dân của thế giới tinh thần độc lập, với vận mệnh ‘trở về với Nguồn cội của mình’, theo lối nói thần bí. Vì thế mà có sự lưu nhập của nguồn sinh lực mới, khả năng tri kiến rộng mở, và quan năng trực giác của y được nâng lên rất cao.”¹⁵

¹⁵ Underhill, Evelyn, *Huyền học*, tr. 311.

Sự hiểu biết Chân lý trực tiếp này là vận mệnh tối hậu của toàn nhân loại, và dường như rất có thể một ngày kia chính trí tuệ cũng ở dưới ngưỡng của tâm thức giống như tình trạng của các bản năng hiện nay vậy. Bấy giờ chúng ta sẽ hoạt động trong lĩnh vực trực giác, và bàn thảo trong phạm vi trực giác cũng dễ dàng như hiện nay chúng ta bàn thảo trong phạm vi trí tuệ và đang cố gắng hoạt động như những người có trí năng.

Linh mục Maréchal, trong quyển *Nghiên cứu Tâm lý Nhà Thần bí*, định nghĩa nhận thức trực giác bằng những thuật ngữ sau :

*“Định nghĩa theo lối hoàn toàn thông thường, trực giác là sự đồng hóa trực tiếp của khả năng hiểu biết với đối tượng của nó. Mọi sự hiểu biết đều là một loại đồng hóa nào đó. Trực giác là một loại ‘thông tin’ trực tiếp không trung gian nào bên ngoài xen vào. Đó là hành động duy nhất và tự phát của khả năng hiểu biết, không dựa vào ý niệm trùu tượng giống như đối tượng, mà hoạt động trên chính đối tượng. Cũng có thể gọi đó là sự hoàn toàn trùng hợp, là đường lối giao tiếp chung của chủ thể hiểu biết và đối tượng.”*¹⁶

Một trong những quyển sách đáng lưu ý nhất và gọi ý nhiều nhất về vấn đề trực giác, là quyển sách hết sức phù hợp với cả hai quan điểm của Đông và Tây, có tựa đề *Bản năng và Trực giác*, của Ts. Dibblee, Đại học Oriel, Oxford. Trong đó, ông đưa ra một số định nghĩa thú vị về trực giác. Ông nhận xét rằng “giống như cảm giác đối với xúc cảm, trực giác cũng tác động vào tư tưởng và mang chất liệu cho tư tưởng,”¹⁷ và ông trích dẫn lời Ts. Jung nói rằng đó là một tiến

¹⁶ Maréchal, Joseph, S.J., *Nghiên cứu Tâm lý Nhà Thần bí*, tr. 98.

¹⁷ Dibblee, George Binney, *Bản năng và Trực giác*, tr. 85.

trình trí tuệ ở ngoài ý thức mà đôi khi chúng ta chỉ biết được một cách lơ mờ. Ông cũng nêu lên định nghĩa của Giáo sư H. Wildon Carr : “Trực giác là sự thấu hiểu trực tiếp của trí tuệ về thực tại nguyên vẹn không dưới dạng nhận thức hay khái niệm (cũng không phải là ý tưởng hoặc đối tượng của suy luận), trái lại, tất cả những cái đó đều chỉ là sự linh hội của trí tuệ.”¹⁸ Ông nói “Trực giác tập trung vào những kết quả hoàn toàn vô hình, không liên quan đến thời gian và cũng độc lập đối với xúc cảm.”¹⁹ Trong một đoạn, ông đặc biệt bàn về nhà thần bí thực hành điều hợp hay là thức giả (có lẽ chỉ là vô tình, vì chủ đề của ông đang nói về những điều khác).

*“ . . . nguồn cảm hứng trực giác và năng lượng của bản năng được chế ngự và kết hợp trong cái ngã hoàn hảo, rút cuộc hình thành một nhân cách duy nhất.”*²⁰

Hạ thể được hướng dẫn và điều khiển trong các quan hệ và phản ứng ở cõi trần nhờ bộ máy bản năng, hoạt động qua các giác quan và não bộ. Trong khi đó, chính linh hồn hướng dẫn và điều khiển thể trí qua trực giác, và có điểm giao tiếp với cõi trần ở phần trên của não bộ. Ts. Dibblee tóm lược ý tưởng này như sau : “Chúng ta có thể chấp nhận sự thực về hai cơ quan riêng biệt của trí thông minh trong con người. Đó là đồi não, trung tâm của bản năng, và vỏ não, trung tâm của trí tuệ và trực giác kết hợp.”²¹ Quan điểm này rất gần gũi với giáo huấn Đông phương, cho rằng trung tâm điều phối hoạt động của toàn bộ phàm tính vốn ở trong khu vực của tuyến yên, và điểm giao tiếp của Chân ngã và trực giác nằm trong khu vực của tuyến tùng.

¹⁸ Carr, H. Wildon, *Triết lý của sự Thay đổi*, tr. 21.

¹⁹ Dibblee, George Binney, *Bản năng và Trực giác*, tr. 132.

²⁰ *Như trên*, tr. 130.

²¹ Dibblee, George Binney, *Bản năng và Trực giác*, tr. 165.

Vì thế, sự việc xảy ra như sau : Thể trí nhận ánh sáng khai ngộ từ linh hồn, dưới dạng các ý tưởng được đưa vào thể trí, hoặc những tia trực giác chuyển đạt sự hiểu biết chính xác và trực tiếp, vì trực giác bao giờ cũng không thể nhầm lẫn. Đến lượt thể trí lặp lại tiến trình này trong khi hoạt động, đưa vào não bộ thụ cảm những tia trực giác và hiểu biết mà linh hồn đã truyền đạt. Khi điều này được tiến hành một cách tự động và chính xác, đó là trường hợp của bậc hiền triết, tức là người đã giác ngộ.

Hoạt động thứ hai mà thể trí đáp ứng do kết quả của sự khai ngộ là thần giao cách cảm. Người ta nói rằng “chính sự khai ngộ có thể được xem là điển hình cao nhất của thần giao cách cảm ; bởi vì trong suốt thời gian bùng chiếu của ánh sáng giác ngộ từ nguồn tối cao, linh hồn của hành giả là người cảm thụ và Đấng Cha Lành của Ánh sáng là tác nhân.” Tác nhân có thể hoạt động thông qua nhiều thể trí, vì thế giới của
165 linh hồn là thế giới với ý thức tập thể, và thực sự mở ra một trường giao tiếp rộng lớn. Linh hồn của con người không những *liên giao mật thiết* với Trí tuệ Vũ trụ, mà còn giao tiếp với tất cả những thể trí mà Chủ đích Thiêng liêng hay là Thượng Đế có thể hoạt động xuyên qua đó. Theo lối này chúng ta có thể giải thích sự xuất hiện của dòng liên tục các tác phẩm mang ánh sáng giác ngộ và những thông điệp cho thế giới qua các thời đại. Tất cả đã hướng dẫn tư tưởng và vận mệnh của con người, giúp họ tiến tới trên con đường nhận thức, từ giai đoạn của thuyết vật linh và bái vật giáo cho đến giai đoạn hiện nay với khái niệm về Đấng Thượng Đế hằng hữu nội tại. Từ quan điểm về con người và thiên nhiên, chúng ta đã tiến đến quan điểm về cái Toàn thể thiêng liêng mà trong đó chúng ta sống, vận chuyển và hiện tồn, và đồng nhất với Toàn thể đó trong tâm thức. Chúng ta biết mình có bản tính thiêng liêng. Lần lượt, những Người Con

của Thượng Đế đã thừa hưởng di sản của mình, và tự thấy có khả năng ứng đáp nhạy bén với kế hoạch của thế giới. Nhờ chuyên tâm chiêm ngưỡng và nhập định, họ đã tự trang bị để hành động như những người diễn giải Trí tuệ Vũ trụ và với tư cách trung gian giữa đại chúng không có khả năng thần giao cách cảm và nguồn minh triết vĩnh cửu. Những gì cao đẹp nhất mà hiện nay con người hiểu biết, nguồn gốc của những tôn giáo lớn trên thế giới, và những thành tựu huy hoàng của khoa học, đều có thể quy về những đạo gia giác ngộ trên thế giới, những nhà tư tưởng có khả năng trực giác trong mọi lĩnh vực kiến thức, và những người truyền đạt thần giao cách cảm và nguồn cảm hứng thiêng liêng.

Chúng ta không nên nhầm lẫn sự chuyển đạt thần giao cách cảm này với thuật đồng cốt, hoặc với phần lớn những tác phẩm được gọi là mang nguồn hứng khởi tinh thần, hiện 166 đang tràn ngập thị trường. Hầu hết những truyền đạt này đều có tính cách tầm thường, không mang lại điều gì mới, hoặc một thông điệp nào có thể đưa con người tiến thêm một bước vào Thời đại Mới, hoặc hướng dẫn họ tiến lên cao, hướng về những Cảnh giới Thiêng liêng. Sự khai thác lĩnh vực tiềm thức, những phát biểu của trí năng cấp cao đều rất đáng trọng, và là nguồn tạo ra chín mươi tám phần trăm các tài liệu, sách vở đang có hiện nay. Tất cả cho thấy rằng con người đã thành tựu được nhiều, và họ đang trở nên điều hợp. Tuy nhiên, những sách vở đó không nêu rõ hoạt động của trực giác, hoặc hoạt động của quan năng thần giao cách cảm ở cấp tinh thần. Mọi người cần thận trọng phân biệt giữa trực giác và bản năng; giữa trí tuệ ở các cấp hạ trí và thượng trí hay trí trù tượng. Cần phân tách rõ giữa những lời phát biểu của một linh hồn đã thấy được Thực tại cũng như giao tiếp được với những linh hồn khác, và những lời tầm thường, vô vị của người có lòng tốt và có trí năng đã được trau dồi.

Hiệu quả của quá trình khai ngộ trên bản tính tình cảm có hai hình thức – và dường như là hai hình thức hoàn toàn trái ngược nhau. Bằng cách nào đó, nó làm cho tình cảm lắng dịu, nhờ thế mà bao âu lo phiền muộn trong đời đều ngưng dứt và nhà thần bí đi vào tâm thái bình an mà trước đó y chưa hề biết. Bây giờ y có thể nói :

“Trong tôi đã bùng lên ngọn lửa

Không chuyển dời, không phiền muộn đã bao năm,

Chẳng luyến tình, sợ hãi, hy vọng, cười vui,

Chẳng khờ dại vì điều quý, hoặc say men điều thiện.

167 *Không bóng mờ những cơn gió suy tư, xao xuyến,*

Không rạt rào tiếng sóng triều xoáy cuộn, thét gầm,

Không ý nghĩ si mê, bi lụy âm thầm,

Chẳng để thời gian hay thói quen làm tâm hồn vương bận.

Việc tử, sinh không khiến lòng vương vấn,

Nào quản chi vận số, kiểu cách, sự nghiệp, giáo điều,

Ước mơ cao vượt núi đồi đang say ngủ trong chiều,

Dù là nụ non, là đóa hoa, hoặc là hạt giống,

Đều biết rằng ở bất cứ nơi nào tôi đang sống

Tôi vẫn là thành phần trong linh hồn cao cả của

chính tôi.”²²

Mặt khác, sự khai ngộ có thể tạo nên cơn xuất thần, ngây ngất có tính chất thần bí – giúp tâm hồn nâng cao, rộng mở hướng về Nguồn sống Thiêng liêng, mà các sách vở thần bí từ trước đến nay đã liên tục đưa ra bằng chứng. Đây là niềm phấn khởi và xác tín trong hoan hỉ về những thực tại cảm nhận được. Nó đưa hành giả đi tới trên đôi cánh của chân phúc, nhờ thế

²² Muirhead, John Spencer, *Sự Tĩnh lặng (Tập Thơ Thần bí Anh quốc của Oxford)*, tr. 629.

mà ở mức nào đó tạm thời y không bị điều gì có thể va chạm hoặc gây tổn thương. Nói theo lối hình tượng, đôi chân hành giả lướt nhanh đến với Đấng mà y yêu thương, và có sự tương tác rất tuyệt vời giữa Người yêu thương và Đấng mà y yêu thương. Thế nhưng luôn luôn còn cảm thức nhị nguyên, về một điều khác hoặc vượt cao hơn những gì đã đạt được. Cần phải giữ sự tương tác này trong tâm thức càng lâu càng tốt, nếu không thì linh ảnh của trạng thái xuất thần sẽ tan biến, ngôi mặt trời lại bị mây che, và cõi đời này với bao âu lo, phiền muộn sẽ một lần nữa làm lu mờ hình ảnh cõi giới thiêng liêng. Quyển *Huyền học* có cho biết rằng xét về mặt thể chất thì xuất thần là sự say sưa ngây ngất. Đó là trạng thái sung sướng hân hoan, và có thể mang tính chất tốt hoặc xấu. Evelyn Underhill trích dẫn lời của Linh mục Malaval như sau :

168 *“Những học giả tài giỏi sống cuộc đời thân bí cho biết rằng chúng ta phải thận trọng phân biệt hai loại trạng thái sung sướng hân hoan. Trạng thái thứ nhất xảy ra trong những người kém tiến hóa trên Đường Đạo, và hãy còn đầy ý thức vị kỷ : hoặc là do sức mạnh của sự tưởng tượng nồng nhiệt nhận biết một đối tượng dễ thấy một cách sinh động, hoặc là do mưu mẹo của ma quỷ. . . . Trái lại, trạng thái kia của sự sung sướng hân hoan là do hiệu quả của linh ảnh thuần trí tuệ nơi những người có tình thương sâu xa đối với Thượng Đế. Với những linh hồn quảng đại đã hoàn toàn từ bỏ bản thân, Thượng Đế không bao giờ ngưng truyền đạt những điều cao đẹp trong những phút giây hân hoan sung sướng này.”²³*

Tác giả nói trên cũng cho chúng ta biết ý nghĩa của trạng thái xuất thần về mặt tâm lý. “Cái ngã say mê chuyên chú vào một ý tưởng, một ước muốn duy nhất, thật sâu xa và –

²³ Underhill, Evelyn, *Huyền học*, tr. 431.

trong trường hợp những nhà thần bí cao cấp – hết sức mãnh liệt đến nỗi mọi điều khác đều bị xóa sạch.”²⁴ Chúng ta sẽ thấy vì sao mà trạng thái xuất thân lại có đặc trưng là cái ý tưởng về điều ước muốn, xúc cảm của hành giả và tính nhị nguyên. Bao giờ cũng có sự thiết tha nồng nhiệt, lòng tôn sùng, và cố gắng vươn ra một cách hân hoan sung sướng đến nguồn nhận thức. Tuy nhiên, người thể nghiệm những điều này cần phân biệt kỹ, nếu không chúng sẽ thoái hóa thành tình trạng bệnh hoạn. Ở đây, cơ bản là chúng ta không bàn về điều kiện cảm nhận của giác quan. Chúng ta đặt mục tiêu cao hơn là liên tục vận dụng trí năng và kiểm soát trí tuệ một cách vững vàng, và điều kiện này cũng chỉ có trong những giai đoạn đầu của sự khai ngộ. Ở giai đoạn sau, chúng ta thấy rằng sự khai ngộ đích thực tự động loại bỏ tất cả những phản ứng kể trên. Linh hồn tự biết mình vượt cao hơn các cặp đối cực – vui sướng cũng như đau khổ – và trụ vững vàng trong sự sống tinh thần. Rốt cuộc, con đường hay tuyến liên giao loại trừ mọi trở ngại và truyền trực tiếp từ linh hồn đến thể trí, và từ thể trí đến não bộ.

Khi đến cấp thân xác, ý thức và phản ứng đối với sự khai ngộ tuôn xuống vào trong não bộ, thì thường có hai hiệu quả rõ rệt nhất. Có sự cảm nhận hay ý thức về ánh sáng bên trong đầu, và thường cũng có một sự kích thích đi vào hoạt động không bình thường. Dường như hành giả chịu sức thôi thúc của năng lượng tuôn đổ xuyên qua mình, và y thấy thời gian quá ngắn ngủi để có thể hoàn thành những gì y muốn thực hiện. Y thấy mình quá nồng nhiệt trong việc hợp tác với Thiên Cơ mà y đã tiếp xúc được, đến mức trí phán đoán của y tạm thời bị thiên lệch, và y làm việc, nói chuyện, đọc và viết với sức mạnh không hề mệt mỏi. Tuy nhiên, điều này lại làm

²⁴ Như trên, tr. 431.

hao mòn sinh lực và hệ thần kinh của y. Tất cả những ai đã làm việc trong lĩnh vực tham thiền, và những người tìm cách hướng dẫn người khác theo những đường hướng này đều biết rõ tình trạng nói trên. Người chí nguyện đã thực sự đi vào lĩnh vực năng lượng thiêng liêng, và thấy mình đáp ứng mạnh mẽ với năng lượng đó. Y cảm nhận các quan hệ và trách nhiệm tập thể, và cảm thấy chùng như y phải làm hết sức mình để hoàn thành những điều đó. Sự ghi nhận này về sinh lực tuôn đổ vào liên tục có tính đặc trưng rõ rệt, vì sự điều hợp giữa linh hồn và khí cụ được linh hồn sử dụng, và phản ứng sau đó của hệ thần kinh với năng lượng của linh hồn thật mật thiết và chính xác đến nỗi hành giả phải mất một ít thời gian để học cách thực hiện những điều chỉnh cần thiết.

Như đã nêu trên, hiệu quả thứ hai là nhận biết được ánh
170 sáng bên trong đầu. Sự kiện thực tế này đã được chứng minh đầy đủ đến mức không cần phải đưa ra thêm bằng chứng. Ts. Jung đề cập đến ánh sáng này theo cách mô tả sau đây :

“ . . . linh ảnh về ánh sáng là kinh nghiệm mà nhiều nhà thần bí thường có, một kinh nghiệm hiển nhiên là có ý nghĩa rất quan trọng, vì trong mọi lần và mọi nơi nó đều xuất hiện một cách vô điều kiện, có kết hợp năng lực cao nhất và ý nghĩa sâu sắc nhất. Ngoài khoa thần bí của bà, Hildegarde von Bingen là người có nhân cách đáng trọng. Bà nói về linh ảnh nội tâm của mình theo lối rất quen thuộc. ‘Từ thời thơ ấu, tôi vẫn luôn luôn thấy ánh sáng trong linh hồn tôi, nhưng không dùng đôi mắt ở bên ngoài, hoặc qua tư tưởng trong tâm tôi, và năm giác quan bên ngoài cũng không dự phần trong linh ảnh này. . . . Ánh sáng tôi nhận biết thì không phải là loại khu trú, và chói sáng hơn mây chung quanh mặt trời. Tôi không thể phân biệt được bề cao, bề rộng hay bề dài của nó. . . Những gì tôi thấy hay học được trong linh ảnh này vẫn còn

tồn tại rất lâu trong trí nhớ của tôi. Tôi thấy, nghe, và hiểu biết cùng một lúc, và học được những gì tôi biết cũng trong lúc đó. . . . Tôi không thể nhận ra một loại hình dạng nào trong ánh sáng đó, dù đôi khi tôi thấy nó trong một loại ánh sáng khác mà tôi hiểu là ánh sáng sinh động. . . . Trong khi tôi đang thưởng thức vẻ đẹp của ánh sáng này, tất cả những nỗi buồn phiền đau khổ đều tan biến khỏi ký ức của tôi. . . .”

“Tôi biết một vài người, họ quen thuộc với hiện tượng này do kinh nghiệm cá nhân. Ở mức mà tôi có thể hiểu, hiện tượng này dường như có liên quan đến một điều kiện sâu sắc của tâm thức, có cường độ mạnh khi ở cấp trừu tượng, một ý thức ‘đơn lập’ . . . Và như Hildegarde đã nhận xét rất thích đáng, nó nâng lên những lĩnh vực tâm thức có các sự kiện tâm linh thường bị bóng tối che kín. Khi liên quan đến hiện tượng này, sự kiện thực tế về các cảm giác chung trong thân xác tan biến cho thấy rằng năng lượng riêng của chúng đã bị rút ra khỏi chúng, và có vẻ đã được dùng để tăng cường sự sáng tỏ của tâm thức. Thường thì hiện tượng này có tính tự phát, xảy ra và tiếp diễn với chính động lực của nó. Hiệu quả của nó khiến chúng ta ngạc nhiên ở chỗ nó hầu như luôn luôn mang lại giải pháp cho những vấn đề phức tạp trong tâm hồn. Do đó, nó giúp con người ở nội tâm thoát khỏi những vướng mắc trong tình cảm và do tưởng tượng gây ra, để tạo được sự thống nhất trong đời sống, thường được chúng ta cảm nhận như một ‘sự giải thoát’.”²⁵

Những lời này có thể được mọi thiên sư có kinh nghiệm xác nhận không hề do dự. Hiện tượng nói trên rất thường thấy và chứng tỏ rằng có sự tương ứng trong thể chất với sự giác ngộ trí tuệ. Hàng trăm trường hợp có thể được chứng

²⁵ Wilhelm, Richard, và Jung, C. G., *Bí mật của Đóa Hoa vàng*, tr. 104-105.

minh, nếu những người đó chịu nói lên kinh nghiệm của họ. Tuy nhiên, quá nhiều người e ngại nói ra vì những lời nhạo báng và thái độ hoài nghi của người thiếu hiểu biết. Ánh sáng bên trong đầu thường có nhiều dạng khác nhau và thường được phát triển theo trình tự. Trước hết hành giả thấy ánh sáng khuếch tán, đôi khi ở bên ngoài đầu và về sau lại ở bên trong não bộ, khi hành giả đang suy ngẫm sâu xa hoặc tham thiền. Bấy giờ ánh sáng này trở nên tập trung hơn, và một số người nói rằng nó trông giống như ngôi mặt trời sáng ngời và rất chói rạng. Sau đó, ở tâm của vùng ánh sáng có một điểm điện quang màu xanh dương chói lọi xuất hiện (có lẽ đây là “ánh sáng sinh động” mà bà đã nói ở phần trên) và từ đó có một đường sáng màu vàng ánh chiếu ra ngoài. Đường này đôi khi được gọi là “Đường Đạo,” và rất có thể nhà tiên tri không chỉ nói theo lối biểu tượng khi bảo rằng “con đường công chính cứ mãi chói rạng cho đến ngày hoàn hảo.”

172 Dường như ánh sáng bên trong đầu thường kèm theo trạng thái khai ngộ, và rất có thể ánh sáng này là nguồn gốc của vầng hào quang được mô tả là ở quanh đầu của các đạo gia giác ngộ trên thế giới.

Còn phải nghiên cứu nhiều theo đường hướng này, cũng như cần phải vượt qua nhiều e ngại và thành kiến. Thế nhưng, nhiều người đang bắt đầu ghi nhận những kinh nghiệm của mình; họ không phải là những người bị rối loạn nhân cách trong nhân loại, mà trái lại còn là những người đóng vai trò quan trọng và có uy tín trong những ngành hoạt động khác nhau của nhân loại. Có lẽ chẳng bao lâu nữa sự kiện thực tế về sự khai ngộ có thể được công nhận là một tiến trình tự nhiên. Bấy giờ ánh sáng bên trong đầu có thể được xem là dấu hiệu cho thấy một giai đoạn nhất định có sự tương tác giữa linh hồn, tức là con người tinh thần và phàm nhân ở cõi trần. Bấy giờ cuộc tiến hóa của nhân loại sẽ đến trình độ mà

người được giáo dục đào tạo đầy đủ có thể tùy ý sử dụng cả bản năng, trí tuệ và trực giác, và hướng “ánh sáng của linh hồn” vào bất cứ vấn đề nào để giải quyết. Thế là sự toàn tri của linh hồn sẽ được biểu hiện ở cõi trần.

Tôi xin kết thúc chương này bằng những lời do một nhà thần bí Ấn giáo viết ra, và những lời khác của một nhà thần bí Thiên Chúa giáo ngày nay, là điển hình tiêu biểu về hai quan điểm của nhà thần bí và thức giả. Người Ấn giáo nói :

“Họ được gọi là người BàLa Môn chỉ vì họ có ngọn lửa nội tâm đang toả sáng . . . Linh hồn con người là một ngọn đèn không bị bất cứ lớp vỏ nào che án. Ngọn đèn này không phát ra những tia sáng thuộc về thân xác mà là những tia sáng trí tuệ để soi sáng cho toàn nhân loại, và vì thế mà trở thành vận hà cho linh hồn thế giới. Những tia sáng trí tuệ giúp toàn nhân loại phát triển và mở mang trí tuệ. Thế nên, ngọn đèn này là một trong những người BàLa Môn trong Thế giới Vĩnh cửu. Ngọn đèn toả sáng cho thế gian nhưng không nhận lại điều gì từ những quà tặng của thế gian.”

173

Người Thiên Chúa giáo viết :

“Tôi thấy sự sống bừng lên trong Thượng Đế !

Là Đấng Cha Lành đã ban bố cho tôi

Nguồn ân huệ của đời sống trong lửa thiêng của Thiên Chúa

Để con có thể sống vì Ngài.

Cuộc đời bừng cháy ! sự sống toả chiếu trong Ngài,

Qua ngọn lửa của Lễ Hạ trần, yêu thương và chữa trị !

Cuộc đời bừng cháy ! toả sáng tình thương nhân loại

Mãi tuôn tràn từ nguồn bác ái thiêng liêng.

Cuộc đời bừng cháy, xin hiến dâng vào tay Thượng Đế

Để tùy ý Ngài đặt vào bất cứ nơi đâu,

*Để khơi ngọn lửa của Ngài trong tâm người khác
Cho lửa thiêng lan truyền trên khắp nơi.”*

Bấy giờ chúng ta có được bằng chứng về giai đoạn cuối của quá trình tham thiên, được gọi là Cảm hứng tinh thần. Các Đấng Cao cả qua các thời đại đã chứng thực khả năng sống cuộc đời như thế. Các Ngài tự biết mình là những Người Con của Thượng Đế, và các Ngài đã đưa sự hiểu biết đó xuống đến mức nhận thức đầy đủ trong kiếp sống ở cõi trần. Với nguồn cảm hứng cao siêu, các Ngài là những Người tuyên bố về thực tính của chân lý, về sự bất tử của linh hồn, và sự kiện thực tế về Thiên giới. Các Ngài là những ngọn đèn được thắp lên ở nơi tối tăm để soi tỏ con đường trở về Nhà của Đấng Cha Lành.

CHƯƠNG TÁM
TÍNH PHỔ BIẾN CỦA THAM THIỀN

*“Trong tất cả mọi người đều đang khai mở
Một Con Đường, hoặc nhiều Đường Lối khác nhau.
Linh hồn trình độ Cao tiến lên theo Con Đường Cao,
Linh hồn trình độ Thấp lần bước theo Con Đường Thấp;
Khoảng trung gian, sương mù che nhiều cấp,
Có những người đang tiến tới, thối lui.
Với mỗi người đã khai mở sẵn rồi
Một Con Đường Cao và một Con Đường Thấp,
Và bấy giờ mỗi người cần tự quyết
Chọn Con Đường nào cho Linh hồn họ đi theo.”*

JOHN OXENHAM

CHƯƠNG TÁM

TÍNH PHỔ BIẾN CỦA THAM THIÊN

177 CHÚNG TA ĐÃ phác họa phương pháp mà qua đó nhà thần bí có thể trở thành một thức giả với đầy đủ hiểu biết. Chúng ta cũng đã định rõ trình tự phát triển để rút cuộc soi sáng bộ não trong thân xác, và giúp hành giả sống ở cõi trần với nguồn hứng khởi tinh thần. Chúng ta khởi đầu từ một người đã dùng hết những nguồn lực và những thỏa mãn trong đời sống ở cõi trần. Bấy giờ người ấy đi đến một giai đoạn chuyển tiếp rất quan trọng, không thể tránh khỏi, và tìm cách đạt được sự hiểu biết và xác tín. Khi khảo cứu một cách vô tư, y phát hiện ra rằng luôn luôn có những người đã biết, những người đã thấu đến trung tâm bí nhiệm của đời sống, và họ trở lại với lời đoán chắc rằng linh hồn vốn bất tử, và Thiên giới là có thực. Họ cũng nói về phương pháp mà nhờ đó họ linh hội được Chân lý thiêng liêng này, và nói về kỹ thuật giúp họ chuyển từ giới thứ tư (là nhân loại) vào giới thứ năm (là giới tinh thần) trong thiên nhiên.

Chúng ta nhận thấy rằng những người được khai ngộ nói trên, qua các thời đại, đã mang lại bằng chứng cho cùng một chân lý, và khẳng định về phương pháp chung đã giúp họ gặt hái được một số kết quả, có thể kể ra như sau :

178 Thứ nhất : Họ đạt được kinh nghiệm trực tiếp về các thực tại thiêng liêng, về những chân lý siêu việt và thế giới siêu nhiên. Khi tiếp xúc được, họ thấy những điều này là một quá

trình cũng tự nhiên và là một thành phần cũng quan trọng trong cuộc phát triển tiến hóa như bất cứ quá trình nào khác mà các khoa học như sinh học, vật lý hoặc hóa học đã đưa ra bằng chứng. Giống như ba khoa học quan trọng vừa kể vẫn còn bí ẩn và thực tế là không thể đạt được đối với một học sinh tiểu học trình độ trung bình, thì khoa siêu hình học cấp cao cũng còn bí ẩn và thực tế là không thể đạt được đối với ngay cả một viện sĩ hàn lâm còn thiếu sự cởi mở cần có trong trí tuệ, và thiếu việc rèn luyện cùng những trang bị nhất định.

Thứ hai : Một phát triển khác nữa là làm hiển lộ Chân ngã. Qua việc trau dồi trí tuệ và tinh thần nhờ các phương pháp hành thiền cấp cao, hành giả giải quyết được vấn đề của các nhà tâm lý học về bản tính của Chân ngã, của linh hồn, của cái tâm, và có thể truy nguyên từ ngữ này trở về ý nghĩa ban đầu của nó – Chân Tâm, tên gọi của linh hồn. Quá trình này là sự làm hiển lộ dần dần, là sự tiến tới ngày càng gần hơn với linh hồn, rồi chân tâm xuất lộ trong sự sống thực của nó.

Trở lại với vấn đề, chúng ta có thể thấy một yếu tố nội tại, mạnh mẽ, tạo nên sự cố kết của bản chất hình thể. Yếu tố này là phàm nhân đang hành động ở cõi đời vật chất này. Có thể xem yếu tố này là phương diện sự sống, và các học giả đang luôn luôn cố gắng giải quyết vấn đề sự sống, nhằm tìm biết nguồn gốc và nguyên nhân của sự sống. Chúng ta có thể thấy ở sâu bên trong có những xúc cảm, những đau khổ, những trải nghiệm, là phương diện tình cảm của cái Ngã, hoạt động thông qua hệ thần kinh và não bộ, và mạnh mẽ chi phối tất cả các hoạt động trong thế giới với các sự vụ của con người. Phàm ngã cảm nhận niềm vui và nỗi khổ. Nó bận bịu với các tâm trạng và những phản ứng tình cảm trong đời sống, và với đủ loại phiền lo và ham muốn. Đây là cuộc sống phàm nhân thường nhật của hầu hết chúng ta, vì trong giai đoạn phát triển này của nhân

loại chúng ta cảm nhận nhiều hơn là suy nghĩ. Patanjali nêu rõ lý do của vấn đề này như sau:

“Ý thức về phạm tính sở dĩ có là do chủ thể hiểu biết đồng hóa với những phương tiện để hiểu biết. . . . Cần phải tránh cái ảo tưởng cho rằng Chủ thể nhận thức và điều được nhận thức là một và là như nhau, bởi vì đó vốn là nguyên nhân của những hậu quả gây đau khổ.”¹

Ở chỗ khác ông còn nói rằng kinh nghiệm sống và quá trình sống và cảm nhận ở cõi trần bắt nguồn từ việc “linh hồn không thể phân biệt được phạm ngã và tinh thần. Các hình thể bên ngoài tồn tại để cho con người tinh thần sử dụng và thu thập kinh nghiệm. Tham thiền về vấn đề này, hành giả sẽ có nhận thức trực giác về bản tính tinh thần.”²

180 Qua kinh nghiệm quan trọng kể trên cũng như quá trình ham muốn của giác quan và ý thức sau đó, hành giả đã thấu đáo phương diện này trong bản tính của mình, và đi sâu hơn cho đến khi biết được yếu tố thứ ba, là trí tuệ. Hiện nay con người đang ở trình độ khảo cứu này, và các nhà tâm lý học ở khắp nơi đang rất quan tâm xem xét kỹ các quá trình trí tuệ và nghiên cứu các phản ứng trí tuệ, những nguyên nhân và các mục tiêu của chúng. Họ thuộc về nhiều trường phái tư tưởng, có những quan điểm rất trái ngược nhau, thế nhưng nay mọi người đồng công nhận rằng vốn có điều được gọi là trí tuệ, và hiện trí tuệ đang ảnh hưởng đến nhân loại ngày càng mạnh mẽ hơn.

Từ trình độ này chúng ta sẽ đi về đâu ? Qua các thời đại, tâm thức của nhân loại tiến hóa và tiến tới liên tục. Ý thức về thiên nhiên, về thế giới trong đó chúng ta đang sống cũng đã

¹ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, tr. 115, 116.

² Như trên, tr. 239.

tăng trưởng liên tục, và có sự thấu hiểu ngày càng gia tăng về cái Toàn thể, cho đến nay khi toàn thể giới được đan kết với nhau qua đài phát thanh, điện tín và đài truyền hình. . . Con người có khả năng hiện diện ở khắp nơi, và trí tuệ là yếu tố chính trong việc mang lại điều rõ ràng là phép lạ này. Chúng ta đã đến mức hiểu được các định luật quản trị thế giới thiên nhiên, và một số định luật chi phối các cấp tâm linh. Những định luật gọi là thuộc về lĩnh vực tinh thần vẫn còn cần được khám phá và vận dụng một cách khoa học. Một số ít người đã biết được các định luật đó và trình bày cho nhân loại hiểu, thế nhưng chúng chỉ được những bậc tiến hóa tinh thần tiên phong của nhân loại vận dụng. Trong số các vị này, chúng ta đã biết một số ít các Thức giả lỗi lạc như Đức Phật, Đức Christ, Plato, Aristotle, Pythagoras, Meister Eckhart, Jacob Boehme, Spinoza – và danh sách này rất dài. Giờ đây là câu hỏi đi thẳng vào vấn đề : Khả dĩ có hay chăng việc hiện nay hàng trăm ngàn người đang đạt đến trình độ có thể điều hợp được não bộ, trí tuệ và linh hồn, và nhờ thế mà vượt qua cánh cửa ý thức trí tuệ để bước vào lĩnh vực của ánh sáng, nhận thức trực giác và thế giới của các nguyên nhân ? Theo lập trường của thế giới trí tuệ mà

181 nay chúng ta đã thâm nhập, để lại sau lưng những lớp màn của thân xác và bản tính tâm thông, nay có thể hay chăng chúng ta tiếp tục đi tới chặng phát triển kế tiếp trên đường tiến hóa ? Đã hiểu được phần nào bản tính của nhân loại và trí tuệ, chúng ta có thể bắt đầu hay chăng để nhận thức được bản tính của trực giác và hoạt động trong một giới khác của thiên nhiên với sự nhận thức và dễ dàng như chúng ta đang hoạt động trong thế giới loài người ? Các Thức giả đều nói rằng chúng ta có thể, và chỉ rõ con đường.

Thứ ba : Theo lối nói của một số những người tiên phong tiến vào lĩnh vực tinh thần, kết quả thứ ba của tham thiền là chúng ta tìm thấy Thượng Đế. Mỗi người dùng danh hiệu

ngắn ngủi này với ý nghĩa chi tiết như thế nào, đó là điều tương đối không quan trọng. Danh hiệu này chẳng qua chỉ là một biểu tượng của Thực tại. Mọi tôn giáo trên thế giới đều thừa nhận một Sự Sống, và một Nguyên nhân đã đưa muôn loài vạn vật đi vào biểu hiện. Mọi con người đều ý thức được bên trong chính mình những sự phấn đấu âm thầm (trở nên mãnh liệt hơn khi trí tuệ phát triển) để biết, để hiểu và để giải đáp những câu hỏi Tại sao và Vì lý do gì. Phần đông mọi người, dù tin theo khoa thần học thế nào, khi đứng trước cánh cửa của sự chết, đều khẳng định niềm tin vào Đấng Từ phụ của Chúng sinh và chấp nhận những hàm nghĩa về vai trò của Đấng Cha Lành. Chúng ta hãy xem Thượng Đế như là “Mục đích Cao cả mà chúng ta còn chưa biết được” có thể được công nhận là tổng thể của tất cả hình hài sắc tướng đang biểu lộ Sự Sống, của toàn bộ các trạng thái tâm thức, và cũng là chính Sự Sống. Chúng ta hãy xem Thượng Đế là Đấng mà chúng ta sống, vận chuyển và hiện tồn trong Ngài. Ngài đang hoạt động thông qua mọi hình thể trong thiên nhiên (gồm cả hình hài con người), là Kế hoạch bao hàm và tổng hợp của chính Ngài. Các Thức giả cho chúng ta biết rằng 182 khi các vị đi đến đích theo phương pháp của một Con Đường, đi theo Con Đường đó và đã bước vào một trạng thái mới của đời sống, thì bấy giờ các vị được hé lộ cho thấy Chủ đích và Kế hoạch Thiên liêng. Các vị có thể tích cực tham gia vào Kế hoạch đó, và trở thành những phụng sự viên hữu thức và thông minh đứng về phía Cơ tiến hóa. Các vị biết được những gì đang xảy ra, vì đã thấy được Thiên Cơ trong chi tiết.

Thứ tư : Theo tất cả các trường phái của những nhà thần bí trong cả hai bán cầu, các kết quả kể trên được tổng kết bằng những lời : Hợp nhất với Thượng Đế, Đồng nhất với Bản tính Thiên liêng. Thượng Đế và con người là một. Cái Ngã và Phi Ngã hợp nhất. Tauler phát biểu điều đó như sau :

“Trong sự hợp nhất này . . . hành giả không đạt đến Thượng Đế qua những hình ảnh hay trầm tư, hoặc qua nỗ lực cao của trí tuệ, hoặc qua thị hiếu hay ánh sáng. Nhưng điều đó đích thực là Chính Y mà y nhận được khi hướng vào nội tâm, theo cách hoàn toàn vượt cao hơn mọi sự cứu chuộc, mọi ánh sáng của các tạo vật, mọi sự suy lý, mọi hạn độ, và cả trí thông minh.”³

Mọi yếu tố khác ở dưới thực tại tinh thần đều chỉ là những con đường đi đến trung tâm, và phải được hoàn toàn thay thế trong trạng thái chiêm ngưỡng hay nhập định, khi hành giả vượt ra khỏi ý thức về hình thể, sắc tướng và biết được thực tại tinh thần, hay là linh hồn. Là một thành phần hữu thức, bất khả phân ly của Đại hồn Vũ trụ (dù điều này có vẻ nghịch lý về mặt ngôn từ), linh hồn hoàn toàn không có ý thức chia rẽ. Thế nên, hợp nhất với Thượng Đế là nhận thức được một sự kiện thực tế luôn luôn có sẵn trong thiên nhiên. Linh hồn hữu thức biết mình là một với Thượng Đế. Khi thấu đáo được ý tưởng này, và hiểu được vai trò của quá trình trí tuệ, chúng ta thấy rõ hơn ý nghĩa những lời sau đây của Thánh Paul : “Hãy để cho trí bạn thấu hiểu như Đức Jesus Christ đã thấu hiểu rằng vì Ngài là một hình thể của Thiên Chúa nên Ngài thấy không cần phải cướp đoạt điều gì để trở nên ngang hàng với Thiên Chúa.”

Kết quả của sự hợp nhất đã được nhận thức như trên (nhận thức được trong trạng thái chiêm ngưỡng hay nhập định) là trí tuệ và não bộ được khai ngộ, với điều kiện cả hai đều đã được giữ vững trong tình trạng chờ đợi tích cực. Khi sự khai ngộ đã trở nên thường xuyên, và cuối cùng khi hành giả có thể thực hiện sự khai ngộ này bất cứ lúc nào tùy ý, thì rốt cuộc trọn cả đời sống của y thấm nhuần nguồn cảm hứng bất tận.

³ Trích dẫn của Poulain, R. P., S. J., *Ân huệ của sự Cầu nguyện ở Nội tâm*, tr. 80.

Nếu những người nam hoặc nữ trí tuệ thông minh có thể thấu đáo được các giai đoạn kể trên và sẵn lòng theo đúng kỹ thuật đã được phác họa, thì nhiều người trong họ có thể biểu dương được khoa học thiêng liêng này. Bấy giờ sẽ đúng như những lời đã ghi trong quyển sách của tôi, *Linh hồn và Các Thể*, rằng “sẽ có một chủng tộc mới, với những khả năng mới, những lý tưởng mới, khái niệm mới về Thượng Đế và vật chất, về sự sống và Tinh thần. Qua chủng tộc này và qua nhân loại của tương lai, người ta sẽ thấy không chỉ có hạ thể hay cơ thể, mà còn thấy linh hồn, một thực thể đang sử dụng hạ thể để biểu lộ bản tính của chính mình, là tình thương, minh triết và thông tuệ.”⁴

Điều thú vị cần ghi nhận ở đây là sự đồng nhất trong giáo huấn của tất cả các tôn giáo và các chủng tộc về kỹ thuật đi vào cõi giới của linh hồn. Đến một trình độ nhất định trên 184 đường tiến hóa, dường như tất cả mọi lối đều dẫn đến cùng một nơi, và tất cả những người hành hương đều đi đến cùng một vị trí trên Đường Đạo. Kể từ điểm tụ hội này, họ đi cùng một đường, vận dụng cùng những phương pháp, và sử dụng những lời lẽ giống nhau đến kỳ lạ. Rõ ràng là nay đã đến lúc chúng ta cần nhận thức thấu đáo điều nói trên khi ghi nhận sự nghiên cứu sâu rộng về tôn giáo đối chiếu, và sự tương tác giữa các giống dân. Hai yếu tố này đang liên tục phá đổ những rào cản cũ kỹ, và biểu dương tính duy nhất của linh hồn con người.

Nói chung, hầu như ở đâu Con Đường này cũng được chia thành ba giai đoạn chính, mà chúng ta có thể thấy, ví dụ như, trong ba tôn giáo lớn là các tín ngưỡng Thiên Chúa giáo, Phật giáo, và Ấn giáo. Trong giáo hội Thiên Chúa, người ta nói đến Con Đường Dự bị, Con Đường Thánh thiện, và Con Đường Khai ngộ. Ts. Evans-Wentz ở Oxford, trong phần giới thiệu

⁴ Bailey, Alice A., *Linh hồn và Các Thể*, tr. 130.

của ông cho quyển sách *Milarepa, Nhà Yogi Cao cả của Tây Tạng*, có trích lời một huấn sư Ấn giáo như sau :

*“Theo ý tôi, ba trường phái chính của Tây Tạng đánh dấu ba giai đoạn trên Con Đường Giác ngộ hay tiến bộ tinh thần. Trong trường thứ nhất, người sùng tín phải theo những huấn thị và những điều ngăn cấm . . . tức là ‘bị ràng buộc theo những qui định’. Trong trường thứ hai, y đi theo nhưng lễ lối truyền thống . . . trong đó những sự hạn chế thông thường được phân nào nói lỏng, dù người chí nguyện vẫn chưa được hoàn toàn tự do. Trong trường thứ ba, gọi là *ÂdiYoga*, khi qua thực hành yoga hành giả đã thấy được Ánh sáng thì không còn bất cứ hạn chế nào, vì y đã đạt đến trạng thái của Phật . . . Nói khái quát thì ba giai đoạn này tương ứng với những điều mà kinh *Tantras* muốn nói khi đề cập đến . . . Trạng thái của NgườiThú . . . Trạng thái của Người hùng, và Trạng thái của Bậc đã trở nên *Thiênng liêng* hay Giác ngộ.”⁵*

Phương pháp của Phật giáo Tây Tạng

Khi nghiên cứu cuộc đời của Milarepa, vị Thánh của Tây Tạng, sống vào thế kỷ thứ mười một và mười hai sau Công nguyên, chúng ta thấy rằng ông được khẳng định là đã đạt đến sự hợp nhất qua phương pháp nghiêm trì giới luật, hành thiền, và cuối cùng đạt được sự Giác ngộ, như những lời sau đây :

“Ngài là bậc, sau khi thấu đáo được các khoa thần bí và huyền bí, đã tự thông đạt . . . liên tục đến bốn trạng thái chỉ phúc của sự hợp nhất xuất thân. . . .

“Ngài là bậc, sau khi đạt được sự toàn tri, với thiện chí

⁵ Evans-Wentz, W. Y., *Milarepa, Nhà Yogi Cao cả của Tây Tạng*, tr. 5.

thấm nhuần tất cả và tình thương bừng cháy, cùng với việc hoạch đức những quyền năng và đạo hạnh siêu việt, đã thành Phật do cố gắng tự phát triển, đến đỉnh cao chói vót, vượt lên trên tất cả những ý kiến mâu thuẫn và tranh cãi của các môn phái và giáo phái khác nhau. . . .

“Ngài hết sức chuyên cần và kiên trì tham thiền trên Đường Đạo Vô thượng. . . . Khi đã có đầy đủ năng lực vận dụng các trạng thái trí tuệ và những quan năng bên trong, Ngài chế ngự được những mối hiểm nguy gây ra do các yếu tố bên ngoài. . . .

“Ngài thực hành hoàn hảo bốn giai đoạn của tham thiền (phân tích, quán tưởng, sùng kính, chân phúc. Đây là bốn trạng thái tăng tiến của trí tuệ, đưa đến sự định trí hoàn toàn, tạo nên trạng thái xuất thân khai ngộ). . . .

*“Ngài là vị thầy uyên bác nhất trong Khoa học về Trí tuệ, và đã chứng tỏ rằng hiển nhiên Trí tuệ là cái Khởi đầu và Kết thúc của toàn bộ các hiện tượng hữu hình, cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Ngài biết rằng những Tia sáng của trí tuệ khi được chiếu rọi vô ngại sẽ tự phát triển qua năng lực tự do cố
186 hữu của chúng thành ba trạng thái biểu hiện của Nguồn Sống Thiêng liêng Đại đồng.”⁶*

Thế là chúng ta cũng có cùng một qui trình – hoạt động trí tuệ, chiêm ngưỡng hay nhập định, hợp nhất và khai ngộ.

Phương pháp của Phật giáo Trung Hoa

Một trong những điều chính yếu đẩy nhanh quá trình giác ngộ là hiểu phương cách mà Đức Phật đã tìm được Ánh sáng. Điều này cho thấy hết sức rõ nét việc sử dụng trí tuệ để giải tán vô minh, và sau đó trí tuệ không còn đủ khả năng

⁶ Evans-Wentz, W. Y., *Millarepa*, Nhà Yogi Cao cả của Tây Tạng, tr. 32, 33, 35, 38.

đưa hành giả đi vào thế giới Ánh sáng và sự sống tinh thần. Ts. Suzuki, Giáo sư Thiên học tại Trường Cao đẳng Phật học Kyoto, cho chúng ta biết điều đó trong những đoạn văn có sức khai ngộ mạnh mẽ sau đây. Ông nói rằng chính qua “sự toàn giác tối thượng” mà Đức Phật đã đạt đến minh triết, giúp Ngài tiến lên từ trình độ Bồ-tát trở thành một vị Phật. Sự hiểu biết này là

“... khả năng cả về trí tuệ và tinh thần, được linh hồn vận dụng để vượt qua những trở ngại của hoạt động trí tuệ. Hoạt động này bao giờ cũng có tính nhị nguyên vì nó còn ý thức về chủ thể và khách thể. Tuy nhiên, trong Bát[đ]h[ư]a vốn được thực hiện ‘kết hợp với cái[thấy]chỉ[trong]một[niệm]’, không hề có sự phân cách giữa người biết và điều được hiểu biết, mà cả hai đều được nhìn thấy trong một niệm duy nhất, và giác ngộ là kết quả của cái thấy này. . . .

“Thế nên, chúng ta có thể thấy rằng giác ngộ là một trạng thái tuyệt đối của trí tuệ trong đó không hề có sự ‘phân biệt’ . . . , và cần có nỗ lực trí tuệ rất lớn để nhận thức được trạng thái
 187 *nhìn mọi sự ‘trong chỉ một niệm’ như đã nói trên. Thực ra, cái ý thức luận lý và thực tiễn của chúng ta đang quá bận bịu với việc phân tích và tạo ra các ý niệm. Nói cách khác, chúng ta chia cắt thực tại thành những phần tử để mong hiểu được. Thế nhưng, khi các phần tử được gom lại với nhau để hợp thành cái toàn thể ban đầu, thì các phần tử trở nên quá rõ nét khiến ta không thấy được cái toàn thể ‘trong một niệm’. Và hành giả chỉ được giác ngộ khi đạt đến ‘một niệm’, một cố gắng cần có để vượt cao hơn cái ý thức tương đối và thực nghiệm thông thường.*
. . . Thế nên, sự kiện thực tế rất quan trọng ẩn trong cái kinh nghiệm Giác ngộ là Đức Phật đã cố gắng rất nhiều để giải quyết vấn đề Vô minh, và sử dụng năng lực ý chí mạnh mẽ của Ngài để sự phấn đấu này thành công. . . . Vì thế,

muốn đạt sự giác ngộ hành giả phải vận dụng ý chí cũng như trí tuệ. Đây là một tác động của trực giác do ý chí phát sinh. . . . Đức Phật đạt được mục tiêu này khi ánh sáng thấu ngộ mới mở đến với Ngài sau bao lần Ngài suy đi ngẫm lại từ sự hư hoại và sự chết đến Vô minh, và từ Vô minh đến hư hoại và sự chết.

. . . . Thế nhưng, ý chí của Ngài rất kiên cường, không hề khuất phục. Ngài muốn dùng nỗ lực cao tột của ý chí để đạt đến chính sự thực của vấn đề. Ngài gõ cửa và tiếp tục gõ cửa cho đến khi những cánh cửa Vô minh phải bật mở, nhường chỗ cho một viễn cảnh mới mẻ mà tâm nhìn trí tuệ của Ngài trước đó chưa hề đạt đến.”⁷

Ở phần trước, ông có nói rằng xét cho cùng việc đạt đến Niết-bàn cốt yếu là nhận thức và khẳng định được Nhất nguyên. Trong bộ luận này ông còn viết :

“Cuối cùng, họ (những người Phật tử) thấy ra rằng Giác ngộ không phải là điều chỉ riêng thuộc về Đức Phật, mà mỗi người trong chúng ta đều có thể đạt được sự giác ngộ nếu người đó loại trừ vô minh bằng cách từ bỏ nhận thức nhị nguyên của mình về cuộc sống và thế giới. Họ cũng kết luận rằng Niết-bàn không phải là tan biến vào một trạng thái tuyệt đối không hiện 188 hữu, vì điều này không thể có khi chúng ta kể đến những sự kiện thực tế trong đời sống. Họ cũng nhận thấy rằng Niết-bàn trong ý nghĩa rất ráo chính là một sự khẳng định – một sự khẳng định vượt cao hơn mọi điều mâu thuẫn và đối cực.”⁸

Thuật ngữ Bát-nhã được sử dụng ở phần trên là một từ rất thú vị. Nó có nghĩa là một khả năng sẵn có trong mỗi người. . . .

⁷ Suzuki, Daisetz Taitaro, *Thiền luận*, tr. 113-115.

⁸ Suzuki, Daisetz Taitaro, *Thiền luận*, tr. 47.

Đây là nguyên khí giúp hành giả có thể đạt được sự Giác ngộ, có trong chúng ta cũng như có trong Đức Phật. Nếu thiếu Bát-nhã sẽ không thể có giác ngộ, vì đây là năng lực tinh thần cao nhất mà chúng ta có được. Hoạt động trí tuệ . . . chỉ có tính cách tương đối. . . . Trước khi đạt được Giác ngộ Đức Phật đã là một thường nhân trong vòng sinh tử, và chúng ta, dù hiện là thường nhân trong vòng sinh tử, sẽ thành Phật khi tầm mắt trí tuệ của chúng ta mở ra trong sự Giác ngộ.”⁹

Thế nên, trí tuệ được tập trung và sử dụng hết khả năng của nó, và sau đó hoạt động của trí tuệ ngưng lại. Kế đến là ý chí được sử dụng để giữ cho trí tuệ trụ vững trong ánh sáng, và sau đó — hành giả có được Tầm nhìn tinh thần, Sự Khai ngộ, và Giác ngộ !

Phương pháp của Yoga Ấn giáo

Có lẽ, người Ấn giáo đã phân tích quá trình trí tuệ tiến đến Thực tại, và phần việc mà trí tuệ cần thực hiện, một cách rõ ràng hơn bất cứ nhóm tư tưởng gia nào khác. Shankarâchârya nói :

189 *“Với trí tuệ hoàn hảo, nhà Yogi thấy vạn hữu ở bên trong chính mình (trong ‘Chân ngã’ của chính y, mà không phân biệt giữa cái bên ngoài và cái bên trong). Thế là, nhờ con mắt Hiểu biết (Jđâna-Chaksus, nhóm từ này có thể được chuyển dịch khá chính xác là ‘tuệ giác’), y nhận thức (hay đúng hơn là tri thức, không qua suy lý hay biện luận, mà bằng ý thức trực tiếp và ‘đồng ý chấp nhận’ ngay) rằng mọi sự vật đều là biểu lộ của Âtmâ, tức là Tinh thần Đại đồng hay Linh hồn Tối cao.”*¹⁰

Nhà Yogi, hay là người đã đạt được sự hợp nhất (vì Yoga

⁹ Như trên, tr. 52, 53.

¹⁰ Trích dẫn của Guénon, René, trong *Con người và Mục tiêu Thành đạt*, tr. 254.

là khoa học hợp nhất) thực sự biết được chân tính của chính mình. Khi vô minh nhường chỗ cho ý thức siêu việt, y thấy mình đồng nhất với Brahma, là Nguyên nhân Vĩnh cửu, Đấng Duy nhất và là Đấng Độc nhất. Không còn nghi ngờ gì nữa, y tự biết mình chính là Thượng Đế – Thượng Đế hằng hữu trong tâm chúng sinh và Thượng Đế siêu việt của vũ trụ. Bậc tri kiến được điều này còn cho biết thêm rằng

“Y là ‘Brahma’ Tối cao, vốn vĩnh cửu, thuần khiết, độc nhất (trong sự hoàn thiện tuyệt đối của Ngài), mãi mãi chứa chan Ân phúc, không còn dính mắc vào nhị nguyên, là Nguyên lý (không bị chi phối) của toàn cuộc sống biểu hiện, hiểu biết (không có sự Hiểu biết này tức là có sự phân biệt giữa chủ thể và khách thể, hàm ý trái lại với ‘tính phi nhị nguyên’), và vô chung’.

“Y là Brahma, nhờ đó mà muôn loài được soi sáng (và thụ hưởng tinh hoa của Brahma tùy theo mức biểu lộ thực tính của mỗi loài), là Ánh sáng khiến cho mặt trời chói rạng và tất cả các thiên thể phát quang, nhưng không biểu hiện qua ánh sáng của chúng.

“Khi được khai ngộ qua tham thiền . . . ‘Cái Ngã’ bùng cháy với lửa Tri thức (nhận biết được rằng trong tinh túy nó vốn đồng nhất với Ánh sáng Tối cao), thoát ly mọi khổ nạn, . . . và tỏa chiếu trong sự huy hoàng của chính mình như vàng được tinh luyện trong lửa.

“Khi Ngôi Mặt trời Tri thức Tinh thần lên cao trong bầu trời của tâm hồn (tức là ở trung tâm của sự sống . . .), nó xua tan bóng tối (vô minh đang che án Thực tại tuyệt đối duy nhất), thấm nhuần tất cả, bao trùm tất cả và soi sáng tất cả.”¹¹

¹¹ Guénon, René, *Con người và Mục tiêu Thành đạt*, tr. 256, 258, 259, 260.

Linh mục Maréchal nói

“ . . . kinh nghiệm tâm lý mà hành giả có được trong khi chiêm ngưỡng qua hai giai đoạn trí tuệ tập trung và vô thức, như M. Oltramare mô tả theo tác phẩm Sarvadarsanasangraha : ‘Chính trong hai giai đoạn liên tiếp này nhà Yogi tiến tới bằng cách dự kiến điều cơ bản của những kiếp sống tới và xóa mờ những ấn tượng qui định kiếp sống này. Thứ nhất là giai đoạn hữu thức . . . ; bấy giờ tư tưởng hoàn toàn chuyên chú vào đối tượng thích hợp với nó, và toàn bộ các biến đổi của nguyên khí tư duy đều bị tạm ngưng nếu chúng còn phụ thuộc vào các ngoại vật. Thành quả đạt được theo hình thức này thì hoặc là hữu hình “ không còn đau khổ “ hoặc là vô hình “ tức là sự trực nhận được Sự Sống Thiên thiêng vốn là mục tiêu của tham thiền. . . . Giai đoạn thứ nhì của Yoga là giai đoạn vô thức . . . cơ quan tư duy được hòa nhập vào nguồn cội . . . cảm thức về phàm tính không còn ; chủ thể (hành giả đang tham thiền), đối tượng mà tư tưởng của y trụ vào, và chính hành động tham thiền, đều hòa hợp làm một. . . .”¹²

Patanjali, vị huấn sư cao cả nhất của khoa Yoga trên thế giới, đã tóm lược các giai đoạn cuối này trong Tập sách thứ tư của ông bằng những lời sau đây :

“Trạng thái hợp nhất đơn lập (nhập vào thực tính của Chân ngã) là phần thưởng cho người hành giả có thể phân biệt được giữa trí tuệ chất và Chân ngã, hay là con người tinh thần.

“Hành giả chỉ có thể đạt được trạng thái hợp nhất đơn lập khi ba đặc tính của vật chất (là ba guna hay là ba mãnh lực của thiên nhiên) không còn chi phối Chân ngã. Bấy giờ tâm thức tinh thần thuần khiết nhập vào Đấng Duy nhất.

¹² Maréchal, Joseph, S.J., Nghiên cứu Tâm lý Nhà Thần bí, tr. 312, 313.

“Khi trở nên độc lập và không còn bị ràng buộc bởi các đối tượng, sự thông tuệ tinh thần tự phản ánh trong trí tuệ chất, và ý thức được Chân ngã Bảy giờ trí tuệ . . . ngày càng được khai ngộ nhiều hơn . . .”¹³

Ở đây chúng ta cũng có cùng ý tưởng. Sử dụng trí tuệ, cuối cùng vượt ra khỏi ý thức của trí tuệ, và nhận thức được sự hợp nhất. Nhận thức này dẫn đến sự khai ngộ liên tục.

Phương pháp của Giáo phái Sufi

Các tác phẩm của người Sufi phần lớn được bao phủ trong lớp màn những hình tượng và các biểu tượng, và có lẽ mang cảm thức nhị nguyên mạnh mẽ hơn là hệ thống nội môn của bất cứ tôn giáo nào khác, ngoại trừ các tác phẩm thần bí Thiên Chúa giáo. Dù vậy, những tác phẩm này vẫn phát biểu cùng chính chân lý và phương pháp cơ bản nói trên. Những trích dẫn sau đây từ quyển Luận giải cổ xưa nhất của người Ba-tư về giáo lý Sufi sẽ cho thấy điều đó. Điều thú vị là những tác phẩm này đã tồn tại rất lâu đời, tỏ ra hết sức hữu ích, và do các Thúc giả biên soạn. Các vị có thể liên hệ kinh nghiệm của mình về thiên tính theo cách có thể đem ra giảng dạy, khái quát hoá, vừa tuyên bố và khẳng định.

“Bước đầu để tiến đến hợp nhất là loại trừ tính chia rẽ, bởi vì chia rẽ tức là tuyên bố rằng chúng ta đã tách biệt với những gì bất toàn, trong khi đó hợp nhất là nói lên tính duy nhất trong sự vật. . . . Vì thế, bước đầu để hợp nhất là phủ nhận việc Thượng Đế có phần đối ứng, và loại bỏ việc phối hợp giữa cả hai bên. . . .

¹³ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, IV., 25, 34, 22.

192 “Có năm nguyên tắc để đi đến hợp nhất : loại trừ bản tính hiện tượng, khẳng định sự vĩnh cửu, từ bỏ những điều chúng ta thường bị ám ảnh, giã từ các huynh đệ của mình, và quên đi những điều đã biết và chưa biết.

“Loại trừ bản tính hiện tượng tức là phủ nhận việc hiện tượng có liên quan gì đến sự hợp nhất với Thượng Đế, hoặc chúng có khả năng nào đạt đến tinh hoa thánh khiết của Ngài. Khẳng định sự vĩnh cửu có nghĩa là tin chắc rằng Thượng Đế luôn luôn hiện hữu. Từ bỏ những điều chúng ta thường bị ám ảnh, với người sơ cơ, có nghĩa là từ bỏ những thú vui quen thuộc của phàm ngã và những hình thể sắc tướng trong cõi đời này, và đối với người đã tiến hoá cao có nghĩa là từ bỏ những địa vị cao trọng, những trạng thái vinh quang và những phép lạ siêu phàm. Giã từ các huynh đệ của mình có nghĩa là giã từ xã hội loài người và hướng về Thiên giới. Lý do là vì bất cứ tư tưởng nào ngoài Thượng Đế đều chỉ là một lớp màn che và là một sự bất toàn, và khi tư tưởng của con người càng gắn chặt vào những gì khác Thượng Đế thì họ càng bị che án và không thể thấy được Thượng Đế. Nói chung, hợp nhất là tập trung tư tưởng vào Thượng Đế, trong khi hài lòng với những gì khác Thượng Đế là một dấu hiệu cho thấy tư tưởng bị phân tán. . . .”¹⁴

Chúng ta cũng có những lời sau đây :

“Một trong những Huấn sư Sufi nói : ‘Có bốn điều cần cho người cầu nguyện : loại trừ phàm tính, từ bỏ những quyền năng tự nhiên, thanh khiết ở nơi sâu thẳm của tâm hồn, và chuyên tâm chiêm ngưỡng.’ Việc loại trừ phàm tính chỉ đạt được nhờ tập trung tư tưởng ; hành giả từ bỏ những quyền

¹⁴ Nicholson, Reynold A., *Kashf Al-Majúb*, tr.281,282.

năng tự nhiên thông thường chỉ bằng cách khẳng định Đấng Thượng Đế Thiên liêng, gồm cả việc loại bỏ tất cả những gì không phải là Thượng Đế ; sự thanh khiết ở nơi sâu thẳm của tâm hồn chỉ có được nhờ tình thương ; và hành giả chỉ có thể chuyên tâm chiêm ngưỡng trong sự thanh khiết ở nơi sâu thẳm của tâm hồn.”¹⁵

Những lời này cũng nói lên cùng chân lý như trên.

193 *Phương pháp của Thiên Chúa giáo*

Tất nhiên là rất dễ tìm thấy nhiều đoạn văn nói kết con đường của người Thúc giả trong Thiên Chúa giáo với con đường của các huynh đệ của người này ở Đông phương. Những đoạn văn kể trên mang bằng chứng cho thấy rằng các phương pháp đều cùng có hiệu quả như nhau, và cùng sử dụng khả năng trí tuệ đến mức tối đa. Sau đó, hành giả tạm ngưng toàn bộ cố gắng này trong khi một điều kiện sinh hoạt mới được phát khởi, và xảy ra một trạng thái ý thức mới. Thánh Augustine nói : “Giống như những gì không thể tả khi người Con thoát thai từ trong lòng của Đấng Cha Lành ở bước đầu nhập thế, cũng có một điều gì đó huyền bí ẩn trong bước đầu nhập thế, trí tuệ và ý chí.” Meister Eckhart tự nhiên kết hợp với các Thúc giả Đông phương trong những lời sau :

“Trí tuệ là năng lực cao nhất của linh hồn, nhờ đó mà linh hồn thấu hiểu được sự lành thiện thiên liêng. Ý chí tự do là năng lực thường thức được sự lành thiện thiên liêng mà linh hồn hiểu được qua trí tuệ. Tia sáng linh hồn là phản ánh nguồn linh quang của Thượng Đế, bao giờ cũng ngưỡng

¹⁵ Như trên, tr. 302, 303.

vọng về với Thượng Đế. Có thể nói sự bí ẩn của trí tuệ là toàn bộ những điều lành thiện thiêng liêng và các năng khiếu thiêng liêng ẩn chứa trong tinh hoa sâu kín nhất của linh hồn, như một nguồn suối bất tận của sự lành thiện thiêng liêng.

“Những quyền năng thấp của linh hồn cần tuân theo mệnh lệnh của các quyền năng cao, và những quyền năng cao của linh hồn cần tuân phục Thượng Đế. Các giác quan bên ngoài của linh hồn cần tuân lệnh các nội giác quan, và những nội giác quan của linh hồn tuân theo lý trí. Tư tưởng tuân theo trực giác, và trực giác cùng tất cả đều hướng về sự hợp nhất. Bây giờ linh hồn có thể tự đứng vững, không nhận bất cứ điều gì ngoài nguồn sống thiêng liêng toàn vẹn, đang tuôn đổ vào trong chính nó.

“Khi trí tuệ của hành giả không tiếp xúc với bất cứ điều gì, thì chùng đó và chỉ chùng đó nó mới giao tiếp được với Thượng Đế.

“Trong nguồn ân huệ đang lưu nhập lập tức phát sinh ánh sáng của trí tuệ mà Thượng Đế gửi vào đó một tia sáng huy hoàng của Ngài, không hề bị che án. Trong ánh sáng mãnh liệt này, người đang trong vòng sinh tử có thể vượt cao hơn đồng bào của mình, như một người còn sống vốn cao 194
trọng hơn cái bóng của y trên tường.

“Khi đã giao tiếp với linh hồn, hành giả vượt cao hơn phương thức dùng những tình cảm thánh thiện và được trí năng hướng dẫn, thấu đến nguồn cội phát xuất của linh hồn. Ở giai đoạn này, chính trí tuệ cũng bị bỏ bên ngoài cùng với tất cả những sự vật được nó gắn cho tên gọi. Bây giờ, linh hồn hoà nhập vào trạng thái đơn nhất thuần khiết.”¹⁶

Thế là các trường phái lớn của tham thiền trí tuệ (ở các giai đoạn cuối không còn xúc cảm và tình cảm) tất cả đều đưa đến

¹⁶ Pfeiffer, Franz, *Meister Eckhart*, tr. 338, 144, 66, 101.

cùng một điểm. Theo quan điểm của Phật giáo, của Ấn giáo, của giáo phái Sufi, và của Thiên Chúa giáo, họ có cùng mục tiêu cơ bản : Hợp nhất với Bản tính Thiên liêng. Tất cả đều cùng vượt lên khỏi các giác quan, cùng tập trung trí tuệ ở mức cao nhất của nó, cùng thấy rõ ràng qua khỏi mức đó trí tuệ không còn đủ khả năng tiếp tục đưa hành giả tiến đến mục tiêu. Họ cùng đi vào trạng thái nhập định hay là chiêm ngưỡng Thực tại, cùng đồng hoá với Thiên tính, ý thức sự đồng nhất với Thượng Đế (hay Chân như Phật tính), và sau đó là cùng đạt được sự Giác ngộ.

Toàn bộ ý thức chia rẽ đã tan biến. Sự Hợp nhất với Vũ trụ, nhận thức được Sự Đồng nhất với Toàn thể, ý thức đầy đủ về Chân ngã, và đồng hoá trong tâm thức hoàn toàn tỉnh táo với cả sự sống ở nội tâm và Thiên nhiên ở bên ngoài – đây là mục tiêu xác định của người tìm kiếm sự hiểu biết.

Hành giả biết rằng cái ngã, cái phi-ngã, và mối quan hệ giữa cả hai, là một sự kiện thực tế, không phân biệt. Ý nhận thức rằng Thượng Đế - Đức Chúa Cha, Thượng Đế - Đức Chúa Con và Thượng Đế - Đức Chúa Thánh thần đang cùng hoạt động hài hoà như một Đấng duy nhất. Ba Ngôi trong một Đấng và một Đấng có Ba Ngôi. Đây là mục tiêu của tất cả các trường phái trong đó nhà thần bí vượt lên khỏi xúc cảm, và thậm chí vượt lên khỏi tư tưởng ở mức rốt ráo và trở nên hợp nhất với TẤT CẢ. Tuy nhiên, cá tính vẫn tồn tại trong tâm thức, nhưng được đồng nhất với cái toàn thể đến mức trọn cả ý thức chia rẽ đều tan biến. Không điều gì còn lại ngoài Sự Hợp nhất mà hành giả nhận thức được.

CHƯƠNG CHÍN

THỰC HÀNH THAM THIÊN

“Giáo lý trong Sách này không dành cho tất cả mọi Người, mà chỉ riêng cho những ai đã hoàn toàn khuất phục được các Giác quan và Dục vọng của mình, những ai đã có nhiều tiến bộ trong Cầu nguyện, và những ai được Thượng Đế kêu gọi đi theo Con đường Nội tâm. Trên Đường này, họ được Ngài khuyến khích và hướng dẫn, giúp họ vượt qua các chướng ngại cản ngăn bước tiến đến sự Chiêm ngưỡng hoàn hảo và Nhập định hoàn toàn.”

MICHAEL DE MOLINOS,
Sự Hướng dẫn Tinh thần

CHƯƠNG CHÍN

THỰC HÀNH THAM THIỀN

199 CHO ĐẾN mức này cuộc bàn thảo của chúng ta vẫn còn mang tính cách lý thuyết và đối chiếu, biện luận và nêu lên các chi tiết của vấn đề. Chúng ta vạch ra con Đường mà nhiều người đã dần bước và đã xem xét con Đường đưa đến sự Giác ngộ. Giờ đây, chúng ta cần hiểu được phương pháp thực hành nào mà mỗi người có thể áp dụng. Nếu không, mục tiêu nghiên cứu về tham thiền sẽ chẳng đi đến đâu, và chúng ta chỉ làm tăng thêm gánh nặng kiến thức mà không có được tiến bộ thực sự trên Đường Tinh thần.

Có hai câu hỏi trực tiếp liên quan đến vấn đề này, cần được lưu ý.

Thứ nhất : Bất cứ người nào, khi có ý muốn, đều có thể được lợi ích hay không khi thực hành thấu đáo kỹ thuật tham thiền ?

Thứ hai : Các Thức giả ở Đông phương đã được Giác ngộ bằng cách rời thế gian, đi vào cuộc sống ẩn dật và thâm lặng. Trong điều kiện của nền văn minh Tây phương, điều này không thể thực hiện. Vậy có thể có hy vọng nào chăng để thành công, mà hành giả phải rút lui vào thế giới cô tịch, ẩn thân ở chốn thâm sơn cùng cốc hay rừng già, hoặc ẩn tu trong các thiền viện ?

Cần xem xét kỹ mỗi câu hỏi kể trên, và cả hai câu hỏi

này phải được giải đáp cặn kẽ trước khi chúng ta có thể tiếp tục phác thảo ra phương thức hành thiền và nêu rõ phương pháp nào nên áp dụng.

- 200 Để giải đáp câu hỏi thứ nhất, về sự thích hợp nói chung của tất cả những người chí nguyện đối với công việc đòi hỏi nhiều cố gắng này, ngay từ đầu chúng ta cần lưu ý rằng có thể xem chính sự thôi thúc hành giả thực hành tham thiền là dấu hiệu cho thấy linh hồn đang kêu gọi y tiến lên trên Con Đường Hiểu biết. Đừng nản lòng nếu nhận thấy rằng bạn thiếu một số điều chính yếu trong các điều kiện cần có. Hầu hết mọi người trong chúng ta đều được trang bị tốt hơn, khôn ngoan hơn và đầy đủ hơn mức họ biết. Tất cả chúng ta đều có thể khởi đầu giai đoạn tập trung, nếu chúng ta muốn. Chúng ta đang có rất nhiều kiến thức, năng lực và khả năng trí tuệ mà chưa bao giờ khai thác từ lĩnh vực tiềm thức để đưa vào sử dụng hữu ích ở ngoại giới. Bất cứ ai quan sát hiệu quả của tham thiền đối với người sơ cơ đều chứng thực được điều nói trên – thường khiến cho người sơ cơ cảm thấy rối trí, vì không biết làm thế nào khi khám phá ra những điều này. Kết quả của bước đầu trong kỷ luật Tham thiền, tức là Tập trung, thường gây kinh ngạc. Hành giả “tìm thấy” chính mình. Y khám phá ra những khả năng ẩn tàng và sự thông hiểu mà y chưa bao giờ sử dụng. Y phát triển ý thức dù là về thế giới hiện tượng, mà y thấy là kỳ diệu. Y bỗng nhiên nhận thấy sự kiện thực tế về trí tuệ, và thấy mình có thể sử dụng trí tuệ này, và sự phân biệt giữa chủ thể hiểu biết và cái khí cụ để hiểu biết trở nên ngày càng rõ rệt. Đồng thời y cũng cảm thấy bị mất mát. Những trạng thái mơ mộng trước đây có tính cách an vui và phúc lạc mà y nhận được trong cầu nguyện và tham thiền thần bí, thì nay tan biến. Nhất thời, y cảm thấy
- 201 khô khan, vô vị, thiếu thốn, và trống rỗng, và thường cảm thấy hết sức buồn nản. Sở dĩ có tình trạng này là vì tiêu điểm

chú ý của hành giả nay không còn đặt vào những sự vật thuộc về giác quan, dù chúng xinh đẹp đến mức nào. Những điều mà trí tuệ biết và có thể ghi lại, thì hành giả chưa có thể ghi nhận được, và khí cụ cảm nhận cũng chưa tác động được vào tâm thức. Đây là giai đoạn chuyển tiếp, và hành giả cần kiên trì theo đuổi cho đến khi thế giới mới bắt đầu có ấn tượng nơi y. Đây là lý do tại sao hành giả cần phải kiên trì và bền chí, nhất là trong các giai đoạn đầu của quá trình tham thiền.

Một trong những hiệu quả của việc hành thiền thường là sự gia tăng hiệu năng của mỗi người trong đời sống hằng ngày, dù họ đang sống trong gia đình, tại sở làm, hoặc tham gia một hoạt động nào đó trong đời. Chăm chú tâm trí vào công việc trong đời sống cũng chính là một cách thực hành tập trung và mang lại kết quả rất tốt. Dù hành giả có đạt được sự giác ngộ cuối cùng hay chưa qua việc thực hành tập trung và tham thiền, thì y cũng đã thu hoạch được nhiều điều, và làm cho cuộc sống của mình hết sức phong phú, gia tăng lớn lao mức hữu ích và năng lực, và mở rộng phạm vi ảnh hưởng đối với người khác.

Thế nên, dù là xét theo quan điểm hoàn toàn của đời thường, việc học thiền vẫn là điều rất hữu ích. Ai dám bảo rằng việc gia tăng hiệu năng trong cuộc sống và phục vụ không phải là một bước tiến trên đường tinh thần như bất cứ tri kiến nào của nhà thần bí ! Xét cho cùng, những kết quả tinh thần của việc áp dụng trí tuệ mà giới kinh doanh Tây phương đang chứng tỏ, cũng có thể là một sự góp phần quan trọng vào toàn bộ nỗ lực tinh thần như bất cứ hiệu quả nào có thể thấy được trong cố gắng của các tổ chức tôn giáo. Nhiều thế kỷ trước, Đức Khổng tử đã dạy rằng những phương tiện của nền văn minh đều có tính tinh thần rất cao, vì đó là kết quả của các ý tưởng. Trong thiên luận đề rất thú vị *Nhân loại Đi về Đâu*, Hu Shih cũng nói rằng “. . . nền văn minh nào có

thể tận dụng được các kỹ năng và trí thông minh của nhân loại trong việc tìm kiếm sự thực để chế ngự thiên nhiên, biến đổi vật chất để phục vụ cho loài người, giải phóng tinh thần con người ra khỏi sự ngu dốt, mê tín, và tình trạng nô lệ các mãnh lực của thiên nhiên, để cải cách những định chế chính trị và xã hội vì lợi ích của tuyệt đại đa số – thì nền văn minh đó có tinh tinh thần và lý tưởng cao.”¹

Quan niệm của chúng ta về thực chất của bản tính tinh thần đã liên tục phát triển. Chúng ta thấy rằng qua việc sử dụng sự ham muốn, xúc cảm, và các phản ứng tình cảm, nhiều ngàn người đã đến trình độ có được sức thôi thúc để chuyển hóa lòng ham muốn thành nguyện vọng tinh thần, biến xúc cảm thành tính nhạy cảm với những điều tinh thần, và siêu hóa tình thương của phàm nhân thành bác ái Thiên liêng. Đây là giai đoạn của nhà thần bí.

Qua việc sử dụng trí tuệ trong giới kinh doanh, trong công tác chuyên môn, khoa học và nghệ thuật, chúng ta thấy có hai điều mới lạ xảy ra : Những doanh nghiệp lớn có tổ chức với quyền lợi vị kỷ và quan niệm vật chất, tuy nhiên đã tạo điều kiện phát triển ý thức tập thể ; mặt khác, sự tương tác tập thể và quyền lợi của quảng đại quần chúng lần đầu tiên đang được xem xét một cách nghiêm túc. Những điều này hoàn toàn là các kết quả tinh thần, cho thấy ý thức của linh hồn đang ngày càng tăng trưởng, và là những dấu hiệu ban đầu của tình huynh đệ giữa các linh hồn ngày càng khởi sắc. Hiện nay, khoa học ứng dụng trong tất cả các ngành đã phát triển đến mức đi vào lĩnh vực năng lượng và lĩnh vực hoàn toàn siêu hình. Công tác nghiên cứu vật chất đã giúp chúng ta đặt chân lên vùng đất của huyền học và những kinh nghiệm vượt cao hơn các giới hạn bình thường. Khoa học và

¹ Beard, Charles A., *Nhân loại Đi về Đâu*, tr. 41.

tôn giáo đang bắt tay nhau trong thế giới vô hình, không thể thấy với nhãn quan thông thường.

Đây là những bước theo chiều hướng đúng. Khi khả năng trí tuệ đã được phát triển trong nhân loại qua kỹ thuật của Tây phương trong giới doanh thương (một trường huấn luyện rộng lớn cho khả năng tập trung), bấy giờ nhất thiết sẽ xảy ra và thường xảy ra một sự chuyển hóa tương đương với những gì đang có trong lĩnh vực cảm dục tính. Chùng ấy trí tuệ có thể được chuyển hướng đến các giá trị chân thật hơn và cao cả hơn, và tập trung theo chiều hướng khác với chiều hướng của cuộc sống vật chất. Đây là trình độ của bậc thức giả.

Vì thế, những người nào không còn hoàn toàn thuộc về cấp tình cảm, được thụ hưởng nền giáo dục đúng đắn, sẵn lòng làm việc một cách bền chí, đều có thể bắt đầu học tham thiên với lòng can đảm vững vàng. Họ có thể bắt đầu tổ chức cuộc sống của mình để có thể thực hiện bước đầu trên đường tiến đến sự khai ngộ, và sự tổ chức này là một trong những bước khó khăn nhất. Hành giả cũng cần nhớ đến câu ‘vạn sự khởi đầu nan’ (khi làm bất cứ việc gì bước khởi đầu cũng đều khó), vì cần phải chuyển đổi những thói quen và nhịp sinh hoạt vốn đã hình thành qua nhiều năm. Tuy nhiên, khi những cố gắng bước đầu này đã được thực hiện, thì việc hành thiên 204 trở nên dễ dàng hơn. Cũng giống như trẻ em tập đọc trong năm học đầu tiên thì khó hơn nhiều so với việc em đọc hiểu một quyển sách khó về sau.

Khoa học Tham thiên cổ xưa, đã từng có tên là “con đường ưu việt đưa đến sự Hợp nhất,” ngày nay cũng có thể được gọi là khoa học điều hợp. Nhờ diễn trình tiến hóa, chúng ta đã học được cách phối hợp bản tính tình cảm-xúc cảm-ham muốn với thân xác, nhiều đến mức các trạng thái nói trên trở nên tự động và thường không thể cưỡng lại được. Kết quả là nay thể xác chỉ là một người máy, một tạo vật của tình cảm và ham

muốn – cao thượng hay thấp hèn – tốt đẹp hay xấu xa – tùy trường hợp. Hiện nay, nhiều người đang phối hợp trí tuệ với hai thể kia, và qua các hệ thống giáo dục rộng khắp trong thời gian hiện tại chúng ta kết hợp toàn bộ các bản tính trí tuệ, tình cảm, và thân xác của phạm nhân thành một đơn vị duy nhất và cố kết. Qua tập trung và những cố gắng trong giai đoạn đầu của tham thiền, sự phối hợp này tiến triển mau lẹ. Về sau, sự phối hợp này của ba thể phạm nhân được kết hợp với một yếu tố khác nữa – đó là yếu tố linh hồn. Yếu tố này vẫn luôn luôn hiện diện, cũng như trí tuệ luôn luôn có sẵn trong mọi người (khi họ đã vượt cao hơn mức tầm thường). Thế nhưng, yếu tố này vẫn còn yên lặng cho đến thời điểm thích hợp khi công việc cần thiết đã được thực hiện. Đây chỉ toàn là vấn đề ý thức. Trong quyển sách của ông *Thần triết hay là Tôn giáo của Khoa Tâm lý học* Giáo sư Max Müller nói :

“Chúng ta cần lưu ý rằng nguyên lý căn bản của triết lý Vệ[đà] không nói rằng ‘Bạn là Ngài,’ mà ‘Bạn chính là Sự Sống Thiêng liêng!’ và không nói rằng Bạn sẽ trở thành, mà nói rằng Bạn đang là Sự Sống Thiêng liêng ấy. Câu nói ‘Bạn đang là’ cho thấy một điều đang có, đã có, và luôn luôn sẽ có, 205 chứ không phải là điều chúng ta còn cần phải đạt về sau, hay là điều chỉ có, ví dụ như, sau khi từ trần. . . . Với sự hiểu biết chân thực linh hồn của hành giả không trở thành Đấng Phạm Thiên, mà chính là Phạm Thiên, ngay khi ý biết được bản tính thiêng liêng mình thực sự đang có, và luôn luôn đã có.”²

Thánh Paul cũng nhấn mạnh chính chân lý này khi nói “Đấng Christ ở trong tôi, nguồn hy vọng vinh quang.” Khi trí tuệ đã được rèn luyện và tập trung, hành giả biết được Thực

² Müller, Max, *Thần triết hay là Tôn giáo của Khoa Tâm lý học*, tr. 284.

tại này ở nội tâm. Bấy giờ, ý nghĩa về Đấng Duy nhất trong Ba Ngôi và Ba Ngôi trong Đấng Duy nhất được chứng minh là sự kiện thực tế trong cuộc tiến hóa đương nhiên của Sự Sống Thiên liêng nơi con người.

Vì thế, câu hỏi đầu tiên của chúng ta được giải đáp rõ ràng như sau :

Thứ nhất : Chúng ta chấp nhận luận thuyết cho biết rằng mỗi người đều có sự sống thiên liêng hay linh hồn, và hành giả có thể biết được điều đó khi rèn luyện và kiểm soát trí tuệ của mình.

Thứ hai : Trên cơ sở của điều nói trên, chúng ta bắt đầu phối hợp ba trạng thái của phàm tính, và kết hợp trí tuệ, tình cảm và thân xác thành một toàn thể thống nhất rõ rệt. Khi thực hành giai đoạn tập trung chúng ta có được sự thống nhất này.

Thứ ba : Khi khả năng tập trung hòa nhập vào giai đoạn tham thiên (tức là việc tập trung kéo dài) thì hành giả bắt đầu cảm thấy ý chí của linh hồn tác động vào trí tuệ. Dần dần, linh hồn, trí tuệ và não bộ liên quan mật thiết với nhau. Trước hết, trí tuệ kiểm soát não bộ và bản tính tình cảm. Sau đó, linh hồn kiểm soát trí tuệ. Bước đầu được thực hiện trong giai đoạn tập trung. Bước thứ hai được thực hiện qua tham thiên.

Trình tự các hoạt động này thực sự là những gì cần phải
206 làm, và chính yếu là hành giả cần có *sự bền chí*. Ở đây có hai điều mang lại sự phối hợp. Thứ nhất, hành giả cố gắng kiểm soát trí tuệ bằng cách sống một cuộc đời có chủ đích tập trung.

Cuộc đời hiến dâng và tận tụy là đặc điểm của nhà thần bí, nhường chỗ cho cuộc đời tập trung và tham thiên – đặc điểm của một thức giả. Luôn luôn tổ chức sinh hoạt tư tưởng của mình ở mọi nơi, và thực hành tập trung đều đặn hàng ngày vào thời điểm nhất định, nếu có thể, tạo thái độ chuyên

nhất, và cả hai cố gắng này cùng giúp hành giả thành công. Cố gắng trước cần một ít thời gian, nhưng có thể thực hiện bất cứ lúc nào. Cố gắng sau cần có những khoảng thời gian nhất định để tập trung, cũng có thể thực hiện được, nhưng muốn thành công hành giả phải thực hành đều đặn và kiên trì. Cố gắng trước gạt hái thành công phần lớn nhờ lòng kiên trì, nhưng cũng nhờ sử dụng trí tưởng tượng. Qua sự tưởng tượng, chúng ta giữ thái độ của Chủ thể Quan sát, hay Chủ thể Nhận thức. Chúng ta tưởng tượng mình là Chủ thể đang suy tư (chứ không xúc cảm), và liên tục hướng dẫn tư tưởng của mình luôn luôn theo những đường hướng nhất định đã chọn. Chúng ta suy nghĩ những điều mà chúng ta chọn để suy nghĩ và không đi vào những tư tưởng mà mình đã định loại bỏ, nhưng không bằng cách ức chế, mà bằng phương pháp chú tâm mạnh mẽ vào điều ta đã chọn. Chúng ta không để cho trí của mình vẩn vơ đến đâu tùy ý, hoặc bị đưa vào hoạt động do những xúc cảm và tình cảm của mình, hoặc do những dòng tư tưởng từ môi trường chung quanh. Chúng ta cố gắng chăm chú vào tất cả những điều gì mình đang làm, dù đó là đọc sách, lo công việc tại nhà hay sở làm, sinh hoạt xã hội hay nghề nghiệp, trò chuyện với một người bạn, hoặc bất cứ hoạt động nào trong hiện tại. Nếu nghề nghiệp của chúng ta thuộc loại có thể làm theo bản năng và không cần tích cực sử dụng tư tưởng, thì chúng ta có thể chọn một lối hoạt động trí tuệ hoặc một chuỗi suy luận và theo hoạt động đó một cách hiểu biết, trong khi đôi tay hoặc đôi mắt đang làm những việc cần làm.

Khả năng tập trung đích thực phát sinh từ cuộc sống có chủ đích tập trung, được sự quản trị của tư tưởng. Vì thế mà người chí nguyện cần bắt đầu tổ chức đời sống hàng ngày của mình, điều tiết các hoạt động, với cách sống tập trung và nhất tâm. Ai cũng có thể làm được điều này nếu họ đủ quan

tâm để có những cố gắng cần thiết và tiến hành công việc một cách bền chí. Đây là điều cần yếu đầu tiên và cơ bản. Khi có thể tổ chức và sắp xếp lại cuộc sống, chúng ta chúng tỏ quyết tâm và nghị lực của mình. Thế nên, người nhất tâm không bao giờ bỏ bê phận sự. Những bổn phận của hành giả đối với gia đình, bạn bè, công việc hoặc chức nghiệp sẽ được thực hiện một cách hoàn hảo và hiệu quả hơn, và y sẽ có thời gian để làm thêm những nhiệm vụ mà nhờ nguyện vọng tinh thần y thấy được, vì nay hành giả bắt đầu loại khỏi cuộc sống của mình những điều không thiết yếu. Y sẽ không lẫn tránh nghĩa vụ vì người có trí tuệ tập trung có thể hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian ngắn hơn trước, với nỗ lực mang lại kết quả tốt hơn. Những ai bị tình cảm của mình chi phối thường phung phí nhiều thời gian và năng lực, và thành tựu ít hơn người có trí tuệ tập trung. Người đã được đào tạo theo những phương pháp kinh doanh, và người đã đến cấp viên 208 chức điều hành thì dễ thực hành tham thiền hơn một công nhân cơ khí chưa biết suy nghĩ, hoặc một người phụ nữ chỉ sống trong sinh hoạt xã hội hoặc cuộc sống gia đình. Những người này phải học cách tổ chức sinh hoạt hằng ngày của mình và bỏ bớt những hoạt động không thiết yếu. Họ là những người luôn luôn bận rộn làm một điều gì đó, và đối với họ việc dành ra hai mươi phút mỗi ngày để tham thiền hoặc một giờ để học là điều khó khăn nan giải. Họ quá bận rộn với những thú vui trong xã hội, với những cơ chế quản trị gia đình, với nhiều hoạt động vụn vặt và những cuộc chuyện trò vô bổ, đến nỗi họ không nhận thức được rằng việc thực hành tập trung sẽ giúp họ thực hiện được tất cả và nhiều hơn những gì từ trước đến giờ họ đã làm, và làm tốt hơn. Người viên chức điều hành đã qua đào tạo và thành thạo, dù đang sống cuộc đời bận rộn và đầy ắp công việc, dường như vẫn thấy dễ dàng hơn khi dành thêm thời gian cần để phát triển

Chân ngã. Luôn luôn họ có thời gian để làm thêm một điều gì đó. Họ đã học được cách tập trung, và thường tham thiền (theo hình thức kinh doanh), nên tất cả những gì họ cần làm chỉ là đổi tiêu điểm chú ý.

Để trả lời câu hỏi thứ nhì về việc liệu chúng ta có cần phải rút lui vào cuộc sống ẩn dật để khai mở tiềm năng của linh hồn hay không, có một vài điều cần nhắc thật thú vị. Cứ xét theo những điều kiện hiện nay thì người chí nguyện ở Tây phương hoặc là phải từ bỏ việc trau dồi bản tính của linh hồn cho đến khi nào y có thể theo đúng qui luật xưa về việc rút lui, hoặc là y phải vạch ra một phương pháp mới và theo một vị thế mới. Ít ai trong chúng ta đủ điều kiện có thể từ già già
209 đình và trách nhiệm, rời thế giới loài người để đến tham thiền và tìm kiếm sự giác ngộ dưới cội Bồ-đề của riêng mình. Chúng ta đang sống giữa đại khối quần chúng, trong những hoàn cảnh xáo trộn, nên hầu như không thể mong có được môi trường sống an lành và yên tĩnh. Thế thì vấn đề này không thể giải quyết được sao ? Phải chăng không có cách nào để khắc phục điều khó khăn này ? Liệu chúng ta có phải từ bỏ hay không trọn cả niềm hy vọng giác ngộ vì (do hoàn cảnh, khí hậu hoặc những nguyên nhân kinh tế) chúng ta không thể già từ thế giới loài người để tìm kiếm cõi giới của linh hồn ?

Rõ ràng giải pháp không phải là từ bỏ những khả năng mà các giống dân trước và những thế kỷ trước đã chứng tỏ là có thể thực hiện. Đó là việc hiểu đúng vấn đề và hiểu rằng chúng ta có đặc quyền biểu dương một khía cạnh mới của chân lý cổ xưa. Các chủng tộc ở Tây phương thuộc về giống dân hãy còn non trẻ. Trong khi đó, từ thời xa xưa ở Đông phương một số ít những người tiên phong có tinh thần mạo hiểm đã tìm vào những nơi ẩn tu và xác định rằng có những cơ hội như thế, và giữ lại các qui luật tinh thần. Họ bảo toàn

kỹ thuật đó cho đời sau, để đến lúc nhiều người trong nhân loại sẵn sàng tiến tới, chứ không chỉ có một đôi người. Và nay thời cơ đã đến. Trong sự căng thẳng và xáo trộn của cuộc sống hiện đại, trong những khu ‘rừng rậm’ của các thành phố lớn, trong sự rộn ràng và vội vã của các cuộc giao dịch và đời sống hằng ngày, những người nam và nữ ở khắp nơi có thể và thực sự tìm thấy trung tâm bình an trong chính mình. Họ có thể và thực sự có thể đi vào tâm thái tập trung tích cực và tĩnh lặng, giúp họ có thể tiến đến cùng một mục tiêu, đạt được cùng sự hiểu biết, và bước vào cùng nguồn Ánh sáng mà

210 các Bậc cao cả của nhân loại là những chứng nhân. Điểm ẩn tu mà hành giả rút lui vào đó, vốn có ngay trong mỗi người. Nơi chốn tĩnh lặng mà hành giả giao tiếp được với sự sống của linh hồn là điểm ở bên trong đầu, nơi linh hồn và xác thân gặp gỡ. Ở phần trước đã có đề cập đến vùng này là nơi ánh sáng của linh hồn và sự sống của thân xác phối hợp và hoà hợp. Người nào có thể tự rèn luyện để trở nên chuyên chú, nhất tâm đúng mức, thì vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ đâu cũng có thể rút tư tưởng vào trung tâm bên trong chính mình, và ở trung tâm này bên trong đầu sự hợp nhất trọng đại diễn ra. Điều này cần sự chú tâm tích cực hơn và tham thiền sâu sắc hơn, nhưng nhân loại đã tiến tới và phát triển sức mạnh và năng lực trí tuệ trong ba trăm năm qua nên có thể thực hiện được những gì mà các nhà nhãn thông của thời xưa không thể làm.

Câu hỏi thứ ba : Điều gì thực sự xảy ra với người chí nguyện khi hành thiền, về mặt tâm lý và sinh lý ? Xin đáp là : Có rất nhiều. Về phương diện tâm lý, trí tuệ được kiểm soát, và được linh hồn chế ngự. Đồng thời các khả năng trí tuệ bình thường cũng không hề bị đặt trong tình trạng tiêu cực. Hành giả có thể sử dụng các khả năng này dễ dàng hơn với trí tuệ sắc bén hơn trước, và có khả năng suy nghĩ rành

mạch, rõ ràng. Hành giả khám phá ra rằng ngoài khả năng ghi nhận các ấn tượng từ thế giới hiện tượng, y còn có thể ghi lại các ấn tượng từ cõi giới tinh thần. Trí tuệ của hành giả nay trở thành một cơ quan kết hợp, thống nhất và có thể hoạt động theo hai chiều hướng. Đến lượt bản chất tình cảm cũng được trí tuệ kiểm soát, trở nên yên lặng, không bị xáo trộn, và không còn gây trở ngại cho dòng tri thức tinh thần lưu nhập vào não bộ. Khi đã có được hai hiệu quả này, sẽ có một số thay đổi trong cơ cấu tư tưởng và ý thức của trí não. Các thức giả Đông phương cho chúng ta biết như thế, và có những bằng chứng cho thấy điều đó là đúng. Như đã trình bày trong chương trước, các nhà tư tưởng tiên tiến ở Tây phương cho rằng những quan năng thượng trí và cơ sở của trực giác được đặt ở phần trên của não, và các khả năng hạ trí và những phản ứng tình cảm cao thượng được đặt ở phần dưới của não bộ. Điều này cũng phù hợp với giáo huấn ở Đông phương cho biết rằng linh hồn (với sự hiểu biết cao siêu và khả năng nhận thức trực giác) trụ vào một trung tâm lực ở vùng tuyến tùng, trong khi đó phàm nhân trụ vào một trung tâm lực ở vùng tuyến yên.

Giả thuyết mà trường phái mới trong ngành giáo dục rất cuộc sẽ tiến hành nghiên cứu (nếu các luận thuyết được đề xuất trong sách này có cơ sở thực tế) có thể phát biểu bằng những định đề sau đây :

Một : Linh hồn hoạt động thông qua trung tâm năng lượng ở phần trên của não bộ. Trong tham thiền, nếu có hiệu quả, năng lượng từ linh hồn tuôn đổ vào não bộ và có ảnh hưởng rõ rệt trên hệ thần kinh. Tuy nhiên, nếu trí tuệ không được kiểm soát và bản tính tình cảm chế ngự (như trong trường hợp hành giả có tính hoàn toàn thần bí) thì y cảm thấy ảnh hưởng chính yếu trong bộ máy cảm xúc, tức là các trạng thái sinh hoạt tình cảm. Khi trí tuệ trở thành yếu tố

212 chế ngự, thì bộ máy tư tưởng ở phần trên của não bộ được đưa vào hoạt động có tổ chức. Hành giả có khả năng mới là suy nghĩ rõ ràng, tổng hợp và mạnh mẽ khi y khám phá ra những lĩnh vực hiểu biết mới.

Hai : Trong vùng tuyến yên có điểm trụ của các khả năng thấp khi chúng được phối hợp ở người có trình độ cao. Ở đây, chúng được phối hợp, tổng hợp và – theo các nhà tâm lý học và nội tiết học thuộc những trường phái có uy tín – đây là điểm trụ của tình cảm và các khía cạnh trí cụ thể. (Các khía cạnh này phát sinh từ những tập quán chủng tộc và bản năng di truyền và do đó không cần vận dụng thượng trí hay trí sáng tạo). Điều này là chủ đề của quyển sách trước tôi đã viết, quyển *Linh hồn và Các Thể*, và không được quảng diễn ở đây.

Ba : Khi phạm nhân – là toàn bộ các trạng thái thể chất, tình cảm và trí tuệ – đã đến trình độ cao, thì tuyến yên hoạt động có hiệu quả hơn, và trung tâm năng lượng ở vùng gần tuyến yên tăng cường sự rung động. Theo thuyết này, chúng ta thấy rằng khi phạm nhân còn ở trình độ thấp, khi các phản ứng phần lớn còn thuộc về bản năng và trí tuệ thực tế là chưa hoạt động, thì trung tâm năng lượng trụ ở vùng gần tùng thái dương (đơn điền) và người đó còn nhiều thú tính hơn.

213 Bốn : Trung tâm ở vùng tuyến tùng, và phần trên não bộ được đưa vào hoạt động khi người đó biết cách tập trung tâm thức chú ý vào bên trong đầu. Sách vở Đông phương gọi điều này là “rút vào trong đúng cách” hoặc “rút ý thức đúng cách”, có nghĩa là phát triển khả năng khuất phục cái khuynh hướng quay ra ngoài của năm giác quan. Vì thế, hành giả tìm cách thích hợp để làm cho tâm thức vốn hướng ra ngoài với thế giới hiện tượng nay phải quay vào trong. Y học cách tập trung tâm thức vào điểm trụ quan trọng bên trong đầu, từ đó y có thể hữu ý phân phối năng lượng khi làm công việc trọng đại này, từ đó

y có thể liên giao với lĩnh vực của linh hồn, và trong đó y có thể nhận được những thông điệp và ấn tượng đến từ cõi giới của linh hồn. Đây là một giai đoạn thành đạt rõ rệt, chứ không phải là lối nói biểu tượng về sự quan tâm chuyên nhất.

Những lối nhận thức khác nhau của giác quan trở nên yên lặng, và tâm thức của con người thật không còn phóng ngoại theo năm lối giao tiếp này của giác quan.

Năm giác quan được giác quan thứ sáu là trí tuệ chế ngự, và toàn bộ tâm thức và quan năng nhận thức của hành giả được tổng hợp bên trong đầu, hướng nội và hướng thượng. Thế là bản tính tâm thông bậc thấp được chế ngự và hành giả bắt đầu hoạt động trên cõi trí. Việc rút vào bên trong hay là rút ý thức này tiến hành qua các giai đoạn sau :

1. Rút ý thức của thân xác, hay là sự nhận thức qua các khả năng nghe, tiếp xúc, thấy, nếm và ngửi. Những phương cách nhận thức này trở nên tạm thời ngủ yên, hành giả chỉ còn nhận thức trí tuệ, và ý thức não bộ là tất cả những gì còn linh hoạt ở cõi trần.

2. Rút tâm thức vào vùng tuyến tùng, để điểm nhận thức của hành giả tập trung vào vùng ở khoảng giữa của điểm giữa trán và tuyến tùng.³

Năm : Khi đã thực hiện điều này, và hành giả có khả năng tập trung bên trong đầu thì tiến trình rút ý thức có kết quả sau đây :

Năm giác quan đang được liên tục tổng hợp vào giác quan thứ sáu là trí tuệ. Trí tuệ là yếu tố phối hợp. Về sau, hành giả nhận thấy rằng linh hồn cũng có chức năng tương tự. Bấy giờ phàm nhân với ba hạ thể được liên giao trực tiếp với linh hồn, và qua một thời gian thực tập hành giả sẽ không còn thấy những giới hạn của bản tính thể chất, và não bộ có thể

³ Bailey, Alice A., *Ánh sáng của Linh hồn*, tr. 229, 230.

được linh hồn ảnh hưởng trực tiếp, thông qua trí tuệ. Ý thức não bộ được giữ trong tình trạng chờ đợi tích cực, trong khi đó toàn bộ các phản ứng với thế giới hiện tượng đều hoàn toàn bị ngăn lại, dù chỉ là tạm thời.

Sáu : Nay với trí năng cấp cao, tập trung chú ý vào vùng tuyến yên, phàm nhân bắt đầu rung động hoà hợp với trung tâm cao hơn ở vùng tuyến tùng. Bấy giờ một từ trường được tạo ra giữa phương diện tích cực của linh hồn và phàm nhân đang chờ đợi, trở nên thụ cảm với ảnh hưởng cao do tập trung chú ý. Chúng ta được biết rằng sau đó ánh sáng bùng chiếu, hành giả được khai ngộ, và phát sinh hiện tượng ánh sáng bên trong đầu. Đây hoàn toàn là kết quả của cuộc sống đúng giới luật, và việc tập trung tâm thức bên trong đầu. Chính khả năng tập trung này có được là nhờ cố gắng tập trung chú ý trong đời sống hằng ngày, cũng như qua những bài thực hành tập trung nhất định. Thứ đến là cố gắng tham thiên, và về sau – lâu về sau – hành giả mới dần dần có năng lực chiêm ngưỡng hay nhập định.

Đây là phần tóm lược những bước trong quá trình tham thiên, và tất nhiên là chỉ nói một cách vắn gọn và còn thiếu sót. Tuy nhiên, hành giả cần tạm thời chấp nhận các ý tưởng này, trước khi có thể tiếp cận một cách thông minh với việc hành thiên. Quả là điều hợp lý và chính đáng khi chúng ta chấp nhận giả thuyết nói trên cũng như chấp nhận một giả thuyết nào khác, dùng đó làm cơ sở làm việc để khảo cứu và tiến hành thêm. Có lẽ sự chấp nhận này còn hợp lý và chính đáng hơn nữa, vì hàng nhiều ngàn người đã tiến hành dựa trên những sự giả định này, đã thực hiện đầy đủ những điều kiện cần thiết, và – kết quả là – đã biến đổi điều giả định thành xác tín, và gạt hái phần thưởng của sự nhất tâm, kiên trì và khảo cứu của mình.

Khi đã đưa ra giả thuyết và tạm thời chấp nhận giả

thuyết, chúng ta tiến hành làm việc cho đến khi giả thuyết ấy tỏ ra là sai, hoặc cho đến khi chúng ta không còn quan tâm đến nó nữa. Một giả thuyết không nhất thiết là sai khi nó chưa tự chứng tỏ là đúng vào thời điểm mà chúng ta cho là thích hợp. Người ta thường từ bỏ việc theo đuổi lĩnh vực hiểu biết này vì họ thiếu sự bền chí cần có, hoặc do họ dần dần quan tâm đến điều khác. Tuy nhiên, chúng ta quyết tâm tiến hành khảo cứu, và để cho các kỹ thuật và công thức cổ
216 xưa có thời gian để tự chứng minh giá trị. Thế nên, chúng ta tiến hành bằng cách theo đúng những yêu cầu đầu tiên, cố gắng áp dụng thái độ trí tuệ tập trung hơn trong đời sống, và thực hành tham thiền, định trí hàng ngày. Nếu là người sơ cơ, hoặc có trí tuệ thiếu tổ chức, thường xao động và không ổn định, chúng ta hãy khởi đầu bằng cách thực hành tập trung. Nếu có trí tuệ đã được rèn luyện thành thực, hoặc sự tập trung chú ý đạt được qua đào tạo trong kinh doanh, chúng ta chỉ cần chuyển hướng trí tuệ vào một lĩnh vực ý thức mới và bắt đầu thực sự tham thiền. Rất dễ hướng dẫn tham thiền cho viên chức điều hành kinh doanh khi người này có quan tâm.

Kế đến là cố gắng tham thiền, và mỗi ngày dành riêng một khoảng thời gian nhất định cho công việc đặc biệt này. Lúc đầu mỗi lần tham thiền mười lăm phút là đủ, và ít nhất trong thời gian một năm không nên cố gắng nhiều hơn mức này. Có phải hay chẳng khi nói rằng nếu một người cho biết họ không thể đào đâu ra mười lăm phút trong số một ngàn bốn trăm bốn mươi phút mỗi ngày, thì đúng là họ không quan tâm ? Luôn luôn có thể dành được mười lăm phút nếu hành giả quyết tâm cố gắng. Luôn luôn có thể thức dậy sớm hơn mười lăm phút mỗi buổi sáng, hoặc bỏ bớt thời gian nói hành lúc sáng sớm với gia đình, hoặc bớt đọc sách, xem phim hay nói hành vào lúc khác trong ngày, để dành thời gian cần

thiết cho tham thiền. Chúng ta hãy thành thực với chính mình và nhìn nhận sự thực trong mọi việc. Không ích gì khi viện cố rằng “Tôi không có thời gian,” vì điều đó chỉ cho thấy
 217 sự thiếu quan tâm mà thôi. Giờ đây chúng ta hãy xét đến những qui tắc được dùng để tiến hành.

Trước hết, chúng ta cố gắng dành thời gian vào lúc sáng sớm để tham thiền. Lý do là vì sau khi đã lo giải quyết những sự việc xảy ra nói chung trong đời sống hằng ngày, trí óc ở trong tình trạng dao động rất mạnh. Tuy nhiên, sẽ không có tình trạng này nếu chúng ta tham thiền ngay lúc đầu buổi sáng. Bảy giờ môi trường chung quanh tương đối yên tĩnh, và trí tuệ có thể nhanh chóng đi vào các trạng thái cao của tâm thức. Hơn nữa, nếu chúng ta bắt đầu một ngày với sự tập trung chú ý vào những điều tinh thần và các vấn đề của linh hồn, thì chúng ta sẽ sống ngày đó với thái độ khác. Nếu điều này trở thành thói quen, thì chẳng bao lâu chúng ta sẽ thấy phản ứng của mình đối với những sự việc trong đời đã thay đổi và thấy mình đang bắt đầu suy nghĩ những tư tưởng vốn là sự tư duy của linh hồn. Đây là tiến trình tác động của định luật “con người suy nghĩ điều gì thì sẽ trở thành điều đó.”

Kế đến, chúng ta cố gắng tìm một nơi thực sự yên tĩnh và không bị quấy rầy. Yên tĩnh nói ở đây không có nghĩa là hoàn toàn không tiếng ồn, bởi vì cõi đời này có vô số những âm thanh, và khi trở nên nhạy cảm hơn chúng ta thường nhận biết những âm thanh đó nhiều hơn chúng ta tưởng. Thế nên, yên tĩnh trong trường hợp này là hoàn toàn không có những tiếp xúc cá nhân và những mời gọi của người khác. Ở đây điểm đáng lưu ý là người mới bắt đầu tham thiền cần giữ thái độ *im lặng*. Người chí nguyện tham thiền thường nói về sự chống đối mà họ phải chịu từ gia đình và bạn bè. Người chồng chống đối việc vợ mình tham thiền, hoặc là ngược lại; con cái
 218 thiếu quan tâm và ‘vô tư’ làm gián đoạn sự sùng kính của cha

mẹ; còn bạn bè thì không thiện cảm với cố gắng tham thiền. Trong đa số các trường hợp đây là do lỗi của chính người chí nguyện, và phụ nữ thường gây khó khăn nhiều nhất về phương diện này. Người ta thường nói quá nhiều. Chúng ta làm gì với mười lăm phút thời gian của mình vào mỗi buổi sáng thì đâu phải là chuyện của người khác, vì thế mà không cần nói về điều đó với người trong nhà. Cũng không nên yêu cầu họ phải giữ yên lặng vì chúng ta cần tham thiền. Tất nhiên, yêu cầu như thế sẽ khiến họ có phản ứng không tốt. Chúng ta không nên nói gì về việc mình đang tìm cách khai mở tâm thức tinh thần, vì đó hoàn toàn là việc của riêng mình. Chúng ta hãy giữ im lặng về những điều mình đang làm. Hãy cất kỹ sách vở của mình để khỏi làm vướng bận người khác, và đừng để vương vãi trong phòng khách của gia đình những tài liệu giấy tờ mà họ không hề quan tâm. Nếu không thể có được thời gian để tham thiền trước khi gia đình chia nhau đi làm công việc hằng ngày, hoặc trước khi chúng ta lao vào công việc bận rộn của mình, thì chúng ta hãy tìm một khoảng thời gian sau đó trong ngày. Luôn luôn có thể tìm được một cách nào đó từ trong điều kiện khó khăn, nếu chúng ta hết sức quyết tâm làm điều mình muốn, và tìm ra cách thực hiện điều đó mà không thiếu sót, bỏ bê bổn phận hay nghĩa vụ của mình. Chỉ cần biết cách tổ chức và biết giữ im lặng,

Khi đã có được thời gian và nơi thuận tiện, chúng ta hãy ngồi thoải mái trên ghế và bắt đầu tham thiền. Cũng có thắc mắc là : Chúng ta nên ngồi cách nào ? Có phải chăng cách ngồi xếp bằng (kiết già) là tốt nhất, hoặc chúng ta nên quỳ, ngồi, hay đứng ? Luôn luôn tư thế tốt nhất là cách chúng ta thấy dễ nhất và bình thường nhất. Lối ngồi xếp bằng (kiết
219 già) đã và đang còn được dùng nhiều ở Đông phương, và đã có nhiều sách vở nói về các tư thế này, với khoảng tám chục tư thế. Tuy nhiên, không phải vì tư thế này đã được thực hành

trong quá khứ và ở Đông phương nên điều đó chứng tỏ rằng nó là cách tốt nhất cho chúng ta hiện nay, nhất là ở Tây phương. Các tư thế này là những gì còn lại của một thời kỳ mà bấy giờ nhân loại đang còn được huấn luyện về mặt tâm lý và tình cảm, và rất giống như việc chúng ta áp dụng kỷ luật đối với một đứa trẻ khi đặt nó vào một góc nhà và bắt nó đứng im. Một số trong các tư thế này cũng có liên quan đến cơ cấu thần kinh và cấu trúc nội tại của những sợi thần kinh mảnh mai mà người Ấn giáo gọi là các từ lực đạo, ẩn dưới hệ thần kinh đã được Tây phương công nhận.

Các tư thế này có điều không hay là chúng đưa đến hai phản ứng không nên có. Chúng khiến hành giả tập trung trí tuệ vào tính cách máy móc của quá trình chứ không phải là mục tiêu, và hai là chúng thường mang lại ý thức tự tôn vui thích, cái nguyên nhân cơ bản khiến chúng ta cố gắng làm một điều gì đó mà phần đông những người khác không làm, để đặt mình vào vị trí tách biệt như những thức giả tiềm năng. Chúng ta trở nên chú ý đến phương diện hình tướng của tham thiên chứ không tập trung vào Nguồn cội của hình tướng đó. Chúng ta bận bịu với cái Phi ngã thay vì chú tâm vào Chân ngã. Chúng ta hãy chọn tư thế nào dễ nhất để không còn nhớ rằng mình có thân xác. Có lẽ đối với người Tây phương thì đây là thế ngồi. Những yêu cầu chính là chúng ta cần ngồi với cột sống thẳng đứng ; là cần ngồi thư giãn (không bế tắc) để không bị căng thẳng ở bất cứ nơi nào trong cơ thể ; là chúng ta nên hạ cằm xuống một tí để giảm sức căng ở vùng gáy. Khi tham thiên, có nhiều người ngồi nhìn chăm chăm lên trần nhà với đôi mắt nhắm riết, như thể linh hồn ở đâu trên đó. Họ có vẻ như đã nuốt phải một vật gì khó nuốt, và thường nghiêng chặt răng (có lẽ để ngăn, không cho thoát ra ngoài những lời đầy hứng khởi mà hẳn đã được linh hồn ban xuống). Toàn cơ thể được giữ thăng bằng, nhưng

căng thẳng và bị khoá chặt. Rồi sau đó họ lại ngạc nhiên khi không có việc gì xảy ra ngoài tình trạng mỗi mệc và nhưc đầu. Việc rút tâm thức ra khỏi những kênh thông tin của các giác quan không có nghĩa là làm cho máu trong cơ thể dồn lên đầu, hoặc làm gia tăng các phản ứng thần kinh đến mức mất kiểm soát. Tham thiền là một hoạt động ở nội tâm, và chỉ có thể thực hiện thành công khi hành giả giữ cho cơ thể thư giãn, thẳng bằng đúng cách rồi quên nó đi.

Cần chấp hai bàn tay rồi đặt trong lòng, và để hai bàn chân tréo lại. Nếu nhà khoa học Tây phương là đúng khi nói rằng cơ thể con người thực sự là một bình điện, thì có lẽ nhà thức giả ở Đông phương cũng đúng khi bảo rằng trong tham thiền năng lượng âm và dương kết hợp với nhau, và nhờ đó mà hành giả có được ánh sáng bên trong đầu. Thế nên, điều khôn ngoan là nên đóng mạch điện này.

Khi đã đặt thân xác trong tình trạng thoải mái, thư giãn, và đã rút khỏi ý thức của thân xác, kể đến hành giả lưu ý và giữ cho hơi thở êm nhẹ, điều hoà và nhịp nhàng. Ở đây tưởng cũng nên có đôi lời khuyến cáo về việc thực hành các bài tập 221 thở, trừ những người trước đã qua nhiều năm tham thiền đúng cách và thanh lọc các hạ thể. Khi hành giả còn thiếu kinh nghiệm và chưa thanh khiết, thì việc thực hành các bài tập thở sẽ thực sự rất nguy hiểm. Chúng tôi không thể nhấn mạnh điều này nhiều hơn. Hiện nay có nhiều trường dạy cách tập thở, và nhiều người biểu diễn cách tập thở như một phương tiện phát triển tinh thần. Tập thở không chút gì liên quan đến sự phát triển tinh thần. Tuy nhiên, tập thở lại liên quan nhiều đến việc phát triển thần thông loại thấp, và việc tập thở dẫn đến nhiều khó khăn và nguy hiểm. Ví dụ như hành giả có thể có thần nhãn hoặc thần nhĩ qua việc thực hành một số bài tập thở. Thế nhưng khi không thực sự hiểu được quá trình dùng trí tuệ để kiểm soát đúng cách cái “bản tính

tâm thông hay thay đổi” này, thì hành giả đã chỉ thành công trong việc tự đẩy mình bước vào những lĩnh vực mới của hiện tượng. Y phát triển những quan năng mà y hoàn toàn không thể kiểm soát, và rất thường khi nhận thấy rằng y không thể nào tắt được những âm thanh và những cảnh tượng mà y đã học cách ghi nhận. Y vô phương trốn tránh việc tiếp xúc với cả hai cấp hồng trần và tâm thông, bị giằng xé theo hai chiều hướng, và không còn được an ổn. Bình thường y vẫn nghe thấy các âm thanh và những quang cảnh ở cõi trần, và chúng tự nhiên tác động vào các giác quan của y. Tuy nhiên, khi thế giới tâm thông – với những âm thanh và cảnh tượng riêng – cũng tác động thì y không còn tự bảo vệ được. Y không thể nào nhắm mắt và thoát ra khỏi những khung cảnh tâm thông bất hảo.

Cách đây không lâu, một Tiến sĩ Thần học là mục sư của một nhà thờ lớn viết thư cho tôi biết rằng ông đã áp dụng 222 những bài tập hơi thở, với ý muốn cải thiện sức khỏe, do một người thầy đến thành phố ông chỉ dạy. Kết quả của sự thiếu hiểu biết với ý tốt này là ông đã mở một khả năng tâm thông là nội nhĩ. Trong bức thư gửi cho tôi ông viết “Khi đang dùng máy đánh chữ để viết thư cho bà, tôi nghe đủ loại tiếng nói, những lời và âm thanh không thuộc về cõi trần. Tôi không thể nào làm cho chúng im lặng, nên tôi sợ bị loạn trí. Xin bà vui lòng cho tôi biết cách nào để có thể tắt chúng được không?” Trong mười năm qua, hàng mấy trăm người đến gặp tôi yêu cầu giúp đỡ, vì hậu quả của việc thiếu dẫn đo phân biện khi làm theo lời khuyên của những ông thầy dạy luyện hơi thở. Họ ở trong tình trạng thật tuyệt vọng, và thường với điều kiện tâm thần nghiêm trọng. Chúng tôi có thể giúp được một số người. Một vài người trong họ chúng tôi không thể giúp gì được và rốt cuộc phải vào bệnh viện tâm thần để chữa chúng loạn trí, hoặc phải vào viện điều dưỡng do tình trạng mất

thăng bằng. Nhiều kinh nghiệm về các trường hợp kể trên khiến tôi phải đưa ra lời cảnh báo này vì đa số những trường hợp khó khăn về tâm thần mất kiểm soát đều có nguyên nhân là các bài tập hơi thở.

Trong giáo huấn cổ xưa của Đông phương, hành giả chỉ được phép kiểm soát hơi thở sau khi đã thực hiện được đến mức nào đó trong đời sống ba phương tiện đầu của “các phương tiện hợp nhất”. Những “phương tiện” vừa kể gồm có :- Phương tiện thứ nhất là năm giới : Tính vô hại, chân thực với cả chúng sinh, không trộm cắp, không ham muốn, không tham lam. Phương tiện thứ hai là năm qui tắc : Thân tâm thanh khiết, vui với số phận, tinh tấn, thấu hiểu tinh thần, và sùng kính Thượng Đế Nội tâm. Phương tiện thứ ba là sự thăng bằng đúng thực. Khi tư tưởng, lời nói và hành vi của hành giả
223 đã trở nên vô hại, khi y bất vị kỷ, và hiểu được ý nghĩa của sự thăng bằng – về mặt tình cảm và tư thế của xác thân – thì bấy giờ y có thể an toàn thực hành các bài tập thở, với sự hướng dẫn thích hợp. Dù vậy y cũng sẽ chỉ thành công trong việc thống nhất các năng lượng sống trong cơ thể, và trở thành người có thần thông hữu thức ; thế nhưng điều này cũng có chỗ dùng với mục đích hữu ích, nếu y xem mình là một nhà nghiên cứu thực nghiệm.

Vì không theo đúng những bước đầu cần thiết nói trên mà nhiều nhà khảo cứu tài năng đã gặp rắc rối, khó khăn. Một người còn sống xúc cảm và yếu đuối mà thực hành các bài tập hơi thở để phát triển nhanh hơn thì đó là điều nguy hiểm, và bất cứ người thầy nào tìm cách truyền dạy các bài tập này cho những nhóm đông học viên, như người ta vẫn thường làm, tức là đang tạo ra những rắc rối, khó khăn cho chính mình và những người theo mình. Thời xưa, chỉ thỉnh thoảng các huấn sư mới chọn được một người để giáo huấn theo lối này. Bấy giờ còn có một cuộc rèn luyện kèm theo để

hành giả có thể giao tiếp với linh hồn đến mức nào đó, nhờ thế mà linh hồn có thể hướng dẫn những năng lượng đã được hơi thở khơi dậy để xúc tiến các mục tiêu của linh hồn và công việc phụng sự thế gian.

Thế nên, chúng ta sẽ không làm gì nhiều hơn là giữ cho hơi thở êm nhẹ và điều hoà, rồi hoàn toàn rút tư tưởng ra khỏi thân xác và bắt đầu việc tập trung.

224 Bước kế tiếp trong việc hành thiền là dùng trí tưởng tượng. Chúng ta tự vẽ ra hình ảnh của phạm nhân với ba hạ thể, được chỉnh hợp hay là liên giao trực tiếp với linh hồn. Có nhiều cách để thực hiện điều này, gọi là việc hình dung. Dường như hình dung, tưởng tượng, và ý chí là ba yếu tố rất mạnh mẽ trong mọi tiến trình sáng tạo. Chúng là những nguyên nhân nội tại tạo nên nhiều hiệu quả bên ngoài. Lúc đầu, hình dung hầu như chỉ là vấn đề tin tưởng được đem ra thực nghiệm. Qua quá trình suy luận chúng ta hiểu rằng bên trong và vượt cao hơn những vật thể biểu hiện có ẩn chứa một Mục tiêu Lý tưởng hay là Mô hình Lý tưởng đang tìm cách biểu lộ ở cõi trần. Thực hành việc hình dung và tưởng tượng và sử dụng ý chí là những hoạt động nhằm đẩy nhanh sự hiển lộ cái Lý tưởng nói trên.

Khi hình dung, chúng ta sử dụng nhận thức cao nhất của mình về thực tính khả dĩ có của Lý tưởng vừa kể, trong lớp áo bằng một loại vật chất, thường là trí tuệ chất, vì chúng ta chưa đến trình độ có thể nhận thức được những hình thức hoặc những loại chất liệu cao khiết hơn để bao bọc những Hình ảnh của mình. Khi chúng ta tạo một hình ảnh trong trí, chất liệu của trí tuệ chúng ta phát ra một mức độ rung động, có tác dụng thu hút cấp vật chất cõi trí tương ứng mà thể trí đang hoạt động trong đó. Chính ý chí giữ cho hình ảnh này tồn tại liên tục và cho nó sự sống. Tiến trình này cứ tiếp diễn, dù với trình độ hiện nay chúng ta có thể thấy được hình

ảnh đó với tầm mắt trí tuệ của mình hay không. Nếu chúng ta chưa có thể thấy điều đó cũng không quan trọng, vì công tác sáng tạo vẫn tiến hành bình thường. Có lẽ đến lúc nào đó chúng ta sẽ có thể theo dõi và hữu thức thực hiện được toàn bộ tiến trình nói trên.

Trong việc hình dung, ở giai đoạn sơ cơ, một số người
 225 tưởng tượng hình ảnh của ba hạ thể (ba phương diện của bản tính hình thể) đang liên kết với thể ánh sáng chói rạng ; hoặc họ hình dung ba trung tâm năng lượng rung động đang đón nhận sự kích thích từ một trung tâm cao siêu hơn và mạnh mẽ hơn. Những người khác tưởng tượng linh hồn là một tam giác lực liên kết với tam giác của phạm tính. Liên kết này là “sợi dây bạc” theo cách gọi trong Kinh Thánh Thiên Chúa giáo, là sutratma hay tuyến linh hồn trong các Kinh điển Đông phương, hoặc là “tuyến sinh mệnh” theo thuật ngữ của các trường phái tư tưởng khác. Cũng có những người khác thích nghĩ đến phạm nhân thống nhất, được kết hợp với Thiên tính đang ẩn nự trong tâm. Thiên tính nội tại này là Đấng Christ trong chúng ta, niềm hy vọng vinh quang. Chúng ta chọn những hình ảnh nào là điều tương đối không quan trọng, miễn là chúng ta bắt đầu với ý tưởng cơ bản về Chân ngã đang tìm cách giao tiếp với Phi ngã và sử dụng Phi ngã – là khí cụ của Chân ngã trong các cảnh giới biểu hiện của nhân loại. Hoặc ngược lại, chúng ta cũng có thể bắt đầu với ý nghĩ rằng Phi ngã đang được thôi thúc để hướng về nguồn sống của nó. Thế là, hành giả dùng trí tưởng tượng và hình dung để làm cho thể dục vọng, bản tính tình cảm chìm hợp với linh hồn. Khi đã thực hiện được điều này, chúng ta có thể tiếp đến giai đoạn tham thiền. Thể xác và bản tính cảm dục lần lượt chìm xuống dưới ngưỡng của tâm thức, hành giả tập trung vào trí tuệ và tìm cách uốn nắn nó theo ý muốn của mình.

Chính ở đây chúng ta gặp vấn đề khó khăn. Thế trí không chịu đi theo những tư tưởng được chúng ta chọn để suy 226 tư, và cứ mãi lao vào thế giới mà nó đã quen tìm kiếm những chất liệu trong đó. Chúng ta nghĩ về những gì mình định làm trong ngày, thay vì suy ngẫm về “tư tưởng gốc” mình đã chọn. Chúng ta nhớ đến một ai đó mình phải tìm gặp, hoặc một lối hành động nào đó khiến mình chú ý. Chúng ta bắt đầu nghĩ đến một người mình thương mến, và lập tức rơi trở về cõi giới tình cảm, và phải cố gắng lại từ đầu. Thế là chúng ta đưa tư tưởng về khởi điểm và cố gắng tập trung thành công trong nửa phút. Kế đó chúng ta nhớ một cuộc hẹn phải đến, hoặc một việc mà ai đó đang làm cho mình, và một lần nữa chúng ta quay về lĩnh vực phản ứng trí tuệ, và quên đi đường hướng tư tưởng mà mình đã chọn. Một lần nữa chúng ta gom lại các ý tưởng bị phân tán, và lại bắt đầu làm công việc khó nhọc là chế ngự cái trí bướng bình này.

Trong Bức thư thứ 113 của ông, Will Levington Comfort tóm tắt tình trạng này như sau :

“Sự chú ý của chúng ta bị phân tán – dù rằng chúng ta chỉ biết nó bị phân tán đến mức nào khi chúng ta bắt đầu tập trung, và khi thực hành tập trung chúng ta bắt đầu thấy được mức độ đúng đắn và chăm chú nhiều hơn trong cuộc sống phàm nhân sôi nổi và kém hiệu năng. Lúc đầu khi cố gắng tham thiên, chúng ta vội theo những hướng dẫn thông thường là chọn một chủ đề và giữ cho trí tuệ hết sức chăm chú vào đó. Rồi chúng ta lướt qua tất cả những cố gắng đó, ham muốn được xuất thân, được điếm đạo, có được những phương tiện để toả sáng và khống chế người khác. Chúng ta tha hồ rong ruổi trên những cánh đồng lầy lội của tình cảm, cho đó là những lĩnh vực sáng chói của tinh thần. Chúng ta cứ tưởng rằng mình đang suy nghĩ . . . cho đến khi một sự thiếu sót bất ngờ, một sự sa sút nghiêm

trọng làm bộc lộ những điều không chắc chắn và không ổn định trong cơ bản của mình. Cuối cùng, khi thấy được sự thật này chúng ta bắt đầu cố gắng làm lại từ mức thấp nhất và hiểu được tầm quan trọng của sự Ổn định.”⁴

Trong cùng bức thư nói trên, ông viết thêm

“Việc tập trung trong giai đoạn đầu đòi hỏi chúng ta phải cố gắng rất nhiều. Sự cứng nhắc này khiến không đạt được những kết quả mà chúng ta tìm kiếm trong một thời gian. Tuy nhiên, khi tiếp tục thực hành chúng ta sẽ gia tăng kỹ năng giữ sự chuyên nhất trí tuệ lâu hơn đến mức hài lòng mà không cần phải cố gắng và có thể có được một cách an toàn.”⁵

Làm thế nào để đạt được điều kiện kể trên ? Bằng cách theo đúng một phương thức hay phác thảo về tham thiền để tự động đặt một vòng hạn định chung quanh thể trí và cho nó biết rằng “người chỉ hoạt động đến mức này thôi, chứ không được đi xa hơn.” Với chủ đích thông minh chúng ta thận trọng ấn định giới hạn cho hoạt động trí tuệ của mình trong một thể thức mà chúng ta bị buộc phải nhận ra khi đi lạc đề và vượt ra ngoài giới hạn đó. Bấy giờ chúng ta biết mình phải quay vào bên trong bức tường bảo vệ mà chúng ta đã tự xác định cho chính mình. Việc hành thiền theo một phương thức như trên thường cần phải qua một số năm, trừ khi hành giả đã có thực hành trước đó. Thậm chí những người đã đến giai đoạn nhập định cũng cần thường tự nhắc nhở chính mình bằng cách dùng một phương thức để đảm bảo rằng họ không bị rơi ngược vào trạng thái yên lặng tiêu cực của tình cảm.

Tôi đã dùng những phương thức thiền như sau đây để hướng dẫn kỹ thuật tham thiền cho khoảng ba ngàn môn sinh

⁴ Comfort, Will Levington, *Những Bức thư*.

⁵ Như trên.

228 trong bảy năm qua. Phương thức này đã tỏ ra hiệu quả với quá nhiều người nên được đưa vào sách này.

PHƯƠNG THỨC THIỀN

Để Phát triển Khả năng Tập trung

Giai đoạn

1. Giữ cho thể xác thoải mái và được kiểm soát.
2. Giữ cho hơi thở nhịp nhàng và đều đặn.
3. Hình dung ba hạ thể phàm nhân (thể xác, tình cảm, trí tuệ)
 - a. Đang giao tiếp với linh hồn.
 - b. Là vận hà cho năng lượng của linh hồn, qua trung gian của trí tuệ, trực tiếp đến não bộ. Từ đó thể xác có thể được linh hồn kiểm soát.
4. Rồi đến sự tập trung tích cực nhờ tác động của ý chí. Đây là cố gắng định trí vào một hình thức ngôn từ để ý nghĩa của chúng lộ rõ trong tâm thức, mà hành giả không bận tâm đến chính những ngôn từ đó hoặc nghĩ đến việc mình đang cố gắng tham thiền.
5. Kế đến, nói trong trí với sự chú ý tập trung –

“Chói sáng hơn mặt trời, thanh khiết hơn băng tuyết, tinh vi hơn dĩ thái là Chân ngã, là tinh thần trong tôi. Tôi là Chân ngã. Chân ngã chính là tôi.”
6. Rồi tập trung vào câu : *“Thượng Đế trông nom tôi.”* Giữ trí tuệ tập trung vào tầm quan trọng, ý nghĩa, và hàm nghĩa của những từ này, mà không xao lãng.
7. Sau đó, thận trọng kết thúc việc tập trung bằng lời phát biểu sau đây – vẫn giữ cho trí tuệ tập trung trở lại vào những ý tưởng căn bản :

“Có sự bình an vượt ngoài tầm hiểu biết, ở trong tâm những ai sống trong Vĩnh cửu. Có quyền năng giúp mọi sự đổi mới, đang vận hành trong những người biết Chân ngã là một.”

229 Đây thực sự là bài tham thiền cho người mới tập. Trong bài tham thiền này có một số tiêu điểm, sử dụng tiến trình hồi tưởng và phương pháp tái tập trung. Có nhiều phương thức thiền khác cũng mang lại những kết quả như trên, và nhiều phương thức khác nữa dành cho những môn sinh cấp cao hơn. Một số phương thức thiền được vạch ra để tạo những kết quả cụ thể cho một số người, nhưng tất nhiên là không thể được đưa vào một quyển sách thuộc trình độ này. Ở đây chỉ có thể đưa ra phương thức thiền tổng quát và an toàn. Tuy nhiên, hành giả cần lưu ý điều chính yếu là luôn luôn cần giữ trí tuệ *tích cực tập trung vào các ý tưởng* chứ đừng bận tâm đến cố gắng làm thế nào để được tập trung. Ấn trong mọi lời lẽ thốt ra và mọi giai đoạn trong tham thiền cần phải có quyết tâm muốn thấu hiểu và hoạt động trí tuệ chuyên nhất.

Trong giai đoạn thứ sáu, khi hành giả cố gắng tham thiền thực sự với một hình thức ngôn từ có hàm chứa chân lý, thì không nên có điều gì tự động trong tiến trình này. Tự đưa mình vào tình trạng thôi miên bằng cách lặp đi lặp lại những lời nhất định theo nhịp điệu, là điều khá dễ dàng. Người ta bảo rằng Tennyson đã tự tạo một trạng thái tâm thức cao bằng cách lặp đi lặp lại tên của ông. Tuy nhiên, đây không phải là mục tiêu của chúng ta. Trạng thái xuất thân hay tự động đều nguy hiểm. Phương cách an toàn là hoạt động trí tuệ chuyên chú, giới hạn trong phạm vi các ý tưởng được mở ra từ một “tư tưởng gốc” hoặc mục tiêu trong tham thiền. Hoạt động này ngăn tất cả những tư tưởng ngoại lai, trừ những tư tưởng mà chủ đề của tham thiền
 230 gọi lên. Những ngôn từ trong hình thức tham thiền này có thể minh họa và mô tả trình tự tư tưởng sau đây :

Thượng Đế trông nom tôi.

Ngài là sự sống thiêng liêng trong tôi, là Linh hồn, là Đấng Christ ngự trong tâm.

Đã từ lâu Ngài nhận biết và quán xét tôi.
 Nay lần đầu tiên tôi có thể thấy được Ngài.
 Đã từ lâu tôi không hề biết trong lòng mình có Thực tại
 thiêng liêng.
 Nay có được mối liên giao trực tiếp,
 Dù liên giao này còn hàm ý nhị nguyên.
 Vì tôi và Ngài chỉ là một Sự Sống Thiêng liêng,
 Vì tôi là Ngài, và mãi mãi là Ngài từ vô thủy,
 Nên hằng được Ngài là Chân ngã trông nom.
 Tôi là Chân ngã, Chân ngã chính là tôi.

Điều này viết ra thật dễ dàng, nhưng nếu trí tuệ được giữ cho tích cực chăm chú vào ý thức và ý nghĩa nói trên thì hành giả sẽ phải tập trung rất nhiều, và sẽ thấy rất khó mà loại bỏ tất cả những tư tưởng khác với những gì liên quan đến chủ đề. Những người sơ cơ thường cảm thấy bấn khoăn, nản lòng vì không thể suy nghĩ vào thời gian và theo cách mà họ chọn. Trong trường hợp đó, lời khuyên sau đây có thể hữu ích :
 “Hãy tưởng tượng bạn cần trình bày những điều nói trên cho các thánh giả. Hãy hình dung bạn đang ghi chú những điều bạn muốn nói. Khi đưa ý nghĩ đi theo từng giai đoạn bạn sẽ
 231 thấy đã qua năm phút mà sự chú ý của bạn không hề bị xao lãng, và sự chú tâm của bạn thật hoàn toàn.”

Cần chọn những câu có tác dụng tích cực. Nên tránh những câu nào mang lại trạng thái trí tuệ chờ đợi và tiêu cực. Cần phải có một mức độ nhận thức và kinh nghiệm nhất định trước khi hành giả có thể an toàn đưa vào bài tham thiền của mình những lời như ‘giữ yên lặng và biết mình là Thượng Đế’ (mà những người sơ cơ có hảo ý thường chọn dùng). Việc đòi hỏi sự yên lặng quá mức ở một phạm nhân chưa được huấn luyện thuần thực, và năng lượng mà sự đòi hỏi đó khơi dậy sẽ quay sang kích thích bản tính thần thông.

Trong cùng bức thư nói trên, Ông Comfort có viết một đoạn hết sức hay, nêu rõ điều này.

*“Tôi tin rằng với lối tham thiền như là ‘giữ yên lặng và biết mình là Thượng Đế,’ nếu hành giả cứ mãi cố gắng đắm mình vào đó có thể dẫn đến kết quả tai hại. Có nhiều phạm nhân còn non nớt đã mở ra bên trong chính mình một sự thụ cảm với quyền năng tác động vào những gì bất toàn nơi chính mình, khơi dậy những dục vọng và tham vọng thầm kín vượt quá khả năng chế ngự của họ. Thế nên, có thể nói rằng lối tham thiền ‘Tôi là Thượng Đế’ hầu như quá trực tiếp với tác dụng quá mạnh trong khi hành giả còn chưa biết chính xác mình đang tham thiền về điều gì. Chúng ta không thể làm ra vẻ mình là Chân ngã và cứ tiếp tục khoa trương điều đó với mọi người. Kết cuộc của việc này là bệnh tật và suy yếu tuyệt vọng và đi lạc đường trong khi hành giả tuyên bố huênh hoang với người khác. Tham thiền không phải nhằm đạt được một điều gì đó để khoe khoang. Đây là vấn đề thấu hiểu phạm tính của chính mình ; là cảm nhận được Chìa khoá để mở ra một mãnh lực hoàn toàn mới, và hết sức quyết tâm dùng toàn bộ phạm tính trong cố gắng đạt đến và vận dụng Chìa khoá đó. Đoạn văn bàn về lối tham thiền ‘Tôi là Thượng Đế’ có hàm ý một sự cảm dỗ và một lời khuyến cáo. Điều hoàn toàn đúng là sẽ đến lúc tất cả chúng ta đều có thể hoạt động từ cấp của Chân nhân, thay vì từ tầm mức của phạm nhân như hiện nay. Thế nhưng, chúng ta phải làm cho phạm nhân trở nên toàn vẹn và tốt đẹp trước khi có thể đắm nhận được quyền năng của Chân nhân.”*⁶

Phương pháp có trình tự như được đề nghị ở trên đây là cách thực hành an toàn dành cho người mới học tham thiền.

⁶ Comfort, Will Levington, *Những Bức thư*.

Cũng có những cách khác dành cho người môn sinh có trí thông minh. Toàn thể các cõi giới của tư tưởng mở ra để cho trí tuệ của chúng ta có thể khảo sát tùy ý muốn (xin lưu ý nhóm từ này) với điều kiện chúng có liên quan đến tư tưởng gốc và liên hệ với ý tưởng mà chúng ta đã chọn để tập trung vào đó. Điều hiển nhiên là mỗi người sẽ tìm cách đi theo khuynh hướng của trí tuệ chính mình – thuộc về nghệ thuật, khoa học hay triết lý – và đối với họ đó sẽ là con đường ít trở ngại nhất. Tất cả chúng ta đều có những khái niệm riêng theo cách của riêng mình. Nhưng không nên có thái độ “tĩnh tại”. Chúng ta ngăn những hoạt động khác của trí tuệ bằng cách quan tâm, chú ý mạnh mẽ, chứ không bằng cách gây choáng trong trí để làm cho mình yên lặng, hoặc bằng cách áp dụng một phương pháp tạo tình trạng xuất thần hay để tư tưởng trống không. Thực sự là chúng ta đang suy tư. Trong việc dạy tham thiền, thật là khó mà khuyên nhà thần bí từ bỏ tình trạng yên lặng (vốn là kết quả của cố gắng làm cho bản tính tình cảm trở nên chuyên nhất) và bắt đầu sử dụng trí tuệ của mình. Có nhiều người thường than phiền: “Tôi không thích kỹ thuật này, vì nó quá thiên về trí năng và trí tuệ mà không có tính tinh thần chút nào cả.” Thực ra, có thể là ý họ muốn nói: “Tôi quá lười biếng trong việc sử dụng trí tuệ. Trí tôi trì trệ không chịu hoạt động. Tôi thích sự hân hoan trong tình cảm, và thích áp dụng trạng thái an tịnh cho bản tính tình cảm của tôi, vì như thế tôi cảm thấy tốt hơn. Phương cách này quá khó.” Thực ra, không nên lẫn lộn bản tính tinh thần chỉ là những tình cảm, vì sự hiểu biết cũng thiêng liêng như xúc cảm vậy. Dĩ nhiên là trên con đường tham thiền hành giả phải cố gắng rất nhiều, nhất là trong giai đoạn đầu. Thế nhưng y vẫn có thể hành thiền nếu khắc phục được tình trạng trì trệ ban đầu này. Những ai đã thực hiện được đều biết rõ giá trị cao tột của tham thiền.

Để kết thúc phần trình bày này về những việc đầu tiên mà người chí nguyện trên đường tham thiền cần thực hiện, chúng ta nên lưu ý rằng bí quyết thành công là sự thực hành liên tục và không gián đoạn. Khi làm việc với các môn sinh trên khắp thế giới, chúng tôi thường nhận thấy rằng có những người trí tuệ tài năng lại trễ bước vì họ thiếu cố gắng bền chí, trong khi người có trí năng thấp hơn lại bỗng nhiên vượt lên đi vào lĩnh vực hiểu biết đã được xác định và bỏ lại sau lưng người huynh đệ tài năng kia, nhờ có khả năng tiến hành kiên trì và liên tục. Những cố gắng thất thường không đưa hành giả đi đến đâu; thực tế chúng còn có hại khi làm nảy nở cái cảm thức thường xuyên thất bại. Mỗi ngày có cố gắng nhỏ nhưng kiên trì và chuyên chú qua một thời gian dài, sẽ mang lại những kết quả vô cùng lớn hơn nỗ lực tuy nồng nhiệt nhưng nhất thời và không chừng mực. Một vài phút tập trung hay tham thiền được thực hành đều đặn sẽ giúp hành giả tiến xa hơn là mỗi lần cố gắng nhiều giờ nhưng chỉ ba hoặc bốn lần một tháng. Quả thực, “để trở nên hữu hiệu và mang lại kết quả tốt, tham thiền không thể chỉ là một cố gắng không chừng đỗi mà chúng ta thực hành khi thấy thích, mà đó là sự áp dụng ý chí liên tục, không hề gián đoạn.”

234 Một điểm khác nữa cần lưu ý là : người sau cùng đánh giá các kết quả trong cố gắng hành thiền của mình là chính hành giả. Mục tiêu mà y đã tự đặt thật quá tuyệt vời đến nỗi y thường cảm thấy nản chí hơn là hài lòng. Bất giờ điều không ngoan duy nhất nên làm là dứt khoát xoá sạch ra khỏi tâm trí trọn cả cái ý nghĩ về các kết quả cuối cùng và những hiệu ứng có tính cách hiện tượng của chúng, và hành giả chỉ cần theo đúng các qui luật xưa. Trong khi thực hành, không nên cứ mãi đào bới bản thân để xem coi mình đã tiến bộ đến đâu. Mọi người ở chung quanh chúng ta sẽ biết chắc và đúng mức tiến bộ mà chúng ta đang có, tùy theo hiệu quả công việc,

tinh thần tự chủ, ổn định, và khả năng giúp ích của chúng ta đã gia tăng đến mức nào. Điều khôn ngoan là đo lường sự phát triển của người môn sinh hành thiên theo mức y triển khai lĩnh vực phụng sự, và theo những điều mà bạn bè nói về y hơn là theo những gì y tự nói về chính mình. Công việc của chúng ta là liên tục tiến tới, thực hiện những gì cần phải làm “mà không bám chặt hay chấp vào đó” như cách nói của người chí nguyện Ấn giáo.

Muốn thành công, hành giả cần phải có ý muốn thành thực và kiên trì, hình dung rõ giá trị của các kết quả, nhận thức được rằng mục tiêu của tham thiên là có thể đạt được, và hiểu rõ kỹ thuật trong phương pháp thiên. Những điều này, cùng với ý chí, quyết tâm không dời đổi là tất cả những gì cần có, là những yêu cầu nằm trong khả năng của các đệ tử hành giả quyển sách này.

CHƯƠNG MƯỜI

CẦN THẬN TRỌNG KHI HÀNH THIÊN

“Đời sống trong sạch, trí tuệ rộng mở, tâm hồn thanh khiết, trí lực nhiệt thành, nhận thức tinh thần sáng tỏ, tình huynh đệ đối với bạn đồng môn, ân cần đưa ra và đón nhận những lời khuyên và hướng dẫn, . . . sẵn lòng tuân theo mệnh lệnh của Chân lý, can đảm chịu đựng nỗi bất công đối với cá nhân mình, quả cảm tuyên bố các nguyên lý và tôn chỉ, mạnh dạn bảo vệ những kẻ mắc phải hàm oan bị người công kích, và hằng lưu tâm đến lý tưởng về sự tiến bộ và hoàn thiện của nhân sinh mà khoa Nội môn bí truyền đã miêu tả. Đây là những nấc thang vàng giúp người học Đạo tiến đến Ngòi đền Minh triết Thiêng liêng.”

H. P. BLAVATSKY

CHƯƠNG MƯỜI

CẦN THẬN TRỌNG KHI HÀNH THIỀN

237 BẢN phác thảo tham thiền trong chương trước là bài tập định trí thích hợp cho người sơ cơ, và rốt cuộc sẽ giúp họ có thể hành thiền thực sự – nếu hành giả có đủ kiên trì và bền chí. Lúc đầu, việc tập trung hay định trí chỉ trong một phút cũng đã là khó thực hiện ; tuy nhiên, đây là một bước thực sự đưa đến tham thiền, vì tham thiền chính là tập trung nhưng kéo dài. Bản phác thảo này sẽ giúp hành giả có được sự chú tâm tích cực ; và những người hiểu biết qui luật và những nhà tâm lý học giỏi đều có thể đưa ra những bản phác thảo tương tự để đáp ứng nhu cầu của những mẫu người khác nhau. Một số bản phác thảo như thế có thể được đưa ra ở cuối sách, thế nhưng điều hiển nhiên là với một quyển có tính cách dẫn nhập như sách này không nên trình bày những phương pháp thực hành cấp cao hơn và những phương thức thiền chuyên sâu hơn. Điều khôn ngoan là chỉ nên tiến hành các phương pháp đó khi hành giả đã thành thạo những giai đoạn đầu.

Mọi tiến trình tư tưởng khi được chuyên chú theo đúng, từ hình thể bên ngoài “đi vào” đến năng lượng hay là sự sống ẩn trong hình thể và giúp người suy tưởng đồng nhất với sự sống đó, sẽ đạt được mục đích giống như một bản phác thảo kỹ thuật. Ví dụ, một danh từ khi được hiểu thích hợp như là
238 tên của một sự vật, tức là tên của một hình thể, sẽ có thể được dùng như một tư tưởng gốc trong tham thiền. Hình thể

này được xem xét tính chất và mục đích của nó và đúng lúc tất cả đều được truy nguyên về một ý tưởng. Mọi ý tưởng đích thực đều phát xuất từ lĩnh vực của linh hồn. Vì thế, nếu người suy tưởng có thái độ đúng và đi theo các tiến trình được phác hoạ trong Chương Năm, y sẽ ra khỏi thế giới hiện tượng và bước vào thế giới Thực tại Thiêng liêng. Khi việc thực hành tập trung đã có kết quả, có thể không còn cần xem xét hình thể bên ngoài, tính chất và các khía cạnh khác, và qua kiên trì thực hành việc tập trung đã trở nên tự động và xảy ra tức thời. Bây giờ, người môn sinh có thể bắt đầu xét đến phương diện *mục đích*, hay là cái ý tưởng cơ bản làm phát sinh ngoại thể. Toàn bộ khái niệm này đã được Plutarch mô tả như sau :

“Một ý tưởng là một Sự sống vô hình tự nó không tồn tại, nhưng lại tạo hình thể cho vật chất vốn không hình dạng, và trở thành nguyên nhân của sự biểu hiện.” (De Placit. Philos.)

Những lời trên đây có ý nghĩa sâu xa và mang nhiều thông tin cho người môn sinh theo học kỹ thuật thiền cổ xưa này.

Về phương diện trí tuệ có thể nói rằng mục tiêu của tham thiền là đạt đến thế giới các ý tưởng. Về phương diện linh hồn, mục tiêu tham thiền là đồng nhất linh hồn cá nhân với nguồn cội của tất cả các ý tưởng trên thế giới. Nhờ kiểm soát trí tuệ, chúng ta có thể nhận biết các ý tưởng ẩn trong cuộc tiến hoá trên thế giới này, và sự biểu hiện của các ý tưởng đó qua hình thể vật chất. Qua tham thiền, chúng ta tiếp xúc với một phần của Thiên Cơ, thấy được những kế hoạch của Đấng Đại kiến tạo Vũ trụ, và có cơ hội góp phần vào sự xuất lộ của các kế hoạch này ở ngoại giới, bằng cách diễn giải đúng những ý tưởng tiếp xúc được trong tham thiền.

Vì thế, chúng ta thấy rõ rằng hành giả cần có trí tuệ được rèn luyện thuần thực và trang bị đầy đủ đến mức nào nếu y

muốn diễn giải chính xác những gì y thấy được. Điều hiển nhiên là y cần có khả năng trình bày một cách rõ ràng, chi tiết những tư tưởng mà y dùng để bao bọc những ý tưởng mơ hồ kể trên, rồi dùng sự suy nghĩ rõ ràng này để tạo ấn tượng lên não bộ đang trong tình trạng chờ đợi. Có thể nói đúng rằng trong nhiều trường hợp “Thượng Đế” thực hiện các kế hoạch của Ngài qua trung gian là con người, nhưng Ngài cần những đại diện thông minh. Ngài cần những người nam, nữ không kém thua các phụ tá được những nhà lãnh đạo nhân loại chọn để tham gia công cuộc của họ. Chỉ yêu thương Thượng Đế không thôi thì chưa thật đủ. Tình thương này là một bước đúng hướng, nhưng lòng sùng kính không được cân bằng bởi ý thức và não bộ đúng đắn sẽ dẫn đến nhiều hành động sai lầm và nhiều nỗ lực không cần nhắc. Thượng Đế tìm kiếm những người đã rèn luyện và phát triển trí tuệ đến mức cao, với bộ óc tinh tế (có khả năng ghi nhận những ấn tượng cao siêu), để công việc của Ngài được thực hiện tốt đẹp. Có thể nói các vị thánh và những nhà thần bí đã làm hiển lộ bản tính của Sự Sống Thiên liêng, và đặc tính của các ý tưởng

240 chi phối những hoạt động của Ngài trong thế giới hiện tượng. Đến lượt các thức giả trên thế giới và những nhà trí thức trong nhân loại giúp cho thế gian thấy được Thiên Cơ tổng hợp và Chủ đích Thiên liêng. Đây là sợi chỉ vàng giúp chúng ta vượt ra khỏi mê đồ với tình trạng xáo trộn trên thế giới hiện tại để tìm thấy ánh sáng chân lý và sự thông hiểu.

Thực tế là chúng ta đang sống trong thế giới gồm các năng lượng và mãnh lực. Mọi người đều biết sức mạnh của công luận (thường có tính cách xúc cảm, lắm khi do sự phát động của một số ý tưởng cơ bản, tốt, xấu, hoặc vô thưởng vô phạt, được các nhà tư tưởng phát biểu), và công luận là một dạng năng lượng, mang lại những kết quả rất lớn. Mặt khác, ví dụ như ai cũng biết tác dụng tàn phá của xúc cảm khi nó

vượt ra ngoài tầm kiểm soát, và đây cũng là một lối phát biểu của mãnh lực. Người ta thường nói về “những mãnh lực trong thiên nhiên,” và điều đó cho thấy từ khi con người thực sự biết suy nghĩ, họ đã thấy rằng tất cả là năng lượng. Các nhà khoa học cho chúng ta biết rằng mọi vật đều là sự biểu hiện của năng lượng. Không có gì khác ngoài năng lượng, đang tuôn đổ qua chúng ta, tác động trong chúng ta, và bao trùm cả chúng ta. Mọi hình thể đều do các nguyên tử tạo thành, và chúng ta được biết rằng các nguyên tử là những đơn vị năng lượng. Thế nên, con người chính là năng lượng, được hình thành bởi các đơn vị năng lượng, sống trong thế giới có cấu tạo tương tự, và bao giờ cũng làm việc với năng lượng.

Định luật cơ bản chi phối toàn bộ quá trình tham thiên là định luật cổ xưa được các kiến giả Ấn Độ phát biểu cách đây nhiều thế kỷ : “Năng lượng đi theo tư tưởng.” Năng lượng tuôn đổ từ lĩnh vực các ý tưởng (hoặc là lĩnh vực tri thức của 241 linh hồn). “Công luận” của lĩnh vực linh hồn từ từ thấm vào thể trí dày đặc của mọi người, và đó là nguồn phát sinh những phong trào tiến bộ hiện nay, tất cả những tổ chức phúc lợi chung và cải thiện tập thể, tất cả các khái niệm về tôn giáo, và toàn bộ những hiểu biết bên ngoài về các Nguyên nhân tạo nên những sự kiện ở ngoại giới. Trước hết, các ý tưởng này khoác lấy hình thể bằng trí tuệ chất, được một thể trí đón nhận và suy ngẫm, hoặc tiếp chuyển chúng đến cho một nhóm nhà tư tưởng, và việc “suy nghĩ xuyên suốt” này cứ diễn tiến. Sau đó bản tính cảm dục bắt đầu tác động, và có phản ứng tình cảm đối với những tư tưởng mà các ý tưởng này đã khơi dậy – hình thể dần dần được tạo nên. Sự việc cứ thế tiếp diễn, năng lượng của linh hồn, của trí tuệ và của bản tính cảm dục kết hợp với năng lượng vật chất, tạo nên một hình thể xác định. Mọi hình thể, dù đó là hình thể của một bộ máy, một tầng lớp xã hội, hoặc một thái dương hệ, đều có

thể được xem như là sự cụ thể hoá tư tưởng của một nhà tư tưởng hoặc một nhóm nhà tư tưởng. Đây là một dạng công tác sáng tạo, và toàn bộ quá trình và công tác này đều chịu sự chi phối của cùng những định luật biểu hiện, với sự tập trung của một loại năng lượng nào đó. Vì thế, người môn sinh hành thiền phải nhớ rằng bao giờ y cũng đang làm việc với các năng lượng, và những năng lượng luôn biến đổi này sẽ có ảnh hưởng nhất định đối với các năng lượng (có thể nói là) tạo thành chính y.

Thế nên, rõ ràng là người học viên tham thiền cần cố gắng làm hai việc :

Thứ nhất : Học cách “đưa” vào trí tuệ của mình, rồi diễn
242 giải đúng những gì y đã thấy và tiếp xúc, và chuyển điều đó một cách đúng đắn và chính xác vào bộ óc đang chăm chú và sẵn sàng nhận ấn tượng. Thế là, trong ý thức tỉnh táo ở cõi trần, hành giả có thể biết được những điều trong Thiên giới.

Thứ hai : Học về bản tính của các năng lượng y đang tiếp xúc, và tự rèn luyện để sử dụng chúng một cách đúng đắn. Ở đây có thể đưa ra hình ảnh minh hoạ thực tế cho điều này, được mọi người công nhận. Khi đang cơn nóng giận hay bực tức, khuynh hướng của bản năng khiến chúng ta bắt đầu la hét. Tại sao vậy ? Vì năng lượng xúc cảm đang chi phối chúng ta. Bằng cách kiểm soát năng lượng của lời nói, chúng ta bắt đầu chế ngự được loại năng lượng xúc cảm này.

Có thể tóm lược toàn bộ công việc tham thiền là diễn giải đúng, truyền chuyển đúng, và sử dụng đúng năng lượng như đã nói trên. Vì thế, chúng ta cũng thấy rõ đâu là vấn đề khó khăn mà người môn sinh phải lo giải quyết, và lý do tại sao các huấn sư sáng suốt dạy kỹ thuật tham thiền lại căn dặn môn sinh cần đi theo qui trình một cách chậm rãi và thận trọng.

Điều thiết yếu là chúng ta cần nhận thức được rằng tham thiền có thể là công việc rất nguy hiểm và có thể khiến cho

hành giả bị khó khăn nghiêm trọng. Tham thiền có thể mang lại hậu quả huỷ diệt và phá vỡ ; có thể gây ra nhiều điều tai hại hơn là tốt lành và đưa hành giả đến tình trạng tai biến, nếu y đi vào Con đường của Thức giả mà không hiểu rõ những gì mình đang làm và điều đó sẽ đưa y về đâu. Đồng thời, tham thiền có thể thực sự “cứu rỗi” và đưa hành giả ra khỏi những nỗi khó khăn. Tham thiền có thể kiến tạo và giúp giải thoát, và với những phương pháp đúng đắn, thích hợp, sẽ hướng dẫn 243 hành giả đi theo con đường từ bóng tối đến ánh sáng, từ sự chết đến sự bất tử, và từ điều giả đến lẽ Thật.

Ở đây nên xem xét kỹ hơn về hai điểm kể trên.

Chúng ta đã thấy rằng tận tâm tâm người chí nguyện muốn thấy mình thành công trong việc đưa vào ý thức não bộ hồng trần một cách chính xác những hiện tượng trong cõi giới tinh thần mà y đã giao tiếp được. Tuy nhiên, khả dĩ phải mất một thời gian dài trước khi y có thể đi vào thế giới đó. Vì thế, y phải học cách phân biệt được giữa những phạm vi ý thức có thể mở ra cho y thấy khi y trở nên nhạy cảm hơn, và biết được tính chất của những gì mà y đã nghe và thấy. Chúng ta hãy xem xét một vài hiện tượng của hạ trí mà các môn sinh quá thường diễn giải sai lầm.

Ví dụ như họ ghi nhận một cuộc diện kiến kỳ diệu với Đức Christ hay một Đấng Cao cả khác. Trong khi họ đang tham thiền, vị này xuất hiện, mỉm cười và bảo họ “Hãy vui lên. Con đang có nhiều tiến bộ. Ta đã chọn con và sẽ khải thị chân lý cho con,” hoặc những điều đại loại như thế. Họ sung sướng trước sự kiện đó ; họ ghi điều đó vào nhật ký và vui mừng viết thư cho tôi rằng sự việc xảy ra là diễn biến quan trọng nhất trong đời họ. Có thể sự việc đó là quan trọng, nếu họ biết xử lý đúng, và học được bài học của nó. Vậy thực sự điều gì đã xảy ra ? Có phải chẳng người môn sinh đã thực sự thấy Đức Christ ? Ở đây chúng ta nhớ đến sự thực hiển nhiên rằng “tư tưởng là

244 những sự vật” và tất cả các tư tưởng đều có hình dạng. Hai điều đã tạo nên sự việc kể trên, nếu thực tế nó đã xảy ra chứ không phải là kết quả của trí tưởng tượng sống động bị kích thích quá độ. Hành giả chỉ vừa bắt đầu cảm nhận được năng lực tưởng tượng sáng tạo, và rất có thể y thấy được những gì y muốn thấy, cho dù điều đó hoàn toàn không có thực. Việc người chí nguyện mong muốn tiến bộ qua cố gắng tích cực đã khiến y tỉnh thức hay ý thức được cõi giới tâm thông, là cõi giới của những tưởng tượng hão huyền, những ham muốn và những thành quả do ảo tưởng. Trong đó, y tiếp xúc với một hình tư tưởng về Đức Christ hoặc là về một Đấng cao cả hay một Tôn sư. Cõi ảo tưởng này có rất nhiều hình tư tưởng loại này, do những tư tưởng yêu thương của con người đối với các Ngài qua nhiều thời đại đã tạo ra. Khi làm việc xuyên qua bản tính tâm thông của mình (là đường lối dễ dàng nhất cho phần đông mọi người) và tiếp xúc với một hình tư tưởng như thế, hành giả sẽ lầm tưởng đó là sự thực, và tưởng tượng nó nói với mình tất cả những điều mà y muốn nghe. Y muốn được khích lệ ; cũng giống như quá nhiều người khác, y muốn thấy những hiện tượng xem như ấn chứng cho cố gắng của mình ; y làm cho não bộ yên lặng và từ từ đi vào tình trạng tâm thông tiêu cực. Trong tình trạng đó, trí tưởng tượng của y bắt đầu hoạt động, và y thấy những gì y muốn thấy, y nghe những lời công nhận tuyệt vời mà y khao khát muốn nghe. Y không hề hiểu rằng những bậc Hướng đạo nhân loại đang quá bận rộn với các hoạt động tập thể và với việc huấn luyện những nhà tư tưởng và những nhà lãnh đạo tiên tiến trong nhân loại để các Ngài có thể làm việc thông qua họ, nên không có thời gian để dành cho những kẻ còn ấu trĩ. Chỉ cần những vị phụ tá của các Ngài có

245 trình độ tiến hoá tương đối cao cũng đủ khả năng giáo huấn những kẻ sơ cơ này. Họ cũng không hiểu rằng nếu họ đã tiến cao đến mức được đặc ân giao tiếp với Ngài thì Chân sư sẽ

không phí thời gian của Ngài và của họ để an ủi, vỗ về họ và nói lên những điều tầm thường sáo rỗng. Thay vào đó chắc hẳn Ngài sẽ tận dụng phút giây ngắn ngủi này để chỉ ra một vài nhược điểm họ cần khắc phục, hoặc một công tác kiến tạo mà họ cần thực hiện.

Mặt khác, một “mãnh lực” – như từ thường gọi – hoặc một thực thể nào đó đến với người môn sinh, khi y đang tham thiền, và phác họa cho y thấy một công trình vĩ đại mà y đã được chọn để thực hiện ; một thông điệp nào đó mà y cần phải đưa ra cho thế giới và cả thế giới sẽ phải lắng nghe ; hoặc một phát minh vĩ đại mà một ngày nào đó y sẽ trình bày cho thế giới đang mong đợi, nếu y tiếp tục sống thánh thiện. Y liền vui mừng khoác lấy lớp áo của nhà tiên tri, tin chắc rằng mình có năng lực và khả năng ảnh hưởng được muôn ngàn người, và cho dù trong hiện tại y tương đối không mấy ảnh hưởng đến những người chung quanh, y lại chuẩn bị để thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình. Một năm nọ, có ba “Huấn sư Thế giới” đã học thiền ở một trường nào đó, họ đến yêu cầu gia nhập nhóm mà tôi đang cùng làm việc. Họ yêu cầu gia nhập không phải để học hỏi thêm về tham thiền, mà vì họ cảm thấy rằng chúng tôi sẽ hân hạnh để cho họ “kết nạp” vào nhóm một số người trong mấy trăm người mà họ có vai trò cứu rỗi. Tôi đành phải từ chối vinh dự đó, và họ đi biệt, rồi kể từ đó không ai còn nghe tin tức gì về họ nữa. Thế giới vẫn còn mong đợi họ. Hoàn toàn không ai ngờ vực lòng chân thành của họ. Họ tin chắc vào điều họ nói. Thậm chí họ cũng không ngờ rằng mình đang bị ảo giác. Khi bắt đầu hành thiền, tất cả chúng ta đều có nguy cơ bị lừa gạt theo cách kể trên, nếu chúng ta không dùng trí phân biệt đề cao cảnh giác, hoặc nếu chúng ta có khát vọng thầm kín muốn nổi bật về mặt tinh thần, hoặc đang bị một mặc cảm tự ti cần được bù đắp. Một nguyên do khác nữa của sự lừa gạt kể trên là những

người này có lẽ đã thực sự giao tiếp được với linh hồn. Họ đã thoáng thấy được một tia chớp về sự toàn tri của linh hồn và bị choáng váng bởi chính sự kỳ diệu của viễn ảnh và sự hiểu biết mà họ tiếp xúc được. Thế nhưng họ đánh giá khả năng của mình quá cao. Là khí cụ của linh hồn nhưng họ không thể đáp ứng được các yêu cầu. Có những khía cạnh trong đời sống của họ mà ánh sáng chưa chiếu rọi đến được. Có những khuyết điểm thâm kín mà họ biết nhưng chưa khắc phục được. Họ muốn được nổi danh, quyền lực, và còn tham vọng. Họ chưa phải là linh hồn đang hoạt động thực sự. Họ chỉ có viễn ảnh về điều khả dĩ xảy ra. Vì thế, họ vấp ngã do không thấy được thực chất phạm nhân của mình.

Tuy nhiên, dù thực tế là có những điều kể trên, chúng ta cần luôn luôn nhớ rằng người thức giả chân chính bao giờ cũng có đặc ân được làm việc cộng tác thân cận nhất với các vị Hưởng đạo nhân loại, nhưng phương pháp cộng tác không có tính cách làm cho người chí nguyện bị lừa gạt. Chỉ khi nào chúng ta bắt đầu hoạt động hữu thức như một linh hồn, và chỉ khi chúng ta chú tâm vào công tác phụng sự vô kỷ – công tác phụng sự tự đề xuất, và được tiến hành vì linh hồn mỗi người vốn có tâm thức tập thể, và bản tính của linh hồn là phụng sự – bấy giờ chúng ta sẽ có thể giao tiếp với các Ngài. Đức
247 Christ (Đức Chưởng giáo) là vị Thiên đế tử đang hoạt động với chức năng đầy đủ, là người “Huynh trưởng trong gia đình anh em đồng đảo.” Tâm thức Ngài bao trùm tất cả, và thông qua Ngài nguồn bác ái Thiên liêng được ban rải, chủ đích Thiên liêng được thể hiện thành công. Ngài là Thầy của tất cả các Chân sư, và là Huấn sư của cả Thiên thần và loài người. Khi Ngài và các vị phụ tá của Ngài thấy một người chí nguyện tận tâm thực hiện công việc cần phải làm với kỷ luật tự giác, tỏ ra trung thành và hết lòng cố gắng, thì các Ngài xét xem ánh sáng trong người đó đã đến mức “chói rạng” hay

chưa. Nếu các Ngài thấy có người chăm lo phục vụ đồng bào mà không tìm kiếm sự giao tiếp nào về mặt hiện tượng cho riêng mình, mà không quan tâm đến việc được ngợi khen hoặc nuôi lớn tính tự kiêu, tự mãn của mình theo cách đó, thì các Ngài có thể tiết lộ cho y biết công việc mà y có thể làm trong phạm vi ảnh hưởng của mình để xúc tiến Thiên Cơ. Thế nhưng y phải bắt đầu từ vị trí hiện tại. Trước hết y phải tự chứng tỏ khả năng trong gia đình hoặc tại sở làm của mình. Y phải tự chứng tỏ khả năng trong những việc nhỏ, trước khi có thể được an toàn uỷ thác công việc lớn hơn. Tính kiêu căng quá lộ trong một số bài viết ghi lại các giao tiếp tâm thông của tác giả, khiến mọi người không thể tin. Chắc hẳn rằng ít ra tác giả cũng chưa có được ý thức hài hước khi nhìn vấn đề.

Các môn sinh hành thiền cần luôn luôn lưu ý rằng toàn bộ giáo huấn và hiểu biết đều được linh hồn của chính hành giả chuyển đến thể trí và não bộ của y. Chính linh hồn soi sáng con đường của hành giả. Các Huấn sư và Chân sư của nhân loại chỉ làm việc thông qua các linh hồn. Đây là điều đã 248 quá thường được lặp đi lặp lại. Bởi vậy, nhiệm vụ chính yếu của mọi người chí nguyện là cần thực hiện hoàn hảo việc tham thiền, phụng sự và giới luật bản thân, chứ không phải là tìm cách tiếp xúc với một Đấng Cao cả. Nhiệm vụ này tuy không mấy thú vị nhưng giúp hành giả tránh khỏi ảo tưởng. Nếu y hoàn thành được nhiệm vụ này thì những kết quả cao siêu sẽ tự an bài. Vì thế, nếu một thực thể hay hình bóng nào đó hiện đến với y và nói lên những điều tầm thường vô vị, thì y sẽ dùng sự phán đoán mà y có trong công việc thường ngày như đối với người đến báo y “Công việc ông đang làm rất quan trọng. Ông làm việc tốt lắm. Chúng tôi thấy và biết rằng, v. v. . .” Có thể là y chỉ cười rồi tiếp tục công việc hay nhiệm vụ mình đang làm.

Một hiệu ứng khác của tham thiền, rất thường thấy hiện

nay, là sự cho ra tràn ngập ở khắp nơi những bài viết mà người ta cao giọng tuyên bố là do nguồn hứng khởi tinh thần. Nhiều người nam và nữ đang bận rộn chấp bút tự động, viết theo cảm hứng, hoặc viết lời tiên tri, rồi đưa ra cho công chúng cái kết quả cố gắng của họ. Các tài liệu này dễ phân biệt vì có những đặc điểm giống nhau và có thể được giải thích theo vài lối. Chúng phát xuất từ những nguồn khác nhau ở nội tâm. Điều kỳ lạ là chúng rất giống nhau : đều nói lên tinh thần mộ đạo dễ mền ; không đưa ra điều gì mới mà chỉ lặp lại những điều người khác đã nói ; chúng có nhiều câu nói hay lời phát biểu liên quan đến tác phẩm của các nhà thần bí hoặc thánh kinh các tôn giáo ; chúng có thể đưa ra những lời tiên tri về những biến cố tương lai (thường là ghé gớm và kinh khủng, và nếu có tính cách hạnh phúc thì cũng ít khi) ; chúng có nhiều lời khích lệ người viết khiến cho họ cảm thấy mình là một linh hồn vĩ đại hay tuyệt vời ; và cũng may là các tài liệu này thường vô thưởng vô phạt. Những tài liệu loại này nhiều vô kể, và chỉ cần chịu khó đọc một số bài là độc giả bắt đầu cảm thấy hết sức nhàm chán. Một số ít tài liệu này có tính cách tai hại rõ rệt. Chúng báo trước những tai biến khủng khiếp sắp sửa xảy ra, và gieo rắc nỗi sợ hãi trên thế giới. Thậm chí giả sử những lời tiên báo kể trên là đúng thì thiết nghĩ có lợi gì chẳng khi làm cho công chúng sợ hãi, và có tốt hay không khi giúp mọi người nhận thức được vận mệnh bất tử của mình hơn là bảo rằng họ sắp bị sóng thần cuốn trôi, hoặc sẽ bị nhấn chìm trong thảm họa sắp xóa sạch thành phố của họ ra khỏi bản đồ. Dù các tài liệu này là tốt hay vô hại, là xấu hay nguy hại hoặc gây xáo trộn trật tự công cộng, nói chung có thể chia chúng thành hai loại. Thứ nhất, tài liệu của những người nhạy cảm, họ có thể đón nhận – vẫn ở trên các cấp tâm thông – phần lớn những nguyện vọng, khao khát và ý tưởng của những nhà thần bí qua các

thời đại, hoặc họ cũng có thể đón nhận những nỗi sợ hãi của các thời trước, những nỗi lo sợ của chủng tộc hay do di truyền, hoặc những nỗi lo sợ do tình trạng thế giới hiện tại. Họ đón nhận được và ghi lại những điều này và phổ biến cho bạn bè. Loại này cũng bao gồm tài liệu của những người nhạy cảm nhưng thiên về trí tuệ hơn. Họ tiếp xúc được với cõi trí qua thần giao cách cảm ; họ ứng đáp với thể trí của những nhà tư tưởng có ảnh hưởng lớn, hoặc các khái niệm trong giới tôn giáo ; họ ghi nhận trên các cấp cõi trí sự sợ hãi, thù ghét và

250 chia rẽ của đại chúng. Dù tài liệu họ ghi lại có tính chất tốt hay xấu, buồn hay vui (ít khi), có mang nỗi sợ hãi hay báo điềm dữ, tất cả đều là sản phẩm tâm thông, và không cho thấy phẩm tính của linh hồn hiển lộ. Những lời tiên tri trong Sách Daniel và Khải huyền là nguyên do tạo nên hình tư tưởng sợ hãi và kinh khiếp, dẫn đến nhiều sách vở có tính chất tâm thông, và tính loại trừ của tổ chức tôn giáo khiến cho nhiều người tách biệt mình với phần còn lại trong nhân loại, tự xem họ là sắc dân được Chúa chọn, trên trán có mang dấu hiệu của Đức Christ. Vì thế, họ cho là mình được an toàn, còn những người khác trên thế giới đều phải bị tiêu vong, trừ phi những người đó chịu diễn giải chân lý và tương lai theo những điều kiện độc quyền của họ là những kẻ đã được chọn và xức dầu thánh.

Hai là những tài liệu này có thể cho thấy một quá trình tự khai mở, và một phương pháp khiến cho nhà thần bí hướng nội có thể trở thành hướng ngoại. Có thể là tác giả đang chạm đến kho tàng hiểu biết trong tiềm thức của mình, mà y đã tích lũy qua những lần đọc sách, suy tư và giao tiếp. Thể trí của y đã ghi lại và lưu trữ nhiều điều mà bao năm qua y vẫn hoàn toàn không hay biết. Rồi y bắt đầu tham thiền và vô tình chạm đến những độ sâu trong bản thể của chính mình, thấu đến những nguồn lực trong tiềm thức, và

251 các thông tin, hiểu biết đã chìm xuống dưới ngưỡng ý thức thường ngày của y. Y bắt đầu viết ra những điều này một cách siêng năng, cần mẫn. Nhưng người ta vẫn còn chưa biết lý do tại sao y lại cho rằng những tư tưởng này là phát xuất từ Đức Christ hay từ một vị Đại sư. Hoàn toàn trong vô thức, sự việc kể trên có thể nuôi lớn mầm mống kiêu căng nơi y, khiến y tưởng mình là một vận hà mà Đức Chưởng giáo có thể dùng để thông đạt với nhân loại. Ở đây tôi không đề cập đến những tài liệu do chấp bút hiện đang rất phổ biến. Tôi xem như người môn sinh hành thiên sẽ dứt khoát không dính líu gì đến loại công việc nguy hiểm này. Không người chí nguyện chân thực nào, trong cố gắng đạt đến sự tự chủ, lại giao quyền chế ngự và chịu sự khống chế của một thực thể nào bên ngoài, dù có mang thể xác hay không. Y cũng sẽ không mù quáng giao phó bàn tay của mình cho một mãnh lực nào sử dụng. Mọi người ngày càng biết rõ những mối nguy của loại công việc này vì nó đã đưa quá nhiều người vào bệnh viện tâm thần, hoặc khiến họ phải đi chữa trị chứng ám ảnh hay “cuồng tưởng”, nên ở đây chúng ta không cần phải bàn thêm.

Câu hỏi thẳng vào vấn đề là làm thế nào chúng ta có thể phân biệt được giữa những tác phẩm có mang nguồn hứng khởi tinh thần thực sự của người thức giả chân chính, và khối tài liệu kể trên đang tràn ngập tâm trí của công chúng hiện nay? Trước hết, có thể nói rằng một tác phẩm có nguồn hứng khởi tinh thần chân thực sẽ hoàn toàn không đề cập đến cái tôi của người viết. Nó sẽ làm vang lên âm điệu của tình thương, và sẽ không mang dấu vết của thù ghét hoặc ranh giới cách ngăn chủng tộc. Nó sẽ đem đến sự hiểu biết xác thực cùng với thẩm quyền chỉ vì có thể khơi dậy được trực giác của độc giả. Nó sẽ thích hợp với luật tương ứng, và phù hợp với bối cảnh của thế giới đương thời. Trên hết mọi sự, nó

sẽ mang dấu ấn của Nguồn Minh triết Thiêng liêng và giúp nhân loại tiến tới thêm một ít. Nói về cơ chế của công việc, thì người viết loại tác phẩm này sẽ thực sự hiểu được những phương pháp họ đem ra sử dụng. Họ thấu đáo kỹ thuật của quá trình. Họ có thể tự bảo vệ mình khỏi bị ảo tưởng, khỏi bị những kẻ khác từ bên ngoài xâm nhập, và có kiến thức thực hành về bộ máy mà họ dùng để làm việc. Nếu nhận giáo huấn từ những thực thể không mang xác phàm, hoặc từ các Chân sư cao cả, họ sẽ biết cách nhận, và biết rõ tác nhân truyền đạt giáo huấn.

Những người phụng sự nhân loại chân chính và những ai đã giao tiếp được với thế giới của linh hồn, qua tham thiền, đều không có thời gian dành cho những điều tầm thường, vô vị. Đó là việc của những kẻ trong đời chỉ biết lặp lại như con vẹt. Các phụng sự viên kể trên vì quá bận rộn phục vụ trong công tác kiến tạo nên không bận tâm đến việc khoác lên lớp áo mà vốn chỉ là lớp màn che tính kiêu căng, tự đại. Họ không bận tâm đến ý kiến khen ngợi của bất cứ ai, dù đang ở cõi trần hay cõi khác, mà chỉ chú ý đến sự chuẩn thuận từ linh hồn của chính mình, và hết sức quan tâm đến công tác tiên phong trên thế giới. Họ không làm điều gì để tăng cường mối thù ghét và chia rẽ, hoặc gieo rắc nỗi sợ hãi, trong khi có nhiều người trên thế giới đang quá sẵn sàng chỉ để làm những điều vừa kể. Họ làm bùng lên ngọn lửa yêu thương ở bất cứ nơi nào họ đến. Họ rao giảng về tình huynh đệ trong tinh thần bao gồm thực sự, chứ không phải là một hệ thống truyền dạy tình huynh đệ cho chỉ một thiểu số và gạt bỏ những người khác ra ngoài. Họ công nhận tất cả mọi người đều là con của Thượng Đế, chứ không đặt mình lên bệ cao công chính và hiểu biết, từ đó họ tuyên bố chân lý theo cái thấy của mình, và gạt bỏ ra ngoài những ai không thấy như họ thấy, hoặc không làm như họ cảm thấy cần phải làm. Họ không xem

253 chủng tộc nào là tốt hơn chủng tộc khác, dù họ có thể công nhận kế hoạch tiến hoá và phần việc mà mỗi giống dân cần phải thực hiện. Nói tóm lại, họ chú tâm vào việc xây dựng những đức tính tốt đẹp trong mọi người, chứ không phí thời gian vào việc chỉ trích những cá nhân, hay xử lý những kết quả và hậu quả. Họ làm việc từ cõi giới của nguyên nhân, và nêu lên các nguyên lý. Trên thế giới có nhiều người thích phá đổ, thích nuôi lớn những mối hận thù hiện tại, và khơi rộng hố ngăn cách giữa các chủng tộc và đoàn nhóm, giữa kẻ giàu người nghèo. Người môn sinh hành thiên thực sự cần nên nhớ rằng khi giao tiếp với linh hồn, và khi hợp nhất với Thực tại, là y đi vào trạng thái ý thức tập thể, nó xoá tan mọi ranh giới, cách ngăn, và không gạt bất cứ người con nào của Thượng Đế ra ngoài phạm vi hiểu biết này.

Cũng có thể kể ra những dạng ảo tưởng khác, vì cõi giới đầu tiên mà người chí nguyện tiếp xúc dường như thường là cõi tâm thông, tức là cõi ảo tưởng. Cõi ảo tưởng này cũng có chỗ dùng, và việc đi vào cõi này là một kinh nghiệm rất có giá trị, với điều kiện ở đó hành giả theo đúng qui luật của tình thương và không bận bịu đến tư ngã, và mọi sự giao tiếp đều phải qua trí phân biện và lương tri thông thường. Quá nhiều người tìm đạo thiếu ý thức hài hước và quá bận tâm đến bản thân. Khi bước vào một linh vực mới của hiện tượng, họ chùng như bỏ quên trí phán đoán đúng đắn của mình. Điều hữu ích là ghi lại những gì chúng ta đã nghe và thấy, rồi quên chúng đi cho đến khi chúng ta bắt đầu hoạt động trong cảnh giới của linh hồn. Bấy giờ, chúng ta sẽ không còn bận tâm đến việc nhớ lại chúng. Hành giả cũng phải tránh những lời chỉ trích cá nhân và tính kiêu căng tự đắc, vì không có chỗ nào dành cho chúng trong cuộc sống của linh hồn vốn chịu sự chi phối của các nguyên lý tinh thần và lòng bác ái dành cho cả chúng sinh. Nếu những sự việc kể trên có phát triển, thì

254

cũng không có nguy cơ làm cho người môn sinh bị chậm trễ hay lệch hướng tham thiền. Tất nhiên một ngày nào đó y sẽ bước vào thế giới mà “mắt y chưa từng thấy, tai y chưa từng nghe, với những điều sẽ được Đấng Thượng Đế yêu thương khải thị”, thời gian lâu hay mau là tùy sự kiên trì và bền lòng cố gắng của y.

Loại khó khăn thứ hai có thể được xem xét và giải thích trong phạm vi năng lượng.

Các môn sinh thường than phiền là bị kích thích quá độ, với mức năng lượng gia tăng đến độ họ thấy khó lòng chịu nổi. Họ cho biết rằng khi cố gắng tham thiền họ có khuynh hướng muốn khóc, hoặc bị bồn chồn bất ổn lạ thường. Họ có những lúc hoạt động quá độ, chạy lăng xăng khắp nơi, phục vụ, nói chuyện, viết lách, và làm việc nhiều đến nỗi rốt cuộc chính họ bị phản ứng quá mạnh, đôi khi đến mức thần kinh suy sụp. Những người khác thì than đau trong đầu, hoặc nhức đầu ngay sau khi tham thiền, hoặc có rung động khó chịu ở vùng trán hay cổ họng. Họ cũng thấy khó có thể ngủ tốt như trước. Thực sự là họ bị kích thích quá độ. Hệ thần kinh bị ảnh hưởng qua trung gian của các “nadi (từ lực đạo)” tinh tế ẩn dưới các dây thần kinh, như đã được bàn đến ở phần trước.

255 Đây là những rắc rối của người môn sinh mới học tham thiền, và phải được xử lý thận trọng. Khi được xử lý đúng, chúng sẽ sớm tan biến, nhưng nếu bị bỏ qua chúng có thể đưa đến tình trạng khó khăn nghiêm trọng. Ở giai đoạn này, người môn sinh nhiều nhiệt tâm và quan tâm cũng chính là một nỗi khó khăn, vì y quá muốn hoạch đắc kỹ thuật tham thiền đến mức bất chấp các qui tắc y đã học mà cứ ép mình đi tới, không nghe lời khuyên của huấn sư hoặc những khuyến cáo khả dĩ có. Thay vì theo đúng công thức mười lăm phút như được chỉ dạy, y cố đi nhanh hơn và thực hành trong ba mươi phút. Thay vì theo đúng bản phác thảo đã được ấn định để chỉ cần

khoảng mười lăm phút là hoàn tất, y cố kéo dài thời gian tập trung càng lâu càng tốt, ở mức cố gắng cao nhất, mà quên rằng trong giai đoạn huấn luyện này y đang học *tập trung*, chứ không phải là tham thiền. Thế là y gặp rắc rối, bị suy nhược thần kinh, hoặc bị mất ngủ; thầy y bị trách cứ, và phương pháp này bị cho là nguy hiểm. Vậy mà từ đầu đến cuối, chính y là người có lỗi.

Khi xảy ra một số rắc rối sơ khởi này, người môn sinh nên tạm ngưng hoặc giảm bớt tham thiền. Nếu tình trạng không đến nỗi nghiêm trọng khiến phải hoàn toàn ngưng thực hành, thì cần quan sát kỹ xem dòng năng lượng lưu nhập đường như đi đến nơi nào (trong cơ thể). Trong khi tham thiền, hành giả chạm đến năng lượng, và nó sẽ tìm đường đi đến một bộ phận nào đó trong cơ thể.

Đối với mẫu người *tri tuệ*, hoặc trong trường hợp những người đã khá dễ dàng “tập trung tâm thức” bên trong đầu, thì 256 chính các tế bào não trở nên bị kích thích quá độ, gây nhức đầu, mất ngủ, cảm giác bị đầy, hoặc có rung động xáo trộn ở vùng giữa hai mắt hay vùng đỉnh đầu. Đôi lúc hành giả thấy ánh sáng chói, như tia chớp hay tia lửa điện, khi nhắm mắt, cả ở chỗ tối và chỗ sáng.

Trong các trường hợp này, cần giảm thời gian tham thiền từ mười lăm phút xuống năm phút, hoặc thực hành tham thiền hai ngày một lần, cho đến khi tế bào não đã điều chỉnh thích ứng với nhịp điệu mới và sự kích thích gia tăng. Không có gì phải lo ngại, nếu người môn sinh biết phán đoán một cách khôn ngoan, và theo đúng lời khuyên của thiền sư. Nếu bấy giờ người môn sinh lại đẩy mạnh tham thiền, gia tăng thời lượng, thì y có thể gây ra cho mình nhiều điều rắc rối. Một lần nữa, dùng lương tri để xem xét vấn đề, giảm thời lượng, và chỉ thực hành trong thời gian ngắn mỗi ngày, sẽ giúp hành giả sớm trở lại tham thiền với mức bình thường.

Chúng tôi đã có những môn sinh mắc phải trường hợp này, nhưng khi theo đúng các qui tắc được đề nghị và sự phán đoán của lương tri, nay họ đang hành thiền ba mươi phút hay một giờ mỗi ngày.

Với mẫu người *tình cảm*, trước hết họ cảm nhận sự khó khăn, rắc rối ở vùng nhật tùng (đơn điền). Người môn sinh thấy mình dễ bực bội, âu lo và ưu phiền. Đặc biệt là phụ nữ có thể phát triển tính khí dễ la mắng. Đôi khi cũng có khuynh hướng buồn nôn, vì giữa bản tính tình cảm và dạ
257 dày có sự liên quan mật thiết. Bằng chứng là người ta thường nôn mửa khi bị sốc, kinh sợ, hay xúc động mạnh. Ở đây cũng áp dụng các qui tắc như trong trường hợp đầu :- dùng lương tri và tiến hành quá trình tham thiền một cách thận trọng và chậm rãi hơn.

Một kết quả khác của sự kích thích quá độ là người môn sinh thấy mình trở nên quá nhạy cảm. Các giác quan hoạt động quá mức với phản ứng nhạy hơn bình thường. Họ “cảm nhận” tình trạng thể chất hay tâm lý của những người họ sống chung. Họ thấy mình “rộng mở” đón nhận tư tưởng và tình cảm của người khác. Cách chữa trị cho trường hợp này không phải là giảm bớt thời gian tham thiền. Người môn sinh cứ tiếp tục tham thiền theo thời biểu, nhưng cần quan tâm nhiều hơn đến phương diện trí tuệ trong cuộc sống, đến thế giới tư tưởng, đến một vấn đề hay môn học có khuynh hướng phát triển trí năng, và tạo khả năng sống (tập trung ý thức) bên trong đầu, chứ không ở trong khu vực xúc cảm. Tập trung quan tâm về cuộc sống và những vấn đề khó khăn trong đời sống, và một chức nghiệp hay nghề nghiệp với hoạt động trí tuệ tích cực sẽ là cách chữa trị hữu hiệu. Vì lý do này mà các vị thiền sư sáng suốt đều cho môn sinh tham thiền song hành với việc đọc và nghiên cứu một số tài liệu để họ duy trì sự thăng bằng. Luôn luôn cần phải phát triển đồng đều, đầy đủ

trong mọi phương diện, và hành giả cần có trí tuệ được rèn luyện tốt kèm theo sự phát triển đời sống tinh thần.

Cũng không nên bỏ qua loại kết quả bất hảo thứ ba. Nhiều môn sinh hành thiên than phiền rằng tình dục nơi họ đã bị kích thích quá mạnh, gây ra cho họ không ít khó khăn.

258 Chúng tôi đã giúp đỡ một số trường hợp thuộc loại này. Khi xem xét, người ta thường thấy các môn sinh vừa kể là những người có thú tính rất mạnh, đã có sinh hoạt tình dục quá nhiều và không điều độ, hoặc có nhiều tư tưởng tình dục, cho dù họ kiểm soát được hoạt động thân xác. Họ thường bị phức cảm mạnh về tình dục trong trí, và những ai thường chê trách các sinh hoạt tình dục không bình thường hoặc cuộc sống truy lạc, thì để cho tâm trí họ chất chứa những chuyện tình dục, hoặc thường bàn cãi về tình dục khiến cho nó choán một phần không thích đáng trong sinh hoạt tư tưởng của mình.

Một số người rất đáng trọng cũng đã tin chắc rằng luôn luôn phải sống độc thân mới có thể tiến bộ trên đường tinh thần. Có thể đúng hay chẳng cuộc sống độc thân thánh thiện đích thực mà các qui luật xưa nhắm tới là liên quan đến **thái độ của linh hồn**, hoặc con người tinh thần, đối với mọi điều trần tục trong cõi đời này, như đã nói trong các Thánh kinh Thiên Chúa giáo ? Có phải chẳng độc thân thánh thiện đúng nghĩa là tránh mọi sự biểu hiện của điều quấy ? Với một người, thái độ này có thể là tránh mọi quan hệ tình dục để tự chứng tỏ cho mình thấy khả năng chế ngự thú tính. Với những trường hợp khác, có thể là ví dụ như cần phải tránh mọi sự nói hành thiên hạ và những lời lẽ xấu xa. Trong hôn nhân không có điều gì tội lỗi, và hôn nhân có thể là cách giải toả cho những người mà nếu không kết hôn họ sẽ chất chứa nhiều tư tưởng không tốt về tình dục. Đương nhiên không cần phải nói thêm rằng người môn sinh hành thiên chân thực

không nên sống buông thả với các quan hệ tình dục bừa bãi hay phi pháp. Người chí nguyện hướng đến cuộc sống tinh thần không những tuân hành các định luật của cõi giới tinh thần mà còn theo đúng các thuần phong mỹ tục đã hợp pháp hoá trong thời kỳ và thời đại của mình. Vì thế, y điều tiết cuộc sống hằng ngày của mình ở cõi trần thế nào để người bình thường cũng có thể nhận thức được tính cách đạo đức, chính trực và đúng đắn trong những điều y trình bày cho thế gian. Một mái ấm gia đình đặt trên mối quan hệ thành thực và hạnh phúc giữa đôi nam nữ, dựa vào sự tin cậy, hợp tác và thông cảm lẫn nhau, trong đó những nguyên lý của đời sống tinh thần được chú trọng, là một trong những sự trợ giúp tốt đẹp nhất cho thế giới vào thời gian hiện nay. Một mối quan hệ dựa vào sự hấp dẫn thân xác và thoả mãn dục tình, lấy đó làm mục đích chính, bán rẻ bản chất xác thân cho ham muốn thú tính, thì đó quả là điều xấu xa và sai quấy vậy. Nếu chúng ta đặt mục tiêu cố gắng là biểu dương Đấng Thượng Đế hằng hữu nội tại trong hình thể, thì không cấp độ tâm thức nào thực sự thiêng liêng hơn một cấp độ khác, và thiên tính có thể được phát biểu trong tất cả các mối liên giao của nhân loại. Nếu một người nam hay nữ đã kết hôn không thể được khai ngộ và không thể đạt mục đích, thì chắc hẳn có một điều gì đó sai lầm, vì thế mà thiên tính không thể tự phát biểu ít nhất là trên một cảnh giới biểu hiện nào đó. Những lời sau đây nghe có vẻ thất kính nhưng giúp chúng ta hiểu rõ hơn những điều nói trên : Bấy giờ Thượng Đế bị thất bại ở một phần trong Vương quốc của Ngài.

Điểm này được bàn chi tiết hơn vì có quá nhiều người, đặc biệt là phái nam, nhận thấy rằng khi họ bắt đầu tham thiền thì thú tính nổi lên đòi hỏi họ phải chú ý. Họ khám phá ra những dục vọng chưa được kiểm chế bên trong chính mình, cùng với những ảnh hưởng về mặt sinh lý gây cho họ nhiều

- 260 khó khăn, rắc rối và nản lòng. Một người có thể có đạo tâm cao và ước vọng mạnh mẽ hướng về sinh hoạt tinh thần, nhưng còn một số phương diện trong tâm tính của mình vẫn chưa được kiểm soát. Năng lượng đi vào trong khi tham thiền, tuôn xuống qua cơ thể và kích thích toàn cả bộ máy sinh dục. Điểm yếu bao giờ cũng bị phát hiện và kích thích. Có thể tóm tắt cách chữa trị tình trạng này là :- kiểm soát tư tưởng và siêu hóa. Hành giả cần bồi dưỡng sự quan tâm và chú ý mạnh mẽ có sẵn trong trí theo những chiều hướng khác, hơn là lối đi dễ dàng nhất - là tình dục. Hành giả cần luôn luôn cố gắng giữ năng lượng đã tiếp xúc được trong đầu, và thể hiện năng lượng này qua một loại hoạt động sáng tạo nào đó. Giáo huấn Đông phương cho biết rằng năng lượng, vốn thường hướng đến hoạt động tình dục, phải được nâng lên các luân xa đầu và cổ họng, đặc biệt là luân xa cổ họng, vì chúng ta được biết rằng đây là trung tâm hoạt động sáng tạo. Nói theo thuật ngữ Tây phương, điều này có nghĩa là chúng ta học cách siêu hóa năng lượng sinh sản hoặc những tư tưởng về tình dục, và sử dụng năng lượng này để sáng tác văn chương, nghệ thuật, hoặc trong một số sinh hoạt tập thể. Khuynh hướng trong thời buổi hiện nay khiến cho những người chuyên chú suy tưởng và mẫu người hoạt động thuần trí tuệ không thích kết hôn, và họ thường sống hoàn toàn độc thân. Điều này có thể chứng minh cái chân lý đã biết ở Đông phương, và gây nên nhiều quan ngại cho những người đang nghiên cứu lý do tại sao tỉ lệ sinh con lại sụt giảm ở một số nước. Sự siêu hoá
- 261 không nhất thiết là huỷ bỏ một hoạt động hoặc làm ngưng dứt một tính năng ở một cấp độ ý thức nào đó để nhường chỗ cho một cấp khác cao hơn. Đây là việc sử dụng đúng những khía cạnh khác nhau của năng lượng ở bất cứ nơi nào mà Chân ngã thấy nên dùng để xúc tiến các mục tiêu tiến hoá và trợ giúp Thiên Cơ. Chúng ta nên dùng trí tuệ, đã được linh

hồn soi sáng, để làm nhân tố kiểm soát, và khi chúng ta suy nghĩ đúng, sống đúng đắn, và nâng cao toàn bộ các tư tưởng và năng lượng của mình lên “những tầm mức Thiên liêng” thì chúng ta sẽ giải quyết được những vấn đề khó khăn của mình bằng cách phát triển thái độ bình thường về mặt tinh thần, là điều hết sức cần thiết trong thời gian hiện nay, đặc biệt là trong số những người tìm đạo và các môn sinh huyền bí học.

Trước khi kết thúc chương này, cũng cần nên đề cập đến những nguy hiểm mà nhiều người phải chịu khi họ làm theo lời của những người thầy khuyên học trò “ngồi thiền để mong phát triển.” Rồi họ dạy môn sinh tham thiền về một trung tâm năng lượng (luân xa), thường là luân xa nhật tùng (đơn điền), đôi khi dạy về luân xa tim, nhưng điều kỳ lạ là không bao giờ dạy về luân xa đầu. Tham thiền về một luân xa là dựa vào định luật “năng lượng đi theo tư tưởng”, và đưa đến sự kích thích trực tiếp luân xa đó và kết quả là làm phát lộ những đặc tính sẵn có trong các tụ điểm năng lượng này, ở vị trí rải rác trong khắp cơ thể. Vì phần đông mọi người hoạt động chủ yếu qua tập hợp các năng lượng nằm ở dưới cơ hoành (như các năng lượng tính dục và năng lượng tình cảm) nên việc kích thích các năng lượng này là điều hết sức nguy hiểm. Vì lý do đó, tại sao chúng ta lại đặt mình vào tình trạng rủi ro ? Tại sao chúng ta không lắng nghe lời khuyên cáo qua kinh nghiệm của người khác ? Tại sao chúng ta không học cách hoạt động với tư cách con người tinh thần từ điểm

262 thường được các tác giả ở Đông phương gọi là “chiếc ngai giữa hai chân mày,” và từ vị thế cao này kiểm soát tất cả mọi phương diện của phàm tính, và hướng dẫn cuộc sống hàng ngày của mình theo đường lối của Thượng Đế ?

KẾT LUẬN

*“Tinh thần ở nội tâm là Thượng Đế Ngồi Hai từ xưa đã mất,
Mà thế gian mãi khẩn cầu trong đôn đau chất ngát
Qua thế giới ngôn từ trống rỗng và phù phiếm văn chương.
Khi bóng đêm và ánh sáng còn xen lẫn, vẩn vơ,
Sẽ không bao giờ thế gian thôi tìm Ngài và ngưng đau khổ,
Cũng không bao giờ người đời được chữa lành vết thương
từ vụn vỡ
Khi phần thể chất Ngài tạo nên chưa hợp nhất với linh
hồn mà Ngài đã sản sinh !”*

ARTHUR EDWARD WAITE

KẾT LUẬN

265 TOÀN BỘ cố gắng của chúng ta nhắm đến kết quả gì ? Sự thoả mãn cá nhân hay là cõi trời hạnh phúc để an nghỉ và vui hưởng phúc lạc đời đời ? Mong sao đừng có sự ham muốn đó ! Nỗ lực tìm kiếm trên thế giới đang tiếp diễn. Tiếng kêu cầu của nhân loại nổi lên từ những nơi sâu thẳm dâng lên đến ngòi của Đấng Chí tôn. Khi đã phấn đấu và đạt đến trung tâm Thánh điện Thiên liêng, chúng ta trở lại và làm việc cho thế gian. Chúng ta không hề thôi cố gắng cho đến khi người tìm chân lý cuối cùng trong đời đã tìm thấy con đường trở lại quê hương.

Điều gì sẽ cứu vớt thế giới này khỏi tình trạng đau thương, khốn khổ về kinh tế và xáo trộn hiện nay ? Điều gì sẽ dẫn đến Thời đại Mới của tình huynh đệ và sinh hoạt tập thể ? Những ai, hoặc điều gì sẽ cứu rỗi thế gian ? Có phải chăng đó là sự xuất hiện và hoạt động tích cực của một tập thể các nhà thần bí thực hành, họ họp đoàn trong ý thức hợp nhất thiên liêng, và làm việc theo những đường lối thực tế ở thế gian ? Họ sẽ không rút lui vào các thiền viện hay những nơi cô tịch trên thế giới, cho dù điều đó có vẻ hấp dẫn đến đâu, mà sẽ tham gia vào cuộc sống đời thường trên hành tinh này. Họ sẽ là các viên chức điều hành kinh doanh trong những thành phố lớn. Họ sẽ xúc tiến các chương trình trong chính trường. Họ sẽ hướng dẫn giới trẻ đi theo những con đường giáo dục

đúng đắn. Họ sẽ kiểm soát vận mệnh các quốc gia, xã hội, và các nền kinh tế. Họ sẽ làm tất cả những điều này từ tâm điểm sự sống trong họ và theo lập trường của linh hồn. Họ sẽ
 266 biết bí quyết của sự giác ngộ. Họ sẽ biết cách giao phó tất cả những vấn đề khó khăn cho sự toàn tri của linh hồn giải quyết, và sẽ biết bí quyết của cuộc sống khiến cho mọi người nhìn nhau là anh em.

Họ công nhận tất cả những người họ gặp đều là Con của Thượng Đế, nhưng họ cũng biết dấu hiệu của những người đã khai ngộ để cùng làm việc cho phúc lợi chung. Họ tìm thấy nhau nhờ năng lực thần giao cách cảm, và vì thế mà có thể làm việc, cộng tác chặt chẽ với nhau.

Tập thể này đã và đang hiện hữu và các thành viên trong nhóm đều có liên giao mật thiết với nhau. Họ có mặt trong mọi nước trên thế giới, nhưng hằng ngày họ vẫn gặp nhau trên cõi giới của linh hồn. Họ nói lên tiếng nói chung, và có cùng lý tưởng phụng sự nhân loại. Họ không thù ghét, tạo sự đố kỵ giữa các đảng cấp trong xã hội, không phân chia kỳ thị chủng tộc, và thấy được thực tính của sự vật. Họ không phải là những nhà lý tưởng ngông cuồng, mà tập trung vào bước kế tiếp mà nhân loại phải đi tới, chứ không chú ý đến những giai đoạn sau cùng trong công cuộc phát triển của con người. Họ làm việc với sự khôn ngoan của thế gian cũng như sự thấu hiểu tinh thần. Trên hết mọi sự, họ cùng nhau làm việc và giao tiếp với nhau qua khả năng nhận thức thống nhất tinh thần.

Tập thể hòa nhập các nhà thần bí và thức giả này là niềm hy vọng của thế giới, là Tập thể Cứu thế. Họ vượt lên trên mọi tín ngưỡng, mọi khoa thần học, và làm việc trong mọi lĩnh vực thành tựu của nhân loại – khoa học, tôn giáo, chính trị, giáo dục và triết học. Họ không bận tâm đến các
 267 thuật ngữ, hoặc phí thời gian tìm cách áp đặt cho kẻ khác những học thuyết mình ưa thích, những đặc ngữ hoặc khẩu

hướng chân lý của riêng mình. Họ thừa nhận chân lý ẩn trong tất cả những điều được trình bày, và chỉ quan tâm đến các nguyên lý của tình huynh đệ, chú trọng vào những điều chính yếu và sống cuộc đời tinh thần trong thế giới đời thường.

Họ biết ý nghĩa của tham thiền và hiện đang làm việc với chúng ta. Vì thế mà chúng ta có niềm vui gia nhập hàng ngũ của họ bằng cách cố gắng theo đúng kỹ thuật tham thiền, giữ giới luật bản thân trong cuộc sống đúng đắn hằng ngày, và đi theo động cơ thuần khiết là PHỤNG SỰ.

TRƯỜNG ARCANE

Cung ứng cuộc huấn luyện
trên Đường Đạo trong Kỷ
nguyên Mới.

Các nguyên lý của nền Minh
triết Ngàn đời được trình bày
thông qua tham thiền nội môn,
học hỏi, nghiên cứu và phụng
sự, như *một lối sống*.

*Cần thêm chi tiết xin liên lạc với nhà
xuất bản hoặc đến viếng Website:
www.lucistrust.org*

** Ghi chú của người dịch:*

☐Trang 'Đại Thỉnh nguyện': Đức Chương giáo là Đấng Cao cả có nhiều danh hiệu trong các tôn giáo trên thế giới:

Ngài là Đức Christ của Thiên Chúa giáo, là Đức Di Lạc của Phật giáo, Đức Maitreya của Ấn giáo, và là Đức Imam Mahdi của Hồi giáo...

☐Các số ở kế bên lề trái là số trang bản gốc tiếng Anh để độc giả tiện tham khảo.

** Mong được độc giả góp ý và nêu những điểm sai, sót (nếu có).*

Xin cảm ơn.

Thư từ liên lạc:

E-mail: giadinhphanle@yahoo.com